

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

QUÁCH THỊ HỒNG NGÂN

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI
CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI - 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

QUÁCH THỊ HỒNG NGÂN

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO
DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI
CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9380106

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. HOÀNG VĂN NGHĨA



2. PGS.TS. TRẦN THỊ DIỆU OANH



HÀ NỘI - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng đây là kết quả nghiên cứu do chính tôi thực hiện. Toàn bộ số liệu và kết quả trình bày trong luận án đều đảm bảo tính trung thực, có căn cứ rõ ràng và được trích dẫn đúng theo quy định hiện hành.

Tác giả luận án



Quách Thị Hồng Ngân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	11
1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước	11
1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước	29
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề đặt ra cần nghiên cứu	39
1.4. Giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu	42
Chương 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI	47
2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới	47
2.2. Các thành tố cấu thành của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới	62
2.3. Các điều kiện bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực biên giới	77
2.4. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới ở một số nước trên thế giới và giá trị tham khảo cho Việt Nam	80
Chương 3: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM	94
3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam	94
3.2. Thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam	118
Chương 4: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM	159
4.1. Dự báo tình hình giáo dục pháp luật trong bối cảnh mới	159
4.2. Quan điểm bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc	163
4.3. Giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc các tỉnh biên giới Tây Bắc	170
KẾT LUẬN	185
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	186
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	187
PHỤ LỤC	199

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 3.1. Dân số và diện tích các tỉnh biên giới Tây Bắc Việt Nam	100
Bảng 3.2. Số lượng báo cáo viên các cấp tại các tỉnh biên giới Tây Bắc (số liệu năm 2021 - 2022)	127
Bảng 3.3. Nội dung pháp luật mà đồng bào quan tâm	138
Bảng 3.4. Đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức giáo dục pháp luật	143
Bảng 3.5. Phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật được cho là phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	144

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 3.1. Thành phần báo cáo viên tham gia thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật	126
Hình 3.2. Trình độ học vấn của báo cáo viên	128
Hình 3.3. Các cách giải quyết khi người được hỏi gặp sự việc đòi hỏi kiến thức, hiểu biết pháp luật	134
Hình 3.4. Các sự kiện pháp lý mà người được hỏi từng gặp phải và giải quyết	137
Hình 3.5. Đánh giá mức độ đáp ứng của hoạt động giáo dục pháp luật thực hiện tại địa phương	144
Hình 3.6. Tính đáp ứng của các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật	148
Hình 3.7. Tiêu chí thực hiện các buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	149
Hình 3.8. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	153

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ANTV	:	Truyền hình an ninh
BPS	:	The Bar Passage Study
CTXH	:	Công tác xã hội
DTTS	:	Dân tộc thiểu số
DTTS&MN	:	Dân tộc thiểu số và miền núi
GD&ĐT	:	Giáo dục và Đào tạo
GDPL	:	Giáo dục pháp luật
KT - XH	:	Kinh tế - Xã hội
NAGPRA	:	Luật Bảo vệ và Hồi hương Mộ táng Người Mỹ bản địa
NGO	:	Tổ chức phi chính phủ
UBND	:	Ủy ban nhân dân
UN	:	Liên hợp quốc
UNDP	:	Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc
USAID	:	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
XHCN	:	Xã hội Chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Sau gần bốn thập kỷ tiến hành công cuộc đổi mới và hơn ba thập kỷ triển khai thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (ban hành năm 1991, được bổ sung và phát triển vào năm 2011), quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - do Nhân dân làm chủ, vì lợi ích của Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng - đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận và mang tính nền tảng. Bên cạnh đó, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ ở nước ta vẫn còn một số hạn chế, bất cập, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, quản lý và bảo vệ đất nước trong tình hình mới. Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII đã ban hành Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Nhiệm vụ, giải pháp đầu tiên Nghị quyết 27 đề cập đến là “Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, trong đó có nội dung: “Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Hiến pháp và pháp luật, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và yêu cầu, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.”

Giáo dục pháp luật (GDPL) được xem là bước khởi đầu trong quá trình thực thi pháp luật, đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một xã hội pháp quyền dân chủ và củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa. Việc phổ biến GDPL cho người dân, đặc biệt là các nhóm đối tượng đặc thù như cư dân vùng biên giới, khu vực kinh tế đặc biệt khó khăn,... là một chủ trương lớn của Đảng, được các cấp chính quyền chú trọng triển khai trong thực tế.

Sự ra đời của Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam bước vào giai đoạn

phát triển mới, đòi hỏi hoàn thiện thể chế pháp luật để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết xác định rõ pháp luật là công cụ trọng yếu trong quản trị quốc gia, từ đó định hướng đổi mới toàn diện cả quá trình xây dựng và thi hành pháp luật. Điều này tạo cơ sở chính trị vững chắc để nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân - nhất là ở những địa bàn đặc thù như vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa - nhằm góp phần bảo đảm quyền con người, giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững trong kỷ nguyên mới.

Người dân vùng biên giới, nơi biên cương được xem như “phên giậu, thành trì” khẳng định chủ quyền và bảo vệ sự bình yên của Tổ quốc. Đây mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục để đồng bào hiểu rõ quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quyền và nghĩa vụ công dân và bản chất tốt đẹp của chế độ. Qua đó, cung cấp tri thức, trang bị kỹ năng, củng cố niềm tin, giúp đồng bào nhận thức được quyền, ý nghĩa, giá trị của các quyền, biết tự bảo vệ quyền lợi của mình. Từ đó, có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, từng bước loại bỏ nhận thức sai và tự giác điều chỉnh hành vi nhằm hạn chế vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết; tôn trọng phẩm giá, các quyền và tự do của người khác; biết nhận diện và chống lại âm mưu, thủ đoạn kích động, gây tâm lý thù hận, chia rẽ dân tộc của các thế lực thù địch.

Tây Bắc Việt Nam giữ vai trò quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và được xem là vùng chiến lược, phen dậu của quốc gia. Khu vực này là nơi sinh sống của 42 dân tộc anh em, trong đó có 20 dân tộc với dân số trên 500 người, thuộc 7 nhóm ngôn ngữ khác nhau. Trong thời gian qua, công tác giáo dục pháp luật (GDPL) tại Tây Bắc đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết, tỷ lệ người mắc tệ nạn xã hội và tội phạm về ma túy vẫn ở mức cao. Điều này đòi hỏi GDPL tại Tây Bắc phải có mục tiêu và giải pháp phù hợp với đặc thù khu vực, đặc biệt là đối tượng cư dân vùng biên giới, nhằm nâng cao nhận thức pháp luật và góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

GDPL là chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều học giả trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về GDPL dành cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới tại Tây Bắc Việt Nam.

Ngoài ra, công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực biên giới Tây Bắc vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả và khả năng lan tỏa của pháp luật trong đời sống xã hội vùng sâu, vùng xa.

Trước hết, một bộ phận cấp ủy và chính quyền địa phương vẫn chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số, dẫn đến việc thiếu quan tâm trong chỉ đạo thực hiện, chưa chú trọng đầu tư nguồn lực cũng như chưa xây dựng được các giải pháp đồng bộ, hiệu quả. Ngoài ra, nội dung tuyên truyền pháp luật còn khô cứng, mang tính áp đặt, chưa gắn với đặc điểm văn hóa, phong tục và trình độ dân trí của từng cộng đồng dân tộc. Việc thiếu vắng tài liệu bằng song ngữ, cùng với cách thức truyền đạt còn mang tính hành chính, ít tương tác, chưa huy động hiệu quả vai trò của các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng... cũng là những yếu tố làm hạn chế sức lan tỏa và hiệu quả bền vững của hoạt động giáo dục pháp luật ở vùng dân tộc thiểu số.

Mặt khác, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở cơ sở còn thiếu và yếu về chuyên môn, kỹ năng sư phạm pháp luật; chưa được đào tạo bài bản, thiếu cơ chế đãi ngộ và hỗ trợ nên hiệu quả tuyên truyền không cao. Cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp trong thực hiện GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số chưa rõ ràng, thiếu gắn kết, đôi khi còn chồng chéo. Trong khi đó, địa bàn vùng biên giới Tây Bắc rộng, giao thông cách trở, điều kiện kinh tế khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số sống rải rác, trình độ dân trí không đồng đều cũng là trở ngại lớn trong việc tổ chức các hoạt động tuyên truyền pháp luật một cách hiệu quả, đồng bộ.

Những hạn chế trên dẫn đến thực tiễn đặt ra là hoạt động GDPL ở khu vực này chưa thực sự thấm sâu vào đời sống cộng đồng, chưa phát huy được vai

trò công cụ điều chỉnh xã hội của pháp luật, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước, giữ gìn an ninh, trật tự và phát triển bền vững vùng biên giới Tây Bắc. Điều này đòi hỏi phải có sự đổi mới căn bản từ tư duy đến phương thức triển khai hoạt động GDPL phù hợp với đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Từ thực trạng nêu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài "***Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam***" trở thành đề tài luận án tiến sĩ luật học, thuộc chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu của luận án

Luận án thực hiện mục đích là nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn về GDPL cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc hiện nay, đề xuất quan điểm và các giải pháp bảo đảm GDPL cho nhóm đối tượng đặc thù này.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Luận án đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu của các đề tài về GDPL nói chung và cho đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc nói riêng; tổng quan nghiên cứu chỉ ra những kết quả mà các nghiên cứu trước đã đạt được và dự kiến những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu sắp tới.

- Nghiên cứu, cùng với đó làm sáng tỏ về cơ sở lý luận về GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực các tỉnh biên giới, bao gồm: Khái niệm, đặc điểm, vai trò và chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến GDPL tới đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới ở khu vực các tỉnh Tây Bắc.

- Luận án thực hiện việc nghiên cứu, làm sáng tỏ cơ sở thực tiễn GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, bám sát các đặc điểm về tự nhiên, điều kiện kinh tế, đặc sắc trong văn hóa, xã hội ở Tây Bắc, nhất là sự tác động của các yếu tố chủ quan, cũng như khách quan đến thực trạng GDPL ở Tây Bắc hiện nay.

- Dựa trên các vấn đề lý luận và thực tiễn được xác định, luận án xác định về mục tiêu, xây dựng các quan điểm và đề xuất các giải pháp bảo đảm GDPL cho đối tượng đồng bào các dân tộc thiểu số khu vực biên giới sinh sống tại các tỉnh Tây Bắc trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu được xác định là những vấn đề lý luận và thực tiễn về GDPL cho đồng bào là dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc Việt Nam dưới góc độ Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

Về phương diện lý luận, đề tài tập trung làm rõ bản chất, vai trò, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và phương pháp giáo dục pháp luật trong điều kiện đặc thù của khu vực biên giới Tây Bắc. Đồng thời, tiếp cận GDPL như một công cụ quan trọng để thực hiện chức năng giáo dục và tổ chức thực hiện pháp luật của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, qua đó khẳng định vai trò định hướng, dẫn dắt của pháp luật trong việc hình thành ý thức pháp lý và hành vi pháp luật của công dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế.

Về phương diện thực tiễn, đề tài tập trung khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng công tác giáo dục pháp luật tại khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc như: Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Sơn La. Đối tượng giáo dục pháp luật là đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm các nhóm cụ thể như: người dân, học sinh, phụ nữ, cán bộ công chức là đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống và làm việc tại các xã biên giới. Đồng thời, nghiên cứu những khó khăn, bất cập và nguyên nhân trong hoạt động GDPL tại khu vực này, từ đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách và mô hình tổ chức giáo dục pháp luật phù hợp với đặc thù văn hóa, ngôn ngữ, trình độ và điều kiện kinh tế - xã hội của từng nhóm dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới Tây Bắc.

Cách tiếp cận lý luận kết hợp với nghiên cứu thực tiễn giúp làm rõ vai trò, hiệu quả và định hướng cải cách của hoạt động GDPL, đóng góp thiết

thực cho quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, bảo đảm quyền tiếp cận pháp luật bình đẳng của mọi công dân.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Luận án có phạm vi nghiên cứu thể hiện, GDPL cho người dân là vấn đề rất rộng, do vậy, luận án chỉ nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc Việt Nam (bao gồm 04 tỉnh Tây Bắc có đường biên giới: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, và Lào Cai).

- Về phạm vi thời gian, luận án nghiên cứu có phạm vi về hoạt động GDPL từ năm 2017 đến nay. Việc lựa chọn nghiên cứu hoạt động giáo dục pháp luật (GDPL) trong phạm vi từ năm 2017 đến nay là cần thiết và hợp lý vì những lý do sau:

Thứ nhất, năm 2017 đánh dấu mốc quan trọng khi Luật Tiếp cận thông tin chính thức có hiệu lực (từ 01/7/2018) và các chương trình, đề án quốc gia về phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn mới được triển khai, đặc biệt là Đề án 1163/QĐ-TTg (2016-2021). Giai đoạn này mở ra cách tiếp cận mới trong công tác GDPL, nhấn mạnh quyền tiếp cận thông tin pháp luật của công dân, chuyển mạnh sang phương pháp truyền thông tương tác, ứng dụng công nghệ số và chú trọng các nhóm yếu thế như đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ hai, từ năm 2017 đến nay là giai đoạn có nhiều chuyển biến lớn về bối cảnh kinh tế - xã hội, đặc biệt là ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, quá trình chuyển đổi số quốc gia, và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg). Những thay đổi này tác động trực tiếp đến nội dung, phương pháp, hình thức cũng như hiệu quả của hoạt động GDPL, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Do đó, nghiên cứu giai đoạn 2017 đến nay cho phép đánh giá được những đổi mới trong chính sách, thực tiễn triển khai, cũng như các thách thức và khoảng

trông cần tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới đối với công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu này được thực hiện trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng với đường lối và quan điểm của Đảng về Nhà nước, pháp luật, cũng như giáo dục pháp luật (GDPL) nói chung và GDPL cho các nhóm đối tượng đặc thù tại Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu tiếp cận theo lý thuyết về quyền con người, trong đó nhấn mạnh về: Quyền tiếp cận thông tin và pháp luật; Quyền được giáo dục và học tập suốt đời; Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội; Quyền bình đẳng trước pháp luật; Quyền được bảo vệ trước pháp luật.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp logic - lịch sử để thực hiện nghiên cứu các chương 1, 2 và 3 với mục đích tổng quan tình hình nghiên cứu, đưa ra cơ sở lý luận và thực trạng giáo dục pháp luật (GDPL) tại Tây Bắc trong thời gian qua. Bên cạnh đó, các phương pháp hệ thống cấu trúc, quy nạp và diễn dịch được sử dụng trong chương 2, 3 và 4, cụ thể ở đây là thực hiện điều tra xã hội học gồm 3 mẫu phiếu là phiếu hỏi chuyên sâu; phiếu khảo sát lấy ý kiến báo cáo viên; và phiếu khảo sát lấy ý kiến người dân. Có tổng hợp sau

Với đối tượng người dân, số lượng 224 người, trong đó nam giới chiếm 57,1% (128 người), nữ giới chiếm 42,9% (96 người). Độ tuổi tham gia khảo sát chủ yếu là từ 20 đến 50 tuổi (83%). Với sự tham dự của đa dạng các dân tộc (7 dân tộc là Thái, Mường, Mông, Tày, Dao, Khơ Mú, Xinh-mun), trong đó dân tộc Mông chiếm số lượng đông nhất (53,6%) và người Khơ Mú ít nhất (1,7%).

Với đối tượng báo cáo viên, số lượng khảo sát là 200 người, trong đó nam giới chiếm 60% (120 người), nữ giới chiếm 40% (80 người). Độ tuổi tham gia khảo sát chủ yếu là từ 35 đến 50 tuổi (chiếm 60%). Khảo sát thực

hiện với sự tham gia của nhiều dân tộc, mang lại sự đa dạng trong ngôn ngữ tiếp cận tới người dân (Kinh, Dao, Mông, Nùng, Phù Lá, Thái, ...)

Phương pháp phân tích - tổng hợp được áp dụng xuyên suốt các chương, trong khi phương pháp khái quát hóa và trừu tượng hóa được sử dụng tại chương 2 và 3. Ngoài ra, luận án sử dụng phương pháp luật học so sánh trong chương 1 và 2, kết hợp với nghiên cứu tài liệu, phân tích thực tiễn và các phương pháp của xã hội học pháp luật trong chương 1, 2 và 3.

Nghiên cứu sinh sử dụng phương pháp dự báo khoa học tại Chương 4 với mục đích dự báo tình hình giáo dục pháp luật trong bối cảnh mới, đặc biệt là khi xã hội đang chịu tác động mạnh mẽ của quá trình số hóa và những biến đổi xã hội - kinh tế. Việc sử dụng phương pháp dự báo khoa học giúp đưa ra các kịch bản phát triển khả thi, phục vụ hoạch định chính sách cũng như xây dựng và đưa ra các giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian tới.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

Luận án là công trình chuyên khảo đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về giáo dục pháp luật (GDPL) cho đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc. Nghiên cứu này có những điểm mới nổi bật sau:

Thứ nhất, luận án đã lần đầu tiên xây dựng khái niệm "giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới" trên cơ sở tổng hợp, kế thừa và phát triển các quan điểm lý luận hiện có, gắn với điều kiện thực tiễn đặc thù của khu vực. Tác giả xác định đây không chỉ là hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung pháp luật mà còn là quá trình nâng cao nhận thức, hình thành ý thức pháp luật, bồi dưỡng kỹ năng pháp lý và tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng biên giới - nơi chịu tác động mạnh mẽ từ các yếu tố văn hóa, xã hội, ngôn ngữ và an ninh quốc phòng. Khái niệm này góp phần mở rộng phạm vi nhận thức và cách

tiếp cận mới trong nghiên cứu cũng như tổ chức thực hiện công tác GDPL tại những khu vực có tính đặc thù cao.

Thứ hai, luận án đã tiến hành phân tích, tổng hợp và xử lý dữ liệu thực tiễn một cách hệ thống về tình hình giáo dục pháp luật tại bốn tỉnh biên giới Tây Bắc gồm: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai và Sơn La. Thông qua khảo sát thực địa, nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn chuyên sâu và phân tích định tính, tác giả đã phác họa một bức tranh toàn diện về thực trạng GDPL tại khu vực này, làm rõ những kết quả đạt được, khó khăn, vướng mắc, những nguyên nhân từ cả khách quan lẫn chủ quan. Đây là đóng góp quan trọng giúp xây dựng cơ sở thực tiễn vững chắc cho các đề xuất cải tiến chính sách, mô hình, phương pháp tổ chức GDPL tại khu vực biên giới trong thời gian tới.

Thứ ba, luận án đã đưa ra những dự báo khoa học về xu hướng giáo dục pháp luật trong bối cảnh mới, đặc biệt là trong điều kiện chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng, và trước yêu cầu đặt ra từ các văn bản chỉ đạo mới như Nghị quyết số 66-NQ/TW năm 2025 của Bộ Chính trị. Tác giả nhận định rằng công tác GDPL sẽ tiếp tục chuyển hướng mạnh mẽ sang việc lấy người học làm trung tâm, ứng dụng công nghệ số, đồng thời lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội mà nước đã ban hành, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn an ninh biên giới. Những phân tích này không chỉ có giá trị lý luận mà còn là cơ sở định hướng thực tiễn trong giai đoạn mới.

Thứ tư, trên nền tảng lý luận và thực tiễn đã xây dựng, luận án đề xuất hệ thống các nhóm giải pháp mang tính khả thi và bền vững nhằm nâng cao hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới Tây Bắc. Ngoài các giải pháp chung cho GDPL các tỉnh biên giới, luận án còn đưa ra nhóm giải pháp cụ thể về nâng cao hiệu quả công tác GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc và đề xuất một số kiến nghị. Các đề xuất không chỉ cụ thể, phù hợp với đặc điểm vùng miền, mà còn mang tính gợi mở cho việc nghiên cứu và triển khai GDPL tại các vùng dân tộc thiểu số khác trên cả nước.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Luận án là công trình khoa học đầu tiên tại Việt Nam nghiên cứu một cách tương đối toàn diện và có hệ thống về cơ sở lý luận và thực tiễn của giáo dục pháp luật (GDPL) cho đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc. Nghiên cứu này góp phần bổ sung vào hệ thống lý luận chung về GDPL, đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách, pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện GDPL đối với nhóm đối tượng và địa bàn đặc thù. Đây cũng là tài liệu tham khảo quan trọng cho các cơ quan hoạch định chính sách và quản lý nhà nước trong việc triển khai GDPL tại Tây Bắc cũng như các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

- Luận án có thể đóng vai trò là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích trong việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến công tác giáo dục pháp luật, đặc biệt đối với những địa bàn và nhóm đối tượng có tính đặc thù. Bên cạnh đó, nội dung luận án có thể được sử dụng phục vụ giảng dạy các học phần như Nghiệp vụ giáo dục pháp luật, Lý luận chung về nhà nước và pháp luật tại các cơ sở đào tạo, nghiên cứu. Ngoài ra, đây còn là tài liệu phù hợp cho các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và kỹ năng trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật

7. Kết cấu của luận án

Luận án có phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục; nội dung chính của luận án gồm 4 chương, 13 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.1.1. Các công trình khoa học nghiên cứu về giáo dục pháp luật

**Sách*

Tác giả Trần Viết Lưu (2012) với cuốn sách *“Phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông”* [52] đã làm rõ mối quan hệ và sự tác động qua lại giữa giáo dục pháp luật và kỹ năng sống cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Cuốn sách cũng chỉ rõ: các tệ nạn xã hội, tình trạng bạo lực học đường đang diễn ra hết sức phức tạp trong xã hội nói chung, trong các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông nói riêng thì giải pháp, yêu cầu cơ bản để phòng, chống tình trạng trên là cần tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật với những nội dung, hình thức và phương pháp phù hợp với đặc thù, đặc điểm về độ tuổi, tâm lý của học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông. Theo đó, để nâng cao ý thức pháp luật và xây dựng lối sống theo pháp luật cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông thì phải thực hiện tốt công tác tổ chức thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật; từ đó, ý thức pháp luật sẽ dần được hình thành, là cơ sở để các em học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông sẽ chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và thực hiện tốt lối sống theo pháp luật trong đời sống hàng ngày.

Tác giả Lê Thị Phương Nga (2018) với cuốn *“Giáo dục pháp luật cho trẻ em ở Việt Nam hiện nay”* [6363]. Cuốn sách thể hiện nhiều cách tiếp cận có nhiều tính mới về giáo dục pháp luật cho trẻ em, phù hợp với bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, bảo vệ quyền con người và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay. Nội dung cuốn sách gồm ba phần cơ bản là: Những vấn đề lý luận cơ bản về giáo dục pháp luật cho trẻ em; và các quan điểm, giải pháp bảo đảm chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho trẻ em. Một trong những điểm mới

chủ yếu và cũng đồng thời là điều kiện quan trọng bảo đảm chất lượng, hiệu quả của giáo dục pháp luật cho trẻ em đó là việc lồng ghép các loại hình giáo dục như giáo dục pháp luật, giáo dục đạo đức, giáo dục quyền con người và kỹ năng sống cho trẻ em. Các nhóm giải pháp cơ bản về bảo đảm chất lượng, hiệu quả giáo dục pháp luật cho trẻ em được đề cập cũng sẽ góp phần quan trọng vào sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục và đào tạo nước nhà trong giai đoạn hiện nay.

**Đề tài khoa học*

Đề án "Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật Ngành văn hóa, thể thao và du lịch giai đoạn 2022 - 2026". Được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai, đề án này nhằm cải thiện công tác giáo dục pháp luật trong ngành, đặc biệt là đối với các đối tượng đặc thù như đồng bào dân tộc thiểu số và cộng đồng vùng sâu, vùng xa. Đề án tập trung vào việc xây dựng các chương trình đào tạo và tuyên truyền pháp luật qua các hình thức như hội thảo, lớp học, và các chương trình truyền hình, nhằm nâng cao nhận thức của người dân về các quyền và nghĩa vụ pháp lý. Đặc biệt, các phương pháp tiếp cận đã được tối ưu hóa để phù hợp với phong tục, tập quán và ngôn ngữ của từng cộng đồng dân tộc.

**Các đề tài nghiên cứu*

Nghiên cứu về định hướng đổi mới dạy học giáo dục pháp luật theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở trường trung học phổ thông của nhóm tác giả Nguyễn Thị Hoàng Lan và Nguyễn Mai Anh (2021) đã nhận định lại môn học về giáo dục pháp luật ở cấp trung học phổ thông có tên gọi là Giáo dục kinh tế và pháp luật [43]. Môn học này được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của học sinh. Nhóm tác giả nhận thấy, trong Chương trình mới, môn học có những thay đổi căn bản và toàn diện về nội dung giáo dục, đặc biệt là nội dung giáo dục pháp luật. Bằng phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp vấn đề, bài viết tập trung làm sáng tỏ những nội dung giáo dục pháp luật mới trong môn học, đưa ra một số nhận xét, đánh giá về tính phù hợp và những vấn đề đặt ra khi áp dụng Chương

trình môn học mới. Từ những phân tích này, nghiên cứu đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật trong dạy học Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông.

Lê Minh Sang, Lê Hoài Nam (2021) nhận định, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho các cộng đồng dân cư là một hoạt động tiêu biểu trong khuôn khổ của chương trình giáo dục pháp luật thực hành tại các trường luật trên thế giới. Tại Việt Nam, các chương trình giáo dục pháp luật thực hành cũng đã chính thức được triển khai tại nhiều cơ sở giáo dục đào tạo Luật khắp cả nước từ những năm 2010. Bên cạnh mục tiêu phổ biến, giáo dục pháp luật cho cộng đồng, chương trình giáo dục pháp luật thực hành góp phần rất lớn trong việc củng cố kiến thức chuyên ngành luật, trau dồi các kỹ năng mềm cần thiết cho đối tượng sinh viên tham gia chương trình. Tính đến thời điểm hiện tại, chương trình giáo dục pháp luật thực hành đạt được những thành công nhất định trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho cộng đồng. Tuy nhiên, về tiềm lực phát triển của chương trình trong thời gian tới vẫn còn rất nhiều nhưng chưa được triển khai một cách mạnh mẽ. Chính vì thế, bài viết này trình bày tổng quan về nguồn gốc, nội dung của chương trình giáo dục pháp luật thực hành cũng như phân tích thực trạng triển khai chương trình này tại Việt Nam trong thời gian qua. Từ đó, đề ra ý tưởng giải pháp thúc đẩy chương trình này như là một thành phần kết nối với chính sách xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 [70].

Hình thức giáo dục pháp luật cũng được nghiên cứu và đưa ra qua các nghiên cứu việc phổ biến qua các phương tiện truyền thông, như nghiên cứu của Nguyễn Thị Việt Anh (2015) [3] về Truyền hình Hải Phòng với vấn đề truyền thông giáo dục pháp luật; hay Nguyễn Tuấn Việt (2015) [94] về Tuyên truyền giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên trên kênh VTV6; hay nghiên cứu của Quách Thị Quế (2022) [69] về Vấn đề giáo dục pháp luật trên kênh Truyền hình Công an nhân dân. Các nghiên cứu này đều nghiên cứu, thực trạng của các chương trình giáo dục pháp luật trên sóng Đài Truyền hình Việt

Nam, song địa phương hiện nay. Các nghiên cứu đưa ra ý nghĩa và vai trò cần thiết của các chương trình giáo dục pháp luật dành cho các đối tượng người dân xem đài. Các nghiên cứu chỉ ra các yếu tố cần cần thiết trong các chương trình giáo dục pháp luật. Từ đó, các nghiên cứu, xác định nội dung, hình thức giáo dục pháp luật phù hợp, đáp ứng yêu cầu về giáo dục pháp luật, giáo dục ý thức pháp luật cho các đối tượng người xem trong các chương trình giáo dục pháp luật trên sóng Đài Truyền hình. Từ đây xây dựng và đề xuất hệ thống các giải pháp có hiệu quả trong việc nâng cao ý thức pháp luật của người xem đài trong các chương trình giáo dục pháp luật trên sóng Đài Truyền hình Việt Nam, cũng như trên đài địa phương.

Tác giả Phạm Ngọc Lan Anh và Trần Thị Mỹ Duyên (2023) nghiên cứu ứng dụng mô hình giáo dục pháp luật thực hành trong đổi mới giáo dục đại học [4]. Nghiên cứu này chỉ ra rằng, ở các nước thuộc hệ thống pháp luật Common law, hoạt động giảng dạy luật ở bậc đại học thường ứng dụng mô hình giáo dục pháp luật thực hành. Từ những năm 2010, các cơ sở đào tạo luật Việt Nam bắt đầu quan tâm và phát triển mô hình này. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp lịch sử, phương pháp định tính, kết hợp cùng phương pháp nghiên cứu khách quan để nghiên cứu kinh nghiệm giáo dục pháp luật thực hành trên thế giới. Đồng thời, dựa trên khảo sát thực tiễn xây dựng chương trình giáo dục pháp luật thực hành ở Việt Nam, nhóm tác giả lần lượt giới thiệu, phân tích từng phương thức của mô hình giáo dục pháp luật thực hành. Nghiên cứu cũng thực hiện đánh giá một số đóng góp tiêu biểu, cùng những tồn tại trong ứng dụng mô hình này phục vụ mục tiêu đổi mới giáo dục ở bậc đại học theo chuyên ngành luật. Đây sẽ là nền tảng cho việc đề xuất về sau để các cơ sở giáo dục đại học đào tạo có thể vận dụng mô hình này.

Giáo dục pháp luật và nâng cao ý thức pháp luật cho thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân tại các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tác giả Đào Thị Thủy (2024) tập trung nghiên cứu, tìm hiểu vị trí, vai trò và chức năng của ý thức pháp luật, nghiên cứu thực trạng ý thức pháp luật và công tác

giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho sinh viên Trường Đại học Tây Bắc [85]. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu như: phân tích, tổng hợp, điều tra, thu thập, xử lý số liệu. Qua đó, nghiên cứu góp phần tổng kết, đánh giá kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong công tác giáo dục ý thức pháp luật cho sinh viên Trường Đại học Tây Bắc. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác giáo dục ý thức pháp luật cho sinh viên Trường Đại học Tây Bắc trong thời gian tới. Ngoài ra, nghiên cứu còn góp phần nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực ý thức pháp luật của các em, xây dựng và phát triển quê hương Tây Bắc ngày một giàu mạnh, văn minh.

**Luận án*

Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam (Bằng thực tiễn của Toà án và Luật sư) của Dương Thị Thanh Mai (1996) làm rõ về phương diện lí luận và thực tiễn vấn đề giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp - một dạng đặc thù của giáo dục pháp luật ở Việt Nam. Từ đó tìm kiếm phương hướng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của giáo dục pháp luật qua các hoạt động tư pháp ở nước ta trong điều kiện cải cách tư pháp [57].

Trong nghiên cứu Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông ở nước ta hiện nay của Vũ Thị Thu Thủy (2013) khẳng định, Giáo dục pháp luật là khâu đầu tiên trong việc triển khai thực hiện pháp luật, là cầu nối chuyển tải pháp luật vào cuộc sống [86]. Hơn thế nữa giáo dục pháp luật còn nhằm nâng cao ý thức pháp luật, văn hoá pháp lý cho người dân trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta hiện nay.

Giáo dục pháp luật trên kênh Truyền hình an ninh (ANTV) được tác giả Nguyễn Thu Hà (2020) thực hiện đã chọn lọc những kiến thức cơ bản nhất, nêu những vấn đề lý luận về truyền hình để chỉ ra đặc điểm và vai trò của truyền hình trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người dân. Luận án chủ yếu khảo sát thực trạng vấn đề giáo dục pháp luật cho người dân thông qua

nội dung và hình thức của các chương trình thời sự và chương trình Hành trình phá án trên kênh truyền hình ANTV, từ đó đưa ra đánh giá về hiệu quả vấn đề giáo dục pháp luật cho người dân trên hai mặt ưu điểm và hạn chế [20].

1.1.2. Các công trình khoa học nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng xã hội, địa bàn cụ thể

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng cụ thể

**Sách*

Cuốn sách “Quản lý xung đột xã hội vùng tộc người thiểu số ở Việt Nam hiện nay ” tác giả Phan Xuân Sơn, Nguyễn Thị Thanh Dung giới thiệu (2020) [74]. Trên cơ sở lý luận chung về xung đột xã hội, quản lý xung đột xã hội, đặc điểm vùng tộc người thiểu số và đặc điểm quản lý xung đột xã hội vùng tộc người thiểu số ở Việt nam, cuốn sách đã nêu lên một số kinh nghiệm quản lý xung đột xã hội vùng tộc người thiểu số ở một số nước cũng như trong thời kỳ phong kiến ở Việt Nam. Kết hợp với những kết quả thu được từ việc khảo sát thực địa, nghiên cứu định tính, điều tra xã hội học để thu thập thông tin từ thực tiễn, cuốn sách đã đánh giá thực trạng quản lý xung đột xã hội và xử lý điểm nóng chính trị - xã hội vùng dân tộc thiểu số ở nước ta từ năm 1986 đến nay, cũng như đưa ra đánh giá chung về số lượng, quy mô, tính chất của các xung đột xã hội vùng tộc người thiểu số Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Từ đó, nêu lên được những nguyên nhân yếu kém, những vấn đề đặt ra trong quản lý xung đột xã hội, xử lý điểm nóng chính trị - xã hội vùng tộc người thiểu số Việt Nam, đồng thời đưa ra các dự báo tình hình và đề xuất những quan điểm và giải pháp để khắc phục góp phần giữ vững an ninh, trật tự an toàn xã hội.

**Các đề tài khoa học*

Ngô Văn Trù (2013) đã tập trung nghiên cứu và làm rõ cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật cho đối tượng mang tính đặc thù là các phạm nhân trong các trại giam ở khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, chỉ ra được những khó khăn, phức tạp trong quá trình tổ chức thực hiện giáo dục pháp

luật cho các phạm nhân đang chấp hành án trong các trại giam [90]. Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác giáo dục pháp luật và thực hiện khảo sát về tình hình phạm nhân ở một số trại giam, tác giả đưa ra một số biện pháp hữu hiệu nhằm thực hiện tốt hơn nữa công tác giáo dục pháp luật, có các hình thức, phương pháp phù hợp với đối tượng giáo dục pháp luật là phạm nhân trong các trại giam để đạt được mục đích, yêu cầu đề ra.

Phòng, chống tham nhũng từ phương diện giáo dục pháp luật đối với cán bộ, công chức bộ máy hành chính nhà nước được tác giả Nguyễn Thị Kim Nhung (2014) thực hiện đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận về tham nhũng; phòng, chống tham nhũng từ phương diện giáo dục pháp luật đối với cán bộ, công chức trong bộ máy cơ quan hành chính nhà nước [66]. Đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ công chức và công tác giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam. Từ thực trạng đó, đưa ra những yêu cầu, quan điểm và đề xuất những giải pháp cơ bản nhằm đổi mới công tác giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước giai đoạn hiện nay.

Ngô Quỳnh Hoa (2020) nghiên cứu những vấn đề đặt ra trong thời gian tới với giáo dục pháp luật cho người lao động. Tác giả phân tích thực trạng công tác giáo dục pháp luật cho người lao động, đánh giá những điểm nổi bật trong triển khai các hình thức giáo dục pháp luật cho người lao động trong doanh nghiệp, đặc biệt sự chuyển biến về nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của họ; nhận diện những tồn tại, khó khăn trong giáo dục pháp luật cho người lao động với những vấn đề về nhận thức, ý thức pháp luật của người lao động, người sử dụng lao động và đặc biệt việc chậm đổi mới trong tư duy, trong tổ chức thực hiện của một số các chủ thể giáo dục pháp luật [28]. Đồng thời, tác giả cũng phân tích yêu cầu, bối cảnh đối với công tác giáo dục pháp luật nói chung và giáo dục pháp luật cho người lao động nói riêng, từ đó, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho người lao động trong thời gian tới.

Lý Nam Hải (2020) xem xét về thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam. Tác giả nhận định tầm quan trọng của ngư dân biển là lực lượng có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo, góp phần bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, xây dựng kinh tế biển bền vững. Và để giúp cho ngư dân biển có thể đảm nhiệm ngày càng tốt hơn vai trò và trách nhiệm đối với đất nước thì tác giả khẳng định việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho họ là một trong những hoạt động có ý nghĩa thiết thực. Nghiên cứu này sẽ đề cập đến thực trạng và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam hiện nay [23].

Trần Thùy Linh (2021) nhận định trong hoạt động lãnh đạo, quản lý xã hội, nâng cao kiến thức pháp luật có vị trí đặc biệt quan trọng. Hiểu biết, tôn trọng và chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân là nền tảng của hệ thống chính trị và nếp sống văn hóa của mỗi người. Nghiên cứu tập trung làm rõ những cách thức giáo dục kiến thức pháp luật đối với cán bộ cấp xã và nhân dân ở vùng đồng bào dân tộc, miền núi, phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao ý thức pháp luật của đội ngũ cán bộ cấp xã và nhân dân vùng đồng bào dân tộc, miền núi hiện nay [48].

Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Mây và Trần Thu Trang (2021) [588] về giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên được thực hiện nhằm đánh giá chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Tỉnh. Kết quả được thực hiện thông qua phương pháp khảo sát, thu thập thông tin. Các tác giả đã tiến hành tổng hợp thông tin qua 100 phiếu khảo sát cho cán bộ, công chức là đồng bào dân tộc thiểu số về “Chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên”; thu thập thông tin thông qua việc tham khảo Đề án số 08-ĐA/TU ngày 15/7/2021 của Tỉnh ủy Thái Nguyên và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ XIX của tỉnh Thái Nguyên. Từ đó, nghiên cứu

tiến hành đánh giá thực trạng những ưu điểm, hạn chế về chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Tỉnh. Xuất phát từ những thực trạng được phân tích trong bài viết, nghiên cứu đã đưa ra 6 giải pháp chính để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức là đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Cao Thị Hồng Minh (2022) nghiên cứu về Các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi nhận định đây là công tác quan trọng luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm. Tác giả sử dụng phương pháp phân tích tài liệu gồm các văn bản, quy định của Nhà nước, các báo cáo nghiên cứu) liên quan đến công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số [59]. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, đặc điểm chung của đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi là những người có nhận thức về pháp luật rất hạn chế và tâm lý chung của người dân đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi là họ thường coi trọng luật tục của dân tộc mình nhiều hơn. Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số cũng cần chú ý tới một số đặc thù như là vai trò của những cá nhân có uy tín và tiếng nói trong dòng họ, trong buôn làng cũng như tồn tại sự bất bình đẳng giới trong giáo dục, phụ nữ vẫn là đối tượng chịu nhiều thiệt thòi, hạn chế hơn so với nam giới. Đây là những đặc thù cần lưu ý trong quá trình triển khai các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm đạt được hiệu quả thiết thực nhất (Nghiên cứu này là sản phẩm của Đề tài độc lập cấp Quốc gia “Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất giải pháp bảo vệ và hỗ trợ một số nhóm phụ nữ đặc thù” (Mã số đề tài: ĐTĐL.XH-04/20) do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chủ trì thực hiện năm 2020-2022)

Bùi Văn An (2023) nghiên cứu về Thực hiện chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật cho công nhân tại các khu công nghiệp. Tác giả nhận định việc thực hiện chính sách công nói chung, chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật đối với công nhân các khu công nghiệp nói riêng là yếu tố khách quan để duy trì công cụ chính sách theo yêu cầu quản lý của Nhà nước và cũng là để đạt được mục tiêu đề ra của chính sách [1]. Nghiên cứu này hướng đến xây dựng

các vấn đề lý luận về nội dung thực hiện chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật cho công nhân các khu công nghiệp hiện nay, trong đó tập trung vào 5 nội dung cơ bản, đây là các nội dung thực hiện chính sách mà trên thực tế thời gian qua đã triển khai thực hiện.

**Luận án*

Giáo dục pháp luật trong các doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam hiện nay của tác giả Vũ Thị Hoài Thương (2008) trình bày đặc điểm của giáo dục pháp luật trong các doanh nghiệp nhà nước. Đối tượng của giáo dục pháp luật trong luận án đề cập tới là các doanh nghiệp nhà nước [88]. Chủ thể giáo dục pháp luật ở nghiên cứu này là các doanh nghiệp nhà nước. Luận án tập trung nghiên cứu và làm rõ về nội dung giáo dục pháp luật trong các doanh nghiệp nhà nước và đã đưa ra được những kết luận có giá trị khoa học đáng kể.

Nguyễn Quốc Sửu (2010) đã tiến hành một nghiên cứu sâu về công tác giáo dục pháp luật (GDPL) dành cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại Việt Nam [75]. Luận án cung cấp một cái nhìn toàn diện và có hệ thống cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, đặc biệt chú trọng đến việc phân tích rõ ràng giữa giáo dục ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật cho nhóm đối tượng này. Tác giả cũng làm rõ các yếu tố cốt lõi của hoạt động GDPL như mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, đồng thời xây dựng bộ tiêu chí cụ thể nhằm xác định và phân loại các yếu tố nêu trên sao cho phù hợp với yêu cầu phát triển của Nhà nước pháp quyền.

Một điểm nổi bật của luận án là việc thực hiện điều tra xã hội học trên quy mô lớn, tập trung vào cán bộ, công chức hành chính tại các cơ quan nhà nước thuộc 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Nghiên cứu đã dựa trên số liệu thực tiễn thu thập được để phân tích khách quan về thực trạng triển khai GDPL, chỉ ra những bất cập, hạn chế và nguyên nhân tồn tại. Đây là đóng góp quan trọng và mới mẻ của luận án, giúp bổ sung nền tảng thực tiễn cần thiết cho việc đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác

GDPL đối với cán bộ, công chức hành chính - một khoảng trống mà nhiều công trình trước đó còn bỏ ngỏ.

Trần Thị Sáu (2012) [71] với công trình Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam nhận thấy rằng việc nghiên cứu một cách sâu sắc, có hệ thống và toàn diện hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trong các trường trung học phổ thông là yêu cầu cấp thiết nhằm bổ sung nguyên lý giáo dục pháp luật, góp phần xây dựng lý luận, định hướng hoạt động thực tiễn và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường. Luận án đã xây dựng cơ sở lý luận của giáo dục pháp luật cho học sinh trong các trường trung học phổ thông. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đề xuất những giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở nước ta.

Trong nghiên cứu của mình năm 2016, tác giả Dương Thành Trung [92] đã phân tích rõ cơ sở lý luận liên quan đến công tác giáo dục pháp luật dành cho đồng bào dân tộc Khmer sinh sống tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu đã xác định các yếu tố cấu thành hoạt động giáo dục pháp luật nói chung, cũng như những nội dung đặc thù khi triển khai cho nhóm đối tượng này, đồng thời chỉ ra các tác nhân chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác này, như phong cách sống, tâm lý, trình độ học vấn, vốn hiểu biết xã hội và kinh nghiệm thực tiễn. Trên cơ sở khảo sát thực trạng, nghiên cứu đã chỉ ra những hạn chế về nhận thức trong việc coi trọng vai trò của giáo dục pháp luật như một công cụ giúp đồng bào Khmer nắm bắt kiến thức, hình thành ý thức tuân thủ pháp luật và sống theo quy định của pháp luật. Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp cụ thể, sát với thực tiễn và có tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer trong khu vực.

Nghiên cứu về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Thái ở Tây Bắc Việt Nam do tác giả Lò Châu Thỏa (2020) [82] thực hiện đã nhấn mạnh tầm quan trọng của khu vực Tây Bắc trong các lĩnh vực kinh

tế - xã hội, an ninh quốc phòng, với vị trí chiến lược được ví như "phên dậu" của quốc gia. Khu vực này là nơi sinh sống của 42 dân tộc anh em, trong đó có 20 dân tộc có dân số trên 500 người, thuộc 7 nhóm ngôn ngữ khác nhau. Sự đa dạng về nguồn gốc, lịch sử, bản sắc văn hóa và đặc điểm tâm lý đã tạo nên một Tây Bắc phong phú về văn hóa, đặc biệt nổi bật với không gian văn hóa Thái.

Thời gian qua, công tác giáo dục pháp luật tại khu vực Tây Bắc đã đạt được những thành tựu nhất định, góp phần cải thiện nhận thức pháp lý trong cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết vẫn còn diễn ra phổ biến; các vấn đề liên quan đến tệ nạn xã hội và tội phạm ma túy chưa được kiểm soát hiệu quả. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải xác định rõ mục tiêu và đề ra những giải pháp phù hợp, có tính đặc thù cho vùng Tây Bắc, đặc biệt là đối với nhóm đồng bào dân tộc Thái. Việc đẩy mạnh giáo dục pháp luật theo hướng này sẽ không chỉ tăng cường hiệu quả phổ biến pháp luật mà còn góp phần củng cố nền tảng cho việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tại khu vực.

Nguyễn Xuân Đạt (2020) nghiên cứu giáo dục pháp luật cho đối tượng là công chức quản lý thị trường qua thực tiễn tỉnh Quảng Bình. Tác giả đã nghiên cứu các đặc điểm cơ bản của giáo dục pháp luật cho công chức quản lý thị trường. Từ đó phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật cho công chức quản lý thị trường. Nghiên cứu cũng đã phân tích thực trạng giáo dục pháp luật cho công chức quản lý thị trường. Tác giả xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật cho công chức quản lý thị trường ở tỉnh Quảng Bình [17].

Trong công trình nghiên cứu được triển khai tại tỉnh Bắc Ninh, tác giả Trịnh Thu Lan (2022) [44] đã làm rõ các khái niệm, nền tảng lý luận và hành lang pháp lý liên quan đến hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh. Thông qua việc khảo sát thực tiễn triển khai tại địa phương, nghiên cứu đã phản ánh một cách khách quan thực trạng công tác này. Trên cơ sở những kết quả thu thập được, tác giả đã đưa ra một số

khuyến nghị nhằm đổi mới phương thức thực hiện, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức cấp tỉnh trong bối cảnh hiện nay ở Việt Nam.

Nguyễn Tiến Phụng (2022) với nghiên cứu Quản lý quá trình giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan quân đội trong bối cảnh hiện nay đã làm rõ cơ sở lý luận quản lý quá trình giáo dục pháp luật cho học viên ở trường sĩ quan quân đội trong bối cảnh hiện nay. Nghiên cứu này đã phân tích, đánh giá thực trạng quản lý quá trình giáo dục pháp luật cho học viên ở Trường Sĩ quan Thông tin hiện nay. Từ đó đưa ra các đề xuất các biện pháp quản lý quá trình giáo dục pháp luật cho học viên ở Trường Sĩ quan Thông tin trong bối cảnh hiện nay [68].

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật ở các địa bàn cụ thể

Tạ Thị Minh Thư (2021) nghiên cứu về nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn cụ thể là thành phố Hồ Chí Minh. Tác giả nhận định rằng, giáo dục pháp luật là nội dung bắt buộc trong chương trình giáo dục ở các trường trung học phổ thông nhằm phát triển toàn diện nhân cách học sinh. Trong những năm qua, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh các trường trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, sự vận động, biến đổi của tình hình trong nước và quốc tế đòi hỏi chúng ta phải có các giải pháp cần thiết, sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh ở các trường trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Đây cũng là nghiên cứu làm tiền đề xem xét việc thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật ở địa phương khác trên cả nước [87].

Với các địa bàn có tính đặc thù cao, căn cứ theo đặc điểm dân cư cũng như văn hóa, đã có nhiều nghiên cứu đi sâu vào việc giáo dục pháp luật gắn với các luật cụ thể được thực hiện như: Lục Việt Dũng (2023) [14] nghiên

cứu về nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người của chính quyền địa phương các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam.

Ngoài ra, có thể kể tới một số đề tài khoa học nghiên cứu về giáo dục pháp luật trên địa bàn cụ thể như: Đề tài “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2010-2020” do Bùi Trung Hưng (Chủ nhiệm) [42]; Đề tài “Phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông” do TS. Trương Thông Tuần (Chủ nhiệm) [81]; đề tài “Nghiên cứu đề xuất giải pháp đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị” của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị [73]; Đề tài “Tăng cường giáo dục pháp luật cho đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu” do Dương Thành Trung (Chủ nhiệm) [91]; hay “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng - Thực trạng và giải pháp (2005-2010) do Trần Ngọc Lâm Chủ nhiệm [45]; Đề tài “Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở tỉnh Cần Thơ: thực trạng và giải pháp” do Phạm Văn Hiếu (Chủ nhiệm) [27].

**Luận án*

Đoàn Thị Thanh Huyền (2014) nghiên cứu về Giáo dục pháp luật cho con cái trong gia đình hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Ninh) cho biết, Ở Việt Nam, chưa có nghiên cứu xã hội học thực nghiệm nào đi sâu nghiên cứu vai trò của gia đình trong giáo dục pháp luật cho con cái. Luận án đã nghiên cứu một cách có hệ thống thực trạng vai trò của gia đình trong giáo dục pháp luật cho trẻ vị thành niên theo hướng tiếp cận xã hội học trên phương diện nhận thức của cha mẹ, nội dung và phương pháp giáo dục; mức độ tiếp nhận giáo dục pháp luật của con cái; những yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật cho trẻ em. Kết quả nghiên cứu của luận án khẳng định, mặc cho những biến đổi nhanh chóng của xã hội, gia đình vẫn tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong chức năng giáo dục, xã hội hóa trẻ em [41]. Trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta hiện nay,

chức năng giáo dục của gia đình gặp không ít khó khăn, thách thức, đòi hỏi sự phối hợp của các tổ chức xã hội, đặc biệt là của nhà trường. Sự tăng cường giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường và phối hợp chặt chẽ giáo dục pháp luật cho trẻ em trong gia đình quyết định sự thành công của giáo dục gia đình trong thời kỳ mới, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại.

Dương Văn Đại (2014) nghiên cứu Vai trò giáo dục pháp luật đối với phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam thuộc Bộ Công an (Nghiên cứu trường hợp trại giam Nam Hà) là một trong những nghiên cứu xã hội học đầu tiên ở Việt Nam về vai trò của giáo dục pháp luật đối với người đang chấp hành án phạt tù. Luận án đi sâu nghiên cứu về thực trạng tổ chức giáo dục pháp luật và kết quả giáo dục pháp luật đối với phạm nhân theo hướng tiếp cận xã hội học. Điểm mới của luận án là tìm hiểu đặc điểm tình hình phạm nhân đang chấp hành án tại trại giam; thực trạng giáo dục pháp luật cho phạm nhân tại trại giam Nam Hà hiện nay thông qua nghiên cứu nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật; các yếu tố ảnh hưởng công tác giáo dục pháp luật; kết quả công tác giáo dục pháp luật. Từ đó cung cấp những cơ sở khoa học, giúp cho cơ quan thi hành án hình sự có nhận thức đúng đắn, tổ chức hợp lý việc giáo dục, nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật đối với phạm nhân [16].

Nguyễn Thị Tĩnh (2016) [78] đã làm rõ và vận dụng cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật trong điều kiện, hoàn cảnh đặc thù của nhân dân, các dân tộc sinh sống trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó cần phải đổi mới các hình thức giáo dục pháp luật cho phù hợp với đối tượng được giáo dục pháp luật, ở đây là người dân tỉnh Đắk Lắk. Bên cạnh đó, theo tác giả để chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân tỉnh Đắk Lắk ngày càng được nâng cao hơn nữa thì yêu cầu đặt ra cần phải kết hợp hài hòa giữa công tác giáo dục pháp luật với công tác giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và các phong tục tập quán của nhân dân các dân tộc đang sinh sống ở tỉnh Đắk Lắk; kết hợp và đẩy mạnh hơn nữa giữa giáo dục pháp luật trong gia đình với giáo dục trong

nhà trường và ngoài xã hội cần phải được triển khai một cách đồng bộ, nghiêm túc, nhất quán và triệt để.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về đặc trưng của vùng biên giới các tỉnh Tây Bắc

**Sách*

Phạm Thị Hoàng Hà (2021) là chủ biên cuốn sách Đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc với việc giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia [21]. Cuốn sách tập trung phân tích vai trò quan trọng của đồng bào dân tộc thiểu số trong việc bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia tại vùng biên giới Tây Bắc Việt Nam. Tác phẩm cung cấp một cái nhìn sâu sắc về các đặc điểm văn hóa, xã hội và chính trị của đồng bào dân tộc thiểu số, cũng như những thách thức và cơ hội trong việc phát huy sức mạnh của cộng đồng này. Đồng thời, sách còn đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm tăng cường sự tham gia của đồng bào dân tộc vào công cuộc bảo vệ biên giới, thông qua việc cải thiện đời sống kinh tế, nâng cao nhận thức pháp luật và thúc đẩy sự đoàn kết dân tộc.

**Các đề tài nghiên cứu*

Khu vực biên giới là nơi sinh sống của nhiều đồng bào dân tộc có đời sống kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Quan điểm khó khăn lớn nhất của các tỉnh biên giới Tây Bắc là kinh tế chậm phát triển, hiện vẫn là vùng nghèo nhất trong cả nước. Nhiều địa phương trong vùng chưa có khả năng tự cân đối ngân sách. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, thiếu vững chắc, hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém (Phan Thị Thu Hà, 2018 [22]). Vì vậy, việc nghiên cứu để phát triển kinh tế nơi đây luôn được Đảng và nhà nước quan tâm. Ngoài ra, tận dụng vị trí biên giới giao lưu với các nước láng giềng cũng là một hướng đi mở cho phát triển kinh tế nơi đây.

Lê Văn Nam (2020) khẳng định, phát triển kinh tế - xã hội là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở [61]. Một số tỉnh biên giới phía Bắc có vị trí chiến lược rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là địa bàn có tiềm

năng kinh tế lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh đối với sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia. Trong thời kỳ mới, tình hình biên giới đất liền cũng như biên giới phía Bắc trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc đã được giải quyết theo hướng hoà bình, hữu nghị. Tuy nhiên, vấn đề biển Đông vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn trong khu vực nói chung và giữa Việt Nam với Trung Quốc nói riêng. Do đó, vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ xung đột cả biên giới trên bộ và trên biển. Cùng với đó, các thế lực thù địch vẫn không từ bỏ âm mưu chiến lược “diễn biến hoà bình”... Chính vì vậy, biên giới phía Bắc vẫn là khu vực chiến lược quan trọng mà các lực lượng thù địch luôn tìm cách lợi dụng, chống phá cách mạng Việt Nam. Trước tình hình đó, vấn đề đặt ra hết sức quan trọng là bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia nói chung, biên giới phía Bắc nói riêng. Muốn thực hiện tốt nhiệm vụ đó, vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu là phải phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện. Có như vậy mới tạo ra cơ sở kinh tế, cơ sở xã hội vững chắc nhằm đảm bảo quốc phòng - an ninh trong thời kỳ mới.

Nguyễn Anh Thu (2021) [83] nhận định, trong những thập kỷ gần đây, hợp tác kinh tế biên giới đã phát triển ngày càng đa dạng dưới nhiều hình thức khác nhau. Khu Kinh tế qua biên giới (CBEZ) là một hình thức đã được đề xuất và trở thành một chủ đề được các nhà hoạch định chính sách và các nhà nghiên cứu ở Việt Nam và các quốc gia láng giềng lưu tâm nghiên cứu và triển khai. Tác giả đã chỉ ra rằng để có thể hiện thực hoá CBEZ, tiến tới thuận lợi hoá hơn nữa thương mại và đầu tư, phát triển khu vực biên giới như một mắt xích kết nối với thị trường Trung Quốc, hai điểm quan trọng mà các tỉnh cần đầu tư là kết nối cơ sở hạ tầng và hệ thống cơ chế hợp tác hài hoà với Trung Quốc.

Nguyễn Thị Thanh Bình và Vương Xuân Tình (2023) [8] khẳng định trong lịch sử xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam, ý thức quốc gia - dân tộc luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng cho sự ổn định và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặc dù có vị trí quan trọng như vậy, song nhiều thập kỷ qua, việc nghiên cứu về ý thức quốc gia - dân tộc ở Việt Nam

lại chưa được quan tâm đúng mức. Đặc biệt là ở vùng biên giới, nơi thử thách cao nhất cho ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân các tộc người thiểu số sinh sống trên địa bàn. Điều này đặt ra sự cần thiết phải nghiên cứu ý thức của cư dân vùng biên đối với quá trình kiến tạo quốc gia - dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa, công nghiệp hóa và bảo vệ đất nước hiện nay. Ở đây đã tìm hiểu ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân một số tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Qua đó, xác định mối quan hệ của ý thức đó với điều kiện lịch sử, với đặc điểm và quan hệ tộc người, với bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội ở vùng biên giới, và với nhiệm vụ xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc; đánh giá vai trò của ý thức quốc gia - dân tộc trong phát triển bền vững vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Trên cơ sở nghiên cứu, nhóm tác giả đã đề xuất những kiến nghị, giải pháp nhằm tăng cường ý thức quốc gia - dân tộc của các tộc người gắn với phát triển bền vững vùng biên giới hiện nay và trong gian tới. Cũng xem xét tới giá trị và đặc trưng của văn hóa vùng cao, Lê Kim Bình (2019) [7] nghiên cứu văn hoá dân tộc vùng cao có tác động tới tình yêu nước, từ đó làm nảy sinh ý thức về bảo vệ chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia Việt Nam trong thế giới toàn cầu hoá.

Lê Minh Anh (2023) [2] với cuốn Mạng lưới xã hội của một số tộc người trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Mạng lưới xã hội là cấu trúc xã hội do cá nhân hay tổ chức tạo lập qua các điểm nút, được gắn bó bằng một hay nhiều kiểu phụ thuộc lẫn nhau như họ hàng, bạn bè, mối quan tâm chung, trao đổi về tài chính, quan hệ giới, hoặc các mối quan hệ về niềm tin tri thức hay uy tín. Mạng lưới xã hội này đã tồn tại từ lâu đời trong xã hội các tộc người ở Việt Nam nói chung, ở hai tộc người Lô Lô và Nùng tại vùng biên giới Việt - Trung nói riêng. Vấn đề mạng lưới xã hội của các tộc người thiểu số ở nước ta không chỉ diễn ra trong nội tộc người, giữa các tộc người ở trong nước và tại khu vực của những quốc gia láng giềng có chung đường biên giới mà còn xuyên liên biên giới với nhiều quốc gia, không chỉ ở khu vực Đông Nam Á mà cả với nhiều quốc gia khác trên thế giới, nơi có người đồng tộc sinh sống hoặc có quan hệ xã hội. Trong

bối cảnh từ năm 1991 đến nay, mạng lưới xã hội của các tộc người ở vùng biên giới Việt - Trung đã có bước phát triển để thích ứng với bối cảnh đã và đang thay đổi mạnh mẽ. Vấn đề liên quan đến mạng lưới xã hội của một số tộc người trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc càng được quan tâm do có vị trí chiến lược trong việc giữ vững và bảo vệ an ninh nước nhà.

**Luận án*

Vì vị trí đặc thù trong công cuộc bảo vệ đất nước, đã có nhiều nghiên cứu liên quan như của Tô Xuân Minh (2022) [60] nghiên cứu Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Bắc phòng ngừa bạo loạn ở khu vực biên giới; Hoạt động đảm bảo an ninh, trật tự của bộ đội biên phòng ở khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc của Vũ Quốc Nam và Nguyễn Tuấn Phong (2021) [62] đều cho thấy khu vực các tỉnh biên giới Tây Bắc nước ta có đường biên giới kéo dài với nhiều đường mòn, lối mở - đây là điều kiện thuận lợi để tội phạm lợi dụng thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật như: buôn bán ma túy; gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; đưa người xuất nhập cảnh trái phép; buôn bán phụ nữ, trẻ em... Để mang lại cuộc sống bình yên cho nhân dân, các Đồn Biên phòng, các phòng ban cần phối hợp chặt chẽ với lực lượng công an, quân sự, cấp uỷ, chính quyền địa phương tăng cường công tác đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trên biên giới; kiên quyết đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện biên giới vững mạnh.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC

1.2.1. Một số nghiên cứu chung về giáo dục pháp luật

Trong một nghiên cứu của Caroline Strevens (2016) [109] về mô phỏng lý thuyết và thực tiễn về giáo dục pháp luật, bà nhận định về tầm quan trọng của mô phỏng trong giáo dục, đặc biệt là trong các môn pháp luật, được thảo luận và khám phá nhiều hiện nay. Việc chứng minh cách mô phỏng có thể được xây dựng và phát triển cho việc học, dạy và đánh giá, văn bản lập luận rằng mô phỏng là một công cụ thực tế và có giá trị sư phạm trong việc giảng

dạy chương trình giảng dạy luật hiện đại. Với sự đóng góp của các giáo viên luật ở Anh, Úc, Hồng Kông, Nam Phi và Hoa Kỳ, bà và các cộng sự đã rút kinh nghiệm giảng dạy pháp luật trong các lĩnh vực giáo dục pháp luật lâm sàng, tố tụng pháp lý, bằng chứng, luật hình sự, luật gia đình và luật lao động, cũng như giảng dạy luật cho những sinh viên không học luật. Nghiên cứu cho rằng mô phỏng, như một hình thức học tập dựa trên trải nghiệm và dựa trên vấn đề, cho phép sinh viên tích hợp trải nghiệm 'lớp học' với những trải nghiệm trong thế giới thực mà họ sẽ gặp trong cuộc sống nghề nghiệp của mình. Nghiên cứu này sẽ có liên quan không chỉ với các giáo viên luật mà cả các giáo viên đại học nói chung, cũng như những người quan tâm đến giáo dục pháp luật và lý thuyết về luật.

Steele và Taylor (2010) [108] trong tác phẩm Giáo dục pháp luật ở Châu Á (Legal education in Asia) đã chỉ ra những thách thức cùng giải pháp thúc đẩy giáo dục pháp luật ở châu Á nói chung. Cuốn sách công nhận việc giáo dục pháp luật đang trải qua sự thay đổi nhanh chóng trên khắp châu Á. Ở đây đã phê phán sự thay đổi bản chất của giáo dục pháp luật ở các khu vực pháp lý lớn ở châu Á, như Afghanistan, Úc, Campuchia, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Hồng Kông, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan và Việt Nam. Nó cung cấp tài liệu so sánh xuyên quốc gia, bao gồm các hệ thống giáo dục pháp luật phương Tây, và đặc biệt là thông tin chi tiết về Nhật Bản, quốc gia có hệ thống giáo dục pháp luật đã được nhiều quốc gia khác ở châu Á sử dụng làm hình mẫu để noi theo. Bất chấp sự khác biệt về lịch sử, xã hội, truyền thống và tình hình kinh tế và chính trị đa dạng của các quốc gia này, họ đều có chung chủ đề về sự thay đổi, đổi mới và cải cách trong hệ thống giáo dục pháp luật của mình. Các khu vực pháp lý nhìn chung cũng có xu hướng ủng hộ toàn cầu hóa, bất chấp (hoặc trong một số trường hợp vì) sự liên kết của toàn cầu hóa với các phong trào khác, chẳng hạn như sự phát triển của nền kinh tế thị trường và các lý tưởng tân tự do.

Geo Quinot (2012) [106] nghiên cứu về Giáo dục pháp luật mang tính chuyển đổi lập luận rằng việc tăng cường sự chú ý đến lý thuyết (hoặc các lý

thuyết) về giáo dục pháp luật không chỉ là điều bắt buộc nhằm nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật ở Nam Phi mà còn là một thành phần quan trọng của quá trình chuyển đổi hiến pháp dựa trên luật pháp ở quốc gia này. Nghiên cứu này đưa ra một khung lý thuyết, được gọi là 'giáo dục pháp luật chuyển đổi', theo đó luật có thể được giảng dạy tại các trường đại học Nam Phi. Khi phát triển khuôn khổ này, tác giả dựa trên những hiểu biết từ ba khía cạnh cơ bản của giáo dục pháp luật, đó là (1) nội dung hoặc môn học được giảng dạy (ở đây là luật), (2) hành vi giảng dạy, và (3) sinh viên - người học. Nghiên cứu lập luận rằng những hiểu biết sâu sắc này kêu gọi một sự thay đổi cơ bản từ lý luận pháp lý hình thức sang lý luận thực chất theo một hiến pháp chuyển đổi, chuyển sang mô hình giảng dạy lấy học sinh làm trung tâm theo chủ nghĩa kiến tạo và thừa nhận sự thay đổi mô hình về kiến thức từ tuyến tính sang phi tuyến tính có quan hệ hoặc phức tạp. Tác giả kết luận bằng cách lập luận rằng những hiểu biết sâu sắc khác nhau này buộc các giáo viên luật phải đánh giá lại một cách nghiêm túc cách tiếp cận của họ đối với giáo dục pháp luật và bằng cách giải thích làm thế nào những hiểu biết sâu sắc này có thể đóng góp vào một khuôn khổ có ý nghĩa trong đó luật có thể được giảng dạy một cách có trách nhiệm ở Nam Phi hiện nay.

Edward Rubin (2012) [100] đã tập hợp các bài viết xoay quanh những vấn đề đặt ra đối với công tác giáo dục pháp luật trong thời đại kỹ thuật số. Tác giả cho rằng trong thời gian tới với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, trong đó có cuộc cách mạng kỹ thuật số sẽ kéo theo sự cải cách, thay đổi hoạt động giáo dục nói chung, giáo dục pháp luật nói riêng. Ở đây, tác giả thể hiện sự quan tâm đến quá trình sản xuất và phân phối các nguồn tài liệu kỹ thuật số sẽ ảnh hưởng và tác động như thế nào đến nội dung, phương pháp giáo dục pháp luật trong các nhà trường. Tác giả tiến hành khảo sát thực tiễn để đánh giá sự tác động của tài liệu số đối với quá trình giảng dạy và học tập mà các tài liệu số có thể tạo ra đối với công tác giáo dục pháp luật để từ đó giúp người đọc có cái nhìn sâu hơn về giáo dục pháp luật trong thời đại kỹ thuật số, kỷ nguyên số.

Greenbaum (2012) [102] có một nghiên cứu về tổng quan những vấn đề hiện nay trong giáo dục pháp luật. Tác giả này ủng hộ việc tập trung nghiêm túc vào nghiên cứu trong lĩnh vực dạy và học luật. Từ việc xem xét tài liệu giáo dục pháp luật của Hoa Kỳ, Anh, Úc và Nam Phi, có thể thấy rõ rằng lĩnh vực giáo dục pháp luật ở Nam Phi chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của giới học thuật. Tác giả cho rằng các yếu tố bối cảnh, liên quan đến những thay đổi cơ bản trong luật pháp Nam Phi sau năm 1994, là nguyên nhân gây ra sự thiếu hụt này. Các học giả luật đã chọn nghiên cứu các lĩnh vực kỹ luật cụ thể, đặc biệt có liên quan đến những thay đổi do hiến pháp mới mang lại, ủng hộ việc tiến hành nghiên cứu liên quan đến chức năng sư phạm của họ. Trong giới học thuật quốc tế, ngày càng xuất hiện nhiều tài liệu về giáo dục pháp luật, được thúc đẩy bởi các báo cáo ghi lại tình trạng giáo dục pháp luật ở mỗi khu vực pháp lý nước ngoài. Trong lĩnh vực giáo dục pháp luật, hai chủ đề cụ thể dường như đã chiếm ưu thế trong các tài liệu gần đây: (i) sự phân đôi giữa học thuyết/kỹ năng trong chương trình giảng dạy luật, được phản ánh qua những căng thẳng giữa các học giả luật và nghề luật; và (ii) nhu cầu khắc sâu tính nhạy cảm về đạo đức, như một phần của việc phát triển bản sắc nghề nghiệp của luật sư, thông qua việc giảng dạy các giá trị đạo đức xã hội trong chương trình giảng dạy. Có ý kiến cho rằng việc các nhà giáo dục pháp luật Nam Phi tham gia vào các chủ đề này, thông qua nghiên cứu và viết học thuật, sẽ làm phong phú thêm cuộc tranh luận cần diễn ra giữa tất cả các bên liên quan, nhằm nâng cao tình trạng giáo dục pháp luật hiện nay và nâng cao chất lượng của tốt nghiệp luật

Thornton (2014) [110] nhắc tới việc nhà nước không đầu tư vào giáo dục đại học là một đặc điểm đáng chú ý của chủ nghĩa tân tự do trên toàn thế giới, và việc tập đoàn hóa các trường đại học là phản ứng điển hình. Nó đã dẫn tới sự gia tăng nhanh chóng của các trường luật (dân lập) với sinh viên phải trả học phí cao. Doanh nghiệp hóa cũng tạo ra một nền văn hóa cạnh tranh không ngừng nghỉ giữa các trường đại học, thể hiện qua các bảng xếp hạng và bảng xếp hạng. Việc theo đuổi uy tín đã buộc các trường luật phải ưu

tiên nghiên cứu hơn là giảng dạy, điều này đặt ra tình thế tiến thoái lưỡng nan về nội dung và cách thức giảng dạy. Những mâu thuẫn trong luận điểm về doanh nghiệp hóa được minh họa bằng đồ họa bởi kinh nghiệm của Australia, quốc gia có thể được mô tả như “con chim hoàng yến trong hàm mỏ”. Mặc dù sự doanh nghiệp hóa diễn ra khác nhau trong các chế độ phi tập trung có khu vực tư nhân đáng kể, chẳng hạn như Hoa Kỳ, nhưng tác động của nó đối với giới luật học ở những nơi đó cũng sâu sắc tương tự. Rõ ràng là những tình thế tiến thoái lưỡng nan do việc tư nhân hóa đặt ra đối với trường học giáo dục pháp luật đòi hỏi phải có sự quan tâm cân nhắc của giới học thuật.

Guth và Ashford (2014) [103] nghiên cứu về quy định giáo dục pháp luật xã hội và pháp luật khai phóng. Ở đây, các tác giả nhận định rằng, theo Báo cáo Đánh giá Giáo dục và Đào tạo Pháp lý (LETR) vào tháng 6 năm 2013 thừa nhận rằng các bằng cấp đại học về luật nói chung nằm ngoài phạm vi đánh giá, trừ khi có tác động trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ pháp lý. Do đó, ngay từ cái nhìn đầu tiên, đánh giá này có ít ý nghĩa đối với những ai quan tâm đến việc cung cấp một nền giáo dục pháp lý khai phóng và phát triển các phương pháp tiếp cận giáo dục pháp luật với xã hội đối với luật và nghiên cứu pháp lý. Tuy nhiên, khi xem xét kỹ hơn, báo cáo có một số đề xuất mà nếu được các cơ quan quản lý thực hiện sẽ có tiềm năng đáng kể để thay đổi mức độ luật, ngay cả khi quy định vẫn còn “nhẹ nhàng”. Nghiên cứu của nhóm tác giả khám phá những vấn đề đó với sự tập trung đặc biệt vào những tác động đối với các bằng cấp về luật tự do và các phương pháp giáo dục pháp luật với xã hội. Các tác giả tìm hiểu những vấn đề xoay quanh khả năng thay đổi các môn học nền tảng; việc tạo ra một khuôn khổ về kết quả học tập; khả năng tăng cường khả năng viết và nghiên cứu pháp luật trong chương trình giảng dạy cũng như tạo cơ hội cho việc giới thiệu nhiều tài liệu pháp luật trong giáo dục pháp luật xã hội hơn; và tác động nhỏ giọt có thể được các nhà cung cấp chương trình luật đại học cảm nhận về những thay đổi trong quy định về dịch vụ pháp lý và là kết quả của kỳ vọng của sinh viên, người sử dụng lao động và các bên liên quan khác.

Sampford (2016) [107] nghiên cứu về các khía cạnh lý thuyết của giáo dục pháp luật. Một trong những lời chỉ trích nổi bật nhất mà Báo cáo Pearce đưa ra năm 1987 về giáo dục pháp luật của Úc là nó quá 'định hướng theo quy tắc'. Báo cáo kêu gọi nhấn mạnh hơn vào các khía cạnh lý thuyết và phê phán của luật, đồng thời gợi ý rằng khi thiết kế các chương trình của các trường luật nên 'xem xét lại các khía cạnh lý thuyết của luật'. Lời kêu gọi này của các học giả luật không phải được thực hiện bởi các nhà giáo dục cấp tiến ngoài dòng chính thống. Các tác giả của báo cáo thừa nhận rằng trong một thời gian dài các học giả luật đã cảm thấy rằng giáo dục luật không chỉ là vấn đề “học các quy tắc”. Hầu hết đều có xu hướng đi theo cổ Giáo sư David Derham khi mô tả đây là cách tiếp cận của 'trường thương mại' đối với giáo dục pháp luật và do đó, không phù hợp đối với một trường đại học. Câu hỏi được tác giả đặt ra là, “vấn đề của giáo dục pháp luật là gì? Làm thế nào mà nhận thức chung về tầm quan trọng của các khía cạnh lý thuyết lại không được chuyển tải sang giáo dục pháp luật? Cụ thể, những khía cạnh lý thuyết nào của luật cần được bổ sung và làm thế nào để lồng ghép chúng vào chương trình giảng dạy luật?”. Sau đó, tác giả bắt đầu nghiên cứu này bằng việc nêu vấn đề về giáo dục pháp luật theo quan điểm của tác giả và nguyên nhân của vấn đề này. Sau đó, nêu ra điều còn thiếu trong giáo dục pháp luật là việc giảng dạy lý thuyết pháp luật theo nghĩa rộng nhất và nhận thức về các câu hỏi mà nó giải quyết. Tiếp đó, tác giả phác thảo một giải pháp, trong đó đưa ra cách để có thể tích hợp lý thuyết pháp lý vào chương trình giảng dạy đại học.

Jones, E. (2018) [105] nghiên cứu tới việc chuyển đổi giáo dục pháp luật thông qua cảm xúc. Cụ thể, trong tác phẩm này đã nêu ra, theo truyền thống, luật pháp coi cảm xúc là kẻ thù của lý trí, và những thế lực phi lý và tiềm ẩn nguy hiểm cần phải bị trấn áp hoặc coi thường. Sự tách biệt và đối ngược này đã được phản ánh trong giáo dục luật đại học ở Anh và xứ Wales, với sự tập trung vào những phân tích và quan niệm có vẻ vô tư và khách quan, chẳng hạn như “suy nghĩ như một luật sư” phổ biến khắp nơi. Nghiên cứu này lập luận rằng những nỗ lực coi thường hoặc kìm nén cảm xúc trong trường

luật đều sai lầm và chắc chắn sẽ thất bại. Nó sẽ khám phá vai trò không thể thiếu của cảm xúc trong việc học pháp luật hiệu quả, phát triển các kỹ năng pháp lý và phúc lợi của cả sinh viên luật và học giả luật. Ở đây cũng xem xét sự phát triển trong học thuật pháp lý và môi trường đang phát triển của giáo dục đại học nói chung mang lại một số tiềm năng nhưng cũng có những rào cản đối với sự thừa nhận và kết hợp cảm xúc với giáo dục pháp luật đại học ở Anh và xứ Wales trong tương lai. Các tài liệu liên quan đến không chỉ giáo dục pháp luật mà còn cả giáo dục nói chung, tâm lý học và triết học sẽ được dựa vào để chứng minh rằng cảm xúc có khả năng biến đổi trong giáo dục pháp luật, đòi hỏi chúng phải được thừa nhận và sử dụng trong một hình thức tổng hợp, toàn diện hơn bằng luật.

Bedner và Vel (2021) [98] nghiên cứu xem xét Giáo dục pháp luật ở Indonesia. Nhóm tác giả đề cập đến nhiều cuộc thảo luận về giáo dục pháp luật ở Indonesia cũng tương tự như những cuộc thảo luận được tiến hành ở các nước khác. Chúng phản ánh sự căng thẳng giữa một bên là giáo dục pháp luật khai phóng và một bên là đào tạo nghề, được hiểu như sự căng thẳng giữa một bên là giáo dục pháp luật chuẩn bị cho sinh viên hành nghề luật và một bên là chuẩn bị cho họ đảm nhận một loạt các vị trí khác. Tuy nhiên, hai tác giả lập luận rằng giáo dục pháp luật ở Indonesia cũng bị ảnh hưởng bởi các vấn đề của chính hệ thống pháp luật và do thiếu sự liên lạc giữa các bộ phận cấu thành của nó - cơ quan tư pháp, lập pháp, luật sư, công tố viên và các học giả pháp lý. Do hệ thống chính trị ở quốc gia này đã dẫn đến một cuộc tranh luận không hiệu quả và phần lớn là sai lầm trong các khoa luật giữa những người ủng hộ chủ nghĩa hình thức pháp lý và những người khác thúc đẩy cách tiếp cận luật theo bối cảnh hơn. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng chất lượng giáo dục pháp luật nhìn chung đã được cải thiện trong 20 năm và quá trình này có thể sẽ tiếp tục được hoàn thiện trong thời gian sắp tới.

1.2.2. Nghiên cứu giáo dục pháp luật với một số đối tượng cụ thể

Williams (2013) [111] nghiên cứu về vấn đề giáo dục pháp luật đối với dân tộc thiểu số. Tác giả trích dẫn một phân tích của The Bar Passage Study

(BPS) cho thấy rằng người thiểu số ít có khả năng tốt nghiệp trường luật và ít có khả năng vượt qua kỳ thi so với người da trắng ngay cả sau khi đã điều chỉnh những khác biệt giữa các nhóm về trình độ học vấn. Để giải thích cho những khoảng cách về thành tích đã được điều chỉnh giữa các chủng tộc này, một số nhà nghiên cứu đưa ra “giả thuyết không phù hợp”, đề xuất rằng học sinh dân tộc thiểu số học ít hơn khi được đưa vào môi trường học tập nơi kỹ năng học tập của họ thấp hơn nhiều so với học sinh thông thường. Nghiên cứu này trình bày các kết quả mới từ BPS giải thích cho cả sai lệch sai số đo lường và sai lệch lựa chọn trên những yếu tố không thể quan sát được khiến cho việc tìm ra hiệu ứng không khớp trở nên khó khăn hơn nếu trên thực tế có tồn tại. Tác giả tìm thấy nhiều bằng chứng hơn về những tác động không phù hợp so với nghiên cứu trước đây và báo cáo mức độ của những tác động không phù hợp là quá đủ để giải thích khoảng cách giữa các chủng tộc trong hiệu suất học tập, cũng như đề cập tới vấn đề giáo dục pháp luật sâu và rộng hơn cho các dân tộc thiểu số.

González (2014) [101] nghiên cứu về Phụ nữ da màu trong giáo dục pháp luật. Trong nghiên cứu này, tác giả chỉ ra rằng các nữ giáo sư luật da màu đã trở thành những con chim hoàng yến trong mỏ học thuật mà hoàn cảnh của họ là lời cảnh báo sớm về những mối nguy hiểm đe dọa nền giáo dục luật và tương lai của nghề luật. Khi giáo dục pháp luật được cơ cấu lại để ứng phó với tình trạng số lượng tuyển sinh giảm sút, bản thân thời hạn hợp đồng đang có vấn đề, cụ thể việc cắt giảm biên chế và đình chỉ tuyển dụng đang trở nên phổ biến hơn. Các nữ giáo sư luật da màu, những người có xu hướng tập trung tại các trường luật cấp trung và cấp thấp, đặc biệt dễ bị chịu ảnh hưởng. Nhưng lỗ hổng này có thể báo trước tình trạng khó khăn của tất cả trừ những giảng viên luật ưu tú nhất nếu việc làm trong môi trường học thuật ngày càng trở nên bấp bênh. Nghiên cứu này thảo luận về tầm quan trọng của sự đa dạng của giảng viên đối với sức mạnh của nghề luật và xem xét những rào cản mà các nữ giáo sư luật da màu gặp phải tại nơi làm việc. Tác giả xem xét sự giao thoa giữa chủng tộc và giai cấp dành cho phụ nữ trong môi trường

học thuật, từ đó tập hợp đưa ra những thực tiễn tốt nhất mà các nhà lãnh đạo học thuật có thể áp dụng nhằm loại bỏ những rào cản này, tạo ra một môi trường đại học hòa nhập và công bằng, đồng thời đảm bảo rằng những biến động trong giáo dục pháp luật không phá hoại những nỗ lực này. Tác giả cũng đưa ra các khuyến nghị dành cho Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ, Hiệp hội các Trường Luật Hoa Kỳ và US News & World Report.

Allen, Jackson và Harris (2018) [97] nghiên cứu về lĩnh vực giáo dục pháp luật với phụ nữ. Nhóm tác giả nhận định về số lượng người học tập và làm việc liên quan tới giáo dục pháp luật ở các trường luật đang thay đổi và phụ nữ chiếm đa số trong số sinh viên luật. Tuy nhiên, điều này lại không phản ánh sự thay đổi với việc ngày càng có nhiều nam giới chiếm giữ các vị trí trong khoa luật. Trong giáo dục pháp luật, phụ nữ chiếm ưu thế ở các vị trí có kỹ năng, bao gồm viết văn pháp luật, khám bệnh, thành công trong học tập, chuẩn bị cho quán bar hoặc thư viện. Theo khảo sát của Hiệp hội các Trường Luật Hoa Kỳ năm 2010, tỷ lệ giảng viên và giảng viên nữ cao đến mức những vị trí đó thường mang tính khuôn mẫu là nữ. Thuật ngữ đặt ra cho các vị trí thường do phụ nữ nắm giữ là "The Pink Ghetto Pipeline". Theo Bộ Lao động, The Pink Ghetto Pipeline mô tả các công việc và lĩnh vực nghề nghiệp trong lịch sử được coi là "công việc của phụ nữ" và được đưa vào danh sách là giảng dạy. Tuy nhiên, trong giáo dục pháp luật, các vị trí chính thức và cấp cao hơn chủ yếu do nam giới nắm giữ, trong khi phụ nữ thường tham gia vào giáo dục pháp luật thông qua các chương trình giảng dạy dựa trên kỹ năng không có biên chế và không có giảng viên. Ở một số vị trí này, phụ nữ gặp phải những thách thức như lương thấp, khối lượng công việc nặng nề và địa vị thấp hơn như theo hợp đồng, không có thâm niên hoặc theo ý muốn. Trong khi nhiều người có thể coi đây là một thách thức, thì việc chỉ coi những vị trí này như một "The Pink Ghetto Pipeline" sẽ làm giảm đi nhiều đóng góp của phụ nữ cho giáo dục pháp luật thông qua hệ thống đào tạo kỹ năng của giảng viên. Ngược lại, chúng ta bỏ lỡ cơ hội xem xét giáo dục pháp luật đã thay đổi như thế nào và phụ nữ đã chấp nhận thách thức như thế nào khi đi đầu trong

việc giáo dục thể hệ người học mới này trong khi nhiệt tình áp dụng các tiêu chuẩn mới của Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ để đánh giá và học tập của sinh viên. Có cơ hội để phụ nữ nổi trội ở những vị trí này nếu chúng ta cung cấp cho họ với các đồng minh đấu tranh cho vị thế bình đẳng và cung cấp sự hỗ trợ cần thiết. Nghiên cứu này tập trung vào sự thay đổi nhân khẩu học về giới trong giáo dục pháp luật, các lộ trình giáo dục pháp luật, cũng như vai trò và địa vị của phụ nữ trong giáo dục đại học với trọng tâm là giáo dục pháp luật.

Jane Kotzmann (2018, Oxford) [104], trong công trình “Tiếp cận dựa trên quyền con người trong giáo dục đại học: ” (The Human Rights-Based Why Human Rights Norms Should Guide Higher Education Law and Policy) đã phân tích và làm rõ sự cần thiết và tầm quan trọng của việc tiếp cận xây dựng nội dung, chương trình, phương pháp, cách thức giáo dục nói chung và giáo dục pháp luật nói riêng, từ cách tiếp cận dựa trên quyền con người, căn cứ theo các quy định của luật nhân quyền quốc tế, trong đó đặc biệt là Tuyên ngôn Thế giới về quyền con người 1945 và Công ước quốc tế về quyền dân sự chính trị và Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966.

Hai công trình nghiên cứu “Giáo dục pháp luật và Công bằng xã hội” (Social Justice and Legal Education) (của nhóm tác giả Chris Ashford, Paul McKeown (2021) [99]) và công trình “*Đổi mới giáo dục pháp luật: Giáo dục Nghề luật đang cải cách việc Giảng dạy và Thực hành Luật tại Châu Âu*” của nhóm tác giả Alberto Alemanno, Lamin Khadar (2018) [96] (*Reinventing Legal Education How Clinical Education Is Reforming the Teaching and Practice of Law in Europe*) đã phân tích và luận giải mối quan hệ biện chứng, thống nhất hữu cơ giữa giáo dục pháp luật với tiến bộ, công bằng và phát triển xã hội, đồng thời nhấn mạnh cách tiếp cận dựa trên quyền con người trong giáo dục pháp luật, nhấn mạnh đến chủ thể, vai trò chịu trách nhiệm quan trọng của nhà nước và những cơ quan, cá nhân đại diện cho nhà nước trong việc triển khai các chương trình, kế hoạch và hành động cụ thể nâng cao trình

độ nhận thức, hiểu biết pháp luật là tiền đề quan trọng cho nâng cao đời sống, sự phát triển kinh tế-xã hội và từng bước cải thiện công bằng xã hội...

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN NGHIÊN CỨU

1.3.1. Khái quát kết quả nghiên cứu liên quan đến đề tài

Từ kết quả của các công trình nghiên cứu đã khảo sát trên đây, có thể rút ra một số nhận xét, đánh giá có giá trị tham khảo cho đề tài luận án như sau:

Các luận án, bài viết trên nghiên cứu về GDPL, GDPL ở các góc độ luật học, xã hội học, tâm lý học, dân tộc học trong quan hệ với xây dựng và bảo vệ pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật, gắn với tăng cường pháp chế hoặc đặt trong quan hệ giữa xây dựng với tổ chức thực hiện pháp luật... Qua đó đã làm rõ nhiều luận cứ khoa học và thực tiễn về GDPL, vận dụng sáng tạo lý luận để xử lý, đánh giá thực tiễn gắn với tổ chức thực hiện pháp luật trên từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng cụ thể và đề ra một số giải pháp bảo đảm; khẳng định vị trí, vai trò cũng như hiệu quả của GDPL:

Thứ nhất, về mặt lý luận, đóng góp quan trọng nhất của các nghiên cứu là góp phần hình thành cấu trúc lý luận cho việc tiếp cận, phân tích và đánh giá hiệu quả của GDPL. Cấu trúc đó bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản như khái niệm, mục đích, chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp và các yếu tố bảo đảm.

Thứ hai, về mặt thực tiễn, các nghiên cứu đã gắn với công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong mối liên hệ với công tác tổ chức thực hiện pháp luật, đưa pháp luật vào cuộc sống. Phân tích, đánh giá thực trạng nhu cầu về GDPL của nhân dân; thực trạng thực thi chính sách, pháp luật về GDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như các Đề án, Chương trình về GDPL tại các Bộ, ngành, địa phương.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu đã vận dụng khá nhuần nhuyễn các vấn đề lý luận chung về GDPL vào nghiên cứu, giải quyết những vấn đề cụ thể, gắn với đặc điểm của từng địa bàn, khu vực (trong cả nước hoặc

từng khu vực, từng tỉnh, địa bàn cấp huyện, cấp xã...), nhóm đối tượng (đồng bào DTTS, học sinh, sinh viên, người chưa thành niên, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ, phạm nhân, công chức, viên chức...), lĩnh vực hoạt động cụ thể với những phạm vi thang bậc, cấp độ khác nhau, cả về lý luận và thực tiễn.

Nghiên cứu tổng quan về GDPL cho thấy, mặc dù mô hình lý luận về GDPL đã được các nhà khoa học xây dựng gần như hoàn thiện và đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn với những kết quả đáng trân trọng, những đóng góp quan trọng trên những khía cạnh nhất định về lý luận và thực tiễn về GDPL, chất lượng giáo dục pháp luật, có thể tham khảo, kế thừa chọn lọc trong quá trình nghiên cứu luận án. Tuy nhiên, các công trình khoa học mới chỉ đề cập các vấn đề lý luận liên quan đến đề tài như giáo dục pháp luật, nhiều đề tài còn mang tính khái quát, chung chung cho nhiều đối tượng khác nhau trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, chưa có công trình, đề tài nào tiếp cận và nghiên cứu cụ thể cơ sở lý luận, thực tiễn về giáo dục pháp luật cho đối tượng là người đồng bào dân tộc, tại nơi có đặc thù địa hình là vùng biên giới Tây Bắc. Các công trình nước ngoài cũng có rất ít các nghiên cứu về giáo dục pháp luật cho đối tượng dân tộc thiểu số trong vòng 20 năm trở lại đây. Thực tiễn GDPL cho thấy đối với đối tượng đặc thù như dân khu vực biên giới, ở địa bàn đặc thù như khu vực Tây Bắc, việc áp dụng mô hình lý luận chung về GDPL trong cả nước là chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân, nên cần có một mô hình lý luận đặc thù về GDPL cho nhóm đối tượng đặc thù này như là một bộ phận của hệ thống lý luận về GDPL chung trong cả nước, làm phong phú thêm hệ thống lý luận về GDPL nói chung và lý luận GDPL cho đối tượng cụ thể và địa bàn cụ thể.

Do đó, việc tiếp tục nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống về cơ sở lý luận như khái niệm, vai trò, đặc điểm, đặc thù, nội dung, hình thức, phương pháp, xác định các tiêu chí đánh giá GDPL cho đồng bào dân tộc tại các tỉnh biên giới Tây Bắc là thật sự cần thiết. Đó là những chức năng, nhiệm vụ mang

tính đặc thù trong hoạt động phổ biến pháp luật, phổ biến Hiến chương nhà nước, cũng như tuyên truyền, bảo vệ tổ quốc - đây là vấn đề được các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách quan tâm nghiên cứu một cách cụ thể.

Các công trình khoa học nêu trên đều cho rằng GDPL có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, chỉ ra sự cần thiết phải nâng cao chất lượng GDPL cho các đối tượng là đồng bào các dân tộc thiểu số tại các tỉnh biên giới Tây Bắc. Đồng thời, thông qua hoạt động GDPL giúp cho người dân nói chung có thể nắm vững các kiến thức pháp luật và trình độ hiểu biết pháp luật, đây là cơ sở bảo đảm cho sự an ninh, phát triển và bền vững tại vùng biên giới. Một số công trình mới chỉ có hướng nghiên cứu chung chung, luận án trên cơ sở đó sẽ tiếp tục làm rõ các vấn đề lý luận, có thêm cứ liệu đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng GDPL cho đồng bào các dân tộc thiểu số tại các tỉnh biên giới Tây Bắc nước ta.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra tiếp tục nghiên cứu trong đề tài luận án

Một là, về lý luận, luận án phải tiếp tục nghiên cứu, làm sáng tỏ:

Khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, hình thức, các điều kiện bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới... Đây là những vấn đề hoàn toàn mới, chưa có công trình nào trong nước và ngoài nước ngoài nghiên cứu.

Hai là, về thực tiễn, luận án cần tập trung phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện và có hệ thống về các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc; làm rõ nguyên nhân của kết quả, hạn chế của GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc.

Ba là, từ lý luận và thực tiễn về GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, luận án cần luận giải các quan điểm và đề xuất các giải pháp bảo đảm GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam trong thời gian tới.

1.4. GIẢI THUYẾT VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.4.1. Giả thuyết nghiên cứu

Tây Bắc Việt Nam có 04 tỉnh có đường biên giới khá dài với Trung Quốc và Lào, bao gồm Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, việc GDPL đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới để họ hiểu, thực hiện và vận dụng vào cuộc sống, hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật của họ đồng thời góp phần quan trọng trong việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết trong xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Tuy nhiên, hiện nay hoạt động GDPL nói chung, đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới ở Tây Bắc nói riêng vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, chưa đáp ứng được với mục tiêu, yêu cầu do Đảng và Nhà nước đã đặt ra, cụ thể như nội dung, hình thức tuyên truyền, chất lượng đội ngũ tuyên truyền viên,... Do đó, cần có những giải pháp toàn diện về nhận thức, tổ chức thực hiện và điều kiện bảo đảm, phù hợp, chuẩn hóa nội dung, đổi mới hình thức, phương pháp GDPL cho phù hợp với đặc thù của đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới, với tổ chức, hoạt động của các cấp chính quyền, đoàn thể ở địa phương. Giải quyết tốt các vấn đề đó thì việc GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới ở Tây Bắc sẽ có sự chuyển biến tích cực trong thời gian tới.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu chính: Vì sao và làm như thế nào để nâng cao ý thức pháp luật, tăng cường giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới ở Tây Bắc, Việt Nam trong bối cảnh hiện nay?

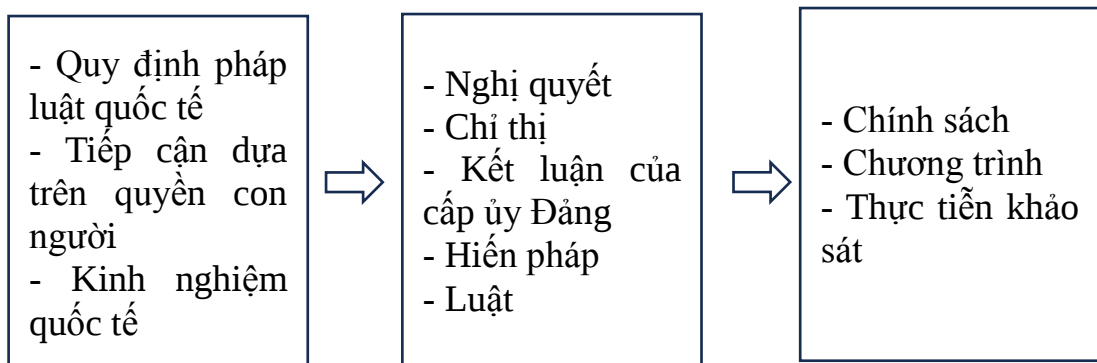
Câu hỏi nghiên cứu cụ thể:

- Thực trạng (kết quả, điểm nghẽn, thách thức,...) của GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới là gì?
- Nội dung, hình thức, phương pháp GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới có những yêu cầu gì đặt ra cho phù hợp với đặc điểm khu vực?

- Giải pháp đột phá bảo đảm giáo dục pháp luật *cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới ở Tây Bắc, Việt Nam trong bối cảnh hiện nay?*

1.4.3. Khung phân tích

Luận án dựa trên khung phân tích gồm các thành tố sau đây: (i) quan điểm của Đảng (các Nghị quyết cấp ủy Đảng), Chính sách và Pháp luật Nhà nước về giáo dục pháp luật, đồng bào dân tộc thiểu số, phát triển bền vững đồng bào dân tộc thiểu số,...(đặc biệt là Hiến pháp và Luật),...; ii) Pháp luật và thực tiễn quốc tế; iii) Tiếp cận dựa trên quyền con người (Human Rights-Based Approach to Legal Education); iv) Thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số tại vùng biên giới phía Bắc; v) giáo dục pháp luật trong bối cảnh mới (số hoá, AI,...);



Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn xác định giáo dục pháp luật là một trong những nội dung trọng tâm trong chiến lược phát triển con người, đặc biệt với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nghị quyết số 27-NQ/TW (2022) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN nhấn mạnh vai trò phổ biến, giáo dục pháp luật đến các nhóm dễ bị tổn thương, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số. Hiến pháp 2013 (Điều 5, 16, 42) và Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 cũng khẳng định quyền bình đẳng và tiếp cận pháp luật của mọi công dân, không phân biệt dân tộc. Các chính sách như Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn

2021-2030 (theo Quyết định 1719/QĐ-TTg) đã đưa giáo dục pháp luật thành một hợp phần cụ thể, nhằm góp phần nâng cao dân trí pháp lý và phát triển bền vững.

Ở góc độ quốc tế, giáo dục pháp luật cho người dân, đặc biệt là nhóm yếu thế, đã được công nhận là yếu tố then chốt để thúc đẩy pháp quyền và bình đẳng xã hội. UNESCO và UNDP đều khuyến nghị lồng ghép giáo dục pháp luật vào các chương trình phát triển bền vững. Các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đều yêu cầu các quốc gia đảm bảo quyền tiếp cận pháp luật bình đẳng cho dân tộc thiểu số. Thực tiễn một số quốc gia có đông dân tộc thiểu số như Canada, Úc, Na Uy đã cho thấy hiệu quả của việc thiết kế giáo dục pháp luật phù hợp ngôn ngữ, văn hóa và trình độ dân trí địa phương để bảo đảm tính hiệu quả và bền vững.

Cách tiếp cận dựa trên quyền con người (Human Rights-Based Approach - HRBA) trong giáo dục pháp luật đặt con người, đặc biệt là người yếu thế, ở trung tâm của quá trình hoạch định và triển khai chính sách. Theo đó, giáo dục pháp luật không chỉ nhằm truyền đạt kiến thức luật, mà còn là công cụ để đồng bào dân tộc thiểu số hiểu quyền, thực hiện quyền và yêu cầu quyền của mình. HRBA khuyến khích việc xây dựng nội dung pháp luật đơn giản, dễ tiếp cận, có phiên bản song ngữ (tiếng phổ thông và tiếng dân tộc), đồng thời đào tạo đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật tại chỗ - chính là người dân bản địa. Đây là hướng đi hiệu quả để đảm bảo tính bền vững và phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

Thực trạng tại các tỉnh biên giới, tỷ lệ tiếp cận thông tin pháp luật qua kênh chính thống của người dân vùng sâu, vùng xa vẫn còn thấp do rào cản ngôn ngữ, nhận thức pháp lý hạn chế, hạ tầng thông tin còn thiếu. Nhiều mô hình tuyên truyền pháp luật còn nặng hình thức, thiếu tính địa phương hóa. Tuy vậy, một số mô hình tốt như “tổ hòa giải pháp luật bản làng”, “câu lạc bộ pháp luật thôn bản” đã mang lại hiệu quả nhất định. Điều này cho thấy

cần thúc đẩy tính linh hoạt và bản địa hóa nội dung pháp luật trong giáo dục cộng đồng.

Trong thời đại chuyển đổi số, giáo dục pháp luật cũng cần thích ứng để hiệu quả hơn với đồng bào dân tộc thiểu số. Các nền tảng số, ứng dụng công nghệ thông tin - ví dụ như thư viện pháp luật trực tuyến, chatbot tư vấn pháp luật bằng tiếng dân tộc, video minh họa tình huống pháp lý qua YouTube, TikTok... - đang mở ra cơ hội tiếp cận đa dạng, sinh động hơn. Tuy nhiên, thách thức là cơ sở hạ tầng mạng chưa đồng đều, và phần lớn người dân chưa có kỹ năng sử dụng công nghệ. Vì vậy, các chương trình giáo dục pháp luật số cần kết hợp mô hình “lai ghép” giữa truyền thống và hiện đại, đồng thời phải đảm bảo tính nhân văn, không thay thế vai trò của người truyền đạt tại cộng đồng địa phương.

Trong bối cảnh mới, khung phân tích giáo dục pháp luật cần được xây dựng theo hướng tích hợp đa chiều, gắn với các yếu tố thay đổi nhanh chóng của xã hội như chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và yêu cầu nâng cao năng lực pháp lý cho công dân. Việc xây dựng khung phân tích toàn diện như vậy giúp xác định rõ những thách thức và cơ hội trong công tác GDPL, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp, hiệu quả hơn trong giai đoạn mới.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã xây dựng đầy đủ về tổng quan tình hình nghiên cứu tới giáo dục pháp luật. Về phương diện lý luận, các công trình nghiên cứu đã đóng góp quan trọng vào việc định hình và phát triển khung lý thuyết phục vụ cho việc tiếp cận, phân tích và đánh giá hiệu quả hoạt động GDPL. Hệ thống lý luận này bao gồm những nội dung cốt lõi như khái niệm, mục tiêu, chủ thể, đối tượng, nội dung, hình thức, phương pháp thực hiện GDPL và các yếu tố bảo đảm cho quá trình tổ chức thực hiện. Nhờ đó, các nghiên cứu đã tạo nền

tăng chung giúp nhận diện đầy đủ bản chất và vai trò của GDPL, nhất là khi áp dụng cho nhóm đối tượng đặc thù

Thứ hai, xét về khía cạnh thực tiễn, các nghiên cứu đã gắn kết chặt chẽ giữa việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật và triển khai thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội thông qua công tác GDPL. Nhiều công trình đã tập trung phân tích nhu cầu tiếp cận pháp luật của nhân dân, đánh giá thực trạng thi hành các chính sách, văn bản pháp luật liên quan đến GDPL, đồng thời khảo sát việc tổ chức thực hiện các chương trình, đề án phổ biến pháp luật tại các bộ, ngành và địa phương.

Chương 1 cũng đã đưa ra giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu, làm định hướng cho các bước nghiên cứu ở các chương tiếp theo.

Chương 2

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI

2.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới

** Khái niệm giáo dục pháp luật*

Theo từ điển *Giáo dục học* thì “giáo dục” được định nghĩa: “Giáo dục là hoạt động hướng tới con người thông qua một hệ thống các biện pháp tác động nhằm truyền thụ bằng tri thức và khái niệm, rèn luyện kỹ năng và lối sống bồi dưỡng tư tưởng và đạo đức cần thiết cho đối tượng giúp hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất, nhân cách phù hợp với mục đích, mục tiêu chuẩn bị cho đối tượng tham gia hoạt động sản xuất và đời sống xã hội” (Bùi Hiền, 2002) [24].

Theo Phạm Đình Nghiệp (2004) [65]: “Giáo dục là hình thái xã hội, là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch, ảnh hưởng tự giác chủ động đến con người đưa đến sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức nhân cách”

Còn theo quan điểm triết học của TS. Trần Sỹ Phán: “Giáo dục là một quá trình hai mặt, một mặt đó là sự tác động từ bên ngoài vào đối tượng giáo dục (sự tác động của giáo dục tri thức, văn hóa nhân loại thông qua nhà sư phạm đến đời sống của học sinh, sinh viên); mặt khác (và chủ yếu hơn là) thông qua sự tác động này mà làm cho đối tượng tự biến đổi bản thân mình, tự hoàn thiện, tự nâng mình lên qua giáo dục” (Trần Sỹ Phán, 1999) [67].

Qua các định nghĩa, khái niệm, quan điểm của các nhà khoa học, giáo dục là một hoạt động của xã hội loài người và nó mang tính tất yếu, bởi thông qua hoạt động này loài người mới có thể tiếp tục tồn tại, cải hoá thế giới và phát triển, hoàn thiện mình trong đời sống xã hội. Giáo dục có nội hàm rất rộng, nên được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau. Theo nghĩa rộng, giáo dục

được hiểu là quá trình trao đổi và chuyển giao tri thức của con người theo một quy củ đã được định sẵn. Hiểu theo nghĩa hẹp, giáo dục là một quá trình hình thành nên nhân cách của con người dưới ảnh hưởng của hoạt động có mục đích của nhà giáo dục.

Theo cách tiếp cận về các quyền, giáo dục pháp luật có thể được hiểu là quá trình cung cấp, truyền đạt và nâng cao nhận thức pháp luật cho công dân, nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin pháp luật, quyền được giáo dục và học tập suốt đời, quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, quyền bình đẳng trước pháp luật, cũng như quyền được bảo vệ hợp pháp. Cụ thể:

GDPL là quyền và cũng là điều kiện để thực hiện quyền: Mọi công dân có quyền được tiếp cận kiến thức pháp luật để bảo vệ bản thân và thực hiện quyền, nghĩa vụ trong xã hội.

GDPL đảm bảo tính bình đẳng trong tiếp cận pháp luật: Không phân biệt giới tính, dân tộc, địa vị xã hội, mọi người đều có cơ hội học tập, hiểu biết và thực thi pháp luật một cách công bằng.

GDPL giúp công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội: Khi hiểu biết pháp luật, công dân có thể thực hiện quyền giám sát, phản biện, tham gia xây dựng chính sách và bảo vệ lợi ích hợp pháp của cộng đồng.

GDPL gắn với bảo vệ quyền con người: Thông qua GDPL, công dân không chỉ hiểu rõ quyền của mình mà còn biết cách sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền lợi trước các hành vi vi phạm hoặc xâm phạm lợi ích hợp pháp.

Như vậy, GDPL không chỉ là quá trình truyền đạt kiến thức pháp luật mà còn là công cụ để bảo đảm thực thi quyền con người, thúc đẩy xã hội công bằng, dân chủ và phát triển bền vững.

Về bản chất: “Giáo dục là quá trình tổ chức cuộc sống hoạt động và giao lưu cho đối tượng giáo dục, nhằm giúp họ nhận thức đúng tạo lập tình cảm và thái độ đúng, hình thành những thói quen hành vi văn minh trong cuộc sống, phù hợp với chuẩn mực xã hội” (Phạm Viết Vượng, 1996 [95]).

Từ nội hàm và bản chất của giáo dục, ta thấy được, để hình thành nên nhân cách của một con người theo đúng như chuẩn mực xã hội, nhà giáo dục

phải có cả một hệ thống các phương diện để giáo dục, chính vì vậy, giáo dục có rất nhiều phương diện hợp thành: Giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo dục kinh tế, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thường thức, giáo dục sinh thái, giáo dục về giới... Như vậy, có thể thấy, giáo dục chính trị tư tưởng là một phương diện hợp thành không thể thiếu khi đào tạo giáo dục một con người.

Theo Từ điển từ và ngữ Hán - Việt, “Giáo dục là quá trình hoạt động có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức nhằm bồi dưỡng cho con người những phẩm chất đạo đức và những tri thức cần thiết để người ta có khả năng tham gia mọi mặt của đời sống xã hội" [46].

Pháp luật là thành tựu của trí tuệ và là nét đẹp văn hóa trong đời sống xã hội. Đó là biểu hiện của văn minh thông qua cách ứng xử của con người với nhau, ứng xử với tự nhiên và xã hội. Pháp luật thiết lập trật tự, sự công bằng và dân chủ. Chính vì vậy, pháp luật là một phần không thể thiếu của đời sống con người. Pháp luật được hiểu là hệ thống các quy tắc xử sự chung được đặt ra bởi nhà nước và mang tính bắt buộc thực hiện với mọi chủ thể trong xã hội. Nội dung của pháp luật thể hiện ý chí, bản chất của giai cấp thống trị. Cụ thể, định nghĩa về pháp luật gồm các yếu tố sau: Pháp luật do Nhà nước ban hành hoặc chấp nhận đối với những tập quán ban đầu có sẵn; Là hệ thống các quy tắc xử sự chung, được áp dụng với quy mô cả nước, đối với mọi chủ thể trong xã hội; Pháp luật mang tính bắt buộc áp dụng, bởi vậy các chủ thể sẽ không có quyền thực hiện hay không thực hiện pháp luật; Nội dung của pháp luật thể hiện ý chí, bản chất của giai cấp thống trị. Tóm lại, khi nói đến pháp luật thường sẽ nói đến những quy phạm mang tính bắt buộc và phổ biến, áp dụng trong toàn xã hội và được áp dụng nhiều lần

Xuất phát từ giá trị phổ biến của pháp luật, việc giáo dục pháp luật nhằm đưa pháp luật đến với mọi người, qua đó hiện thực hóa quyền được thông tin và đảm bảo quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân trở thành hoạt động tự thân của nền giáo dục.

Giáo dục pháp luật là sự tác động có định hướng có tổ chức nhằm hình thành tri thức, tình cảm và hành vi phù hợp với quy định của pháp luật, làm cho công dân tự giác tuân thủ, thi hành pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật của công dân. Giáo dục pháp luật được thực hiện thông qua việc dạy và học pháp luật trong các nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu của giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần hình thành và bồi dưỡng ý thức công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Khái niệm giáo dục pháp luật có thể tiếp cận từ nhiều nghĩa, trong đó nghĩa rộng giáo dục pháp luật được coi là một bộ phận của hệ thống giáo dục nói chung, còn theo nghĩa hẹp giáo dục pháp luật là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch của chủ thể giáo dục pháp luật để truyền tải, truyền đạt những nội dung pháp luật thông qua các phương pháp giáo dục và hình thức giáo dục phù hợp với đối tượng được tiếp nhận nhằm đạt những mục tiêu và hiệu quả giáo dục nhất định. Từ cách hiểu theo nghĩa hẹp trên có thể định nghĩa: “Giáo dục pháp luật là quá trình tác động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, theo nội dung và thông qua những phương pháp, hình thức nhất định nhằm hình thành và phát triển tri thức pháp luật, nhận thức về pháp luật, thói quen và hành vi xử sự theo các chuẩn mực pháp luật”.

Như vậy “giáo dục” và “giáo dục pháp luật” là hoạt động tương tác gồm nhiều bước giữa chủ thể giáo dục (bao gồm chủ thể tổ chức thực hiện giáo dục và chủ thể thực hiện giáo dục) và chủ thể được giáo dục, trong đó việc xác định chủ thể được giáo dục là cơ sở để xây dựng kế hoạch, mục đích và lựa chọn các phương pháp và hình thức phù hợp.

* Khái niệm dân tộc thiểu số

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 4 Nghị định 05/2011/NĐ-CP thì: Dân tộc thiểu số là những dân tộc có số dân ít hơn so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh

thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Dân tộc đa số là dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng dân số của cả nước, theo điều tra dân số quốc gia.

Theo Thông cáo báo chí kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, toàn quốc có 82.085.729 người dân tộc Kinh, chiếm 85,3% và 14.123.255 người dân tộc khác, chiếm 14,7% tổng dân số của cả nước [79].

Như vậy, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam là 53 dân tộc trong thành phần dân tộc Việt Nam, trừ dân tộc Kinh là dân tộc đa số.

Tuy còn thiếu thốn về điều kiện giáo dục so với đồng bào Kinh, các dân tộc thiểu số đều có đại diện với vai trò cán bộ và công chức trong các cấp chính quyền, đặc biệt là cấp tỉnh và thành phố. Tuy nhiên, trình độ văn hóa, đặc biệt là tỷ lệ biết chữ có khác biệt lớn giữa các nhóm dân tộc thiểu số. Tỷ lệ trung bình cho 53 dân tộc thiểu số là 79,8%, tuy nhiên con số này biến thiên từ mức thấp nhất là 34,6% với dân tộc La Hủ, tới cao nhất là các dân tộc Thổ, Mường, Tày và Sán Dìu đạt 95%. Tỷ lệ người lao động là dân tộc thiểu số đã qua đào tạo bằng 1/3 của cả nước. [37]

Tuy các dân tộc thiểu số có sự khác biệt với nhau về phong tục tập quán, rừng vẫn đóng vai trò quan trọng với phần lớn các dân tộc thiểu số. Người Mông, Thái, Dao đỏ, Vân Kiều, Ja Rai, Ê Đê, và Ba Na sinh sống trên nhiều tỉnh thành trên cả nước vẫn nương tựa vào rừng cộng đồng. Họ có những khu rừng thiêng phục vụ mục đích về tâm linh tín ngưỡng cũng giống như người Kinh có đền thờ và nhà thờ dòng họ. Luật tục cũng quy định những khu rừng đầu nguồn, nguồn nước nơi người dân thờ Thần Nước. Ngoài ra còn có các khu rừng khai thác sản phẩm chung của cả làng bản, ví dụ như dược liệu, củi, và vật liệu để làm đồ thủ công. Hình thức quản lý rừng truyền thống theo cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong phong tục tập quán cũng như sinh kế của các dân tộc thiểu số tại Việt Nam.

Ngoài sản xuất lâm nghiệp, sản xuất nông nghiệp là sinh kế với nhiều dân tộc thiểu số. Cả hai hình thức canh tác lâm nghiệp và nông nghiệp đều cần có đất. Tuy nhiên các dân tộc thiểu số vẫn còn gặp nhiều khó khăn về

quyền đất đai để duy trì hoạt động sản xuất và sinh hoạt văn hóa. Trong nỗ lực bảo vệ sinh kế và khuyến khích bảo vệ môi trường, một số cộng đồng đã được chính phủ giao đất để họ tiếp tục quản lý rừng truyền thống theo cộng đồng.

** Khái niệm khu vực biên giới*

Khu vực biên giới quốc gia là bộ phận nhất định của lãnh thổ quốc gia tiếp giáp biên giới quốc gia, có quy chế riêng do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định để bảo vệ biên giới quốc gia. Tùy theo mối quan hệ nước tiếp giáp, tùy theo đặc điểm địa lý và tình hình cụ thể khác mà khu vực biên giới được quy định cụ thể khác nhau về phạm vi và quy chế.

Khu vực biên giới trên đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm các xã, phường, thị trấn có địa giới hành chính tiếp giáp với đường biên giới quốc gia trên đất liền và đường biên giới trên sông, suối biên giới.

Căn cứ Điều 6 Luật Biên giới Quốc gia 2003 [49], Khu vực biên giới bao gồm: Khu vực biên giới trên đất liền bao gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền; Khu vực biên giới trên biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào ngoài địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và quần đảo, quần đảo; Khu vực biên giới trên không bao gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới quốc gia trở vào.

** Khái niệm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới*

Qua khái niệm về giáo dục pháp luật, vấn đề đặc trưng của vùng biên giới được nêu ra ở trên, có thể mở rộng để định nghĩa cho khái niệm Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới: *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới là quá trình hoạt động có định hướng, có tổ chức có mục đích, có kế hoạch, theo nội dung và thông qua những phương pháp, hình thức nhất định từ phía chủ thể thực hiện hoạt động giáo dục pháp luật, tác động đến đối tượng tiếp nhận phổ biến, giáo dục pháp luật là đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới, nhằm làm hình*

thành và phát triển ở họ hệ thống tri thức pháp luật, trình độ hiểu biết về pháp luật; làm hình thành tình cảm, thói quen và hành vi xử sự tích cực theo pháp luật.

2.1.2. Đặc điểm của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới

GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới là một dạng cụ thể của GDPL nói chung vì vậy nó cũng có các đặc điểm chung của GDPL. Bao gồm:

Thứ nhất, GDPL là hoạt động có mục đích nhằm hình thành ở đối tượng GDPL những tri thức hiểu biết về Nhà nước và pháp luật cũng như tình cảm và thói quen xử sự phù hợp với quy định của pháp luật. Thông qua GDPL giúp các chủ thể nhận thức đúng đắn, đầy đủ và toàn diện về những chuẩn mực xã hội, những hành vi được làm, những hành vi không được làm, những hành vi bị nghiêm cấm và giới hạn các quyền, nghĩa vụ của mình và của các chủ thể khác được pháp luật bảo vệ và cơ chế để tổ chức thực thi các quyền và nghĩa vụ, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp.

Thứ hai, GDPL là hoạt động có định hướng nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể theo những chuẩn mực mà pháp luật đặt ra. Đó cũng chính là quá trình chuyển tải các tri thức của nhân loại nói chung, của một Nhà nước, một chính thể nói riêng về hiện tượng Nhà nước và pháp luật để hình thành ở đối tượng GDPL tri thức hiểu biết đúng đắn về Nhà nước và pháp luật. Thông qua hiểu biết pháp luật, các chủ thể biết tự mình điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với những chuẩn mực, quy tắc, đòi hỏi của pháp luật. Sự hiểu biết pháp luật của các chủ thể càng sâu sắc, càng đầy đủ, chính xác thì tính hợp pháp trong hành động của họ càng được bảo đảm và hạn chế được các hành vi vi phạm pháp luật do không hiểu biết pháp luật. Thông qua GDPL còn giúp các chủ thể định hướng hành vi đúng đắn phù hợp với pháp luật, biết sử dụng tri thức pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, từng bước xây dựng và hình thành thói quen suy nghĩ và hành động hợp pháp và cao hơn là xây dựng lối sống văn hóa pháp luật.

Thứ ba, GDPL là hoạt động có tổ chức, đó là sự tác động của chủ thể GDPL lên đối tượng GDPL theo những nguyên tắc, yêu cầu cụ thể, với những nội dung, hình thức, phương pháp nhất định phù hợp với đặc thù của đối tượng GDPL nhằm đạt được các mục tiêu mà chủ thể GDPL đề ra. Trong quá trình hoạt động có tổ chức đó, trách nhiệm trước hết và chủ yếu thuộc về Nhà nước; Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong việc tổ chức thực hiện và huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia để đạt được các mục tiêu đề ra bởi lẽ, chính nhà nước ban hành Hiến pháp và pháp luật nên có trách nhiệm tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật mà khâu đầu tiên GDPL đến với nhân dân và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ tổ chức thực thi pháp luật.

Thứ tư, GDPL là hoạt động thường xuyên, liên tục, lâu dài, đặt trong mối quan hệ với quá trình giáo dục toàn diện các tri thức tinh hoa pháp luật trong đời sống xã hội, quy tắc xã hội; là quá trình GDPL kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể chuyên nghiệp và các chủ thể không chuyên nghiệp, có định hướng của Nhà nước. Đặc biệt, do mục tiêu hướng đến là tri thức hiểu biết pháp luật, xây dựng tình cảm lối sống và cao hơn là văn hóa pháp luật, vì vậy người thực hiện hoạt động GDPL phải là người có tri thức hiểu biết pháp luật, không chỉ nắm vững tri thức pháp luật ở góc độ tính hệ thống, mà còn phải có kỹ năng truyền tải các tri thức, quy định pháp luật đó đến với các chủ thể một cách rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, đồng thời là tấm gương sáng, là hình mẫu trong việc tuân thủ và chấp hành pháp luật.

Thứ năm, đối tượng GDPL với tư cách là đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của các thông tin pháp luật, trực tiếp tiếp nhận các thông tin pháp luật từ các chủ thể GDPL, vì thế, năng lực, trình độ hiểu biết pháp luật cũng như các yếu tố nhân thân khác của chủ thể GDPL là yếu tố tác động trực tiếp ảnh hưởng đến quá trình tiếp thu tri thức hiểu biết pháp luật từ phía đối tượng GDPL. Mục tiêu cao nhất của GDPL là nhằm truyền đạt thông tin, nội dung pháp luật, tri thức pháp luật trong đời sống đến với đối tượng, giúp đối tượng GDPL có được những hiểu biết về pháp luật góp phần nâng cao ý thức pháp

luật; hình thành lòng tin, tình cảm vào pháp luật, hình thành nhân cách hành vi và xây dựng đời sống văn hóa pháp luật.

Thứ sáu, ngoài sự tác động có chủ định của các chủ thể GDPL lên đối tượng GDPL, một thuộc tính quan trọng khác trong hoạt động GDPL đó là nghĩa vụ học tập, tiếp cận tri thức pháp luật của người dân thể hiện ở tính tích cực, chủ động tự giác của mỗi cá nhân trong việc tự mình nâng cao tri thức hiểu biết pháp luật cũng như vận dụng tri thức hiểu biết pháp luật vào quá trình thực hiện các hành vi của mình.

Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới có những đặc điểm đặc thù liên quan đến chủ thể, đối tượng, và môi trường. Các yếu tố này cần được xem xét để đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp trong triển khai hoạt động giáo dục pháp luật.

Chủ thể của giáo dục pháp luật tại khu vực biên giới rất đa dạng, bao gồm các cơ quan nhà nước, lực lượng biên phòng, các tổ chức xã hội, và những cá nhân có uy tín trong cộng đồng. Các cơ quan như chính quyền địa phương, công an, tòa án và lực lượng biên phòng đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải các quy định pháp luật. Ngoài ra, các tổ chức như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, và Hội Nông dân cũng tích cực tham gia vào công tác tuyên truyền. Đặc biệt, vai trò của già làng, trưởng bản và những người có uy tín là không thể thay thế, bởi họ được người dân tin tưởng và dễ dàng tiếp nhận thông điệp từ họ. Để thực hiện hiệu quả, các chủ thể cần hiểu rõ văn hóa, ngôn ngữ và phong tục tập quán của người dân địa phương, đồng thời sử dụng các phương pháp truyền đạt trực quan, gần gũi và dễ hiểu.

Đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới là đối tượng đặc thù của giáo dục pháp luật, với sự đa dạng về dân tộc, ngôn ngữ và trình độ nhận thức. Do trình độ học vấn của người dân thường hạn chế, thậm chí có nơi còn tình trạng mù chữ, các nội dung giáo dục pháp luật cần đơn giản, thực tế và dễ hiểu. Họ quan tâm nhiều đến các vấn đề pháp luật liên quan trực tiếp đến đời sống, như quyền sử dụng đất, hôn nhân gia đình, và các quy định về an ninh biên giới. Tuy nhiên, do ảnh hưởng từ phong tục tập quán, một số thói quen

xử lý tranh chấp bằng luật tục có thể không phù hợp với pháp luật hiện hành. Tâm lý của người dân thường dựa vào lời khuyên từ già làng, trưởng bản hơn là tự tìm hiểu văn bản pháp luật, vì vậy giáo dục pháp luật cần lồng ghép với các hoạt động cộng đồng để tạo sự gần gũi.

Môi trường giáo dục pháp luật ở khu vực biên giới chịu tác động mạnh từ điều kiện địa lý, xã hội và tình hình an ninh. Với địa hình đồi núi hiểm trở và giao thông không thuận lợi, việc tiếp cận người dân gặp nhiều khó khăn, trong khi cơ sở hạ tầng phục vụ giáo dục pháp luật như nhà văn hóa cộng đồng, trường học còn hạn chế. Bên cạnh đó, các khu vực biên giới là nơi giao thoa văn hóa giữa các dân tộc và bị ảnh hưởng bởi phong tục của các nước láng giềng, tạo nên sự đa dạng nhưng cũng phức tạp trong công tác giáo dục pháp luật. Tình hình an ninh biên giới, với các vấn đề như buôn lậu, vượt biên trái phép và tranh chấp đất đai, càng làm nổi bật tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức pháp luật. Trong bối cảnh công nghệ thông tin còn hạn chế, các phương tiện truyền thông truyền thống như loa phát thanh, đài địa phương là công cụ hữu ích để phổ biến pháp luật.

Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng giữa các chủ thể, nội dung phù hợp với đối tượng, và tận dụng tốt các điều kiện môi trường. Sự am hiểu văn hóa địa phương, sử dụng phương pháp truyền đạt linh hoạt, và lồng ghép pháp luật với các vấn đề thực tiễn trong đời sống là chìa khóa để nâng cao nhận thức pháp luật. Điều này không chỉ giúp người dân thượng tôn pháp luật mà còn góp phần đảm bảo an ninh biên giới và xây dựng một cộng đồng phát triển bền vững.

2.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới

Đồng bào dân tộc thiểu số chịu ảnh hưởng và chủ yếu ứng xử, giải quyết các quan hệ theo truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của từng dân tộc, từng vùng, miền. Người dân ở đây phần lớn chưa chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật; khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật không đồng đều.

Ngoài ra, khu vực biên giới với đặc điểm địa hình là vùng núi, thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai - sự khắc nghiệt của thiên nhiên, biến đổi khí hậu. Cuộc sống của họ chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của nền kinh tế tiểu nông và những điều kiện sinh hoạt trong nông nghiệp, nông thôn, canh tác phụ thuộc vào mùa vụ. Giáo dục pháp luật có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự phát triển của tư duy pháp lý, định hướng các hành vi của chủ thể trên thực tế.

Xác định, chỉ rõ tầm quan trọng và yêu cầu của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân khu vực biên giới, thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã quan tâm ban hành các chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm đẩy mạnh việc phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân khu vực biên giới. Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân có nêu rõ: “Cần bố trí một khoản ngân sách cần thiết cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; có chính sách trợ giá các loại sách, tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hoặc phát miễn phí các loại sách và tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật cho nhân dân, nhất là nhân dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số”. Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân tiếp tục nhấn mạnh việc đổi mới cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí, ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhóm đối tượng đặc thù, yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 đã xác định: Nhân dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, ven biển, hải đảo là nhóm đối tượng đặc thù, được sự quan tâm, tăng cường thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật với nội dung, hình thức phù hợp. Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 ban hành chương trình hành động thực

hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI), Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2013 phê duyệt và tổ chức thực hiện các Đề án tại Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 09/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI), trong đó có Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, hải đảo giai đoạn 2013 - 2016” và Đề án “Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn và đồng bào dân tộc thiểu số”. Các Đề án này đều tập trung nguồn lực triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân tại địa bàn vùng biên giới với các lực lượng chủ công là bộ đội biên phòng và cán bộ làm công tác dân tộc. Phần lớn là các nhiệm vụ có tính giai đoạn, gắn với thực tế địa bàn, chưa có đề án, nội dung chuyên biệt, đặc thù về văn hóa, thể thao và du lịch.

Thứ nhất, Giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới góp phần cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của nhà nước, bảo vệ an ninh quốc gia, độc lập chủ quyền của Tổ quốc.

“Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân” (Hiến pháp 2013 [26]). Một trong những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN là thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, mọi chủ thể trong xã hội đều phải tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật mà Hiến pháp là đạo luật tối cao, bộ luật gốc mang tính nền tảng. “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ” (Hiến pháp 2013 [26]). Hệ thống các văn bản pháp luật được ban hành ngày một nhiều để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, đảm bảo cho sự vận hành bình thường của đời sống xã hội, bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhà nước, tập thể và công dân. Tuy nhiên, pháp luật không thể phát huy được hiệu lực, hiệu quả nếu không được đưa vào cuộc sống. GDPL được xác định là khâu đầu tiên của thi hành pháp luật, là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị, bảo đảm quyền được

thông tin về pháp luật của công dân, nâng cao nhận thức pháp luật cho các nhóm đối tượng, trên các lĩnh vực, địa bàn. Pháp luật sẽ được truyền tải tới mọi công dân thông qua nhiều hình thức, biện pháp phong phú, đa dạng, phù hợp với từng đối tượng, địa bàn; qua đó giúp mọi công dân nắm bắt được các quy định của pháp luật, đặc biệt các quy định pháp luật liên quan trực tiếp tới từng đối tượng.

Thứ hai, Giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật, hạn chế vi phạm pháp luật.

Đối với người dân tộc khu vực biên giới, GDPL có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống của họ; GDPL sẽ giúp họ nâng cao ý thức pháp luật nhằm từng bước hình thành thói quen hành động theo pháp luật, giúp người dân bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của mình, giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội theo pháp luật, hạn chế các hình thức gây rối của các thế lực thù địch, tác động, làm người dân vi phạm pháp luật, ảnh hưởng tới cuộc sống; nâng cao tinh thần yêu nước của đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là người dân tộc các tỉnh biên giới.

Thứ ba, Giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới góp phần đưa pháp luật vào thực tiễn đời sống.

Pháp luật có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội. Vì pháp luật không chỉ là công cụ để nhà nước quản lý xã hội; phương tiện để công dân thực hiện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, mà còn tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của ý thức đạo đức, lành mạnh hóa đời sống xã hội và góp phần bồi đắp những giá trị mới.

Việc tăng cường vai trò của pháp luật vào thực tiễn đời sống được đặt ra như một tất yếu khách quan, không chỉ nhằm mục đích xây dựng một xã hội có trật tự, kỷ cương, văn minh, mà còn hướng đến bảo vệ và phát triển các giá trị chân chính, trong đó có ý thức đạo đức nhất là đối với trẻ em. Theo khoản 1 Điều 39 Luật trẻ em năm 2016 quy định trẻ em có bốn phạm “Tôn

trọng, lễ phép với người lớn tuổi; quan tâm, giúp đỡ người già, người khuyết tật, phụ nữ mang thai, trẻ nhỏ, người gặp hoàn cảnh khó khăn phù hợp với khả năng, sức khỏe, độ tuổi của mình” [51].

Giữa pháp luật và đạo đức luôn có sự tương tác qua lại, hỗ trợ lẫn nhau. Để nâng cao vai trò và phát triển ý thức đạo đức, ngoài các biện pháp tích cực khác, thì không thể thiếu vai trò của pháp luật và ý thức pháp quyền. Pháp luật chặt chẽ, đầy đủ sẽ giáo dục, phát triển ý thức, đạo đức con người phát triển; ngược lại khi đạo đức được mở rộng và ảnh hưởng một cách toàn diện, tích cực đến mọi hành vi, mọi mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, thúc đẩy pháp luật phát triển.

Do đó, pháp luật đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ nền đạo đức của xã hội. Có thể nói, pháp luật là phương tiện không thể thiếu được cho sự tồn tại bình thường của xã hội nói chung và nền đạo đức nói riêng.

Bởi lẽ, “pháp luật bao giờ cũng là một trong những biện pháp để khẳng định một chuẩn mực đạo đức và biến nó thành thói quen. Chuẩn mực càng khó khẳng định bao nhiêu thì vai trò của pháp luật càng quan trọng bấy nhiêu. Vì vậy, không thể buông lỏng pháp luật nếu việc này chưa được chuẩn bị bằng sự tiến bộ đạo đức của xã hội”. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường toàn cầu hóa như hiện nay, yêu cầu đặt ra đối với pháp luật là phải tác động tích cực đến nền đạo đức của xã hội. Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân trong hoạt động của mình phải tuân thủ và chấp hành nghiêm pháp luật.

Quá trình phát triển nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải tích cực hơn nữa trong việc đưa pháp luật vào đời sống, hình thành và phát triển ý thức pháp luật nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Pháp luật không những là công cụ để quản lý nhà nước, mà còn góp phần hình thành ý thức tôn trọng và chấp hành những quy phạm chung, giúp con người có những hành vi ứng xử văn minh, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong đó có ý thức đạo đức.

Thứ tư, Giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới góp phần tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: Pháp luật không phải là để trừng trị con người, mà là công cụ bảo vệ, thực hiện lợi ích của con người [76]. Thực tế cho thấy vẫn còn một bộ phận nhỏ có hành vi xem thường pháp luật, có tâm lý trốn tránh pháp luật, dẫn đến vi phạm pháp luật. Bản chất của pháp luật không phân biệt đối xử, mọi công dân đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau cụ thể khoản 1 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật”. Khoản 1 Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản” [50].

Thứ năm, Giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới góp phần bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, đẩy lùi hủ tục lạc hậu.

Bản sắc văn hóa dân tộc là tập hợp các giá trị văn hóa, thứ tự xã hội, tập quán, và đặc điểm nghệ thuật đặc trưng cho một nhóm người cụ thể hoặc một cộng đồng dân tộc. Bản sắc văn hóa dân tộc thường xuất phát từ lịch sử, địa lý, truyền thống, và ngôn ngữ riêng biệt của dân tộc đó. Nó thể hiện sự đa dạng và độc đáo của mỗi dân tộc trên thế giới. Bản sắc văn hóa dân tộc giúp duy trì sự đa dạng và sự nhận thức về giá trị văn hóa của mỗi dân tộc. Nó cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xác định danh tính và tự hào của một nhóm người cụ thể.

Giáo dục pháp luật giúp người dân nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, hiểu đúng và hiểu rõ đâu là những giá trị văn hóa tinh thần cần được bảo tồn và lưu trữ, đâu là những hủ tục lạc hậu gây ảnh hưởng tới đời sống, sức khỏe của người dân cần được loại trừ. Việc đưa giáo dục pháp luật tiếp cận tới

từng bản, làng với từng phương thức cụ thể và phù hợp giúp đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số thêm tươi sáng, nhưng vẫn gìn giữ được những nét đặc sắc trong văn hóa riêng.

2.2. CÁC THÀNH TỐ CẤU THÀNH CỦA GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI

2.2.1. Mục đích, nguyên tắc của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới

Những năm qua, các cấp, ngành chức năng đã triển khai nhiều cách làm, sáng tạo trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số. Qua đó, nâng cao nhận thức pháp luật, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, giữ vững quốc phòng - an ninh vùng biên giới.

Trên thực tế, trình độ nhận thức hạn chế, điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu hiểu biết pháp luật, tập quán lạc hậu... là những nguyên nhân khiến tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết còn tồn tại khá phổ biến trong cộng đồng các dân tộc ít người tại các tỉnh biên giới.

Thực tế này đã và đang để lại nhiều hệ lụy, khiến người dân khó thoát vòng luẩn quẩn “lấy vợ, lấy chồng sớm - sinh nhiều con - đói nghèo”. Cùng với đó, còn khá nhiều vụ việc vi phạm quy định quản lý bảo vệ rừng, xâm canh khu vực biên giới và vi phạm liên quan đến ma túy xảy ra do người dân không hiểu hoặc hiểu không đúng quy định pháp luật.

Mục đích chính của giáo dục pháp luật là giúp người dân nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật, từng bước thay đổi tập quán lạc hậu, góp phần nâng cao nhận thức đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền các cấp; từng bước vươn lên xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần góp sức xây dựng hệ thống chính trị cơ sở các xã vùng cao, biên giới ngày càng vững mạnh.

Thứ nhất, hình thành, củng cố và nâng cao ý thức pháp luật cho người dân.

Trang bị kiến thức pháp luật để tạo dần nền tảng tri thức pháp luật, từng bước mở rộng và làm sâu sắc tri thức hiểu biết pháp luật; am hiểu thấu đáo pháp

luật và biết cách đánh giá một cách đúng đắn các hành vi pháp lý. Đây là mục tiêu đầu tiên của GDPL vì việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, nguyên tắc cơ bản là thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; vì vậy, mỗi người dân cần được trang bị kiến thức pháp luật, am hiểu pháp luật để góp phần bảo đảm sự phát triển ý thức pháp luật, văn hoá pháp luật ở con người.

Tri thức pháp luật cần được truyền tải, đưa vào cuộc sống với những hình thức, phương pháp đa dạng, phong phú, phù hợp. Nội dung pháp luật đưa đến cho đồng bào dân tộc thiểu số không chỉ là những văn bản quy phạm pháp luật đơn thuần, mà còn là các vấn đề còn tồn tại vướng mắc về pháp lý liên quan đến đối tượng giáo dục cần giải quyết; các dự thảo văn bản pháp luật mà đối tượng điều chỉnh là đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới. Mục đích của GDPL là chuyển hóa kiến thức pháp luật đang là yếu tố bên ngoài trở thành yếu tố nội sinh đối với đối tượng GDPL; từ đó hình thành nhận thức về pháp luật với tư cách là những nhận thức pháp lý, thái độ, tình cảm và niềm tin pháp lý phù hợp. Khi đã trở thành yếu tố nội sinh của cá nhân thì nó có vai trò hỗ trợ cho việc định hướng các hành vi ứng xử phù hợp với pháp luật, tạo dần thói quen trong chấp hành pháp luật, có kỹ năng sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Thứ hai, hình thành thái độ, tình cảm và niềm tin đối với pháp luật.

Trong quá trình tiếp nhận tri thức từ hoạt động giáo dục pháp luật, người dân có thể tham gia có ý kiến vào quá trình xây dựng văn bản, đánh giá được đầy đủ các giá trị của pháp luật, đồng tình hay không đồng tình với nội dung quy định của pháp luật. Qua đó nhận thức được nhu cầu phải hành động phù hợp với pháp luật hay coi thường hoặc thậm chí vi phạm. Tuy nhiên, để đạt tới mục đích cảm xúc về pháp luật còn phụ thuộc rất nhiều vào trình độ tri thức pháp luật, nhận thức về pháp luật, ý thức tuân thủ pháp luật, phụ thuộc vào hệ thống văn bản pháp luật có công khai, minh bạch, công bằng, tính khả thi, tính nghiêm minh của tổ chức thi hành pháp luật.

Tri thức pháp luật càng đầy đủ thì tình cảm pháp luật càng mạnh mẽ; nó tạo nên cơ sở của sự định hướng lòng tin ổn định vào các giá trị của pháp luật,

đồng thời giúp cho con người tổ chức một cách có ý thức hành vi của mình và tự kiểm tra hành vi từ các quan điểm, chuẩn mực pháp lý. Tri thức pháp luật phải là sự am hiểu có hệ thống với những nhận thức thấu đáo về nội dung, ý nghĩa của pháp luật, biết đánh giá một cách tin tưởng các sự kiện pháp lý với hành vi này hay hành vi kia là hợp pháp hay không hợp pháp, hợp lý hay không hợp lý.

Thứ ba, giáo dục pháp luật nhằm đảm bảo quyền con người, quyền công dân cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Thông qua giáo dục pháp luật, giúp người dân nói chung, đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới nói chung, nhận thức rõ và thực hành trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng, xã hội, tạo lập thói quen tôn trọng, bảo vệ quyền con người phù hợp với các nguyên tắc của pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia về quyền con người.

Khi người dân càng hiểu biết nhiều về các quyền của chính mình thì càng tôn trọng các quyền của những người khác và như vậy càng có cơ hội chung sống hoà bình. Chỉ khi nào đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới được giáo dục về quyền con người đầy đủ thì mới có thể ngăn chặn những hành vi vi phạm, hành vi sai pháp luật do thiếu hiểu biết.

Giáo dục quyền con người kết hợp với giáo dục pháp luật không chỉ nhằm mục đích phòng ngừa vi phạm pháp luật nói chung mà còn có ý nghĩa thúc đẩy mọi người ý thức tôn trọng các giá trị sống, các quyền, tự do của bản thân và của tất cả những người khác, nội dung giáo dục đặc biệt coi trọng việc giải thích các giá trị cốt lõi của quyền con người, ý nghĩa của việc tôn trọng quyền con người; ý thức được giá trị của con người, tôn trọng quyền, lợi ích của những người khác, ý thức về công bằng, tự do và trách nhiệm của con người đối với cộng đồng, xã hội.

Thứ tư, hình thành hành vi xử sự tích cực theo pháp luật.

Đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới có đặc điểm, đặc thù xuất phát từ các yếu tố như trình độ, học vấn, hoàn cảnh gia đình, nhận thức và các yếu tố khác như môi trường làm việc nói riêng, môi trường văn hóa, xã hội, kinh

tế nói chung tác động... đã khiến người dân ở đây có những khó khăn, thiệt thòi hơn các đối tượng khác. Chính vì vậy, giáo dục pháp luật của Nhà nước ta mang đậm tính nhân văn, giáo dục pháp luật nhằm trang bị và nâng cao kiến thức pháp luật, nhận thức, ý thức tìm hiểu, chấp hành pháp luật; trang bị cho họ hành lang pháp lý để tự bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình, biết tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác; tạo được mặt bằng chung, tương đối hài hòa giữa các đối tượng, giảm thiểu sự chênh lệch về kiến thức, nhận thức và bảo vệ quyền của của các đối tượng; góp phần xây dựng văn hóa pháp luật, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN.

Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới cần tuân thủ một số nguyên tắc cơ bản để đảm bảo hiệu quả, phù hợp với đặc thù của địa phương và đối tượng. Các nguyên tắc này bao gồm:

Nguyên tắc tôn trọng sự đa dạng văn hóa. Việc giáo dục pháp luật phải phù hợp với phong tục, tập quán, và văn hóa của từng dân tộc thiểu số. Các nội dung và phương pháp giáo dục cần tránh xung đột hoặc phủ nhận giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng, mà thay vào đó nên lồng ghép pháp luật với các yếu tố văn hóa để dễ tiếp cận hơn. Sử dụng ngôn ngữ bản địa hoặc người thông thạo ngôn ngữ của dân tộc thiểu số là một trong những yếu tố cần thiết để đảm bảo tính hiệu quả.

Nguyên tắc đảm bảo quyền bình đẳng. Mọi đồng bào dân tộc thiểu số, không phân biệt về giới tính, độ tuổi, hoặc điều kiện kinh tế, đều phải được tiếp cận giáo dục pháp luật. Đặc biệt, cần chú trọng đến các nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em, hoặc người có hoàn cảnh khó khăn để đảm bảo họ hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong các lĩnh vực pháp luật.

Nguyên tắc gắn với thực tiễn đời sống. Giáo dục pháp luật cần tập trung vào những vấn đề thiết thực, gần gũi với đời sống hàng ngày của đồng bào dân tộc thiểu số. Nội dung giáo dục nên bao gồm các quy định pháp luật về quản lý đất đai, bảo vệ rừng, hôn nhân gia đình, phòng chống buôn lậu và tội phạm

xuyên biên giới. Việc gắn pháp luật với các tình huống thực tế sẽ giúp người dân dễ dàng áp dụng vào cuộc sống.

Nguyên tắc dễ hiểu, dễ nhớ và dễ thực hiện. Do trình độ học vấn của đồng bào dân tộc thiểu số thường hạn chế, việc giáo dục pháp luật cần được thực hiện bằng ngôn ngữ đơn giản, nội dung rõ ràng, và có tính trực quan. Sử dụng các hình thức tuyên truyền như trình chiếu hình ảnh, video, kịch bản sân khấu, hoặc phát thanh bằng tiếng dân tộc sẽ giúp người dân dễ dàng tiếp nhận hơn.

Nguyên tắc phối hợp nhiều lực lượng. Công tác giáo dục pháp luật ở khu vực biên giới đòi hỏi sự tham gia của nhiều chủ thể như chính quyền địa phương, lực lượng biên phòng, các tổ chức xã hội, và những người có uy tín trong cộng đồng. Sự phối hợp này sẽ tạo ra sức mạnh tổng hợp, đồng thời đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả trong việc truyền tải thông điệp pháp luật.

Nguyên tắc phù hợp với điều kiện địa phương. Giáo dục pháp luật cần được triển khai linh hoạt, phù hợp với điều kiện địa lý, cơ sở hạ tầng, và tình hình an ninh tại khu vực biên giới. Ở những vùng sâu, vùng xa, việc tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật lưu động hoặc sử dụng loa phát thanh, đài truyền hình địa phương là những cách tiếp cận hiệu quả.

Nguyên tắc bền vững và lâu dài. Giáo dục pháp luật không chỉ dừng lại ở các chương trình ngắn hạn mà cần được thực hiện liên tục, lâu dài để tạo sự chuyển biến trong nhận thức và hành vi của người dân. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế kiểm tra, đánh giá hiệu quả của công tác giáo dục pháp luật để có những điều chỉnh phù hợp.

Nguyên tắc bảo vệ lợi ích quốc gia. Trong bối cảnh khu vực biên giới có vai trò quan trọng về an ninh - quốc phòng, giáo dục pháp luật cần gắn liền với việc nâng cao ý thức bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và sự đoàn kết dân tộc. Người dân cần được giáo dục về trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn an ninh biên giới, phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật như vượt biên trái phép, buôn lậu, hoặc phá rừng.

Tuân thủ các nguyên tắc trên sẽ giúp công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới đạt hiệu quả cao, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, cải thiện đời sống của người dân, và đảm bảo an ninh, trật tự khu vực biên giới quốc gia.

2.2.2. Chủ thể, đối tượng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới

** Chủ thể giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới*

Chủ thể giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới có tính mở, khá đa dạng: đội ngũ báo cáo viên pháp luật, giáo viên trong các trường học, chính quyền địa phương và đội ngũ cán bộ công chức cấp cơ sở, Bộ đội Biên phòng, các tổ chức chính trị xã hội, người có uy tín trong cộng đồng tại địa phương.

Theo điều 37 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 do Quốc hội ban hành, tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật ở cơ sở được xác định: (i) Là người có uy tín, kiến thức, am hiểu về pháp luật được xem xét để công nhận là tuyên truyền viên pháp luật ở xã, phường, thị trấn hoặc được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật ở cơ sở; (ii) Là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận tuyên truyền viên pháp luật; (iii) Tuyên truyền viên pháp luật và những người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật được cung cấp văn bản pháp luật; được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật; hưởng thù lao, chế độ theo quy định của pháp luật.

Chính quyền địa phương các cấp là chủ thể trung tâm trong việc triển khai kế hoạch, tổ chức các hoạt động giáo dục pháp luật. Theo quy định tại Điều 11, Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số. Đội ngũ cán bộ công chức cấp cơ sở thông qua việc thực hiện nhiệm vụ của mình cũng

là chủ thể giáo dục pháp luật hiệu quả. Quá trình họ giải thích, hướng dẫn cho người dân sử dụng quyền và thực hiện nghĩa vụ trước pháp luật chính là cách hữu hiệu để nâng cao hiểu biết pháp luật và ý thức pháp luật của người dân. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ công chức cơ sở là đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương, am hiểu ngôn ngữ, phong tục tập quán địa phương nên thuận lợi trong việc có được niềm tin của nhân dân địa phương và sẽ có những cách thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật phù hợp nhất với các điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương.

Bộ đội Biên phòng giữ vai trò đặc biệt quan trọng ở khu vực biên giới. Họ không chỉ thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh mà còn là lực lượng tiên phong trong giáo dục pháp luật cho đồng bào nhất là những quy định liên quan đến xuất nhập cảnh, bảo vệ biên giới quốc gia, phòng chống tội phạm... Với lợi thế “ba cùng” (cùng ăn, cùng ở, cùng làm) họ trở thành cầu nối hiệu quả giữa pháp luật và đời sống cộng đồng dân tộc thiểu số.

Các tổ chức chính trị - xã hội như Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên cũng đóng góp vai trò lan toả nhận thức pháp luật trong cộng đồng.

Để công tác giáo dục pháp luật có trọng lượng hơn nữa khi tiếp cận tới đồng bào dân tộc thiểu số thì càng thấy vai trò quan trọng của nhóm người có uy tín trong cộng đồng dân cư. Có thể nói, đối tượng người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số luôn có vị trí, vai trò quan trọng đối với gia đình, dòng họ, dòng tộc, cộng đồng dân cư và ảnh hưởng quyết định đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội: trong sinh hoạt, lao động, sản xuất, thực hiện các nghi lễ tín ngưỡng, bảo vệ, giữ gìn an ninh, trật tự làng bản khi xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp... Trong đời sống cộng đồng, người có uy tín giữ vai trò đầu tàu bảo đảm sự vận hành của cộng đồng thông qua việc duy trì phong tục, tập quán, ổn định trật tự, an toàn xã hội, thúc đẩy phát triển sản xuất, giải quyết mối quan hệ với các cộng đồng khác và với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước ở địa phương.

Ở các bản làng ở vùng trung du và miền núi phía Bắc, trưởng thôn, bản có vị trí rất quan trọng trong đời sống xã hội của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Đối với dân tộc Mông, trưởng dòng họ và bà cô là những người có vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của người Mông. Đối với các dân tộc Dao, Mường, Thái và một số dân tộc thiểu số khác ở các tỉnh miền núi phía Bắc thì những người thực hiện nghi lễ tín ngưỡng, cầu cúng cho gia đình, dòng họ hoặc bản, làng có vị trí quan trọng trong đời sống tâm linh của các dân tộc. Với các buôn làng vùng rừng núi Trường Sơn - Tây Nguyên, già làng là trụ cột quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển cuộc sống mới trong cộng đồng: “Già làng nói - dân làng nghe, Già làng hô - dân làng hưởng ứng, Già làng làm - dân làng làm theo”. Già làng chính là cây cổ thụ tỏa bóng mát cho các thế hệ trong buôn làng, là chỗ dựa tinh thần cho cả cộng đồng, bởi vậy tất cả việc lớn, hệ trọng của cộng đồng và của mỗi gia đình từ lễ hội, cưới hỏi, ma chay đến làm nhà mới, đầy tháng cho trẻ, lễ trưởng thành... đều phải có sự đứng ra “làm chủ” của già làng. Trong khi đó ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, các vị sư sãi thuộc Phật giáo Nam Tông ở các chùa Khơ-me có vai trò hết sức quan trọng trong đời sống dân cư của đồng bào dân tộc Khơ-me. Các chức sắc tôn giáo thuộc đạo Hồi và đạo Bà-la-môn có một vai trò cực kỳ quan trọng trong đời sống tâm linh của đồng bào dân tộc Chăm ở nước ta.

** Đối tượng của giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới*

Đối tượng của giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số được xác định cụ thể là người dân ở vùng dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương; cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng đồng bào dân tộc thiểu số; lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã, thôn, bản; già làng, trưởng thôn, bản, người có uy tín, các chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số; doanh nghiệp, Hợp tác xã, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đặc biệt khó khăn.

Đối tượng của giáo dục pháp luật là những đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại khu vực biên giới. Họ có các đặc điểm đặc thù cần được chú ý trong quá

trình thực hiện giáo dục pháp luật: Sự đa dạng về ngôn ngữ và văn hóa; Trình độ học vấn và nhận thức pháp luật hạn chế; Sự phụ thuộc vào luật tục; Sự quan tâm đến các vấn đề thiết thực.

Chủ thể và đối tượng của giáo dục pháp luật tại khu vực biên giới có mối quan hệ chặt chẽ, đòi hỏi sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, và cá nhân có uy tín để truyền tải pháp luật một cách hiệu quả. Việc hiểu rõ đặc điểm của đồng bào dân tộc thiểu số giúp xây dựng các chương trình giáo dục pháp luật phù hợp, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật và ổn định an ninh khu vực biên giới.

2.2.3. Nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới

* Nội dung GDPL cho công dân nói chung và nội dung GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới:

Xét nội dung giáo dục pháp luật cho công dân được nhắc tới trong điều Điều 10, mục 1, chương 2 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 do Quốc hội ban hành. Theo đó, nội dung giáo dục pháp luật cho công dân nói chung bao gồm ba nội dung:

Nội dung 1, Quy định của Hiến pháp và văn bản quy phạm pháp luật, trọng tâm là các quy định của pháp luật về dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, lao động, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh, giao thông, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, các văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

Nội dung 2, Các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế.

Nội dung 3, Ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật.

Nhằm tạo chuyển biến về nhận thức và ý thức tự giác chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động đồng

bảo các dân tộc sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 08/8/2017 phê duyệt Đề án: “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021” (gọi tắt là Đề án 1163) [84].

Trong 5 năm thực hiện Đề án 1163, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số đã được các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện thường xuyên, liên tục, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với điều kiện sinh hoạt, đặc điểm, phong tục tập quán, văn hóa truyền thống của từng dân tộc, vùng miền; nội dung thiết thực, hiệu quả, giúp cán bộ và nhân dân hiểu, nhận thức đúng đắn, đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của mình để thực hiện pháp luật một cách tự giác, hạn chế dần tình trạng vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết của đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, từ đó, góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước; vận động đồng bào các dân tộc xây dựng xã hội lành mạnh, sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật, nhằm ổn định chính trị, tạo sự đồng thuận xã hội, thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển bền vững vùng dân tộc thiểu số.

Tổng kết Đề án 1163 cho thấy, Đề án có nội dung thiết thực, phù hợp với địa bàn vùng dân tộc thiểu số, từng bước đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật của đồng bào dân tộc thiểu số. Để tiếp tục phát huy những kết quả tích cực của Đề án, Ủy ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, tích hợp chính sách này vào Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Ngày 14/10/2021, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1719/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Chương trình này có nội dung cơ bản được tích hợp từ hơn 100 chính sách cụ thể của giai đoạn 2016-2020 kết hợp với một số chính sách mới được thiết kế thành tổng cộng 10

dự án, 14 tiểu dự án và 36 nội dung chính sách thành phần), trong đó tại nội dung “Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số” được xác định là nội dung số 2 của Dự án 10: Phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi..

Nội dung “Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số” tại Dự án 10 của Chương trình được hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2022. Theo đó, hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cần cần xác định rõ tuyên truyền cái gì, tuyên truyền cho ai, để làm gì và cách làm thế nào để có kết quả, “nói thế nào cho đồng bào hiểu được, đồng bào làm được”, cụ thể:

Với nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật:

Phổ biến nội dung Hiến pháp, các luật, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến vùng dân tộc thiểu số; chú trọng các nội dung phù hợp với tình hình thực tế ở các khu vực biên giới.

Tập trung phổ biến pháp luật cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số, nâng cao ý thức tôn trọng, chấp hành, bảo vệ pháp luật; các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội dung chính sách, pháp luật về: quốc phòng an ninh, ý thức trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc; phòng chống tham nhũng, lãng phí; phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; phòng, chống mua bán người, bạo lực gia đình; bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu; an toàn thực phẩm; an toàn giao thông; về cải cách hành chính; về hỗ trợ khởi nghiệp; hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật.

Với nội dung tuyên truyền về công tác dân tộc, chính sách dân tộc:

Tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và đại đoàn kết dân tộc; chú trọng nâng cao nhận thức về chính sách dân tộc, tạo niềm tin của đồng bào vào sự lãnh đạo Đảng, Nhà nước, yên tâm lao động, sản xuất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo đảm quốc phòng an ninh, ổn định chính trị vùng dân tộc thiểu số.

Tuyên truyền sâu rộng các chính sách dân tộc; chú trọng tuyên truyền Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới, Chương trình 135; các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, các dân tộc rất ít người; chính sách về giáo dục, y tế, đào tạo nghề nông thôn; các mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu; hướng dẫn đồng bào áp dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất và đời sống đồng bào vùng dân tộc thiểu số.

Tuyên truyền việc bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể của các dân tộc thiểu số (tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội của các dân tộc thiểu số, ẩm thực...), gắn với phát triển du lịch; vận động xóa bỏ các hủ tục lạc hậu; chăm sóc sức khỏe, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực vùng dân tộc thiểu số.

Tuyên truyền, thông tin đối ngoại sâu rộng về lĩnh vực công tác dân tộc, chính sách dân tộc nhất quán và đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta; quảng bá hình ảnh cộng đồng các dân tộc Việt Nam, những thành tựu về công cuộc xóa đói giảm nghèo với bạn bè quốc tế; vận động thu hút các nguồn lực phát triển của các tổ chức quốc tế vào vùng dân tộc thiểu số.

Tuyên truyền, vận động đồng bào các dân tộc cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hòa bình”, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá Đảng, Nhà nước ta; phản bác những luận điệu sai trái của các thế lực phản động; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; nâng cao nhận thức về chủ quyền, an ninh biên giới; đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em, truyền đạo

trái pháp luật. Tăng cường nắm bắt tình hình an ninh tư tưởng, phản ánh nguyện vọng của đồng bào vùng dân tộc thiểu số.

* Hình thức GDPL đặc thù cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới.

Điều 11, mục 1, chương 2 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 do Quốc hội ban hành quy định các hình thức giáo dục pháp luật, đó là:

(1) Hợp báo, thông cáo báo chí. Hợp báo là một thuật ngữ chuyên ngành, được hiểu là buổi họp có các nhà báo được mời và các khách mời có nội dung liên quan đến chủ đề cuộc họp để cùng đưa ra những câu hỏi, giải trình hay những tuyên bố trước công chúng về một chủ đề hoặc một sự việc quan trọng nào đó được diễn ra. Trong khi đó, thông cáo báo chí là một tài liệu quan trọng được doanh nghiệp hoặc tổ chức hoặc cơ quan phát đi khi sắp tổ chức một sự kiện hay hoạt động nào đó nhằm thông báo với giới truyền thông về sự kiện, hoạt động này.

(2) Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật. Khi đó, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trực tiếp là hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục mà người tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật (báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật) trực tiếp nói với người nghe về một, một số nội dung pháp luật (quy phạm, chế định, văn bản pháp luật) nào đó

(3) Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư.

(4) Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật. Thi tìm hiểu pháp luật là hình thức thi do cơ quan nhà nước, các tổ chức, các doanh nghiệp tổ chức nhằm động viên, khuyến khích đối tượng tìm đọc, nâng cao hiểu biết pháp luật, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đối tượng và nâng cao dân trí pháp lý.

(5) Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở.

(6) Lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.

(7) Thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Hình thức giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân theo Điều 24 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật 2012 như sau: Giáo dục chính khóa thông qua việc lồng ghép trong các hoạt động giáo dục ở cấp mầm non; môn học đạo đức ở cấp tiểu học; môn học giáo dục công dân ở cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; môn học pháp luật, pháp luật đại cương, pháp luật chuyên ngành tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học; các môn học trong cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân; Giáo dục ngoại khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

(8) Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng để bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đem lại hiệu quả.

Đối với nhóm đối tượng đặc thù là người dân ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân, hoạt động GDPL được thực hiện thông qua các hình thức như: Biên soạn, phát hành tài liệu tiếng dân tộc, sổ tay, đĩa CD; xây dựng chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc; phổ biến trực tiếp; biên soạn, phát hành tài liệu pháp luật; lồng ghép phổ biến trong hoạt động tôn giáo, văn hóa truyền thống... Nhiều hình thức, mô hình GDPL được thực hiện phù hợp với nhu cầu, đặc điểm, phong tục tập quán, văn hóa truyền thống của từng dân tộc, vùng miền như: Các chương trình phát thanh bằng 13 thứ tiếng dân tộc thiểu số (Mông, Thái, Dao, Chăm, Êđê, Cotu, Jarai, K'ho, Xơ-

đăng, M'nông, Bana, Kh'mer, Tày-Nùng) trên Đài Tiếng nói Việt Nam; Tổ tuyên truyền, GDPL trong đồng bào dân tộc Khmer và vận động không vi phạm PL"; Làng thanh niên "02 không, 02 có"; CLB Phụ nữ dân tộc thiểu số với pháp luật; mô hình sách nói pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số; Câu lạc bộ "3 tích cực trong đồng bào dân tộc Khmer hay mô hình tổ tự quản trong người Hoa, đồng bào dân tộc Khmer; Tổ tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong đồng bào dân tộc Khmer và vận động không vi phạm pháp luật; GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số thông qua người có uy tín, nhân sĩ trí thức, doanh nhân tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số...

Dựa trên những nội dung đã đề cập, các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm nhiều phương thức đa dạng, phù hợp với đặc thù từng khu vực. Cụ thể, công tác này có thể được thực hiện thông qua tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi ở cấp huyện, tỉnh hoặc phạm vi toàn quốc, kết hợp với các buổi nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật. Bên cạnh đó, GDPL cần được lồng ghép linh hoạt vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số để tăng cường sự tiếp cận và hiệu quả tuyên truyền.

Ngoài ra, việc xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát sóng bằng cả tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số, cũng là một giải pháp quan trọng. Các nội dung pháp luật có thể được truyền tải qua tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật, giúp đồng bào dễ hiểu, dễ tiếp cận. Đồng thời, việc biên soạn và phát hành tài liệu như tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm khác bằng chữ phổ thông hoặc song ngữ (phổ thông - dân tộc thiểu số) cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức pháp luật, giúp đồng bào dân tộc thiểu số dễ dàng tiếp cận và áp dụng vào thực tiễn, theo Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường hoạt động của công tác thông tin, tuyên truyền nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

2.3. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI KHU VỰC BIÊN GIỚI

Nghị định 05/2011/NĐ-CP Nghị định của Chính phủ về công tác dân tộc quy định, “Vùng dân tộc thiểu số là địa bàn có đông các dân tộc thiểu số cùng sinh sống ổn định thành cộng đồng trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam”, là địa bàn các xã, thôn có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số từ 15% số hộ trở lên. Do đó, công tác truyền thông chính sách, phổ biến, GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số, có vai trò quan trọng. Điều kiện bảo đảm GDPL cho người dân tộc có thể kể đến là:

Thứ nhất, điều kiện bảo đảm về pháp lý, yếu tố về mức hoàn thiện hệ thống pháp luật. Có thể nói, sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật nói chung trong đó có pháp luật về truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật là điều kiện thuận lợi để xây dựng nội dung truyền thông chính sách, phổ biến, GDPL phù hợp cho từng nhóm đối tượng tại Vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xét thấy, nếu hệ thống pháp luật còn tồn tại những vấn đề bất cập, lạc hậu, chưa theo kịp cuộc sống thì sẽ có ảnh hưởng nhất định, gây ra hạn chế đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng nói chung và với đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, về nội dung, hình thức GDPL và ngược lại. Chính vì thế hệ thống pháp luật trong đó pháp luật về GDPL thường xuyên được sửa đổi, bổ sung, cập nhật kịp thời để từ đó gia tăng nhận thức, hiểu biết, tình cảm và ý thức pháp luật của người dân.

Xuất phát từ vai trò, rút ra được ý nghĩa quan trọng của công tác giáo dục pháp luật đó là Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác này, đặc biệt là GDPL cho các nhóm đối tượng đặc thù, trong đó dân tộc thiểu số là nhóm đối tượng quan trọng. Điều 18, Nghị định số 5/2011/NĐ-CP của Chính phủ về Công tác dân tộc quy định tại về chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý, trong đó quy định rõ: “1. Đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng các dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật; 2. Chính quyền các cấp có trách nhiệm xây dựng, thực hiện các chương trình, đề án phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp

pháp lý phù hợp với từng đối tượng và địa bàn vùng dân tộc thiểu số; 3. Sử dụng có hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng, đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số”. Để pháp luật có thể đi vào cuộc sống, đưa pháp luật đến với người dân, phát huy hiệu lực thực tế, thông qua đó nâng cao ý thức pháp luật của người dân thì yêu cầu về chất lượng và tính khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật đóng vai trò rất quan trọng vì đây là hoạt động tác động một cách trực tiếp vào quá trình thực hiện, thực thi pháp luật trong đời sống thông qua đó tác động chính ý thức, hành vi của các chủ thể.

Thứ hai, điều kiện bảo đảm về các nguồn lực thể hiện ở mức độ xã hội hóa của hoạt động GDPL cho đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong giai đoạn hiện nay, khi mà các nguồn lực Nhà nước về cả nhân lực, vật lực còn hạn chế thì sự thu hút sự tham gia từ xã hội vào hoạt động này sẽ gia tăng hiệu quả của giáo dục pháp luật. Cùng với mức độ ngày càng cao của xã hội hóa thì càng đòi hỏi sự gia tăng kiểm soát của Nhà nước về chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục pháp luật. Việc triển khai Quyết định số 1163/QĐ-CP ngày 08/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vận động đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021” đã được các ngành, địa phương, đơn vị thực hiện tương đối nghiêm túc, có hiệu quả; đã phát huy tốt vai trò Cơ quan Thường trực của Hội đồng trong việc phối hợp phổ biến GDPL trong hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện công tác phổ biến GDPL, trong đó có tuyên truyền cho đồng bào dân tộc thiểu số. Nhiều ban ngành, nhiều địa phương đã chủ động, sáng tạo, đa dạng hóa xã hội nguồn phổ biến giáo dục pháp luật. Theo thống kê của Bộ Tư pháp, kinh phí xã hội hóa dành cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2021 là khoảng 575 tỷ đồng, trong đó kinh phí từ nguồn xã hội hóa gần 26 tỷ đồng (chiếm 4,3% tổng kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật); năm 2022 là hơn 664 tỷ đồng, trong đó kinh phí từ nguồn xã hội hóa khoảng 43 tỷ đồng (chiếm 6,4% tổng kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật). Do đó, xã hội hóa huy động sức dân từ những nguồn lực sẵn có, tận dụng nó để quay lại phục vụ nhân dân tốt hơn. Nguồn lực ấy có thể là kinh

phí, có thể là công sức, trí tuệ, sự tham gia tích cực... một cách tự nguyện của nhân dân.

Thứ ba, một trong những điều kiện quan trọng bảo đảm cho hiệu quả của công tác giáo dục pháp luật là sự thống nhất chính trị và cam kết thực thi mạnh mẽ từ toàn bộ hệ thống chính trị. Điều này đã được khẳng định trong Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư và Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc nâng cao nhận thức pháp luật trong cán bộ, công chức và Nhân dân. Đặc biệt, vai trò chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp là yếu tố có tính lan tỏa trong nhận thức xã hội, được thể hiện rõ qua các chính sách và hành vi quản lý cụ thể của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Bên cạnh đó, nhiều chuyên gia cho rằng cần phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác phổ biến pháp luật, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Những tổ chức này không chỉ đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người dân mà còn đóng vai trò kết nối, vận động quần chúng tham gia vào quá trình xây dựng và thực thi chính sách. Chính tiếng nói và hành động của họ góp phần củng cố sự đồng thuận xã hội, thúc đẩy bình đẳng pháp lý, cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật ở vùng sâu, vùng xa.

Thứ tư, yếu tố thuộc về phẩm chất, năng lực của chủ thể hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số. Con người là nhân tố quan trọng, quyết định đến thành công của mọi việc. “Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng” [5]. Do đó, về số lượng và chất lượng cán bộ tư pháp địa phương cũng là vấn đề thực sự có ý nghĩa tác động đến chất lượng hoạt động giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số trong thời gian tới. Qua một vài con số thống kê của các địa phương cho thấy, trình độ văn hoá nói chung và trình độ về luật học nói riêng của cán bộ

tư pháp còn rất nhiều hạn chế. Chính vì thế nếu các chủ thể hoạt động giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ, năng lực, phẩm chất, kỹ năng nghề nghiệp am hiểu kiến thức pháp lý chung cũng như phong tục tập quán, ngôn ngữ của đồng bào dân tộc thiểu số tốt thì sẽ lựa chọn những nội dung, hình thức phù hợp với các đối tượng; từ đó đổi mới nâng cao hiệu quả công tác này và ngược lại.

Thứ năm, Điều kiện đảm bảo về nguồn lực vật chất, phương tiện cho giáo dục pháp luật giữ vai trò vô cùng quan trọng, bởi đây là nền tảng giúp các hoạt động phổ biến, tuyên truyền pháp luật được triển khai đồng bộ và hiệu quả. Để công tác giáo dục pháp luật thực sự đi vào chiều sâu, cần có hệ thống cơ sở vật chất như phòng họp, hội trường, thiết bị trình chiếu, loa đài, máy tính, internet, và các phương tiện truyền thông phù hợp, đặc biệt tại vùng sâu, vùng xa, nơi đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Bên cạnh đó, việc in ấn, phát hành tài liệu pháp luật, tờ rơi, sách song ngữ (tiếng phổ thông và tiếng dân tộc), cũng cần được đảm bảo đủ kinh phí và chất lượng. Những điều kiện vật chất này không chỉ phục vụ cho các buổi tuyên truyền tập trung, mà còn giúp duy trì các hình thức phổ biến pháp luật linh hoạt như thông tin lưu động, truyền thanh cơ sở hay các ứng dụng số hiện đại. Khi được đầu tư đầy đủ và đồng bộ, hệ thống cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật sẽ giúp giảm bớt rào cản tiếp cận pháp luật cho đồng bào, đồng thời nâng cao hiệu quả lan tỏa của công tác giáo dục pháp luật trên thực tế.

2.4. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG BIÊN GIỚI Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO CHO VIỆT NAM

2.4.1. Kinh nghiệm của một số nước trên thế giới

Trong khuôn khổ phạm vi của luận án, các quốc gia sau đây: Trung Quốc, Indonesia, Mỹ và Nhật Bản sẽ được lựa chọn để nghiên cứu kinh nghiệm trong công tác giáo dục pháp luật (GDPL).

2.4.1.1. Trung Quốc

Trung Quốc là nước láng giềng có hệ thống chính trị tương đồng với Việt Nam, cùng đi theo mô hình xã hội chủ nghĩa. Trung Quốc đã triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật một cách đồng bộ, đặc biệt chú trọng việc giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các khu vực vùng cao, biên giới. Những kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc kết hợp giữa tuyên truyền pháp luật và giáo dục ý thức công dân, ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông pháp luật tại vùng sâu, vùng xa là những bài học hữu ích có thể tham khảo và vận dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Kinh nghiệm của Trung Quốc trong GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số là một bài học đáng tham khảo, bởi quốc gia này cũng có dân số dân tộc thiểu số đông đảo và tập trung ở các khu vực biên giới chiến lược. Các nỗ lực của Trung Quốc đã tập trung vào việc kết hợp giữa pháp luật, văn hóa và điều kiện thực tế của từng dân tộc, với các điểm nhấn sau đây:

Chủ thể GDPL ở đây là Chính quyền các cấp: Chính quyền trung ương và địa phương phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các chương trình giáo dục pháp luật, đặc biệt là tại các vùng tự trị dân tộc thiểu số như Tân Cương, Tây Tạng, Nội Mông và Vân Nam; Lực lượng chuyên trách: Trung Quốc thành lập các tổ công tác pháp luật tại địa phương, bao gồm cán bộ tư pháp, công an, và các chuyên gia pháp luật có kinh nghiệm trong việc tiếp xúc với đồng bào dân tộc thiểu số; Người uy tín và lãnh đạo cộng đồng: Vai trò của các trưởng làng, già làng và lãnh đạo tôn giáo được khai thác triệt để nhằm tăng cường tính thuyết phục và lan tỏa thông điệp pháp luật trong cộng đồng; Tổ chức xã hội: Các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, và các tổ chức phi chính phủ (NGO) cũng tham gia tích cực vào công tác giáo dục pháp luật [10].

Trung Quốc tập trung vào các nội dung pháp luật gần gũi với đời sống đồng bào dân tộc thiểu số [53], bao gồm: Luật pháp cơ bản thể hiện trong Hiến pháp, quyền công dân, và quyền lợi của các dân tộc thiểu số; Luật về đất đai và tài nguyên thiên nhiên: Giải thích quyền và nghĩa vụ của người dân trong quản lý và sử dụng tài nguyên, đặc biệt là đất đai và rừng; Luật về tôn giáo và văn

hóa: Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo và bảo vệ các giá trị văn hóa của dân tộc thiểu số; Luật hôn nhân và gia đình: Nhấn mạnh vào phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết, và quyền bình đẳng giới; Pháp luật về an ninh biên giới: Tuyên truyền các quy định về bảo vệ biên giới quốc gia, phòng chống buôn lậu và vượt biên trái phép [11].

Các hình thức được thực hiện bao gồm, tuyên truyền lưu động: Trung Quốc sử dụng các đội tuyên truyền pháp luật lưu động đến các làng bản xa xôi để tiếp cận người dân. Họ tổ chức các buổi nói chuyện, chiếu phim, và phát tài liệu pháp luật.

Sử dụng phương tiện truyền thông đại chúng, bao gồm trong đó là loạt chương trình phát thanh, truyền hình bằng ngôn ngữ dân tộc được phát sóng thường xuyên để phổ biến pháp luật đến người dân.

Hoạt động văn hóa - pháp luật: Kết hợp các nội dung pháp luật với các lễ hội, ngày hội văn hóa của các dân tộc thiểu số để thu hút sự chú ý và tham gia của cộng đồng.

Xây dựng "góc pháp luật" tại địa phương: Thành lập các trung tâm tư vấn pháp luật hoặc góc thông tin pháp luật tại các nhà văn hóa, trường học hoặc điểm sinh hoạt cộng đồng.

Phương pháp giáo dục pháp luật bao gồm, việc sử dụng ngôn ngữ dân tộc; Lòng ghép luật pháp với văn hóa dân tộc; Học thông qua các tình huống thực tiễn; Đào tạo người dẫn dắt cộng đồng. Cụ thể

Tài liệu pháp luật được dịch sang ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số để đảm bảo tính dễ hiểu. Ngoài ra, các cán bộ tuyên truyền được đào tạo ngôn ngữ và văn hóa địa phương để giao tiếp hiệu quả hơn. Nội dung pháp luật được truyền đạt qua các bài hát, truyện kể dân gian, hoặc kịch bản sân khấu, giúp người dân dễ tiếp cận và ghi nhớ. Các buổi tuyên truyền thường lấy ví dụ từ các vụ việc thực tế liên quan đến pháp luật mà người dân có thể gặp phải, như tranh chấp đất đai hoặc xử lý vi phạm an ninh biên giới. Trung Quốc chú trọng đào tạo các trưởng làng, lãnh đạo tôn giáo, và người có uy tín về kiến thức pháp luật, để họ trở thành cầu nối quan trọng giữa chính quyền và người dân [72].

Ở Trung Quốc, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số đặt trọng tâm là lấy văn hóa làm cầu nối. Kết hợp pháp luật với văn hóa dân tộc không chỉ giúp người dân dễ tiếp cận mà còn tạo sự gần gũi, tránh xung đột với phong tục tập quán. Ngoài ra, ở đây có phân cấp và phối hợp chặt chẽ. Việc phân công trách nhiệm rõ ràng giữa chính quyền trung ương, địa phương và các tổ chức xã hội đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả trong giáo dục pháp luật. Cùng với đó, giáo dục pháp luật phải lấy người dân làm trung tâm, chú trọng đến nhu cầu thực tế và đặc điểm riêng biệt của từng dân tộc thiểu số.

Kinh nghiệm của Trung Quốc trong giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số nhấn mạnh tính linh hoạt, sáng tạo và sự phối hợp đa dạng. Điều này không chỉ góp phần nâng cao nhận thức pháp luật mà còn tăng cường mối quan hệ gắn kết giữa chính quyền và người dân, xây dựng xã hội ổn định và phát triển bền vững.

2.4.1.2. Indonesia

Indonesia cũng là một quốc gia điển hình ở khu vực Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng với Việt Nam, đặc biệt là ở tính đa dạng dân tộc và tôn giáo. Quốc gia này đã và đang triển khai các chương trình giáo dục pháp luật phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng nhóm đối tượng, kết hợp linh hoạt giữa truyền thống và hiện đại, giữa trung ương và địa phương. Đáng chú ý là các chính sách pháp luật tại Indonesia được thiết kế để mang tính bao trùm và hòa nhập, giúp người dân thiểu số tiếp cận được quyền pháp lý cơ bản. Đây là kinh nghiệm rất phù hợp cho Việt Nam trong việc xây dựng chiến lược giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới Tây Bắc.

Indonesia là một quốc gia đa dân tộc với hơn 1.300 dân tộc và 700 ngôn ngữ, trong đó nhiều cộng đồng dân tộc thiểu số tập trung tại các khu vực hẻo lánh và biên giới. Để nâng cao nhận thức pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số, Indonesia đã áp dụng nhiều kinh nghiệm độc đáo, phù hợp với đặc điểm văn hóa và điều kiện thực tiễn của quốc gia.

Về chủ thể giáo dục pháp luật, với chính quyền trung ương và địa phương, chính phủ Indonesia, đặc biệt là Bộ Pháp luật và Nhân quyền (Ministry of Law

and Human Rights), đóng vai trò chủ đạo trong việc xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục pháp luật. Các chính quyền địa phương tại các tỉnh và huyện tự trị có trách nhiệm thực hiện các chương trình này phù hợp với từng cộng đồng dân tộc. Cùng với đó, nhiều tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế, như UNDP và USAID, đã phối hợp cùng chính phủ Indonesia để phát triển các chương trình tuyên truyền pháp luật tại vùng sâu, vùng xa. Người có uy tín trong cộng đồng: Vai trò của các trưởng làng, lãnh đạo truyền thống và tôn giáo được chú trọng trong việc tuyên truyền và phổ biến pháp luật. Họ là cầu nối quan trọng giữa chính quyền và cộng đồng. Các trường học, trung tâm đào tạo cộng đồng, và các tổ chức thanh niên địa phương cũng tham gia tích cực vào việc truyền tải kiến thức pháp luật cho thế hệ trẻ [30].

Nội dung giáo dục pháp luật tại Indonesia tập trung vào các lĩnh vực gắn gũi với đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm: Quyền con người và quyền công dân: Giới thiệu các quyền cơ bản của người dân theo Hiến pháp Indonesia, bao gồm quyền tự do tín ngưỡng, quyền bình đẳng giới, và quyền bảo vệ văn hóa truyền thống; Luật về tài nguyên và môi trường: Tuyên truyền các quy định về quyền sử dụng đất đai, bảo vệ rừng, và khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhằm bảo đảm quyền lợi của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với bảo vệ môi trường; Luật hôn nhân và gia đình: Giáo dục về các vấn đề như chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết, và bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em; Luật liên quan đến an ninh và trật tự: Tuyên truyền các quy định pháp luật về an ninh trật tự, phòng chống bạo lực, buôn bán người và các hoạt động trái phép khác; Luật bảo vệ văn hóa truyền thống: Nhấn mạnh các quyền của dân tộc thiểu số trong việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa phi vật thể [12].

Đối với hình thức, hình thức giáo dục pháp luật phổ biến ở Indonesia thông qua, Tuyên truyền qua truyền thông đại chúng; Tuyên truyền lưu động; Tổ chức các hội thảo và lớp tập huấn; Hoạt động văn hóa - nghệ thuật; Cung cấp tài liệu pháp luật đơn giản

Cụ thể, chính phủ sử dụng các kênh truyền hình, phát thanh, và báo chí địa phương bằng nhiều ngôn ngữ dân tộc để phổ biến pháp luật đến các cộng

đồng. Cùng với đó, các đội công tác pháp luật di chuyển đến các làng bản vùng sâu, vùng xa để tổ chức hội thảo, diễn đàn pháp luật, hoặc các buổi nói chuyện công khai. Chính quyền và các tổ chức xã hội tổ chức các khóa học ngắn hạn về pháp luật cho các nhóm dân tộc thiểu số tại các trung tâm văn hóa và trường học. Đi kèm với đó, giáo dục pháp luật được lồng ghép vào các hoạt động văn hóa truyền thống, như hát dân ca, kịch nghệ, hoặc các sự kiện lễ hội, giúp tăng cường tính gần gũi và hấp dẫn. Phát hành các sách hướng dẫn, tờ rơi, và tài liệu pháp luật được viết bằng ngôn ngữ dân tộc hoặc sử dụng hình ảnh minh họa để dễ dàng tiếp cận.

Phương pháp giáo dục pháp luật là Lấy văn hóa làm trung tâm: Nội dung giáo dục pháp luật được thiết kế để phù hợp với phong tục, tập quán, và niềm tin của từng dân tộc. Điều này giúp giảm thiểu xung đột giữa pháp luật nhà nước và luật tục địa phương. Sử dụng ngôn ngữ bản địa: Các chương trình giáo dục pháp luật được thực hiện bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số để đảm bảo người dân dễ dàng hiểu và áp dụng.

Phương pháp học qua thực tế: Các buổi tuyên truyền pháp luật thường được kết hợp với việc trình diễn các tình huống thực tế, như mô phỏng phiên tòa, giải quyết tranh chấp đất đai, hoặc xử lý các hành vi vi phạm. Đào tạo người dẫn dắt cộng đồng: Indonesia tổ chức các khóa tập huấn cho các trưởng làng và lãnh đạo cộng đồng để họ trở thành “những người tuyên truyền pháp luật” trong cộng đồng. Tham vấn cộng đồng: Chính quyền thường xuyên tổ chức các buổi tham vấn với cộng đồng dân tộc thiểu số để lắng nghe và giải quyết các vấn đề pháp luật cụ thể mà họ gặp phải.

Công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở Indonesia tuân thủ các nguyên tắc: Tôn trọng văn hóa và ngôn ngữ dân tộc. Giáo dục pháp luật phải phù hợp với phong tục và ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số để đạt hiệu quả; Kết hợp giữa pháp luật và luật tục: Việc lồng ghép pháp luật với các quy tắc truyền thống giúp người dân dễ dàng chấp nhận và thực hiện; Chủ động tiếp cận người dân: Tuyên truyền lưu động và các hình thức giáo dục linh hoạt là cách hiệu quả để tiếp cận các cộng đồng ở vùng sâu, vùng xa; Đào tạo người uy tín

trong cộng đồng: Phát huy vai trò của các lãnh đạo cộng đồng là yếu tố quan trọng để bảo đảm tính bền vững trong giáo dục pháp luật.

Kinh nghiệm của Indonesia cho thấy rằng, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số cần tập trung vào sự tôn trọng văn hóa, sự phối hợp giữa nhiều lực lượng, và việc sử dụng các phương pháp giáo dục linh hoạt, gần gũi. Những bài học này có thể là nguồn tham khảo quý giá cho các quốc gia đa dân tộc như Việt Nam trong việc nâng cao nhận thức pháp luật ở các khu vực biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2.4.1.3. Hoa Kỳ

Hoa Kỳ, tuy có hệ thống chính trị khác biệt, nhưng lại là quốc gia tiêu biểu cho mô hình pháp trị hiện đại và có nền tảng giáo dục công dân rất phát triển. Hệ thống giáo dục pháp luật ở Mỹ được thực hiện bài bản từ nhà trường, cộng đồng cho đến các nhóm yếu thế như người nhập cư, đồng bào dân tộc thiểu số. Mô hình giáo dục quyền và nghĩa vụ công dân, kết hợp giữa giáo dục chính quy và không chính quy ở Mỹ là nguồn tài liệu tham khảo giá trị, giúp Việt Nam nghiên cứu thêm các phương thức nâng cao ý thức pháp luật từ cơ sở.

Hoa Kỳ với sự đa dạng về dân tộc, đặc biệt là các cộng đồng người bản địa (Native Americans), đã triển khai nhiều chương trình giáo dục pháp luật hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức và bảo vệ quyền lợi cho các nhóm dân tộc thiểu số. Chủ thể chính trong việc giáo dục pháp luật bao gồm chính phủ liên bang và các tiểu bang, Cục Các vấn đề người bản địa (Bureau of Indian Affairs), các tổ chức phi chính phủ, và đặc biệt là các lãnh đạo cộng đồng. Chính phủ liên bang và các tiểu bang chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai các chương trình giáo dục pháp luật, đặc biệt tập trung vào các quyền cơ bản của công dân và các quyền đặc thù của đồng bào dân tộc thiểu số. Cục Các vấn đề người bản địa là cơ quan chịu trách nhiệm hỗ trợ và giám sát việc thực thi các chính sách liên quan đến các cộng đồng bản địa. Ngoài ra, các tổ chức phi chính phủ và các lãnh đạo cộng đồng cũng đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải kiến thức pháp luật cho người dân bản địa.

Nội dung giáo dục pháp luật cho dân tộc thiểu số ở Mỹ chủ yếu tập trung vào các vấn đề quyền công dân, quyền sở hữu đất đai, tài nguyên và bảo vệ văn hóa. Các chương trình giáo dục pháp luật giải thích các quyền cơ bản của công dân theo Hiến pháp, bao gồm quyền bình đẳng (Tập trung vào các luật chống phân biệt đối xử như Civil Rights Act 1964 và Voting Rights Act 1965), tự do ngôn luận, và quyền bầu cử. Ngoài ra, các quyền đặc thù của người bản địa, như quyền sở hữu và quản lý đất đai thuộc các bộ lạc, cũng được tuyên truyền rộng rãi. Các chương trình còn nhấn mạnh sự bảo vệ đối với phụ nữ và trẻ em, đặc biệt trong các vấn đề bạo lực gia đình. Đồng thời, việc bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ bản địa cũng được đưa vào các chương trình giáo dục pháp luật để người dân hiểu rõ và bảo vệ những giá trị truyền thống của cộng đồng mình ((NAGPRA) và Indian Arts and Crafts Act) [54], [55].

Các hình thức giáo dục pháp luật tại Mỹ khá đa dạng và linh hoạt. Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ sử dụng nhiều phương tiện truyền thông khác nhau như truyền hình, phát thanh, và các nền tảng kỹ thuật số để đưa thông tin pháp luật đến với người dân, đặc biệt là các cộng đồng bản địa. Các hội thảo cộng đồng, lớp học giáo dục pháp luật tại các trung tâm cộng đồng, hoặc trường học cũng là hình thức phổ biến để nâng cao nhận thức pháp luật. Thêm vào đó, việc sử dụng các tài liệu pháp luật đơn giản hóa, dễ hiểu, cùng với các chương trình giáo dục trong trường học giúp học sinh và thế hệ trẻ tiếp cận và hiểu rõ hơn về pháp luật. Hệ thống giáo dục cũng kết hợp giữa các phương thức trực tiếp và gián tiếp để tiếp cận đối tượng rộng rãi hơn.

Phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số tại Mỹ chú trọng vào việc sử dụng ngôn ngữ bản địa để dễ dàng truyền tải thông điệp. Các chương trình thường được thiết kế để kết hợp giữa pháp luật quốc gia và các luật tục địa phương, tạo ra sự hài hòa và dễ dàng tiếp nhận cho cộng đồng. Thực tiễn là một phương pháp quan trọng, khi các chương trình giáo dục pháp luật thường sử dụng các tình huống đời sống thực tế của người dân bản địa để làm ví dụ minh họa. Các lãnh đạo cộng đồng, như trưởng bộ lạc hoặc các cá nhân có uy tín trong cộng đồng, có vai trò quan trọng trong việc truyền đạt và duy trì thông tin

pháp luật. Họ không chỉ là người tiếp nhận thông tin mà còn giúp phổ biến và áp dụng những kiến thức pháp lý vào thực tế cộng đồng.

Những kinh nghiệm của Mỹ về giáo dục pháp luật cho dân tộc thiểu số cung cấp nhiều bài học quan trọng. Việc tôn trọng sự đa dạng văn hóa và ngôn ngữ, kết hợp giữa pháp luật quốc gia và luật tục địa phương là chìa khóa để nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật. Đặc biệt, phương pháp linh hoạt, như sử dụng các hình thức truyền thông đại chúng, hội thảo, và tài liệu đơn giản hóa, giúp mọi người dễ dàng tiếp cận. Hơn nữa, việc đào tạo và trao quyền cho lãnh đạo cộng đồng giúp duy trì thông tin pháp lý lâu dài trong cộng đồng và tạo nên sự gắn kết bền vững giữa pháp luật và các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số.

2.4.1.4. Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia châu Á có truyền thống pháp trị kết hợp với đạo đức xã hội một cách hài hòa. Nhật Bản đặc biệt thành công trong việc xây dựng một xã hội tuân thủ pháp luật không chỉ dựa trên cưỡng chế mà dựa trên tự giác. Những chính sách giáo dục pháp luật trong học đường, việc lồng ghép pháp luật với văn hóa ứng xử cộng đồng và sự chủ động của chính quyền địa phương trong tổ chức các hoạt động giáo dục pháp lý là những mô hình rất đáng để Việt Nam nghiên cứu, nhất là khi triển khai ở các vùng có đặc thù dân tộc thiểu số.

Nhật Bản, với một xã hội có sự đa dạng về dân tộc, đặc biệt là nhóm dân tộc thiểu số như người Ainu, đã triển khai các chương trình giáo dục pháp luật để bảo vệ quyền lợi của các nhóm dân tộc thiểu số. Các chủ thể chính trong việc giáo dục pháp luật bao gồm chính phủ Nhật Bản, các cơ quan hành chính địa phương, các tổ chức xã hội, và các lãnh đạo cộng đồng. Chính phủ Nhật Bản, thông qua các bộ ngành như Bộ Tư pháp và Bộ Giáo dục, Đào tạo và Khoa học, đã thực hiện các chính sách và chương trình giáo dục pháp luật phù hợp cho các nhóm dân tộc thiểu số. Nhiều tổ chức xã hội, đặc biệt là các tổ chức bảo vệ quyền lợi người Ainu, có vai trò quan trọng trong việc phát triển và triển khai các chương trình giáo dục này.

Nội dung GDPL cho các dân tộc thiểu số tại Nhật Bản chủ yếu xoay quanh việc bảo vệ quyền công dân và quyền lợi của người dân, đặc biệt là quyền của cộng đồng Ainu. Các chương trình giáo dục pháp luật giúp người dân hiểu rõ về quyền lợi cơ bản của mình theo Hiến pháp Nhật Bản, bao gồm quyền bình đẳng, quyền tự do ngôn luận, và quyền tham gia vào các hoạt động chính trị. Đặc biệt, các chương trình giáo dục pháp luật cho cộng đồng Ainu tập trung vào việc bảo vệ quyền sở hữu đất đai, bảo vệ văn hóa và ngôn ngữ của người Ainu, đồng thời thông tin về các chính sách, cụ thể là chính sách hỗ trợ người Ainu, như việc nhận diện họ như một nhóm dân tộc thiểu số đặc biệt từ năm 2019 [56].

Các hình thức GDPL ở Nhật Bản được triển khai qua nhiều phương tiện khác nhau để tiếp cận cộng đồng dân tộc thiểu số. Chính phủ và các tổ chức xã hội sử dụng các phương tiện truyền thông, đặc biệt là truyền hình và đài phát thanh, để cung cấp thông tin pháp lý. Ngoài ra, các chương trình giáo dục pháp luật cũng được tổ chức tại các cộng đồng, trường học, và các trung tâm văn hóa Ainu để nâng cao nhận thức cơ bản về pháp luật và quyền lợi của cộng đồng này. Việc sử dụng các tài liệu đơn giản hóa và dễ hiểu, cùng với các cuộc hội thảo, lớp học, giúp người dân dễ dàng tiếp cận và nắm vững các kiến thức pháp lý.

Phương pháp GDPL cho các dân tộc thiểu số ở Nhật Bản chú trọng vào việc sử dụng ngôn ngữ và các giá trị văn hóa bản địa để giúp người dân tiếp cận kiến thức pháp luật một cách hiệu quả. Các chương trình giáo dục pháp luật cho người Ainu đặc biệt chú trọng vào việc bảo tồn văn hóa và ngôn ngữ của cộng đồng này, đồng thời giải thích các quyền lợi pháp lý của họ trong xã hội hiện đại. Các tình huống pháp lý thực tế, như tranh chấp về quyền sở hữu đất đai hoặc bảo vệ di sản văn hóa, thường được sử dụng làm ví dụ minh họa trong các chương trình giáo dục. Các lãnh đạo cộng đồng Ainu cũng đóng vai trò quan trọng trong việc truyền đạt và giải thích các quy định pháp luật liên quan đến quyền lợi của cộng đồng.

Kinh nghiệm của Nhật Bản về giáo dục pháp luật cho dân tộc thiểu số có thể cung cấp nhiều bài học quan trọng. Việc tôn trọng và kết hợp giữa pháp luật

quốc gia và các giá trị văn hóa bản địa là yếu tố cần thiết để GDPL có hiệu quả. Bên cạnh đó, việc sử dụng đa dạng các hình thức truyền thông và phương pháp giáo dục giúp tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho các nhóm dân tộc thiểu số. Quan trọng hơn, việc đào tạo lãnh đạo cộng đồng và các tổ chức xã hội là chìa khóa để duy trì và phát huy hiệu quả giáo dục pháp luật lâu dài trong cộng đồng [13].

2.4.2. Bài học kinh nghiệm đối với giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới ở nước ta

Từ kinh nghiệm của các quốc gia về giáo dục pháp luật cho các dân tộc thiểu số, có thể rút ra những bài học quan trọng cho Việt Nam trong việc nâng cao nhận thức và bảo vệ quyền lợi pháp lý của các cộng đồng dân tộc thiểu số thông qua giáo dục pháp luật.

Tôn trọng và kết hợp giữa pháp luật quốc gia và các giá trị văn hóa bản địa. Một trong những bài học quan trọng là việc kết hợp hài hòa giữa pháp luật quốc gia và các giá trị văn hóa, luật tục của cộng đồng dân tộc thiểu số. Như Mỹ đã thực hiện với người bản địa, hay Nhật Bản với cộng đồng Ainu, Việt Nam có thể áp dụng phương pháp này để tạo sự đồng thuận giữa pháp luật quốc gia và các phong tục, luật lệ của từng dân tộc. Việc này giúp cộng đồng dân tộc thiểu số cảm thấy rằng pháp luật không chỉ là một công cụ cưỡng chế, mà còn là phương tiện bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của họ.

Sử dụng ngôn ngữ và phương tiện truyền thông phù hợp. Để đảm bảo việc tiếp cận thông tin pháp lý một cách hiệu quả, Việt Nam cần chú trọng sử dụng ngôn ngữ bản địa trong các chương trình giáo dục pháp luật, giống như Mỹ và Nhật Bản đã làm với các cộng đồng bản địa và dân tộc thiểu số. Các phương tiện truyền thông như truyền hình, đài phát thanh, và các nền tảng kỹ thuật số cần được sử dụng để phổ biến các thông tin pháp lý đến với những khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi người dân dân tộc thiểu số sinh sống. Đồng thời, các tài liệu pháp luật cần được đơn giản hóa và chuyển ngữ sang ngôn ngữ của các nhóm dân tộc thiểu số để dễ dàng tiếp nhận.

Đào tạo lãnh đạo cộng đồng và người có uy tín. Tương tự như các nước như Mỹ, Nhật Bản, và Ấn Độ, việc đào tạo và phát huy vai trò của lãnh đạo cộng đồng là rất quan trọng. Các trưởng bản, trưởng thôn, hay các cá nhân có uy tín trong cộng đồng dân tộc thiểu số cần được đào tạo về kiến thức pháp luật để trở thành những người truyền đạt thông tin pháp lý, giải quyết các vấn đề pháp lý trong cộng đồng. Điều này giúp tăng cường sự gắn kết giữa người dân và pháp luật, và là cách thức hiệu quả để giáo dục pháp luật đến mọi tầng lớp trong cộng đồng.

Tổ chức các hình thức giáo dục pháp luật linh hoạt. Các chương trình giáo dục pháp luật cần được triển khai dưới nhiều hình thức, bao gồm các lớp học tại cộng đồng, các hội thảo, các buổi tuyên truyền, và đặc biệt là qua các phương tiện truyền thông phù hợp. Việc kết hợp giữa các hình thức giáo dục truyền thống và hiện đại sẽ giúp nâng cao hiệu quả tiếp cận. Cũng cần phải tổ chức các buổi giao lưu, hội thảo, tư vấn pháp lý cho cộng đồng dân tộc thiểu số, giúp họ có cơ hội trao đổi trực tiếp và giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể.

Phổ biến kiến thức pháp luật trong trường học. Việc giáo dục pháp luật cần bắt đầu từ thế hệ trẻ, vì vậy các chương trình giáo dục pháp luật nên được tích hợp vào chương trình học tại các trường học, đặc biệt là các trường nằm ở khu vực dân tộc thiểu số. Các chủ đề như quyền công dân, quyền con người, và các quyền cơ bản khác cần được giảng dạy ngay từ khi học sinh còn nhỏ, giúp hình thành nhận thức pháp lý từ sớm và thúc đẩy một thế hệ có ý thức pháp lý vững vàng.

Tạo cơ chế hỗ trợ pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số. Như ở một số quốc gia, việc cung cấp hỗ trợ pháp lý miễn phí hoặc chi phí thấp cho đồng bào dân tộc thiểu số là một yếu tố quan trọng để bảo vệ quyền lợi của họ. Các tổ chức pháp lý có thể cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý miễn phí hoặc giảm giá cho cộng đồng dân tộc thiểu số, giúp họ có thể tiếp cận công lý mà không bị rào cản tài chính.

Việc học hỏi và áp dụng những kinh nghiệm từ các quốc gia khác trong việc giáo dục pháp luật cho dân tộc thiểu số là một cách tiếp cận hợp lý giúp Việt Nam cải thiện hiệu quả các chương trình giáo dục pháp luật cho cộng đồng dân tộc thiểu số. Từ việc tôn trọng giá trị văn hóa bản địa, sử dụng ngôn ngữ phù hợp, đến việc phát huy vai trò của lãnh đạo cộng đồng và tổ chức các hình thức giáo dục linh hoạt, tất cả những yếu tố này sẽ góp phần nâng cao nhận thức pháp lý và bảo vệ quyền lợi cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng thời thúc đẩy sự hòa nhập và phát triển bền vững trong xã hội Việt Nam.

Tiểu kết chương 2

Có thể khẳng định, gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, trong đó có lĩnh vực bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn an ninh với các khu vực biên giới đặc thù. Đồng bào dân tộc thiểu số nơi đây có tính cần cù lao động, giản dị trong sinh hoạt, có tinh thần yêu thương gắn bó và tính cố kết cộng đồng dân tộc Việt Nam. Đại đa số người dân có tinh thần gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, thực hiện nghiêm minh pháp luật. Đồng thời, Đảng và Nhà nước đã quan tâm và đầu tư đặc biệt đối với công tác GDPL cho người dân đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời công tác GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới nói riêng ngày càng yêu cầu cao hơn về nội dung, hình thức, phương pháp, các điều kiện bảo đảm GDPL...

Để nâng cao hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số, cần áp dụng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp với đặc thù vùng miền. Một trong những phương thức quan trọng là tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị, hội thảo, hội thi ở cấp huyện, tỉnh hoặc khu vực toàn quốc, nhằm nâng cao nhận thức pháp luật cho người dân. Bên cạnh đó, việc tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, thành lập câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật cũng là giải pháp thiết thực, giúp đồng bào tiếp cận pháp luật một cách trực quan và dễ hiểu.

Ngoài các hình thức trên, công tác GDPL cần được lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Việc kết hợp này không chỉ giúp pháp luật trở nên gần gũi hơn với đời sống thường ngày của người dân mà còn góp phần duy trì và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời, cần xây dựng các chuyên trang, chuyên mục đặc thù trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát sóng bằng cả tiếng phổ thông và tiếng dân tộc thiểu số để bảo đảm thông tin pháp luật được truyền tải rộng rãi và dễ tiếp cận.

Bên cạnh đó, việc biên soạn và phát hành các tài liệu tuyên truyền pháp luật như tờ gấp, sách bỏ túi, cẩm nang pháp luật, sổ tay truyền thông và các ấn phẩm khác dưới dạng chữ phổ thông hoặc song ngữ (phổ thông - dân tộc thiểu số) là vô cùng cần thiết. Ngoài ra, cần có chính sách cấp phát một số ấn phẩm sách, báo, tạp chí cho đồng bào vùng biên giới và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của khu vực này. Điều này sẽ giúp nâng cao hiệu quả tuyên truyền pháp luật, bảo đảm đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận đầy đủ với thông tin pháp luật một cách thuận tiện nhất.

Chương 3

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM

3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM

3.1.1. Đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc. Việt Nam

Khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc như Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai có địa hình chủ yếu là núi cao, chia cắt mạnh, nhiều xã nằm biệt lập hoặc cách xa trung tâm huyện. Mạng lưới giao thông còn hạn chế, nhiều điểm đến phải đi bộ hoặc vượt sông suối, đặc biệt vào mùa mưa lũ gây chia cắt dài ngày. Những điều kiện này khiến việc tổ chức các hoạt động phổ biến pháp luật trực tiếp, tập huấn, tuyên truyền lưu động gặp nhiều khó khăn, chi phí cao, tính liên tục và thường xuyên không được bảo đảm.

Đời sống người dân ở khu vực biên giới Tây Bắc còn nghèo, chủ yếu dựa vào nông nghiệp tự cung tự cấp hoặc sản xuất nhỏ lẻ, thiếu ổn định. Tỷ lệ hộ nghèo ở nhiều xã vẫn cao hơn mức trung bình cả nước. Khi phải ưu tiên cho nhu cầu sinh kế cơ bản, việc tiếp cận và học tập pháp luật thường không được người dân quan tâm đúng mức. Mặt khác, điều kiện kinh tế khó khăn cũng khiến việc đầu tư cho các chương trình GDPL của chính quyền địa phương bị hạn chế, ảnh hưởng đến quy mô và chất lượng thực hiện.

Vùng biên giới Tây Bắc là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số như Mông, Thái, Dao, Hà Nhì, La Hủ..., mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa, phong tục tập quán và ngôn ngữ riêng biệt. Nhiều người dân không thông thạo tiếng phổ thông, đặc biệt là người cao tuổi và phụ nữ, gây khó khăn trong việc tiếp nhận thông tin pháp luật. Điều này đòi hỏi công tác GDPL phải xây dựng nội dung,

phương pháp phù hợp, sử dụng song ngữ hoặc cán bộ là người dân tộc tại chỗ để tăng hiệu quả truyền đạt.

Khu vực biên giới Tây Bắc là địa bàn nhạy cảm về an ninh - quốc phòng, thường xuyên tiềm ẩn các hoạt động buôn lậu, vượt biên trái phép, tuyên truyền đạo trái pháp luật, tảo hôn, hôn nhân cận huyết, phá rừng, tranh chấp đất đai... Đây là những hành vi vi phạm pháp luật phổ biến xuất phát từ sự thiếu hiểu biết. Do đó, giáo dục pháp luật không chỉ là nhiệm vụ phát triển xã hội mà còn góp phần củng cố quốc phòng, an ninh biên giới và giữ gìn trật tự xã hội.

3.1.1.1. Vị trí địa lý

Các tỉnh biên giới Tây Bắc nằm ở phía Tây Bắc của Việt Nam, thuộc địa bàn của 4 tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Sơn La. Phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Đông giáp Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ; Phía Tây giáp Lào, phía Nam giáp Hòa Bình, Thanh Hóa.

3.1.1.2. Diện tích, địa hình

Các tỉnh biên giới Tây Bắc có diện tích đất tự nhiên 39.097,3 km², chiếm 11,78% diện tích cả nước. Địa hình các tỉnh biên giới Tây Bắc là vùng hiểm trở, có nhiều khối núi và dãy núi cao chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Phía đông là dãy Hoàng Liên Sơn đồ sộ giới hạn từ biên giới Việt - Trung, có đỉnh Phanxipang cao 3.143m được coi là nóc nhà Đông Dương, dãy Phu Luông với đỉnh cao từ 2.874m đến 2.985m. Phía Tây là địa hình núi trung bình của các dãy núi chạy dọc biên giới Việt - Lào gồm dãy Pu Đen Đình (1.886m), dãy Pu Sam Sao (1.887m), núi Pha Luông (1.880m). Giữa thấp hơn là các dãy núi, các cao nguyên và sơn nguyên và đá vôi từ Phong Thổ đến Mộc Châu như cao nguyên Tà Phình, Mộc Châu, Nà Sản. Xen giữa các dãy núi là các thung lũng cùng hướng Tây Bắc, Đông Nam. Tây Bắc có 4 vùng lòng chảo lớn là Điện Biên, Nghĩa Lộ, Than Uyên, Phù Yên.

Nơi đây có cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp, vừa có giá trị để phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch, vừa có giá trị về quốc phòng, an ninh. Đây cũng là nơi có nhiều tài nguyên, khoáng sản quý, giá trị cao, trữ lượng khá lớn, như: sắt,

chì, kẽm, titan, đất hiếm, ... là lợi thế để phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản. Bên cạnh đó, Tây Bắc còn có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc (gần 500 km) và với Lào (gần 700 km), lại án ngữ nhiều tuyến giao thông huyết mạch, với hệ thống cửa khẩu, đường bộ, đường sắt, là cửa ngõ, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam với vùng Tây Nam Trung Quốc, Đông Bắc Lào, các nước ASEAN và có thể mở rộng, kết nối liên vùng, liên quốc gia, liên châu lục trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Lịch sử hình thành vùng Tây Bắc bắt đầu từ cách đây 500 triệu năm và đến bây giờ vẫn tiếp tục. Thuở ban đầu, vùng này là biển và chỉ có một số đỉnh ở dãy Hoàng Liên Sơn và dãy Sông Mã là nổi lên trên mặt biển. Biển liên tục rút ra xa rồi lại lấn vào suốt hàng trăm triệu năm. Trong quá trình ấy, đã có những sự sụt lún mạnh, góp phần hình thành các tầng đá phiến và đá vôi. Vào cuối đại Cổ sinh (cách đây chừng 300 triệu năm), dãy Hoàng Liên Sơn và dãy Sông Mã đã được nâng hẳn lên. Địa máng sông Đà lúc đó vẫn chìm dưới biển. Cho đến cách đây 150 triệu năm, chu kỳ tạo núi Indochina làm cho hai bờ địa máng từ từ tiến lại gần nhau, khiến cho trầm tích trong địa máng uốn lên thành những nếp uốn khổng lồ, đồng thời làm cho tầng đá vôi có tuổi cổ hơn lại trôi lên trên tầng đá phiến, tạo thành những cao nguyên đá vôi ngày nay. Trong quá trình tạo núi, còn có sự xâm nhập của macma. Kết quả là, vùng Tây Bắc được nâng lên với một biên độ đến 1000 mét. Vì là địa máng, vùng vỏ rất động của trái đất, nên Tây Bắc là vùng có nguy cơ động đất cao nhất Việt Nam.

3.1.1.3. Khí hậu, thủy văn

Đặc điểm chung của khí hậu vùng Tây Bắc là mùa đông nắng tương đối nhiều, lạnh, có sương muối, ít mưa phùn, mùa hè nóng, nhiều gió Tây khô nóng, không ảnh hưởng trực tiếp của bão và áp thấp nhiệt đới, mưa nhiều và mùa mưa gần trùng với mùa nóng.

Tây Bắc có điều kiện khí hậu thô nhường có nét khá tương đồng, chỉ có 2 mùa, mùa mưa và mùa khô: Mùa khô hạn kéo dài cộng với lượng gió Tây khô nóng gây khó khăn cho cây trồng, vật nuôi. Từ tháng 11 đến tháng 1 thường

xuên có sương muối và băng giá, vào đầu mùa mưa thường xuyên có gió lốc, mưa đá và lũ ống, lũ quét gây ra sự tàn phá bất thường đối với đất đai, sản xuất và đời sống của người dân. Tất cả những khó khăn, thuận lợi của tự nhiên đều ảnh hưởng trực tiếp, tác động đến đời sống kinh tế - xã hội của các cư dân vùng Tây Bắc.

Có thể nhận thấy rằng, khí hậu khu vực Tây Bắc có sự phân hóa rõ rệt cả theo không gian ngang và theo độ cao. Dãy Hoàng Liên Sơn với địa hình cao và kéo dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam đóng vai trò như một bức tường chắn gió, làm suy giảm đáng kể sức mạnh của gió mùa đông bắc khi di chuyển vào khu vực này. Điều này khác biệt so với vùng Đông Bắc, nơi địa hình vòng cung mở rộng như nan quạt, cho phép các đợt không khí lạnh xâm nhập sâu xuống đồng bằng sông Hồng và thậm chí xa hơn về phía nam. Do vậy, nếu không tính đến yếu tố độ cao, nhiệt độ trung bình ở Tây Bắc thường cao hơn từ 2 đến 3°C so với Đông Bắc.

Ở khu vực miền núi, hướng sườn núi ảnh hưởng đáng kể đến điều kiện khí hậu: các sườn đón gió (thường là sườn phía đông) thường nhận được lượng mưa nhiều hơn, trong khi các sườn phía tây lại tạo điều kiện cho hiện tượng gió phơn (gió Lào) xuất hiện khi gió tràn xuống các thung lũng. Hiện tượng này rõ nét nhất tại vùng Tây Bắc. Trong điều kiện địa hình trung du và miền núi, việc phân tích đặc điểm khí hậu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi sự biến động khí hậu thường xảy ra trên từng tiểu vùng nhỏ với mức độ cực đoan cao. Khi lớp rừng tự nhiên bị suy giảm và đất đai bị thoái hóa, khu vực này dễ xảy ra các hiện tượng như mưa lớn gây lũ lụt, hoặc trong một số điều kiện đặc thù sẽ dẫn đến lũ quét. Vào mùa khô, hạn hán là hiện tượng phổ biến, có thể kéo dài vượt quá khả năng chịu đựng của hệ sinh thái tự nhiên.

3.1.1.4. Điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội

Các tỉnh miền núi Tây Bắc là nơi sinh sống của hơn 20 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó có trên 70% là người đồng bào dân tộc thiểu số, là vùng

lãnh thổ có diện tích lớn ở nước ta, có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú; có vị trí địa lý khá đặc biệt, là những tỉnh tiếp giáp với Trung Quốc và Lào.

Tuy nhiên, đa phần các tỉnh này có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn như: trình độ phát triển kinh tế chưa cao, người dân có thu nhập thấp, trình độ dân trí còn hạn chế, cơ sở hạ tầng điện đường trường trạm còn nhiều khó khăn.

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, đường lối, chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội khu vực này. Bên cạnh đó, Đảng bộ, lãnh đạo và nhân dân nơi đây cũng đã đoàn kết, phấn đấu đạt nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Về kinh tế

Trong những năm gần đây, bức tranh toàn cảnh kinh tế vùng Tây Bắc đã có nhiều khởi sắc. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của vùng qua các năm đều tăng dần, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là điện, đường, trường, trạm được nâng cấp, mở rộng; nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp được xây dựng, đi vào hoạt động. Các dự án đầu tư vào khu vực tăng cả về số lượng, quy mô; trong đó, có nhiều dự án trọng điểm quốc gia. Nông - lâm - ngư nghiệp bước đầu phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, hình thành một số vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, đạt hiệu quả kinh tế cao, góp phần quan trọng vào sự ổn định, phát triển chung của đất nước.

Kinh tế dần được ổn định và có những bước tăng trưởng khá, tuy nhiên, hiện nay, tỷ lệ hộ nghèo của các tỉnh Tây Bắc chiếm khoảng 18% (theo thống kê năm 2018). Do nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan, việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Bắc còn những hạn chế nhất định. Hiện nay, Tây Bắc vẫn là địa bàn còn nhiều khó khăn, hạn chế so với các vùng, miền khác của cả nước; kinh tế phát triển chậm, chưa tương xứng với tiềm năng; tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực thấp nhất cả nước; tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn ở mức cao. Từ thực tế đó, việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội khu vực Tây Bắc là vấn đề đặt ra cấp thiết. Các tỉnh Tây Bắc phần lớn phụ thuộc vào ngân sách phân bổ hàng năm, chưa thể tự cân đối. Cơ cấu chuyển dịch kinh tế còn chậm, hiệu quả thấp, sức cạnh tranh còn hạn chế và chưa thu hút đầu tư. Một số tỉnh

như: Lai Châu, Điện Biên, Yên Bái, Lào Cai sức hút đầu tư kém do một phần địa hình phức tạp, giao thông cách trở. Những hạn chế về cơ sở hạ tầng, sự khác biệt về khí hậu, thổ nhưỡng, dẫn đến tỷ trọng đầu tư trong nước và nước ngoài còn rất thấp...

Chính từ nét đặc trưng của vùng khí hậu, nên đồng bào vùng cao buộc phải thích nghi với môi trường sống. Đặc biệt, trong việc gieo trồng sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp. Thực tế hiện nay, quỹ đất phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp ở một số tỉnh Hòa Bình, Lai Châu, Điện Biên... còn tương đối nhiều. Tuy vậy, nguy cơ hoang hóa đất trồng của các tỉnh Tây Bắc nói chung và các tỉnh miền núi rất cao, một phần do địa hình hiểm trở, độ dốc cao, tỷ lệ che phủ rừng thấp, nên lượng mùn trên bề mặt đất bị rửa trôi, bào mòn theo chế độ mưa hàng năm, một phần do các tỉnh chưa có cơ chế, chính sách phục hồi đất trồng.

Mặt khác, nhiều tỉnh khu vực Tây Bắc chưa lựa chọn được cây trồng phù hợp mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân, ngoài cây cao su đang gặp nhiều khó khăn do giá mủ cao su hạ thấp, phụ thuộc chủ yếu vào thị trường thế giới. Mặc dù, nhiều diện tích cao su ở Tây Bắc đã đến kỳ cho thu hoạch... Kéo theo đó, nhiều diện tích đất của người dân đã cổ phần góp đất với Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam để chia cổ tức đến nay chưa mang lại lợi nhuận. Song, quỹ đất để người dân phát triển một số mô hình kinh tế trồng cây ngắn ngày không còn, nên người dân đắn đo nhiều trong các dự án của tỉnh đề ra.

Về văn hóa - xã hội

Văn hóa - xã hội chuyển biến tích cực, an sinh xã hội được đảm bảo, tỷ lệ hộ đói nghèo giảm dần qua các năm. Đời sống người dân được cải thiện. Cơ cấu lao động xã hội có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, đó là giảm dần lao động nông nghiệp, tăng dần lao động trong công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; giảm dần tỷ trọng lao động ở đô thị.

Cùng với cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, văn hóa truyền thống của các dân tộc cũng là điểm nổi bật trong tài nguyên du lịch nơi đây. Tây Bắc là nơi sinh sống của nhiều dân tộc như Tày, Nùng, Thái, Mường, Mông, Dao, Kinh, Hoa, Khơ Mú, Lào, Lự, Hà Nhì, Kháng, La Hủ, Si La, Phù Lá, Bố Y, Mảng, Giáy, Lô

Lô, Pà Thên, Phù Lá, Cờ Lao, La Chí... với không gian văn hóa rộng lớn và phong phú. Nhiều dân tộc còn lưu giữ nguyên vẹn bản sắc văn hóa truyền thống của mình trong phong tục, tập quán, lễ hội, trang phục, nhạc cụ, các điệu dân ca, dân vũ như lễ hội Lồng Tồng, chợ tình Khâu Vai, mùa sạ, mùa xòe, hát then, nhạc cụ Pí cạp, pí sên, khèn môi... hay trong ứng xử cộng đồng, kiến trúc nhà ở, các phiên chợ bản... Ẩm thực Tây Bắc mang những nét đặc trưng, khác biệt hẳn so với các vùng khác với gà mọ, cá suối nướng úp, nộm da trâu, thịt trâu gác bếp, thắng cố... là tiềm năng du lịch hấp dẫn cho những du khách thích khám phá và trải nghiệm.

Bảng 3.1. Dân số và diện tích các tỉnh biên giới Tây Bắc Việt Nam

STT	Tỉnh	Thành phố	Thị xã	Huyện	Diện tích (km ²)	Dân số (Người)	Mật độ (người/km ²)
1	Sơn La	1		11	14.123,5	1.286.068	91
2	Điện Biên	1		8	9.541	623.295	65
3	Lai Châu	1		7	9.068,8	480.588	53
4	Lào Cai	1	1	7	6.364	756.083	119

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam [79]

Về giáo dục mầm non, kỹ năng nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên ở các vùng nông thôn, các vùng địa lý - kinh tế khó khăn và có sở vật chất trang thiết bị của các cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng yêu cầu tiếp cận bền vững và đảm bảo chất lượng giáo dục mầm non. Tuy được sự quan tâm lớn của nhà nước nhưng tỷ lệ trẻ đến trường giữa các vùng khác nhau, chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ ở các vùng nông thôn, khó khăn chưa đáp ứng được yêu cầu. Mạng lưới nhân sự còn mỏng, cơ sở hạ tầng chưa thực sự tốt để huy động được trẻ ra lớp đồng đều, cơ hội đến trường của trẻ em miền núi, vùng sâu vùng xa bị hạn chế. Việc bố trí ngân sách thực hiện phổ cập gặp nhiều khó khăn. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục mầm non thiếu về số lượng và chất lượng chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý chậm đổi mới, chất lượng thấp. Việc thực hiện chương trình chăm sóc - giáo dục mầm non mới có khó khăn. Công tác

phối hợp liên ngành thực hiện mục tiêu về giáo dục mầm non còn yếu và chưa được thể chế hóa, việc phổ biến kiến thức đến các hộ gia đình chưa đầy mạnh.

Đối với giáo dục tiểu học và THCS còn sự khác biệt giữa vùng miền, sự phân biệt giới đã được giải quyết về căn bản nhưng tình trạng bất bình đẳng giới vẫn chậm khắc phục, tập quán văn hóa lâu đời đang cần được từng bước cải thiện. Giáo dục trẻ khuyết tật, mặc dù đã được chú ý và đạt được những kết quả đáng khích lệ nhưng vẫn cần hoạt động tuyên truyền rộng rãi để nâng cao nhận thức cộng đồng và khả năng, nhu cầu, quyền bình đẳng về cơ hội phát triển, đóng góp xã hội. Tại các địa phương có khó khăn về địa lý vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, cản trở việc đi lại của các em... các địa phương đã xây dựng những điểm trường gắn với các khu dân cư, xây dựng trường nội trú dân nuôi, tuy vậy tỷ lệ huy động vẫn chưa đạt như mong muốn do một số trẻ em phải lao động, phụ giúp gia đình. Toàn quốc đã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập chương trình giáo dục tiểu học đúng độ tuổi vào thời gian 2014, phổ cập chương trình giáo dục THCS năm 2010, tuy nhiên để duy trì và nâng cao về chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS đòi hỏi cần có sự quan tâm và đầu tư hơn của chính quyền địa phương, nhà trường.

Đối với giáo dục xóa mù chữ năm 2012, tỷ lệ biết chữ của thanh niên (15-25 tuổi) với đồng bào dân tộc thiểu số là 73,1%. Còn chênh lệch giới trong công tác xóa mù chữ cho người lớn từ 15 tuổi trở lên. Thống kê cho thấy việc cải thiện mức độ biết chữ cho thanh niên và người lớn mặc dù đã có thành quả nhất định nhưng vẫn chưa đạt mục tiêu trong Chiến lược phát triển về giáo dục giai đoạn 2001-2010 và Đề án xây dựng một xã hội học tập giai đoạn 2005-2020. Một số địa phương công tác xóa mù chữ chưa được cấp chính quyền thực sự quan tâm. Sự chỉ đạo của chính quyền các cấp và ngành giáo dục ở các địa phương đối với công tác xóa mù chữ không còn thực sự ráo riết, quyết liệt như trước năm 2000. Vì vậy, hiệu quả xóa mù chữ không cao, kết quả xóa mù chữ không bền vững, hiện tượng tái mù chữ gia tăng đáng kể. Tuy tỷ lệ biết chữ của người lớn từ 15 tuổi trở lên có tăng đều từ năm 2002-2012 song số lượng người mù chữ từ 15 tuổi trở lên trong mười năm hầu như không thay đổi luôn tồn tại khoảng 7,4 triệu

người mù chữ. Trong khi đó tỷ lệ huy động người mù chữ tham gia học xóa mù chữ thấp. Công tác xóa mù chữ triển khai chưa thật sự hiệu quả. Số người mù chữ hiện nay chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, giao thông cách trở, địa bàn sinh sống... Chế độ, chính sách đối với giáo viên, cán bộ làm công tác xóa mù chữ và học viên học xóa mù chữ chưa có sự điều chỉnh thích hợp để động viên, khuyến khích người dạy, người học. Công tác điều tra cơ bản số người mù chữ hằng năm của các địa phương chưa được coi trọng. Đội ngũ giáo viên thiếu tính chuyên nghiệp. Chưa đầu tư nghiên cứu, biên soạn các tài liệu dạy và học xóa mù chữ phù hợp với từng vùng miền và đối tượng người học xóa mù chữ. Sự phối hợp giữa các cơ quan, bộ, ngành, tổ chức, đoàn thể trong công tác xóa mù chữ ở một số địa phương chưa thực sự chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả (Bản tin ĐH Quốc gia Hà Nội, Nâng cao giáo dục tại vùng Tây Bắc bằng công tác đánh giá tác động của các chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo. Đề tài “Nghiên cứu đánh giá tác động của các chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2005 - 2015 trên địa bàn Tây Bắc” của nhóm tác giả Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là một trong những chương trình khoa học và công nghệ phát triển bền vững vùng Tây Bắc).

3.1.1.5. Về an ninh, quốc phòng

Tây Bắc là địa bàn miền núi, biên giới, vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, với vị trí chiến lược trọng yếu về quốc phòng, an ninh, đối ngoại; mảnh đất “phên giậu” của Tổ quốc, có tiềm năng, thế mạnh về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy điện, khai khoáng, du lịch và kinh tế cửa khẩu. Những năm qua, cùng với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân các dân tộc Tây Bắc đã nỗ lực vượt qua khó khăn, đẩy mạnh thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; trong đó, việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh được chú trọng, bước đầu đạt kết quả tích cực. Tây Bắc đã có bước phát triển cả về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Đây cũng là địa bàn rất nhạy cảm về quốc phòng, an ninh; các thế lực thù địch coi đây là một trọng điểm tập trung chống phá; tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, nguy cơ gây mất ổn định không thể xem nhẹ, ảnh hưởng xấu đến phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Đáng chú ý là, các thế lực thù địch lợi dụng đói nghèo, lòng tin, vấn đề dân tộc, tôn giáo và những bức xúc trong nhân dân chưa được giải quyết thấu đáo để xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, kích động biểu tình, bạo loạn, đòi ly khai thành lập cái gọi là “Nhà nước Mông tự trị”. Bên cạnh đó, hoạt động tôn giáo trái pháp luật, di cư tự do, các loại tội phạm, tệ nạn ma túy trên địa bàn còn diễn biến phức tạp,... Từ thực tế đó, việc kết hợp, tuyên truyền phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh trên địa bàn Tây Bắc là vấn đề đặt ra cấp thiết.

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, đánh giá đúng thực trạng kết quả các mục tiêu, chỉ tiêu đạt được trên các lĩnh vực, ngày 10/02/2022, Bộ Chính trị ban hành, triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW về “Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Điều này thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước đối với vùng trung du, miền núi Bắc Bộ nói chung, các tỉnh Tây Bắc nói riêng - một vùng có vị trí chiến lược, vai trò quan trọng về nhiều mặt đối với cả nước; với mong muốn, quyết tâm của Đảng, Nhà nước là “từng bước thu hẹp trình độ phát triển và mức sống của nhân dân trong vùng so với các vùng khác trong cả nước”, để đồng bào, nhân dân các tỉnh Tây Bắc được thụ hưởng những thành quả cách mạng. Mục tiêu trong Nghị quyết xác định, xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ nói chung, vùng Tây Bắc nói riêng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trở thành vùng phát triển “xanh, bền vững, toàn diện”, hình mẫu phát triển xanh của cả nước. Như vậy, mục tiêu phát triển Tây Bắc có sự đổi mới, sáng tạo, từ “vững mạnh toàn diện”, “nhanh, bền vững” trước đây sang “xanh, bền vững, toàn diện”, thể hiện bước tiến vượt bậc, đột phá trong tư duy của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với xu thế của quốc tế. Trong đó, phát triển “xanh” là yếu tố được bổ sung, đặt lên vị trí hàng đầu, là

một nội dung quan trọng của phát triển bền vững. “Đó là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội với bảo vệ môi trường, đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại, mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu đó của các thế hệ tương lai. Đồng thời, bảo đảm cân đối, hài hòa, toàn diện ở các cấp (xã, huyện, tỉnh), các ngành (công, nông, lâm nghiệp, xây dựng, thủy sản, dịch vụ,...) và các lĩnh vực (kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,...)”.

3.1.2. Tình hình đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc

Biên giới quốc gia của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền quốc gia, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng và an ninh của đất nước. Luật Biên giới quốc gia quy định về biên giới quốc gia ban hành năm 2003 quy định về Khu vực biên giới quốc gia Việt Nam theo Điều 6 bao gồm: - Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền; - Khu vực biên giới trên biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo; - Khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười km tính từ biên giới quốc gia trở vào.

Ý thức quốc gia - dân tộc có một vai trò đặc biệt quan trọng cho sự ổn định và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Vùng biên giới được xem là nơi thử thách cao nhất cho ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân các tộc người thiểu số sinh sống trên địa bàn. Điều này đặt ra sự cần thiết phải nghiên cứu việc giáo dục pháp luật tác động đến ý thức của cư dân vùng biên đối với quá trình kiến tạo quốc gia - dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa, công nghiệp hóa và bảo vệ đất nước hiện nay. Khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc có đường biên giới với Trung Quốc và Lào, từ đó xem xét và tìm hiểu ý thức quốc gia - dân tộc của cư dân một số tộc người thiểu số vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc là vô cùng

quan trọng (Nguyễn Thị Thanh Bình - Vương Xuân Tình, 2023 [8]). Qua đó, khi xác định mối quan hệ của ý thức bảo vệ lãnh thổ biên giới với điều kiện lịch sử, với đặc điểm và quan hệ tộc người, với bối cảnh chính trị, kinh tế - xã hội ở vùng biên giới, và với nhiệm vụ xây dựng cộng đồng quốc gia dân tộc; đánh giá vai trò của ý thức quốc gia - dân tộc trong việc phát triển một cách bền vững vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc thì hoạt động giáo dục pháp luật càng trở nên gần gũi và gắn bó với thực tiễn hơn.

Đặc điểm cơ bản trong văn hóa định cư của có thể kể tới của người dân tộc vùng cao ở Việt Nam đó là văn hóa du canh, du cư, phát tán và phi tập trung nhân khẩu. Văn hóa du canh: Do địa hình dốc, lớp đất màu mỏng và khan hiếm nước nên “phát nương, làm rẫy” trở thành phương thức canh tác phổ biến của các cộng đồng sống ở đây. Đây là đặc điểm nổi trội thứ nhất của văn hóa dân tộc người vùng cao.

Văn hóa du cư: do phương thức “du canh” của các dân tộc vùng cao khiến họ phải mở mang và thay mới nương rẫy không ngừng mới có thể đáp ứng được nhu cầu lương thực không ngừng tăng lên do nhân khẩu tăng và do quá trình hoang hóa nương rẫy.

Văn hóa phát tán và phi tập trung nhân khẩu: phương thức canh tác nêu trên dẫn đến các dòng di cư nhân khẩu dọc theo các dãy núi. Đây là nguyên nhân cơ bản khiến các tộc người ở vùng cao phân tán ra khắp các khu vực.

Ngoài những nét văn hóa chung nêu trên, do sống xa trung tâm quyền lực - nhà nước trung ương, xã hội tộc người vùng cao chịu tác động đáng kể từ các yếu tố văn hóa tộc người khác như phong tục, tập quán, luật tục; người có uy tín như già làng, trưởng bản, trưởng các dòng họ, thầy mo, thầy cúng, chức sắc tôn giáo...

Các tỉnh biên giới Tây Bắc là địa bàn sinh sống của 25 đồng bào các dân tộc thiểu số. Đây là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước, vì có đường biên giới giáp với Trung Quốc và Lào, có nhiều cửa khẩu quốc tế và tiểu ngạch khá thuận lợi cho

giao lưu phát triển kinh tế - xã hội, nhưng địa hình phức tạp, chủ yếu là núi non hiểm trở, khó khăn trong việc phát triển giao thông cũng như các công trình kết cấu hạ tầng khác; đồng thời có vai trò quyết định đối với môi trường sinh thái của cả vùng Bắc bộ. Bên cạnh đó, ở đây còn có điều kiện thuận lợi để phát triển những ngành kinh tế dựa trên những thế mạnh nổi trội về tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản và kinh tế cửa khẩu. Mặt khác, đời sống văn hóa, phong tục tập quán đa dạng, phong phú, giàu bản sắc riêng của đồng bào các dân tộc cùng nhiều căn cứ cách mạng cũng góp phần tạo nên sắc thái và tài nguyên du lịch độc đáo, hấp dẫn. Cụ thể:

Về tài nguyên khoáng sản: Các tỉnh biên giới Tây Bắc vốn là vùng giàu tài nguyên khoáng sản, tuy nhiên hiện nay, dưới sức ép về kinh tế, lượng tài nguyên khoáng sản ở đây đã bị suy giảm.

Tài nguyên nước: Đây là nơi nắm giữ nguồn thủy điện chủ yếu của cả nước, nhưng nguồn tài nguyên này đang ở mức báo động. Do sự phát triển các đập thủy điện và xả thải công nghiệp từ phía thượng nguồn, lưu lượng nước của các con sông đang có dấu hiệu thiếu hụt và bị ô nhiễm nghiêm trọng.

Tài nguyên rừng và sinh vật: Ở đây gặp phải vấn nạn là cây rừng tự nhiên bị chặt phá để canh tác nương rẫy, mở rộng diện tích đất cho nông nghiệp, chăn thả. Mức độ che phủ của thảm tự nhiên ở đây chỉ còn khoảng 10%. Gần đây, nhờ công tác khoanh nuôi, phục hồi rừng nên một số nơi, rừng thức sinh tự nhiên được tái sinh nhanh chóng và nhờ công tác trồng rừng, độ che phủ của rừng vùng Tây Bắc đã được nâng lên rõ rệt.

Về điều kiện địa chất và khoáng sản: Đây là địa bàn giàu có về tài nguyên khoáng sản, có thể kể tới như: sắt, chì, kẽm, đa kim, đất hiếm, titan... Đây là điểm mạnh, cũng là cơ sở trong phát triển ngành công nghiệp khai thác, ngành công nghiệp chế biến khoáng sản.

Đặc điểm cư dân, văn hóa xã hội: Đây là vùng có mật độ dân cư thấp nhất cả nước (khoảng 85 người/km²)

Đây là vùng biên cương trọng yếu của đất nước: Với 1.115km đường biên giới với nhiều cửa khẩu quan trọng, nơi đây đã từng diễn ra những sự kiện theo xu hướng ly khai, cát cứ, đe dọa khối đại đoàn kết toàn dân tộc và chủ quyền quốc gia. Trong bất kỳ thời kỳ nào thì các tỉnh biên giới Tây Bắc đều có vị trí quan trọng về chính trị, an ninh quốc phòng, kinh tế, văn hóa và ngoại giao.

Đây là nơi sinh sống của 25 dân tộc (trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 73,03% dân số toàn vùng). Có một số tộc người có địa bàn sinh sống vắt ngang đường biên giới, như: Mông, Thái, Hoa. Các tộc người ở đây thuộc 3 trong 4 ngữ hệ của Việt Nam: Ngữ hệ Nam Á, ngữ hệ Thái - Ka Dai, ngữ hệ Hán - Tạng.

Một số tộc người còn chia thành các nhóm địa phương, chẳng hạn Thái có các nhóm: Thái Trắng, Thái Đen; người Mông có: Mông Hoa, Mông Đen, Mông Trắng, Mông xanh, ...các nhóm địa phương khác nhau bên cạnh những nét tương đồng về văn hóa còn có những điểm khác nhau cơ bản tạo nên sự đa dạng trong văn hóa nơi đây. Cụ thể

Vùng biên giới Tây Bắc Việt Nam, bao gồm các tỉnh có đường biên giới với nước bạn Trung Quốc và Lào, gồm Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Lào Cai, có đặc điểm dân cư đa dạng với nhiều dân tộc thiểu số sinh sống. Dưới đây là thông tin chi tiết về cơ cấu dân tộc, số lượng, trình độ và độ tuổi của dân cư tại các tỉnh biên giới Tây Bắc:

Cơ cấu dân tộc và số lượng dân cư [32]:

- Điện Biên: Dân số khoảng 600.000 người, với các dân tộc chủ yếu như Thái, Mông, Kinh, Khơ Mú, Mảng, Xinh Mun, Lào, Lự, Nùng, Tày, Giáy, Lào, Lự, Nùng, Tày, Thái, Sán Chay, Cơ Lao, La Chí, La Ha, Pu Páo, Hoa, Sán Dìu, Sán Chỉ, Cống, Hà Nhì, La Hủ, Lô Lô, Phù Lá, Si La.

- Lai Châu: Dân số khoảng 500.000 người, với các dân tộc chủ yếu như Thái, Mông, Kinh, Khơ Mú, Mảng, Xinh Mun, Lào, Lự, Nùng, Tày, Giáy, Lào, Lự, Nùng, Tày, Thái, Sán Chay, Cơ Lao, La Chí, La Ha, Pu Páo, Hoa, Sán Dìu, Sán Chỉ, Cống, Hà Nhì, La Hủ, Lô Lô, Phù Lá, Si La.

- Sơn La: Dân số khoảng 1.000.000 người, với các dân tộc chủ yếu như Thái, Mông, Kinh, Khơ Mú, Mảng, Xinh Mun, Lào, Lự, Nùng, Tày, Giáy, Lào, Lự, Nùng, Tày, Thái, Sán Chay, Cơ Lao, La Chí, La Ha, Pu Páo, Hoa, Sán Dìu, Sán Chỉ, Công, Hà Nhì, La Hủ, Lô Lô, Phù Lá, Si La.

- Lào Cai: dân số của Lào Cai là khoảng 765.200 người, trong đó dân tộc thiểu số chiếm khoảng 66,1% dân số toàn tỉnh.

Trình độ học vấn [35]:

- Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên có trình độ chuyên môn kỹ thuật: 9,1%, thấp hơn so với tỷ lệ chung của cả nước (19,2%). Trong số này, 5,0% có trình độ từ cao đẳng trở lên.

- Tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên có trình độ từ trung học phổ thông trở lên: 20,2%, thấp hơn 16,3 điểm phần trăm so với tỷ lệ chung của cả nước.

Độ tuổi [39]:

- Tỷ lệ dân số từ 10 tuổi trở xuống: 27,5%, cho thấy dân số trẻ và tiềm năng lao động trong tương lai.

- Tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên: 5,5%, thấp hơn so với mức trung bình của cả nước, phản ánh tuổi thọ trung bình của đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc.

Những thông tin trên phản ánh đặc điểm dân cư và nguồn nhân lực của các tỉnh biên giới Tây Bắc, từ đó giúp định hướng các chính sách phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với từng địa phương.

Trong lịch sử và hiện tại, người dân nơi đây luôn đoàn kết, chung tay xây dựng và bảo vệ quê hương và góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cùng với đó, quan hệ dân tộc ở các tỉnh biên giới Tây Bắc đa chiều, đan xen, phức tạp và được thể hiện ở quan hệ giữa các tộc người với nhau, quan hệ giữa các tộc người tại chỗ với các tộc người di cư đến, quan hệ giữa các tộc người có đông dân số với ít dân số, và quan hệ tộc người xuyên biên giới.

Đảng và Nhà nước luôn dành cho các tỉnh biên giới Tây Bắc sự quan tâm đặc biệt để các tỉnh này phát triển toàn diện như: các chương trình xóa đói giảm nghèo (135, 30a), chương trình phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, chương

trình xây dựng bản làng văn hóa, ... Tuy nhiên, khó khăn lớn nhất của các tỉnh biên giới Tây Bắc là kinh tế chậm phát triển, hiện vẫn là vùng nghèo nhất trong cả nước. Nhiều địa phương trong vùng chưa có khả năng tự cân bằng ngân sách. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, thiếu vững chắc, hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém (Phan Thị Thu Hà, 2018, [22]). Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, tỷ lệ lao động qua đào tạo chưa cao so với mặt bằng chung cả nước.

Tình hình khó khăn nói trên kết hợp một số nhân tố chủ quan và khách quan khác đã bị các lực lượng thù địch lợi dụng, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, làm mất ổn định an ninh chính trị, xã hội ở các địa phương, đe dọa an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, việc di cư, định cư tự phát đang diễn biến phức tạp; một số tội nạn xã hội và tội phạm xuyên biên giới như: mại dâm, buôn lậu, buôn bán chất cấm là ma túy, buôn bán và bắt cóc trẻ em và phụ nữ đang có xu hướng gia tăng, lôi cuốn không ít đồng bào dân tộc thiểu số tham gia (Phạm Thị Hoàng Hà, 2021, [21]).

Do có sự đa dạng bởi các tộc người, nên nơi đây tồn tại nhiều loại hình tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, có những loại hình tín ngưỡng tôn giáo là bản địa, có những loại hình tôn giáo được du nhập qua các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Với những nét khái quát nêu trên, kinh tế - xã hội các tỉnh biên giới Tây Bắc cũng là điều cần bàn và xem xét tới khi đưa ra các yếu tố ảnh hưởng tới giáo dục pháp luật ở nơi đây, cũng như căn cứ tình hình thực tế về điều kiện kinh tế - xã hội để đưa ra các giải pháp phù hợp với đồng bào các dân tộc ít người ở đây.

Toàn cầu hóa là vấn đề đang có tác động lớn tới mọi mặt của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, công nghệ, an ninh - quốc phòng... trên phạm vi toàn thế giới. Đây là điều quan trọng đã và đang làm biến đổi sâu sắc, nhanh chóng không chỉ đời sống của mỗi cá nhân mà còn ảnh hưởng lớn đến chủ quyền và an ninh biên giới của mỗi quốc gia, làm thay đổi triệt để quan hệ giữa các dân tộc trên thế giới, nhất là trên phương diện văn hóa. Nhiều vấn đề mới về an ninh biên giới, cũng như chủ quyền của quốc gia xuất hiện và ngày càng gay gắt như: Tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm mạng, vấn đề tự do và bảo hộ thương mại, liên kết vùng và khu vực,...

Ở Việt Nam, toàn cầu hóa cũng đang tác động mạnh mẽ đến đời sống mỗi cá nhân nói riêng, đến kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, công nghệ, an ninh - quốc phòng nói chung. Trong bối cảnh chung đó, xác định vấn đề chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia đang chịu tác động ngày càng lớn của nhiều nhân tố phức tạp. Với quan niệm hiện nay về một không gian được định hình bởi đường biên giới mang tính pháp lý, trọng trách bảo vệ an ninh chủ quyền của biên giới quốc gia chỉ đang tập trung vào các lực lượng vũ trang - lực lượng chuyên trách bảo vệ biên giới mà chưa sử dụng tổng hợp nhiều nhân tố để có thể giải quyết có hiệu quả các vấn đề đang tác động tới chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia. Với điều kiện đặc thù về địa hình, hầu hết đường biên giới nước ta với các quốc gia láng giềng nằm ở khu vực nhiều đồi núi, là địa bàn cư trú chủ yếu của đồng bào các dân tộc thiểu số, vì vậy phát huy vai trò của những yếu tố văn hóa dân tộc vùng cao là rất quan trọng trong việc bảo đảm chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia. Nhưng thực tế cho thấy, các yếu tố văn hóa dân tộc vùng cao vẫn chưa được đặt xứng tầm với khả năng gây ảnh hưởng trong các chính sách đảm bảo chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia (Lê Kim Bình, 2019, [7]). Từ đây cần vận dụng hài hòa các hình thức giáo dục tiếp cận và phù hợp với văn hóa dân tộc vùng cao với chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia Việt Nam trong thế giới toàn cầu hóa.

Trên đất liền, Việt Nam có đường biên giới dài 1.449,566km với Trung Quốc, tương ứng với 7 tỉnh của nước ta (là Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên) tiếp giáp với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang ở Quảng Tây, Trung Quốc. Xét về đường biên giới hơn 1.449km này trải trên địa hình phức tạp, không có tính đồng nhất, phân bố trên nhiều dãy núi cao trên 2000m so với mực nước biển. Do có địa hình phức tạp, không đồng đều, dẫn tới sự phân bố dân cư biên giới có tính đặc thù của vùng núi, là nơi sinh sống của 29 đồng bào dân tộc anh em (Gồm: Kinh, Tày, Thái, Hoa, Nùng, Hmông, Dao, Hà Nhì, Sán Chay, Sán Dìu, Giáy, La Chí, Phù Lá, Pà Thẻn, Lô Lô, Cơ Lao, Bố Y, Cống, Pu Páo, Khơ Mú, Lào, La Hủ,

Kháng, La Ha, Lự, Mảng, Si La, Xinh Mun, Ngái) với những nhóm dân tộc thiểu số rất ít người, nhiều nhóm ngôn ngữ trong dân cư, cùng với đó là bản sắc văn hóa đa dạng.

Xét trên đặc điểm về địa hình, tình hình kinh tế, đặc điểm xã hội và nhiều nét đặc sắc trong văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới phía Bắc nước ta, có thể thấy công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào ở đây là vô cùng quan trọng. Để người dân có thể tiếp thu và làm đúng, sống và làm việc dưới hiến pháp và pháp luật của nhà nước thì người dân phải biết, nghe và hiểu pháp luật. Đưa pháp luật vào đời sống của người dân thì cần phải đủ yếu tố gần gũi và thiết thực với đồng bào. Tuy nhiên, vì là nơi cư trú của đa dạng các bản sắc, nên có sự chênh lệch trong trình độ, khả năng tiếp cận, sự khác biệt của văn hóa, ngôn ngữ ... Đây chính là thách thức mà các ban ngành cần xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong việc đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về văn hóa, thể thao và du lịch đến với đồng bào ở các tỉnh biên giới phía Bắc cũng như thực hiện công tác giáo dục pháp luật, giúp đảm bảo an ninh và chủ quyền lãnh thổ.

Thực tế hiện nay, đội ngũ biên phòng cùng các tổ đội thông tin đang thực hiện tích cực các hoạt động mang kiến thức, thông tin về pháp luật, đời sống, văn hóa, ... đến các buôn làng qua các hình thức thông tin lưu động, chiếu bóng. Những điều này mang lại ý nghĩa tích cực để đồng bào các nhóm dân tộc thiểu số nắm bắt thông tin, vượt qua khó khăn, yên tâm làm kinh tế, và hiểu biết pháp luật. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều khó khăn do khả năng truyền tải là khác nhau giữa các địa phương, các công cụ chưa phát huy được hết thế mạnh, vừa đảm bảo giáo dục pháp luật nhưng cũng cần phải gìn giữ và phát huy di sản văn hóa và thực hiện các nếp sống văn minh trong đời sống hằng ngày ... những điều này đòi hỏi công tác giáo dục pháp luật cho đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số cần có những nghiên cứu mang tính khoa học, nhưng cũng cần đi sát vào thực tế, mang tính khả thi và hiệu quả khi áp dụng.

3.1.3. Khái quát về tình hình giáo dục pháp luật cho người dân khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam

Vùng Tây Bắc Bộ nằm ở phía Tây Bắc của Việt Nam, có diện tích khoảng 50.576 km² và dân số khoảng 4,2 triệu người. Đây là khu vực có địa hình chủ yếu là đồi núi, khí hậu nhiệt đới, gió mùa, với nhiều dân tộc thiểu số sinh sống.

Về cơ bản, vùng Tây Bắc có sự phân bố dân cư theo độ cao rất rõ rệt: vùng rẻo cao (đỉnh núi) là nơi cư trú của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Mông - Dao, Tạng Miến, với phương thức lao động sản xuất chủ yếu là phát nương làm rẫy, phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên; vùng rẻo giữa (sườn núi) là nơi cư trú của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, phương thức lao động sản xuất chính là trồng lúa cạn, chăn nuôi gia súc và một số nghề thủ công; còn ở vùng thung lũng, chân núi là nơi sinh sống của các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, Thái - Kadai, điều kiện tự nhiên thuận lợi hơn để phát triển nông nghiệp và các ngành nghề khác. Sự khác biệt về điều kiện sinh sống và phương thức lao động sản xuất cũng gây ra sự khác biệt văn hóa rất lớn mặc dù văn hóa chủ thể và đặc trưng là văn hóa dân tộc Mường.

Tây Bắc là một miền núi cao hiểm trở. Các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc- Đông Nam, trong đó có dãy Hoàng Liên Sơn dài đến 180 km, rộng 30 km, cao từ 1500m trở lên, các đỉnh cao nhất như Phanxipăng 3142m, Yám Phình 3096m, Pu Luông 2.983m. Dãy Hoàng Liên Sơn, được người Thái gọi là "sừng trời" (Khau phạ), chính là bức tường thành phía đông và vùng Tây Bắc.

Tại các tỉnh biên giới Tây Bắc, “đường lí” (trưởng bản, già làng, người có uy tín trong cộng đồng) là người có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội và niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số. Trong nhiều trường hợp, lời nói của họ có giá trị hơn cả quy định pháp luật. Đây là kênh GDPL không chính thức nhưng có hiệu quả nếu được khai thác đúng cách.

Việc lồng ghép phổ biến pháp luật thông qua đội ngũ này mang lại sự gần gũi, dễ tiếp cận và tạo dựng niềm tin đối với đồng bào. Tuy nhiên, khi không được tập huấn thường xuyên hoặc không đồng hành với cơ quan chức năng, thì

chính họ cũng có thể truyền tải lệch lạc hoặc thiên về phong tục hơn pháp luật hiện hành.

Các tỉnh Tây Bắc có hơn 20 dân tộc sinh sống, mỗi dân tộc đều có hệ thống luật tục riêng. Luật tục thường được coi là “pháp luật truyền thống” giúp giải quyết tranh chấp trong cộng đồng, xử lý hành vi vi phạm theo chuẩn mực đạo đức và truyền thống văn hóa. Ví dụ, người Mông, Thái có hình thức phạt vạ khi có tranh chấp dân sự hoặc hôn nhân không đúng tục lệ.

Tuy nhiên, một số luật tục lại mâu thuẫn với quy định pháp luật nhà nước, như tảo hôn, đa thê, trọng nam khinh nữ, mê tín... Việc GDPL phải khéo léo: không bài xích luật tục, mà cần hướng tới sự hài hòa, chọn lọc những yếu tố tích cực để củng cố nền tảng đạo đức - xã hội, đồng thời từng bước điều chỉnh những tập tục lạc hậu.

Khu vực biên giới Tây Bắc giáp Trung Quốc và Lào có địa hình hiểm trở, dân cư thưa thớt, sinh sống phân tán và đi lại khó khăn. Đây cũng là khu vực thường xuyên xảy ra các vi phạm pháp luật như: vượt biên trái phép, buôn lậu, buôn bán người, tàng trữ và vận chuyển ma túy, truyền đạo trái phép...

Trong bối cảnh đó, GDPL không thể chỉ dừng ở tuyên truyền chung chung mà cần tập trung vào các lĩnh vực pháp luật cụ thể như: pháp luật về biên giới quốc gia, xuất nhập cảnh, tội phạm ma túy, hôn nhân - gia đình, phòng chống buôn bán người, và Luật Biên phòng Việt Nam. Đồng thời, phải tăng cường phối hợp giữa lực lượng biên phòng, chính quyền xã và các tổ chức đoàn thể để tổ chức các mô hình như “Phiên chợ pháp luật”, “Tổ tự quản an ninh”, hay lồng ghép pháp luật vào sinh hoạt cộng đồng.

Tây Bắc thực ra là tên gọi theo phương vị, lấy Thủ đô Hà Nội làm điểm chuẩn, hiện tại là địa bàn các tỉnh biên giới Tây Bắc gồm bốn tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai. Một số dân tộc điển hình ở Tây Bắc sinh sống tại các tỉnh được phân bố như sau:

Lai Châu là một tỉnh có sự đa dạng về thành phần các dân tộc sinh sống. Đây là nơi cư trú của 20 dân tộc và là địa phương có tỉ lệ người dân tộc thiểu số cao nhất trong số 63 tỉnh, thành trên cả nước. Trong đó, dân tộc Thái chiếm tỉ lệ

lớn nhất với 206.001 người, tương đương 35,1% dân số toàn tỉnh. Tiếp theo là dân tộc H'Mông với 170.460 người (29,0%), và dân tộc Kinh với 99.094 người. Các dân tộc như Dao, Khơ Mú và Hà Nhì có quy mô dân số từ 10.000 đến 40.000 người. Ngoài ra, có 10 dân tộc khác có dân số dao động từ 1.000 đến dưới 10.000 người như Giáy, La Hủ, Lào, Lự, Kháng, Hoa, Mảng, Cống, Xinh Mun và Tày. Các dân tộc còn lại có quy mô dân số dưới 1.000 người.

Tỉnh Điện Biên có khoảng 83.536 người, gồm nhiều dân tộc, trong số đó dân tộc Hmông có 40.571 người chiếm 48,57%; Dân tộc Thái có 24.500 người chiếm 29,33%.

Tỉnh Sơn La, dân tộc Thái có 48.2985 người; dân tộc Hmông 11.4578 người; dân tộc Xinh mun 1.6654 người; dân tộc Khơ mú 9950 người.

Tỉnh Lào Cai là nơi sinh sống của 27 dân tộc. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm số lượng đông nhất với 194.666 người, tiếp đến là dân tộc H'Mông với 122.825 người, dân tộc Tày có 82.516 người, dân tộc Dao với 72.543 người, dân tộc Thái 51.061 người, và dân tộc Giáy 24.360 người. Các dân tộc khác có số dân từ vài nghìn đến dưới hai mươi nghìn bao gồm Nùng (23.156), Phù Lá (6.763), Hà Nhì (3.099), Lào (2.134), Kháng (1.691), La Ha (1.572), Mường (1.263), Bô Y (1.148), Hoa (770), La Chí (446). Ngoài ra, còn có 11 dân tộc khác có dân số dưới 70 người như Sán Chay, Sán Dìu, Khmer, Lô Lô, Cà Doong, Pa Cô, Ê Đê, Giẻ Triêng, Gia Rai, Chăm và Cà Tu. Với cơ cấu dân tộc đa dạng như vậy - chiếm khoảng 50% tổng số dân tộc của cả nước - Lào Cai là tỉnh có đặc trưng văn hóa đa tộc người phong phú, đậm đà bản sắc riêng.

Về phân bố và đặc trưng văn hóa, cư dân vùng thấp như người Tày, Thái, Giáy, Nùng thường sinh sống tại các thung lũng ven sông, ven suối, nơi họ phát triển nền văn hóa lúa nước lâu đời. Ở khu vực trung du, các nhóm như Kháng, La Ha, Phù Lá... hình thành đời sống gắn với nương rẫy, sở hữu nhiều tri thức bản địa phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp. Trong khi đó, người H'Mông, Dao và Hà Nhì cư trú tại vùng núi cao, đã sáng tạo ra hệ thống ruộng bậc thang độc đáo trên các sườn núi - biểu tượng sinh động cho sự thích nghi linh hoạt và sáng tạo với địa hình hiểm trở [31].

Nét chung trong văn hóa Tây Bắc là sở thích trang trí trang phục, chăn màn, đồ dùng với các sắc độ của gam màu nóng, rất nhiều màu đỏ, xen vào với vàng tươi, vàng đất, vàng rơm, rồi da cam, tím và nếu có xanh thì phải là xanh da trời tươi. Phải chăng giữa mênh mông xanh lá cây, những màu ánh lên như những điểm sáng, khẳng định sự có mặt của con người. Còn họa tiết, bố cục, phối màu của trang trí thì rất nhiều và phong phú, ví dụ như chiếc khăn piêu Thái, một bộ nữ phục H'mông, Lô Lô, Dao đỏ, chăn Mường, màn Kháng ...

Ngoài ra, một số nét riêng trong văn hóa các dân tộc được kể tới như: Nhà ở của các tộc người Thái, Lào, Mường, Khomú, Xinhmun, Kháng, Cống đều là nhà sàn. Với người H'mông, Dao lại ở nhà trệt, mái thấp, tường trình; Về đồ ăn, uống: Các dân tộc vùng thấp như Thái và các dân tộc vùng rẻo giữa thường ăn cơm nếp đồ, hiện nay bà con đã ăn cơm tẻ nhiều hơn. Người Thái có món nậm Pịa, mọc, lạp và làm nhiều loại bánh từ bột nếp. Người H'mông thì món ăn đặc trưng vẫn là ngô bột được đồ lên (mèn mèn), thắng cố, bánh dày được làm vào dịp tết H'mông.

Về phương diện kinh tế, nông nghiệp vẫn là hoạt động sản xuất chủ yếu của đa số cộng đồng dân tộc thiểu số tại khu vực Tây Bắc. Canh tác nương rẫy đóng vai trò quan trọng và không thể thiếu trong đời sống người dân, giúp họ tạo ra lương thực như lúa, các loại rau củ (bí, cải, đậu, đu đủ), cây gia vị như ớt, gừng, kê... Ngoài ra, nhiều hộ còn trồng cây bông và cây chàm trên đất nương để phục vụ nhu cầu dệt may truyền thống. Bên cạnh đó, hoạt động chăn nuôi nhỏ lẻ trong hộ gia đình, nghề thủ công truyền thống và việc khai thác tài nguyên rừng vẫn diễn ra phổ biến nhằm phục vụ sinh kế hàng ngày. Mặc dù cơ chế thị trường đã hiện diện tại nhiều vùng đồng bằng và một số khu vực miền núi, nhưng nhìn chung, đồng bào dân tộc ở Tây Bắc vẫn duy trì lối sản xuất mang tính truyền thống, gắn chặt với điều kiện tự nhiên và tập quán văn hóa bản địa.

Trao đổi hàng hoá là nhu cầu thiết yếu đã có từ lâu đời của các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc, họ thường cùng nhau họp chợ tại trung tâm xã, huyện hoặc

ngay ven đường cái. Do các tộc người đều cư trú ở vùng sâu vùng xa nên họ chỉ họp chợ 5 ngày hoặc 1 tuần 1 lần (Nguyễn Thị Thanh Nga, 2021, [64]).

Từ những điểm đặc sắc trong văn hóa, địa lý, kinh tế như vậy, giáo dục pháp luật cho người dân khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc có những nét riêng biệt do chịu tác động từ yếu tố văn hóa, phong tục tập quán của mỗi nhóm dân tộc, cụ thể được trình bày như sau:

Thứ nhất, về nội dung: GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới khu vực Tây Bắc được đặt trong mối quan hệ hài hoà với với giáo dục về bản sắc văn hoá, phong tục tập quán, truyền thống yêu nước và tự hào dân tộc. Nội dung phù hợp với đặc thù văn hóa của các dân tộc ít người tại vùng biên giới, nơi luôn đề cao tinh thần yêu nước, bảo vệ chủ quyền biên giới, lãnh thổ.

Thứ hai, về đối tượng: đối tượng giáo dục pháp luật là người đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc khá phong phú, đa dạng, có sự chênh lệch về trình độ nhận thức, khác biệt về văn hoá, phong tục tập quán.

Thứ ba, về chủ thể: ngoài các chủ thể GDPL nói chung, GDPL cho người đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc cần gắn với vai trò rất quan trọng của bộ đội biên phòng, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

Thứ tư, về hình thức, phương pháp: Ngoài hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật nói chung, cần có hình thức, phương pháp đặc thù phù hợp địa bàn cư trú, phong tục tập quán, văn hóa, khả năng sử dụng ngôn ngữ của đối tượng được hướng tới.

Nội dung trọng tâm tuyên truyền, GDPL và phổ biến kịp thời, đầy đủ các luật mới được thông qua đến cán bộ và Nhân dân

Bên cạnh việc quán triệt và thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng, các bộ, ngành, địa phương tập trung phổ biến quy định của Hiến pháp, Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết, đặc biệt các văn bản liên quan đến công tác xây dựng, thi hành và bảo vệ pháp luật; về chế độ, các chính sách, quy định mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế; đưa ra các hành vi bị nghiêm cấm thực hiện và các chế tài xử lý; quyền, nghĩa vụ của

công dân; nêu gương các cá nhân, tổ chức, các hành động tuân thủ pháp luật làm gương đời sống; các văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến phạm vi quản lý; các quan điểm, chính sách mới trong dự thảo văn bản luật; những vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận; giám sát việc thực hiện luật pháp, chính sách, nhất là những chính sách đang được quan tâm; nội dung các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế, công tác lãnh sự và bảo hộ công dân; chủ trương, quan điểm, chính sách về xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách hành chính; cải cách hoạt động tư pháp...

Bên cạnh đó, nội dung GDPL còn được lồng ghép và gắn bó với cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; “Xây dựng nông thôn mới”; lồng ghép với việc tổ chức Ngày Đại đoàn kết tại khu dân cư và nhiều phong trào, hoạt động xã hội khác.

Giáo dục pháp luật ở khu vực Tây Bắc, đặc biệt tại các tỉnh biên giới, đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức pháp lý cho cộng đồng dân tộc thiểu số và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của họ. Tình hình giáo dục pháp luật ở đây liên quan đến việc tham gia của các chủ thể như bộ đội biên phòng, báo cáo viên và tuyên truyền viên, mỗi chủ thể có những đóng góp thiết thực trong việc triển khai các hoạt động tuyên truyền và phổ biến pháp luật.

Bộ đội biên phòng là lực lượng chủ chốt trong việc bảo vệ an ninh biên giới, đồng thời cũng là những người tham gia tích cực vào công tác giáo dục pháp luật cho người dân ở khu vực biên giới. Họ thực hiện công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về an ninh trật tự, bảo vệ biên giới, và phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật như buôn lậu, ma túy và các tội phạm xuyên biên giới. Các chiến sĩ biên phòng thường xuyên tổ chức các cuộc tuyên truyền tại các thôn, bản, qua đó giúp người dân hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó bảo vệ tốt hơn quyền lợi và sự an toàn cá nhân.

Báo cáo viên, thường là những cán bộ từ các cơ quan nhà nước như Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp hoặc các tổ chức xã hội, có nhiệm vụ trực tiếp tuyên truyền

và phổ biến các kiến thức pháp lý cho các cộng đồng dân tộc thiểu số ở Tây Bắc. Công tác của báo cáo viên thường được thực hiện thông qua các lớp học, hội thảo, và các buổi sinh hoạt pháp luật. Mặc dù hoạt động giáo dục pháp luật của báo cáo viên đã được triển khai rộng rãi, nhưng một trong những thách thức lớn là làm sao truyền đạt các kiến thức pháp lý một cách dễ hiểu và phù hợp với đặc điểm văn hóa, ngôn ngữ của các cộng đồng dân tộc thiểu số, giúp họ tiếp cận và áp dụng pháp luật trong thực tiễn.

Tuyên truyền viên là những người trực tiếp tham gia vào việc đưa các thông tin pháp luật đến với người dân tại các thôn, bản. Họ là những người có uy tín trong cộng đồng, có khả năng sử dụng ngôn ngữ và phong tục của các dân tộc thiểu số để truyền tải các thông điệp pháp luật một cách hiệu quả. Công tác tuyên truyền pháp luật của tuyên truyền viên rất quan trọng vì họ là những người có thể giải thích và thảo luận trực tiếp với người dân về các vấn đề pháp lý mà cộng đồng quan tâm. Họ cũng tổ chức các hoạt động tuyên truyền qua các hình thức phong phú như các buổi họp thôn, phát tờ rơi, sử dụng đài truyền thanh xã, hoặc các phương tiện truyền thông đại chúng khác.

Mặc dù công tác giáo dục pháp luật ở Tây Bắc đã có những bước tiến nhất định, nhưng vẫn còn nhiều thách thức cần khắc phục. Một trong những khó khăn lớn là sự thiếu hụt về nguồn lực, đặc biệt là đội ngũ tuyên truyền viên và báo cáo viên có đủ khả năng tiếp cận và giải thích pháp luật cho người dân ở các vùng sâu, vùng xa. Các chương trình giáo dục pháp luật thường phải đổi mới với sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa, điều này đòi hỏi các chủ thể tham gia cần có phương pháp truyền đạt phù hợp để người dân có thể hiểu và thực thi pháp luật một cách hiệu quả.

3.2. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM

3.2.1. Những kết quả đạt được

3.2.1.1. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật

Quản lý nhà nước có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, cụ thể với vấn đề giáo dục pháp luật: (i) Điều chỉnh các quan hệ xã hội theo mục tiêu đã đề

ra: Quản lý nhà nước tác động đến các quan hệ xã hội, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo mục tiêu đã đề ra. Mục tiêu của quản lý nhà nước được thể hiện trong các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; (ii) Bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc: Quản lý nhà nước trong việc giáo dục pháp luật cho người dân góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, chống lại các hành vi xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc; (iii) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân: Quản lý nhà nước góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đảm bảo cho công dân được sống trong một xã hội công bằng, dân chủ.

Nhằm phát triển kinh tế - xã hội của vùng Trung du miền núi phía Bắc đặc biệt là của đồng bào DTTS, trong những năm qua, thông qua vai trò của quản lý nhà nước, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương chính sách quan trọng [33]:

Một số văn kiện quan trọng đã được ban hành nhằm định hướng và thúc đẩy công tác giáo dục pháp luật, tiêu biểu như Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ và người dân. Bên cạnh đó, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019, phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Ngoài ra, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ đã xác định Chiến lược công tác dân tộc cho giai đoạn 2021-2030. Cùng với đó là Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (giai đoạn I: 2021-2025), được triển khai theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Những năm qua, nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác GDPL của Ban Bí thư Trung ương Đảng, với mục tiêu nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, các tỉnh trong khu vực Trung du và miền núi phía Bắc

đều đã thành lập Hội đồng GDPL tỉnh nhằm chủ trì thực hiện ban hành kế hoạch, triển khai thực hiện các đề án của Trung ương để tuyên truyền GDPL cho đồng bào DTTS; chủ động tham mưu, phối hợp với các ngành liên quan tuyên truyền thông qua tổ chức các hội nghị, lồng ghép vào các buổi họp, giao ban, sinh hoạt đoàn thể; phát tờ rơi, tờ gấp, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt câu lạc bộ. Công tác tuyên truyền GDPL đều bám sát định hướng hoạt động ở Trung ương, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác GDPL; kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện công tác GDPL; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xác định những nội dung pháp luật trọng tâm cần phổ biến gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

Ngoài ra, Cục trợ giúp pháp luật đã triển khai các hoạt động truyền thông góp phần thực hiện công tác truyền thông, phổ biến giáo dục pháp luật qua công tác trợ giúp pháp luật cụ thể như: xây dựng, phát sóng các chương trình về các vụ việc trợ giúp pháp luật thành công cho đồng bào dân tộc thiểu số trên Đài Truyền hình Việt Nam (nhiều vụ việc giúp người bị buộc tội được chuyển khung hình phạt và được tuyên mức thấp hơn đề nghị của Viện Kiểm sát, chuyển từ hình phạt tù có thời hạn sang án treo như trong vụ án vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, vụ án trộm cắp tài sản, vụ án vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy...); xây dựng, phát sóng các thông điệp truyền thông về trợ giúp pháp luật, trong đó giới thiệu quyền được trợ giúp pháp luật của đồng bào dân tộc thiểu số trên Đài tiếng nói Việt Nam; biên soạn, cung cấp tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số như các tờ gấp về trợ giúp pháp luật, tuyên truyền giáo dục pháp luật; tổ chức các đợt truyền thông điểm nhằm tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận trợ giúp pháp lý của người dân vùng đồng bào tộc thiểu số. Việc triển khai các hoạt động đã truyền thông giúp người dân ở vùng dân tộc thiểu số biết đến trợ giúp pháp luật, tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp luật khi có tranh chấp, vướng mắc pháp luật, qua đó, phổ biến giáo dục pháp luật đến người dân ở vùng dân tộc thiểu số.

Các Trung tâm trợ giúp pháp luật Nhà nước đã xây dựng phát sóng các phóng sự trợ giúp pháp luật phát trên đài truyền hình địa phương; tổ chức các đợt truyền thông về trợ giúp pháp luật ở cơ sở để trực tiếp truyền thông, hướng dẫn thông tin về trợ giúp pháp luật cho người dân; xây dựng các tờ rơi, tờ gấp về trợ giúp pháp luật; tổ chức các đợt trợ giúp pháp luật cao điểm để mừng các ngày lễ, kỷ niệm hàng năm (ngày quốc tế thiếu nhi, ngày thành lập hệ thống tổ chức trợ giúp pháp luật Việt Nam, ngày vì người nghèo, ngày pháp luật nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam); cập nhật danh sách người thực hiện trợ giúp pháp luật, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp luật trên Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp.

Một số Sở Tư pháp, Trung tâm trợ giúp pháp luật nhà nước chủ động phối hợp với Phòng Tư pháp các huyện, thị xã tổ chức các cuộc truyền thông trợ giúp pháp luật kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên toàn tỉnh. Qua đó, giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm trợ giúp pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp luật, người thực hiện trợ giúp pháp luật, một số nội dung pháp luật thiết yếu đến người dân, số điện thoại, địa chỉ liên hệ cho đồng bào dân tộc thiểu số, xây dựng Chương trình phát thanh “Trợ giúp pháp luật với người dân” trong đó có nội dung trợ giúp pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số để phát đến tận thôn, xóm, phát phóng sự, tin bài về hoạt động trợ giúp pháp luật trên Đài phát thanh & truyền hình tỉnh.

Qua theo dõi, một số địa phương đã lắp đặt mới, thay thế các Bảng thông tin, hộp tin trợ giúp pháp luật tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn; Biên soạn, in ấn cấp phát tờ rơi, tờ gấp về trợ giúp pháp luật, tài liệu pháp luật phát miễn phí cho người dân nhằm giúp cho người dân, đặc biệt là những đối tượng đặc thù tại các vùng dân tộc thiểu số thực hiện quyền được thụ hưởng chính sách trợ giúp pháp luật miễn phí.

Cụ thể, tại Lai Châu, Ngay sau khi Luật GDPL được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20/6/2012, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện Luật GDPL thống nhất, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã

hội và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Chỉ đạo Sở Tư pháp tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung Luật GDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành ở cấp tỉnh; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai công tác GDPL; hằng năm theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả triển khai thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Tư pháp. Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố đã xây dựng kế hoạch riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch công tác GDPL, tổ chức Hội nghị triển khai Luật GDPL và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành cho cán bộ, công chức và Nhân dân ở đơn vị, địa phương mình.

Từ năm 2013, tại Lai Châu, thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 27/2013/QĐ-TTg ngày 19/5/2013 quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp GDPL; số 42/2017/QĐ-TTg ngày 20/9/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 27/2013/QĐ-TTg; số 21/2021/QĐ-TTg quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp GDPL; Chủ tịch UBND tỉnh đã thành lập Hội đồng phối hợp GDPL tỉnh tại Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 19/7/2013 và kiện toàn các Quyết định: Số 162/QĐ-UBND ngày 03/3/2017; số 856/QĐ-UBND ngày 02/8/2019; số 1082/QĐ-UBND ngày 18/8/2021. Sau khi được kiện toàn, Hội đồng đã ban hành văn bản phân công nhiệm vụ, quy chế tổ chức đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng được thực hiện hiệu quả. Theo đó, Hội đồng phối hợp GDPL của 8/8 huyện, thành phố đã được kiện toàn kịp thời, đúng quy định. Hằng năm, căn cứ hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Hội đồng đã ban hành Kế hoạch hoạt động, đồng thời chỉ đạo các cơ quan thành viên của Hội đồng xây dựng Kế hoạch hoạt động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị do đó công tác GDPL đã có tác dụng hỗ trợ tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của hầu hết các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Trong giai đoạn vừa qua, tỉnh Lai Châu đã triển khai nhiều hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật. Cụ thể, tỉnh đã ban hành Kế hoạch 4098/KH-UBND năm 2021 để thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật gắn với vận động quần

chúng nhân dân chấp hành pháp luật tại cơ sở của lực lượng Công an nhân dân giai đoạn 2021-2027" trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, Lai Châu đã tổ chức Hội nghị triển khai công tác tư pháp năm 2024, tập trung vào việc đẩy mạnh quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật, hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp. Các đại biểu đã thảo luận về việc tăng cường tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tư pháp trong năm 2024

Ngoài ra, tỉnh cũng chú trọng nghiên cứu, hoàn thiện thể chế, chính sách về phổ biến, giáo dục pháp luật, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, phù hợp, nhằm đảm bảo quyền được thông tin về pháp luật của nhân dân [34].

Công tác Quản lý nhà nước ở tỉnh Điện Biên được thể hiện thông qua việc UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ, kịp thời văn bản chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn thực hiện đồng bộ, thống nhất Luật GDPL trên địa tỉnh (Kế hoạch số 952/KH-UBND ngày 19/10/2012 về triển khai thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 08/8/2013 về việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 02/10/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện các Đề án tại Quyết định số 409/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 09/4/2012 ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) trên địa bàn tỉnh Điện Biên) đáp ứng yêu cầu phục vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hằng năm, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch, Chương trình trọng tâm công tác GDPL để định hướng nội dung GDPL, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các ngành, các cấp triển khai thực hiện; chỉ đạo Hội đồng Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức kiểm tra công tác GDPL tại các cơ quan, đơn vị, địa phương để nắm tình hình; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí kinh phí, nguồn nhân lực để triển khai thực hiện công tác GDPL đảm bảo đúng quy định, hiệu quả; giao Sở Tư pháp (cơ quan Thường trực của Hội đồng) tích

cực tham mưu giúp Hội đồng, UBND tỉnh trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cấp, các ngành triển khai thực hiện Luật; kịp thời thẩm định, tham gia ý kiến góp ý đối với dự thảo Kế hoạch thực hiện, đảm bảo nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Giai đoạn 2012 - 2022, toàn tỉnh đã ban hành 1.685 văn bản (01 Chỉ thị, 08 chương trình, 68 Quyết định, 547 Kế hoạch, 508 Công văn, 533 văn bản khác) chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc triển khai công tác GDPL.

Ban Chỉ đạo đề án của tỉnh Sơn La đã ban hành hệ thống các văn bản quản lý nhà nước về thực hiện GDPL như: Quyết định 1906/QĐ-UBND, ngày 12/7/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Chương trình phổ biến giáo dục pháp luật giai đoạn 2017 - 2021; Quyết định 2685/QĐ-UBND, ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh Sơn La về Ban hành kế hoạch thực hiện Đề án: “Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới, giai đoạn 2017 - 2021” ...; ban hành phổ văn bản thực hiện Đề án hằng năm; ban hành các quyết định kiện toàn Cơ quan thường trực, Tổ Thư ký đề án.

Tỉnh Sơn La đã triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật. Cụ thể, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND năm 2023 để thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn.

Cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thực hiện Đề án tỉnh kịp thời được kiện toàn, củng cố khi có thay đổi về nhân sự, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chỉ đạo, tham mưu hướng dẫn và tổ chức tuyên truyền, GDPL cho cán bộ, nhân dân vùng biên giới. Tích cực phát huy vai trò là cơ quan tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo của tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện các Đề án về GDPL đạt hiệu quả thiết thực, làm tốt chức năng kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, quản lý nhà nước về GDPL tại các địa phương, đơn vị.

Tại Lào Cai, căn cứ văn bản, kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên, Ban Chỉ đạo Đề án đã nghiên cứu, xây dựng, ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, nhân dân

vùng biên giới giai đoạn 2017 - 2021” trên địa bàn biên giới tỉnh, trong đó tập trung vào việc xây dựng các kế hoạch, quy chế, quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Tổ thư ký đề án. Hằng năm, tỉnh đã tổ chức họp Ban Chỉ đạo, Tổ Thư ký, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Đề án tại các địa phương, cơ quan, đơn vị và triển khai nhiệm vụ năm tiếp theo đảm bảo kịp thời, chất lượng, hiệu quả trên cơ sở các văn bản của UBND tỉnh và Ban Điều hành Đề án.

Lào Cai đã triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật. Cụ thể, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND năm 2024 để thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở, nhằm đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động và nhân dân.

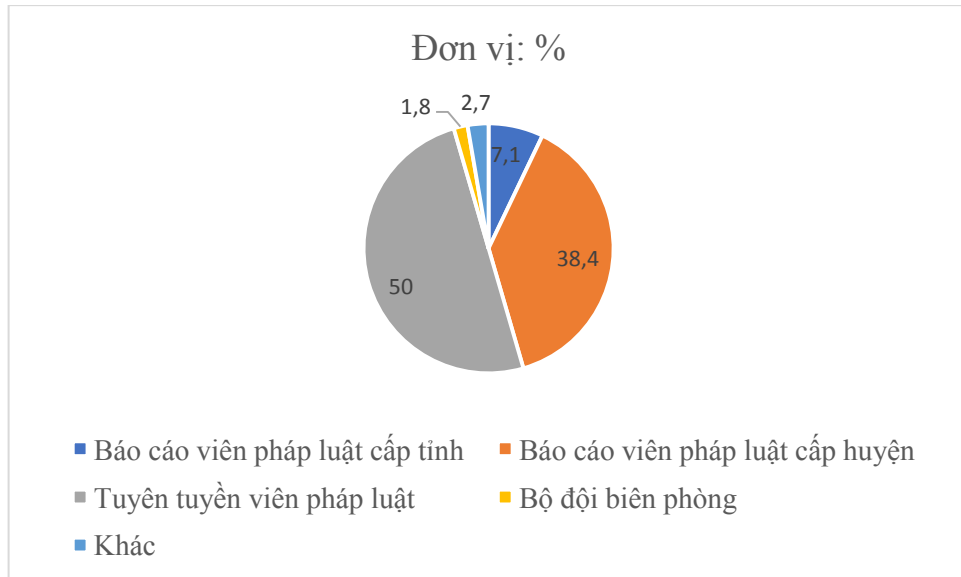
Bên cạnh đó, công tác thẩm định và rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, đảm bảo các văn bản ban hành phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Công tác quản lý nhà nước về theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính đã đi vào nề nếp, hỗ trợ các sở, ngành, đơn vị giải quyết dứt điểm nhiều vụ việc phức tạp.

Ngoài ra, tỉnh đã tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là nhiệm vụ đổi mới giáo dục, nhằm nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận của toàn xã hội trong phát triển sự nghiệp giáo dục.

Những nỗ lực này đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Lào Cai, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu pháp luật và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân.

Nếu làm được nên có một bảng tổng hợp số liệu hoặp sơ đồ về nội dung này.

3.2.1.2. Chủ thể giáo dục pháp luật ở Tây Bắc được củng cố, kiện toàn, chất lượng được nâng cao



Hình 3.1. Thành phần báo cáo viên tham gia thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Người dân được phỏng vấn cho biết, đa phần các buổi tuyên truyền giáo dục pháp luật được thực hiện bởi Tuyên truyền viên pháp luật (50%); sau đó là Báo cáo viên cấp huyện (38,4%). Bộ đội biên phòng tham gia công tác còn hạn chế (1,8%) do hạn chế về số lượng, ngôn ngữ.

Đội ngũ báo cáo viên tuyên truyền GDPL luôn được quan tâm, phát triển về số lượng: Sơn La và Lào Cai là hai tỉnh có số lượng báo cáo viên đông đảo (hơn 3000 báo cáo viên, số liệu năm 2021 - 2022) với lần lượt 165 và 168 báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, 371 và 233 báo cáo viên pháp luật cấp huyện, cùng với đó là 2.525 và 2.678 tuyên truyền viên cấp xã. Với đội ngũ báo cáo viên pháp luật đông đảo các cấp, thời gian qua, các báo cáo viên, tuyên truyền viên đã góp phần quan trọng trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn hai tỉnh.

Trong khi đó, nếu so sánh với hai tỉnh bạn, thì trong khu vực Tây Bắc, Lai Châu lại có số lượng báo cáo viên khiêm tốn hơn (với tổng số báo cáo viên

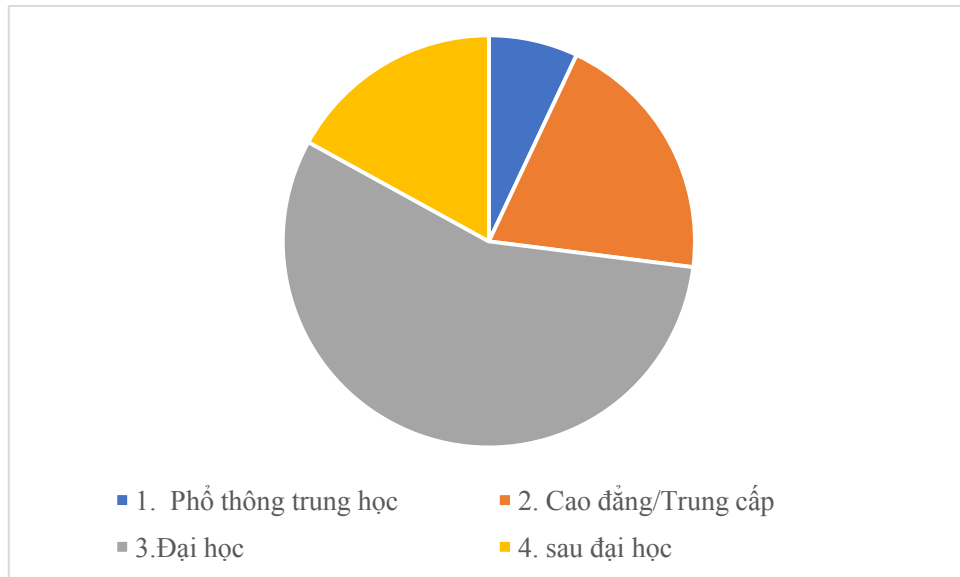
2080); tuy nhiên lại có số lượng báo cáo viên cấp huyện đông nhất (437 báo cáo viên cấp huyện). Toàn tỉnh có đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở là 5245 người [93]. Đội ngũ báo cáo viên cấp tỉnh, cấp huyện đều có trình độ Đại học (chuyên ngành Luật và chuyên ngành khác), am hiểu pháp luật, có kỹ năng truyền đạt, thường xuyên tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật cấp xã thường xuyên tiếp xúc, gần gũi, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu tìm hiểu pháp luật của người dân để phối hợp với chính quyền địa phương tham mưu, đề xuất và trực tiếp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

**Bảng 3.2. Số lượng báo cáo viên các cấp tại các tỉnh biên giới Tây Bắc
(số liệu năm 2021 - 2022)**

	Báo cáo viên cấp Tỉnh	Báo cáo viên cấp Huyện	Báo cáo viên cấp Xã
Sơn La	165	371	2.525
Lai Châu	63	437	1.580
Điện Biên	144	306	2.088
Lào Cai	168	233	2.678

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Chất lượng của đội ngũ báo cáo viên cũng không ngừng được nâng lên: Các địa phương đều rất quan tâm, chú trọng phát triển đội ngũ báo cáo viên tuyên truyền GDPL là người DTTS, người biết tiếng DTTS, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, già làng, trưởng bản, chức sắc các tôn giáo vùng DTTS. Số lượng báo cáo viên có trình độ học vấn từ trung học phổ thông đến trên đại học ngày càng nhiều: Nhờ đó công tác đưa pháp luật đi vào cuộc sống, nâng cao hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật của người dân ngày càng được nâng cao về chất lượng, thu hút được đông đảo nhân dân tham gia đặc biệt là các đồng bào DTTS.



Hình 3.2. Trình độ học vấn của báo cáo viên

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Trong 10 năm qua tại Lai Châu đã có trên 50 cuộc thi tìm hiểu pháp luật ở các cấp độ với quy mô và đối tượng khác nhau như: Tìm hiểu pháp luật về dân sự; hình sự; phòng, chống ma túy; phòng, chống bạo lực gia đình; giao thông đường bộ; bảo hiểm xã hội; phòng chống buôn bán phụ nữ và trẻ em; hôn nhân và gia đình; khiếu nại tố cáo; Luật hợp tác xã, Luật bình đẳng giới,... với hàng trăm ngàn lượt người tham gia.

Thực hiện Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 10/3/2016 của Bộ Tư pháp ban hành quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật. Hằng năm, UBND tỉnh Điện Biên đã chỉ đạo Sở Tư pháp tham mưu tổ chức rà soát kiện toàn đội ngũ báo cáo viên pháp luật các cấp trên địa bàn tỉnh; đồng thời chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện rà soát và kiện toàn tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở. Đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện, tuyên truyền viên pháp luật thường xuyên được củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng, nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

Nhóm chủ thể rất đặc thù ở các tỉnh biên giới Tây Bắc là bộ đội biên phòng, hay người có uy tín trong cộng đồng dân cư (già làng, trưởng bản) nên có sự khác biệt trong trình độ và nhận thức, cụ thể là có kết quả trong tuyên truyền khác nhau qua các buổi tập huấn, đào tạo về phổ biến giáo dục pháp luật. Vì tính đặc thù này, đội ngũ Báo cáo viên, Tuyên truyền viên pháp luật, do tập trung thực hiện nhiều nhiệm vụ chuyên môn, chưa đầu tư được nhiều thời gian cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật, tuy được bồi dưỡng về kiến thức pháp luật và nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật, nhưng khả năng truyền đạt và kỹ năng cũng chưa cao nên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

Ngoài ra, hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật các cấp, báo cáo viên pháp luật thành lập theo quy định của Luật phổ biến giáo dục pháp luật, tuy nhiên trong hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật còn hạn chế, thụ động. Cơ chế, chính sách đối với người làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật chưa cao, chưa thu hút thu hút, động viên, khuyến khích những người có đủ điều kiện tham gia.

Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tại Sơn La luôn được kiện toàn cả về số lượng và chất lượng theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền đưa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; hiện nay báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, huyện 100% có trình độ đại học trở lên, chủ yếu là trưởng, phó các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, huyện; tuyên truyền viên pháp luật cấp xã 100% có trình độ từ trung cấp trở lên. Kết quả: Từ năm 2017-2021, đã tổ chức 05 hội nghị/340 lượt báo cáo viên, tuyên truyền viên cấp tỉnh; các huyện biên giới tổ chức 35 hội nghị/2.380 lượt báo cáo viên, tuyên truyền viên, tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng tuyên truyền pháp luật.

Tuy nhiên, do đặc điểm về đối tượng tuyên truyền viên, báo cáo viên cấp cơ sở là các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, nên có tính

kiêm nhiệm, ít được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ nên có trình độ chuyên sâu về pháp luật, kỹ năng tuyên truyền, giải thích cho người dân hiểu chưa tốt; chế độ đãi ngộ đối với báo cáo viên, tuyên truyền viên còn thấp.

Ngoài ra, tại Sơn La, các đồn biên phòng đã phối hợp với Phòng Tư pháp các huyện, xã biên giới, tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương củng cố, kiện toàn và thành lập Câu lạc bộ tư vấn pháp luật; tổ hòa giải, tổ tư vấn tại chỗ ở các xã biên giới. Thành viên gồm cán bộ đồn Biên phòng, cán bộ tư pháp, văn hóa các xã biên giới. Qua thực tế, hiện nay có 6 huyện, 17 xã biên giới và 10 đồn Biên phòng có 309 tổ Hòa giải; 17 câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, ... Qua đó đã tư vấn và giải đáp những vấn đề về pháp luật cho đồng bào các dân tộc khu vực biên giới của tỉnh.

Với chủ thể báo cáo viên là bộ đội biên phòng, Điện Biên thực hiện đề án “Bổ trí chức danh cán bộ bộ đội biên phòng tỉnh Sơn La tăng cường các xã biên giới” và chỉ đạo của Bộ Tư lệnh về việc “Phân công Đảng viên Đồn Biên phòng phụ trách các hộ gia đình ở khu vực biên giới”. Qua đó các đồng chí tham gia cấp ủy cấp huyện, tăng cường xã và phụ trách hộ gia đình đã tham mưu cho chính quyền địa phương tổ chức có hiệu quả công tác triển khai thực hiện đề án.

Công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số được trên 80% cán bộ, công chức, viên chức tại Sơn La thực hiện. Công tác này được đội ngũ cán bộ cung cấp thông tin, cũng như đưa tài liệu pháp luật, tổ chức các lớp tập huấn. Cùng với đó, đội ngũ này còn thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ về giáo dục pháp luật, cũng như vận động về lĩnh vực công tác dân tộc, theo yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Tại Lào Cai, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn, huyện biên giới đã cử các báo cáo viên, tuyên truyền viên tham gia Hội nghị tập huấn pháp luật đợt 1, đợt 2 hằng năm do Sở Tư pháp Lào Cai tổ chức, phòng Tư pháp các huyện cũng đã có những buổi tổ chức tập huấn cho các báo cáo viên cấp xã, huyện tại địa phương (Ví dụ như huyện Bát Xát trong giai đoạn 2017 - 2021, có

số lần tham gia tập huấn là 14 lần, số người tham gia tập huấn là 700 người trong đó cấp tỉnh 140 lượt người, cấp huyện 560 lượt người)

Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024 - 2030” ngày 4/4/2024 phê duyệt với mục tiêu nhằm xây dựng và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tại vùng đồng bào DTTS&MN nhằm đưa công tác GDPL tại các địa bàn này đi vào nền nếp, thực chất, hiệu quả, nâng cao ý thức thượng tôn pháp luật và năng lực sử dụng pháp luật để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân; góp phần củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Mỗi thôn, bản có ít nhất 1 tuyên truyền viên pháp luật đồng bào dân tộc thiểu số

Đề án phân đầu trong giai đoạn 1 (năm 2024 và năm 2025), số lượng báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tại vùng đồng bào DTTS&MN được đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ tại địa phương tăng thêm ít nhất 20% so với số lượng năm 2023.

Bổ sung mới ít nhất 10% đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức người DTTS so với năm 2023; mỗi thôn, bản, ấp, buôn, phum, sóc... có ít nhất 01 tuyên truyền viên pháp luật là người DTTS hoặc biết tiếng DTTS; trong đó ưu tiên lựa chọn, bồi dưỡng già làng, trưởng thôn, bản, ấp, buôn, phum, sóc, các chức sắc, chức việc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng dân cư.

Bảo đảm 100% báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tại vùng đồng bào DTTS và miền núi được cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; bảo đảm ít nhất 70% báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tại địa

bàn này được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng GDPL phù hợp với đối tượng, lĩnh vực, địa bàn.

Đồng thời, thực hiện các hoạt động hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tại 10 địa phương có nhiều xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN đại diện các vùng, miền trên cả nước.

3.2.1.3. Đối tượng giáo dục pháp luật

Trong 5 năm thực hiện Đề án 1163 về “Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2021”, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số đã được các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện thường xuyên, liên tục, với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với điều kiện sinh hoạt, đặc điểm, phong tục tập quán, văn hóa truyền thống của từng dân tộc, vùng miền; nội dung thiết thực, hiệu quả, giúp cán bộ và nhân dân hiểu, nhận thức đúng đắn, đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của mình để thực hiện pháp luật một cách tự giác, hạn chế dần tình trạng vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết của đồng bào dân tộc thiểu số, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật, từ đó, góp phần xây dựng, từ đó tăng niềm tin của nhân dân vào sự dẫn dắt của Đảng và Nhà nước; cùng với đó, tuyên truyền và vận động người dân chung tay xây dựng cuộc sống lành mạnh theo Hiến pháp, pháp luật, từ đó thực hiện mục đích ổn định chính trị, đảm bảo an ninh xã hội, tạo lên một xã hội văn minh, công bằng, từ đó hướng tới mục tiêu phát triển bền vững về kinh tế, xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

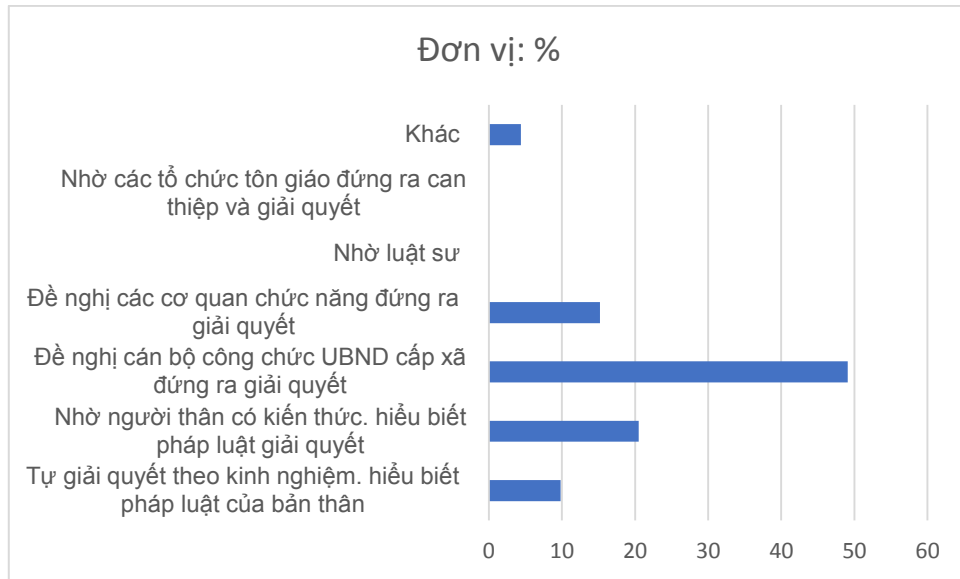
Đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại khu vực biên giới. Nhận thức pháp luật của người dân có sự chuyển biến tích cực. Thông qua các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật như hội nghị, lớp tập huấn, mô hình điểm, câu lạc bộ pháp luật, chương trình phát thanh truyền hình bằng tiếng dân tộc..., người dân đã từng bước tiếp cận và hiểu được các quy định pháp luật liên quan trực

tiếp đến đời sống hằng ngày của họ, như luật hôn nhân gia đình, đất đai, bảo vệ rừng, an ninh biên giới, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội. Nhiều người dân đã biết chủ động tìm hiểu pháp luật và biết vận dụng kiến thức pháp luật vào việc giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, góp phần giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở.

Đối với học sinh là đồng bào dân tộc thiểu số. Việc lồng ghép nội dung giáo dục pháp luật trong các môn học, hoạt động ngoại khóa tại trường học vùng dân tộc thiểu số được triển khai ngày càng đồng bộ. Học sinh người dân tộc Mông, Thái và các dân tộc khác đã được trang bị những kiến thức cơ bản về quyền và nghĩa vụ công dân, pháp luật về trẻ em, bạo lực học đường, an toàn giao thông... Từ đó, các em có ý thức rõ ràng hơn trong hành vi ứng xử, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, đồng thời trở thành cầu nối truyền tải kiến thức pháp luật đến gia đình và cộng đồng.

Đối với phụ nữ dân tộc thiểu số tại các xã biên giới. Thông qua các hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ, các chương trình phối hợp giữa cơ quan tư pháp và đoàn thể, phụ nữ dân tộc thiểu số đã được tiếp cận tốt hơn với các quy định pháp luật liên quan đến bình đẳng giới, hôn nhân và gia đình, phòng chống bạo lực, quyền được chăm sóc sức khỏe sinh sản... Nhờ đó, nhiều chị em phụ nữ đã chủ động tham gia các hoạt động cộng đồng, nâng cao tiếng nói và vị thế trong gia đình, tích cực vận động người thân chấp hành pháp luật, xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư.

Đối với đội ngũ cán bộ, công chức là đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã biên giới. Công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ phổ biến, tuyên truyền pháp luật cho đội ngũ cán bộ đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm và đầu tư hơn trước. Đây là lực lượng nòng cốt trong việc đưa pháp luật đến gần với cộng đồng, vì họ không chỉ hiểu ngôn ngữ, văn hóa bản địa mà còn có vai trò, uy tín trong xã hội. Nhiều cán bộ là người dân tộc Mông, Thái, Dao... đã thể hiện rõ tinh thần trách nhiệm trong tuyên truyền, giải thích pháp luật, tham mưu xử lý tình huống pháp lý phát sinh tại địa phương.



Hình 3.3. Các cách giải quyết khi người được hỏi gặp sự việc đòi hỏi kiến thức, hiểu biết pháp luật

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Khi được hỏi về cách ứng xử trong những tình huống mà bản thân hoặc gia đình gặp phải cần đến kiến thức pháp luật, phần lớn người được khảo sát cho biết họ sẽ tìm đến cán bộ cấp xã để nhờ hỗ trợ giải quyết - đây là lực lượng gần dân và thường xuyên tiếp xúc với người dân địa phương (chiếm 49,1%). Lựa chọn tiếp theo là nhờ người thân am hiểu pháp luật hỗ trợ (chiếm 20,5%). Không có người nào lựa chọn tìm đến luật sư hay các tổ chức tôn giáo để can thiệp. Thực tế này phản ánh một mức độ nhận thức nhất định của người dân về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ pháp lý, đồng thời cho thấy họ tin tưởng và lựa chọn chính quyền cơ sở như một kênh thuận tiện và hợp pháp để xử lý các vấn đề có yếu tố pháp luật trong đời sống.

Tại Lai Châu, nhiều hoạt động GDPL cho người dân nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số được các địa phương quan tâm triển khai với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như tuyên truyền miệng, trợ giúp pháp lý; các buổi biểu diễn văn hóa, văn nghệ, cấp phát sách, tờ gấp, tài liệu, tuyên truyền thông qua hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở... Sở Tư pháp phối hợp UBND các huyện thành phố tổ chức trên 60 hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng tuyên

truyền, PBDGPL; kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải với khoảng hơn 5.000 lượt người tham dự.

Ban Dân tộc đã tổ chức hội nghị tuyên truyền GDPL được 91 cuộc cho 4.252 lượt người tham dự. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đã đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người dân tiếp cận và hiểu rõ các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước liên quan đến các vấn đề được truyền thông. Qua đó, người dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, tích cực tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đồng thời thúc đẩy hiệu quả công tác giảm nghèo tại các khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

Theo đó các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố đã tích cực triển khai các nhiệm vụ của Đề án như: khảo sát, đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện; tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên truyền, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số trong hôn nhân; tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Từ đó, nâng cao nhận thức cho người dân về những tác hại của việc tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, đặc biệt trong đối tượng là trẻ vị thành niên dân tộc thiểu số.

Thực hiện Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, Nhân dân vùng biên giới giai đoạn 2017 - 2021”, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã đưa 608 tin bài, phóng sự; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phát sóng 240 chuyên mục “Vì chủ quyền an ninh biên giới”, 84 chuyên đề phổ biến pháp luật, viết 1.360 tin, phóng sự và phối hợp với 169 lượt phóng viên đi cơ sở viết bài tuyên truyền trên các báo, đài của Trung ương và địa phương phản ánh các hoạt động của Bộ đội Biên phòng và công tác tuyên truyền GDPL cho cán bộ, Nhân dân vùng biên giới; tuyên truyền cho cán bộ, Nhân dân khu vực biên giới được 8.731 buổi cho 481.596 lượt người nghe. Biên soạn và cấp phát 15.100 tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền, trợ giúp pháp lý; xây dựng 326 đề cương tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật phù hợp với từng đối tượng, phối hợp tổ chức 57 đợt biểu diễn văn nghệ ở 22/22 xã biên giới và lồng ghép tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho hơn 36.317 lượt người xem. Phối hợp với

Sở Tư pháp tổ chức Cuộc thi viết “Tìm hiểu pháp luật cho cán bộ, Nhân dân vùng biên giới” thu hút hơn 9.000 người tham dự.

Tại Điện Biên, UBND tỉnh Điện Biên đã chỉ đạo triển khai thực hiện thường xuyên các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật cho đối tượng đặc thù trên địa bàn tỉnh như: Người dân vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, người bị phạt tù được hưởng án treo... Trong đó tập trung tuyên truyền, phổ biến Luật Hôn nhân gia đình, Luật Bình đẳng giới, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và các văn bản hướng dẫn thi hành cho nạn nhân bạo lực gia đình, người có hành vi bạo lực gia đình. Đồng thời tổ chức tư vấn, trợ giúp pháp lý cho nhóm đối tượng đặc thù như tập huấn kỹ năng trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật, tuyên truyền pháp luật cho phạm nhân đang cải tạo; tuyên truyền cho thanh, thiếu niên tại các vùng sâu, vùng xa tại các huyện Nậm Pồ, Mường Nhé, Tủa Chùa.

Số lượng đồng bào dân tộc thiểu số được giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ở Sơn La là trên 70%. Tuy nhiên, do địa bàn vùng dân tộc rộng, dân cư sống rải rác, địa hình chia cắt, đồi núi dốc cao, giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn; các đối tượng thực hiện đề án chủ yếu là vùng đồng bào dân tộc thiểu số sự hiểu biết về pháp luật còn thấp khó khăn cho công tác tuyên truyền và thực hiện đề án; nguồn kinh phí giao thực hiện đề án hàng năm còn thấp chưa đáp ứng cho việc thực hiện đề án ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn.

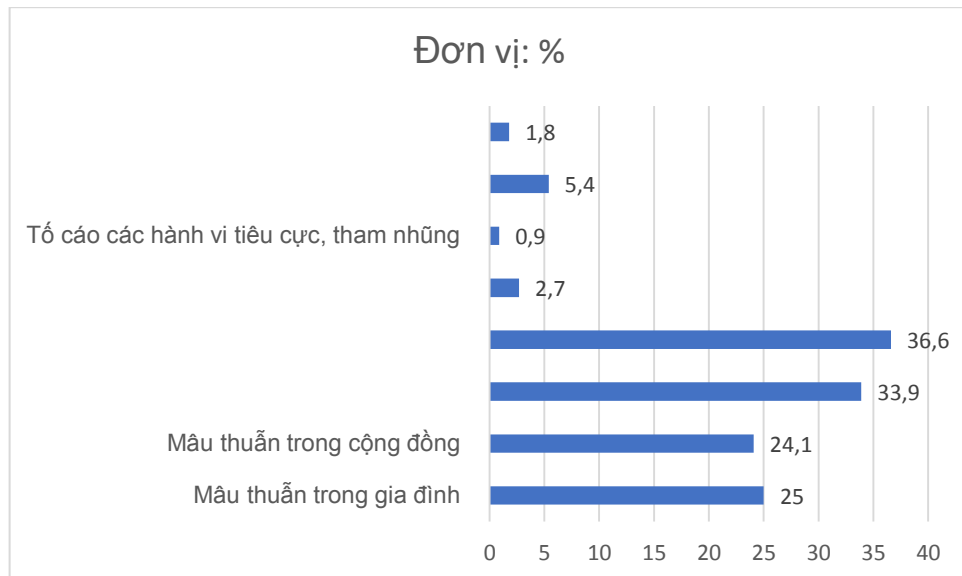
Nguyên nhân được xác định là do: (i) Nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số về pháp luật còn nhiều hạn chế; (2) Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đang là trách nhiệm của mọi cấp mọi ngành, cùng với đó kinh phí cũng đang được giao cho nhiều cấp, nhiều ngành quản lý, thực hiện, nếu không có sự phối hợp chặt chẽ sẽ dẫn đến có nội dung các ngành cùng tập trung tuyên truyền, có nội dung lại chưa được quan tâm tuyên truyền đúng mức; (3) Cùng là nội dung tuyên truyền pháp luật đang được chia thành nhiều đề án khác nhau, kinh phí giao mỗi đề án còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu tuyên

truyền sâu rộng trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là vùng còn đặc biệt khó khăn.

Việc triển khai các hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật được thực hiện dưới nhiều hình thức như: Tuyên truyền pháp luật lưu động, truyền thông về trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật; cung cấp tài liệu bằng tờ rơi, tờ gấp, lồng ghép phổ biến giáo dục pháp luật trong các hoạt động văn hóa truyền thống. Qua đó đã tạo sự chuyển biến tích cực về hành vi, ý thức tuân thủ, chấp hành pháp luật của các đối tượng đặc thù, từ đó bảo quyền và lợi ích chính đáng của bản thân.

3.2.1.4. Nội dung giáo dục pháp luật

Nội dung phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn Tây Bắc rất đa dạng. Trong đó chủ yếu tập trung vào cung cấp thông tin về pháp luật gắn với tuyên truyền, phổ biến quy định của Hiến pháp, quán triệt nội dung, tinh thần của các văn bản luật mới, các chế độ, các chính sách, và các quy định mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế; các hành vi bị nghiêm cấm và chế tài xử lý; quyền, nghĩa vụ của các chủ thể; về ý thức tôn trọng pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật; ý thức bảo vệ pháp luật; lợi ích của việc chấp hành pháp luật; gương người tốt, việc tốt trong thực hiện pháp luật...



Hình 3.4. Các sự kiện pháp lý mà người được hỏi từng gặp phải và giải quyết

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Trong thực tế, các nội dung mà người dân từng gặp và giải quyết chủ yếu tới từ tranh chấp quyền sử dụng đất đai, nhà ở; khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh tế; hay từ mâu thuẫn trong gia đình, ...Chính vì những vấn đề rất dễ xảy ra trong đời sống, người dân cần nắm bắt hơn nữa nội dung giáo dục pháp luật để áp dụng vào thực tiễn. Và từ đó, thì càng cần xem trọng hơn nữa nội dung của công tác phổ biến giáo dục pháp luật.

Bảng 3.3. Nội dung pháp luật mà đồng bào quan tâm

Nội dung	%
“Luật đất đai”	69,6
“Luật hôn nhân và gia đình”	66,1
“Luật lao động”	53,6
“Luật dân sự”	48,2
“Pháp luật thực hiện dân chủ cơ sở ở cấp xã”	41,1
“Luật hành chính”	36,6
“Văn bản pháp quy của tỉnh/huyện”	33,9
“Luật Biên giới quốc gia”	50
“Luật bình đẳng giới ”	53,6
“Luật phòng chống bạo lực gia đình”	54,5
“Luật giao thông đường bộ”	56,3
“Luật căn cước công dân”	54,5
“Luật phòng chống ma túy”	50
Tổng	100

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Qua khảo sát cũng cho thấy, những nội dung mà người dân quan tâm, yêu cầu đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ưu tiên nhắm tới là về Luật đất đai (69,6%), Luật hôn nhân và gia đình (66,1%), Luật giao thông đường bộ

(56,3%),... đây là điều tất yếu vì dựa vào bảng trước đó thì đây là các vấn đề mà người dân thường gặp phải trong cuộc sống hằng ngày.

Tại Mường La, Sơn La, Phòng Tư pháp đã tham mưu cho UBND huyện triển khai thực hiện đầy đủ các văn bản chỉ đạo của cấp trên; chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật (GDPL) trên địa bàn. Tại đây, đơn vị thường xuyên đổi mới hình thức tuyên truyền GDPL thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; sử dụng băng rôn, khẩu hiệu, xe tuyên truyền lưu động; tuyên truyền trên mạng xã hội zalo, facebook của các cơ quan, đơn vị; qua hệ thống truyền thanh cơ sở, tờ rơi, tài liệu tuyên truyền, tài liệu hỏi - đáp, sổ tay, tờ gấp... Nội dung tuyên truyền được chọn lọc thông qua việc khảo sát, nắm bắt nhu cầu tìm hiểu pháp luật của từng đối tượng và đặc điểm từng xã, thị trấn; từ đó có định hướng và tập trung tuyên truyền, giới thiệu luật, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân.

Cùng với đó, huyện tập trung kiện toàn các tổ hòa giải, nâng cao chất lượng hòa giải viên. Toàn huyện có 204 tổ hòa giải, với 1.121 hòa giải viên, hằng năm, các tổ hòa giải trực tiếp hòa giải gần 170 vụ, việc và hòa giải thành công đạt 92% số vụ, việc liên quan đến tranh chấp đất đai, hôn nhân gia đình, mâu thuẫn phát sinh trong cộng đồng dân cư...

Tại Lai Châu, Thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2025”, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 về ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025” (giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Theo đó các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố đã tích cực triển khai các nhiệm vụ của Đề án như: khảo sát, đánh giá thực trạng và kết quả thực hiện; tổ chức lồng ghép các hoạt động tuyên

truyền, vận động, tư vấn nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của đồng bào dân tộc thiểu số trong hôn nhân; tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. Từ đó, nâng cao nhận thức cho người dân về những tác hại của việc tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, đặc biệt trong đối tượng là trẻ vị thành niên dân tộc thiểu số.

Thực hiện Đề án “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, Nhân dân vùng biên giới giai đoạn 2017 - 2021”, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh đã đưa 608 tin bài, phóng sự; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phát sóng 240 chuyên mục “Vì chủ quyền an ninh biên giới”, 84 chuyên đề phổ biến pháp luật, viết 1.360 tin, phóng sự và phối hợp với 169 lượt phóng viên đi cơ sở viết bài tuyên truyền trên các báo, đài của Trung ương và địa phương phản ánh các hoạt động của Bộ đội Biên phòng và công tác tuyên truyền GDPL cho cán bộ, Nhân dân vùng biên giới; tuyên truyền cho cán bộ, Nhân dân khu vực biên giới được 8.731 buổi cho 481.596 lượt người nghe. Biên soạn và cấp phát 15.100 tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền, trợ giúp pháp lý; xây dựng 326 đề cương tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật phù hợp với từng đối tượng, phối hợp tổ chức 57 đợt biểu diễn văn nghệ ở 22/22 xã biên giới và lồng ghép tuyên truyền GDPL cho hơn 36.317 lượt người xem. Phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức Cuộc thi viết “Tìm hiểu pháp luật cho cán bộ, Nhân dân vùng biên giới” thu hút hơn 9.000 người tham dự.

Tại Điện Biên, Trong giai đoạn 2012-2022, nội dung GDPL được các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh thực hiện phù hợp với từng nhóm đối tượng và địa bàn, có trọng tâm, trọng điểm, nổi bật như: Hiến pháp, các quyền dân sự, chính trị; quốc phòng - an ninh; hôn nhân gia đình; bình đẳng giới; phòng chống bạo lực gia đình; an toàn giao thông; pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội; đất đai; khiếu nại, tố cáo; an toàn thực phẩm; bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; phòng, chống tội phạm, ma túy, mua bán người và tệ nạn xã hội; phòng, chống xâm hại trẻ em; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; cải cách hành chính; gương người tốt, việc tốt trong thực thi Hiến pháp và pháp luật; các vấn đề xã

hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận; tổ chức các đợt tuyên truyền trọng điểm về Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ, 2011-2015, 2015-2020 và 2020-2025, Bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, kỷ niệm các ngày Lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và của tỉnh; kịp thời phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, chiến sỹ lực lượng vũ trang và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh, qua đó góp phần nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của Nhân dân trong thực thi Hiến pháp và pháp luật.

3.2.1.5. Hình thức giáo dục pháp luật (mục là hình thức dưới là phương pháp ?)

Trên cơ sở các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác GDPL và tổng kết thực tiễn về các hình thức, biện pháp GDPL, theo đó, có các hình thức GDPL sau đây:

Phương pháp tuyên truyền - phổ biến trực tiếp

Đây là phương pháp truyền thống nhưng vẫn giữ vai trò quan trọng trong hoạt động giáo dục pháp luật hiện nay. Việc tổ chức các buổi tuyên truyền trực tiếp thông qua hội nghị, sinh hoạt cộng đồng, lớp tập huấn, họp thôn bản... cho phép người dân tiếp cận nội dung pháp luật một cách sinh động và dễ hiểu. Phương pháp này đặc biệt phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa - nơi mà trình độ học vấn chưa cao và kỹ năng tiếp cận thông tin còn hạn chế. Để tăng hiệu quả, cần sử dụng song ngữ (tiếng phổ thông và tiếng dân tộc) và có sự tham gia của cán bộ là đồng bào dân tộc thiểu số bản địa.

Phương pháp truyền thông qua phương tiện đại chúng

Giáo dục pháp luật thông qua báo chí, đài phát thanh - truyền hình, hệ thống loa xã, mạng xã hội và các ấn phẩm như tờ rơi, áp phích, pano... đang ngày càng phát huy hiệu quả nhờ khả năng phổ biến rộng rãi và tính cập nhật. Đặc biệt, ở khu vực biên giới Tây Bắc, việc phát sóng các chuyên mục pháp luật

bằng tiếng dân tộc như Mông, Thái, Dao... trên đài phát thanh - truyền hình địa phương giúp nâng cao khả năng tiếp cận thông tin pháp luật cho đồng bào. Bên cạnh đó, cần phát triển thêm các kênh truyền thông số phù hợp với xu hướng số hóa hiện nay.

Phương pháp tư vấn, trợ giúp pháp lý

Việc tổ chức các đợt tư vấn, trợ giúp pháp lý lưu động tại các xã biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có ý nghĩa thiết thực và nhân văn. Phương pháp này không chỉ giúp người dân hiểu rõ hơn về quyền và nghĩa vụ của mình mà còn trực tiếp giải đáp những vướng mắc trong quá trình thực thi pháp luật. Các trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cần phối hợp với chính quyền địa phương để tổ chức định kỳ hoạt động này, đồng thời đào tạo đội ngũ tư vấn viên là người dân tộc để bảo đảm khả năng truyền đạt hiệu quả.

Phương pháp giảng dạy trong nhà trường

Giáo dục pháp luật trong trường học, đặc biệt là tại các trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú, đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nhận thức pháp luật từ sớm cho thế hệ trẻ. Việc lồng ghép các nội dung pháp luật vào môn Giáo dục công dân, Giáo dục quốc phòng - an ninh hay hoạt động ngoại khóa, thi tìm hiểu pháp luật không chỉ nâng cao kiến thức mà còn nuôi dưỡng ý thức công dân, lòng yêu nước và tinh thần thượng tôn pháp luật.

Phương pháp giáo dục qua mô hình thực tiễn và gương điển hình

Đây là phương pháp mang tính lan tỏa cao, phù hợp với văn hóa cộng đồng tại vùng dân tộc thiểu số. Các mô hình như “Bản làng tự quản về an ninh trật tự”, “Tổ hoà giải pháp luật”, “Gia đình văn hoá không vi phạm pháp luật”, hoặc việc nêu gương người tốt - việc tốt trong chấp hành pháp luật có tác động mạnh đến nhận thức và hành vi của cộng đồng. Hình thức này nên được nhân rộng và kết hợp với các cuộc thi kể chuyện pháp luật, sân khấu hóa tình huống pháp luật bằng tiếng dân tộc để tăng tính gần gũi và hiệu quả giáo dục.

Bảng 3.4. Đánh giá mức độ hiệu quả của các hình thức giáo dục pháp luật

Hình thức thực hiện	Mức độ hiệu quả (%)		
	<i>Hiệu quả</i>	<i>Hiệu quả 1 phần</i>	<i>Không hiệu quả</i>
“Mở các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật đại trà cho số đông bà con tham gia”	46,4	42,9	10,7
“Phổ biến pháp luật trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo chí, đài phát thanh, Tivi...) ”	61,6	26,8	10,6
“Biên soạn in sách, tài liệu pháp luật bằng giấy dành riêng cho đồng bào phát miễn phí”	33,0	48,2	18,8
“Xây dựng tủ sách pháp luật tại Ủy ban xã, nhà văn hóa thôn/ấp/bản... ”	28,6	48,2	23,3
“Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo các chủ đề”	44,6	42,9	12,5
“Tập huấn chuyên sâu theo các chủ đề có tính đặc thù tại vùng biên giới cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, người có uy tín”	51,8	30,4	17,8

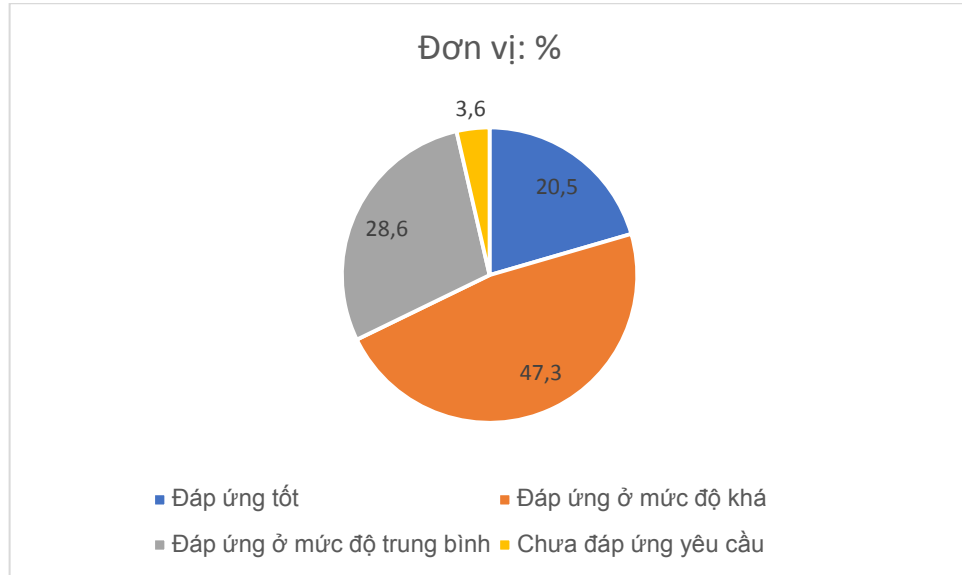
Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Phổ biến pháp luật trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo chí, đài phát thanh, Tivi...) được coi là hình thức có mức độ hiệu quả cao nhất do tính tiếp cận dễ dàng, có nhiều nội dung chương trình được lên kịch bản chín chu, có sự đầu tư về nội dung, ngôn ngữ dân tộc thiểu số, tiếp cận qua hình thức nghe, nhìn trực tiếp.... nên được người dân tham gia khảo sát đánh giá cao.

Trong khi đó, hình thức Xây dựng tủ sách pháp luật tại Ủy ban xã, nhà văn hóa thôn/ấp/bản là một hình thức sáng tạo mới, nhưng mức độ đánh giá hiệu quả chưa cao (28,6%) do đặc thù địa bàn ở đây, người dân ở đây có sự khác biệt trong trình độ giáo dục, ngôn ngữ nên Tủ sách sẽ khó tiếp cận được đại đa số người dân, nên hiệu quả được đánh giá chưa cao.

Các hình thức ở đây, đã có mức đáp ứng nhất định với nhu cầu tìm hiểu về pháp luật với người dân địa phương. Cụ thể có 75,9% người được hỏi cho rằng các hình thức tuyên truyền mà họ từng tham gia, tiếp cận là đáp ứng từ mức khá

trở lên với nhu cầu của họ. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận người cho rằng các hình thức như vậy là chưa phù hợp, cần cải tiến và đáp ứng hơn nữa nhu cầu của người dân.



Hình 3.5. Đánh giá mức độ đáp ứng của hoạt động giáo dục pháp luật thực hiện tại địa phương

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Bảng 3.5. Phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật được cho là phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc

Nội dung	%
“Thuyết giảng 1 chiều (chủ thể thuyết trình => bà con nghe => tự hiểu => tự ghi chép nếu cần)”	38
“Thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật cần phổ biến”	66
“Phương pháp nêu tình huống (giới thiệu nội dung => nêu tình huống => tạo tranh luận => báo cáo viên điều khiển)”	66
Khác	10

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Các hoạt động giáo dục pháp luật theo phương pháp thảo luận nhóm, hay nêu tình huống tạo tranh luận là phương pháp được đánh giá là phù hợp với người tham gia, đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số được đối tượng tham gia

khảo sát đánh giá cao nhất về sự phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Nhiều hoạt động GDPL cho người dân nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số được các địa phương trên địa bàn tỉnh Lai Châu quan tâm triển khai với nhiều hình thức đa dạng, phong phú như tuyên truyền miệng, trợ giúp pháp lý; các buổi biểu diễn văn hóa, văn nghệ, cấp phát sách, tờ gấp, tài liệu, tuyên truyền thông qua hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở... Sở Tư pháp phối hợp UBND các huyện thành phố tổ chức trên 60 hội nghị bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng tuyên truyền, PBDGPL; kỹ năng, nghiệp vụ hòa giải với khoảng hơn 5.000 lượt người tham dự.

Công tác GDPL cho người dân nông thôn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới còn được thực hiện thông qua các hình thức trợ giúp pháp lý như: Tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng; ngoài ra còn tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, truyền thông về hoạt động trợ giúp pháp lý và quyền được trợ giúp pháp lý nhằm nâng cao hiểu biết cho đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Căn cứ chức, năng nhiệm vụ, các cơ quan Tư pháp, Ban Dân tộc, Công an, Biên phòng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hội luật gia, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh,... đẩy mạnh các hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù thông qua các hình thức như: Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý miễn phí; phát hành tài liệu tuyên truyền; tổ chức tuyên truyền miệng trực tiếp... đã mang lại hiệu quả tích cực trong việc tiếp cận thông tin pháp luật và hạn chế vi phạm pháp luật do thiếu hiểu biết.

Tại Điện Biên, các hình thức GDPL truyền thống tiếp tục được duy trì thường xuyên và phát huy hiệu quả như: Mở hội nghị lớp tập huấn phổ biến văn bản pháp luật mới; hội thảo, tọa đàm Ngày Pháp luật; giảng dạy pháp luật thông qua môn giáo dục công dân trong nhà trường; tuyên truyền pháp luật lưu động kết hợp tư vấn pháp luật; xét xử lưu động; trợ giúp pháp lý lưu động, sinh hoạt

Câu lạc bộ pháp luật, trợ giúp pháp lý; thi tìm hiểu pháp luật; băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền, pano, áp phích, tờ gấp pháp luật; xây dựng và cấp phát đề cương giới thiệu văn bản pháp luật; GDPL thông qua các phương tiện thông tin truyền thông, mạng internet, các thiết chế văn hóa ở cơ sở... Hiện nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng, duy trì hiệu quả Cổng Trang thông tin điện tử chuyên ngành, địa phương và tăng cường phổ biến các văn bản pháp luật mới thông qua Cổng Trang thông tin điện tử, truy cập và khai thác văn bản pháp luật trên Trang thông tin điện tử Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Tủ sách pháp luật điện tử, các Cổng Trang thông tin điện tử của Bộ, ngành Trung ương, tận dụng mạng xã hội để thông tin, tuyên truyền kịp thời các quy định pháp luật mới thông qua trang cá nhân, hội nhóm zalo, facebook, fanpage...

Các mô hình mới, cách làm hiệu quả, sáng tạo được áp dụng tại Điện Biên: Trong giai đoạn 2012-2022, các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh đã phối hợp xây dựng một số mô hình điểm về GDPL mang lại hiệu quả thiết thực, điển hình như: Mô hình Ban Thông tin truyền thông cấp xã tại huyện Mường Ảng, huyện Điện Biên; mô hình “Mỗi ngày 1 câu hỏi, mỗi tuần 1 điều luật”, “Tháng, tuần điều lệnh”, “Tự giác, tự quản, tự rèn”; Câu lạc bộ An ninh trật tự không có tội phạm, Cụm liên kết an ninh trật tự, mô hình "Dòng họ tự quân, bản làng bình yên"; Câu lạc bộ phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và tuyên truyền, phổ biến pháp luật; các mô hình GDPL thuộc hệ thống Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp (01 mô hình “Phòng, chống mua bán người”, 01 Câu lạc bộ “Tư vấn tiền hôn nhân”, 01 mô hình “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn”, 01 mô hình “Thay đổi nhận thức nhằm giảm thiểu tự tử bằng lá ngón”, 02 mô hình 3 không “Không di cư trái phép, không xuất cảnh trái phép, không kết hôn trái pháp luật”, 01 mô hình “Phụ nữ tham gia bảo vệ đường biên, cột mốc”, 01 mô hình "Nâng cao nhận thức, giảm thiểu hôn nhân cận huyết thống”.

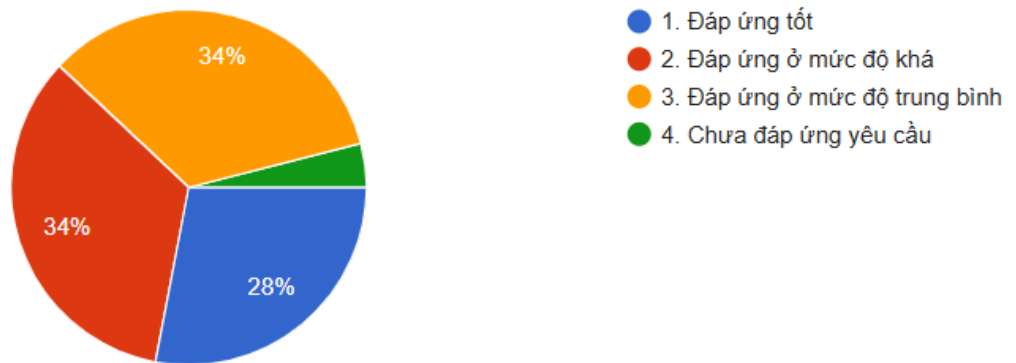
Tại Sơn La, các đơn vị, địa phương vận dụng, thực hiện các hình thức, biện pháp tuyên truyền nhằm đưa pháp luật đến gần hơn với đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới theo các cách hiệu quả nhất: (i) Tuyên truyền miệng

của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên được các địa phương, đơn vị quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác này; (ii) Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin truyền thông, thể hiện qua việc các cơ quan, đơn vị phối hợp với các cơ quan báo, đài trung ương, đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; (iii) Tuyên truyền trực quan lưu động như Pano, áp phích, băng zôn, khẩu hiệu, tuyên truyền bằng xe lưu động, tờ rơi, tờ gấp,...trong đó mô hình “tiếng loa biên phòng”, với các thứ tiếng dân tộc đã đạt được hiệu quả tuyên truyền thiết thực; (iv) Tuyên truyền qua các hoạt động văn hóa văn nghệ, từ 2017 - 2021, đã tổ chức hơn 450 chương trình hoạt động văn hóa, văn nghệ kết hợp với tuyên truyền GDPL, thu hút trên 120.000 lượt người tham gia, tổ chức 01 hội diễn Đội Tuyên truyền văn hóa trên tuyến biên giới tỉnh Sơn La năm 2018; (v) Tuyên truyền và đạt được 10/10 đồn Biên phòng, 17/17 xã biên giới “Tủ sách pháp luật”, 309/309 bản có “ngăn sách pháp luật” ở các đồn Biên phòng, các xã, bản Biên giới.

Các mô hình, cách làm sáng tạo hiệu quả như: (i) Mô hình “mỗi tuần một câu hỏi, một đáp án” trong bộ đội biên phòng tỉnh; (ii) Tổ chức sinh hoạt “Ngày pháp luật” ở các đồn biên phòng và các xã biên giới; (iii) Kết hợp thực hiện chương trình “Xuân Biên phòng - ấm lòng dân bản” tại địa bàn các xã biên giới với tuyên truyền GDPL, ngày hội đọc sách, khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí ... cho nhân dân khu vực biên giới; (iv) Mô hình “Lớp học xóa mù chữ” lồng ghép tuyên truyền GDPL. Từ năm 2017 - 2022 duy trì được 15 lớp, đã nghiệm thu 11 lớp/274 học viên, đang duy trì 04 lớp/101 học viên; ...

Tại Lào Cai, Báo cáo viên của các Đồn Biên phòng phối hợp với Phòng Tư pháp cấp huyện, Tổ tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật của các xã tổ chức tuyên truyền thông qua các hình thức như: tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh của xã; tuyên truyền miệng thông qua các hội nghị xã, thôn (Tại Bát Xát, phát hơn 412 bộ tài liệu và 18.000 tờ rơi, thực hiện công tác trợ giúp pháp lý và tư vấn pháp luật được 351 yêu cầu của các đối tượng)... Tại đây, phát huy tốt vai trò cụm loa truyền thanh nội bộ ở các đồn Biên phòng, các xã, thị trấn

biên giới, đồng thời tổ chức tuyên truyền các luật trên hệ thống truyền thanh vào những ngày tết, phiên chợ,...



Hình 3.6. Tính đáp ứng của các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc so với yêu cầu thực tiễn của các cá nhân và gia đình được đánh giá cao. Cụ thể mức đánh giá khá và tốt chiếm 62%. Tuy nhiên vẫn còn một số nhỏ đánh giá chưa đáp ứng yêu cầu (4%). Từ đây cần tìm hiểu nguyên nhân và lý do về hạn chế của hình thức giáo dục pháp luật, để tìm cách khắc phục và sửa đổi nhanh chóng đưa vào thực tế áp dụng cho đối tượng nghiên cứu.

3.2.1.6. Nguyên nhân

Nguyên nhân chủ quan và khách quan của các ưu điểm trong công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc có thể được phân tích từ nhiều yếu tố tác động khác nhau, giúp làm rõ hơn những thành công của công tác này.

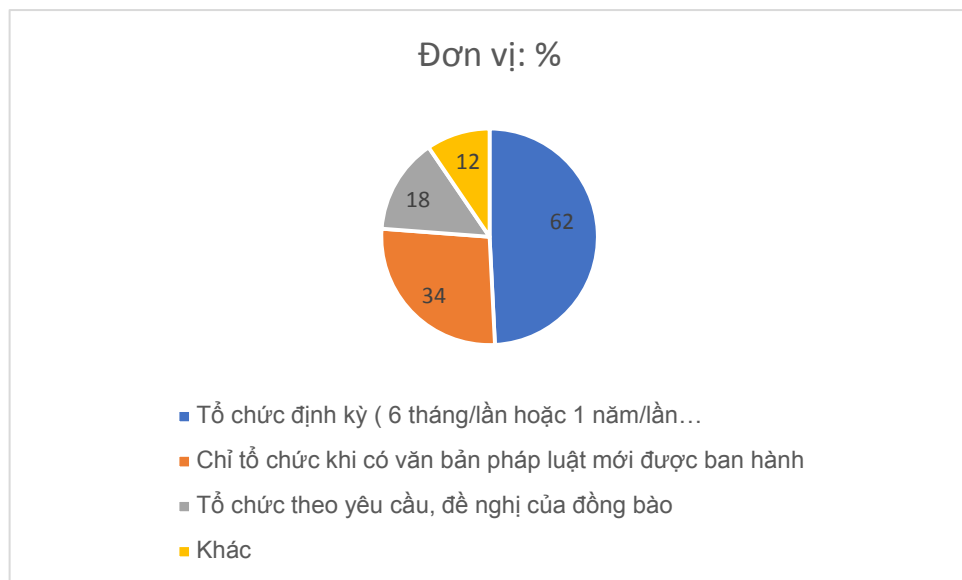
Nguyên nhân chủ quan:

Đội ngũ tuyên truyền viên và báo cáo viên có sự am hiểu văn hóa địa phương: Các báo cáo viên và tuyên truyền viên là những người có hiểu biết sâu sắc về văn hóa và ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, giúp họ truyền đạt thông tin

pháp lý một cách dễ hiểu và phù hợp. Sự am hiểu này giúp các tuyên truyền viên và báo cáo viên tiếp cận được người dân một cách hiệu quả, giảm bớt sự rào cản về ngôn ngữ và phong tục tập quán. Đây là một trong những nguyên nhân chủ quan lớn dẫn đến sự thành công trong giáo dục pháp luật.

Sự tham gia tích cực của bộ đội biên phòng: Bộ đội biên phòng, với nhiệm vụ bảo vệ an ninh biên giới, đồng thời tham gia tích cực vào công tác giáo dục pháp luật. Sự gắn kết và uy tín của bộ đội biên phòng trong cộng đồng dân tộc thiểu số giúp người dân tin tưởng và sẵn sàng tiếp nhận các thông tin pháp lý. Tính chủ động và sự tham gia tích cực này góp phần quan trọng vào việc lan tỏa thông điệp pháp lý đến các vùng sâu, vùng xa.

Sự phối hợp giữa các cấp chính quyền và tổ chức xã hội: Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chính quyền, tổ chức xã hội và cộng đồng dân tộc thiểu số đã tạo ra một mạng lưới hỗ trợ vững chắc trong công tác giáo dục pháp luật. Các tổ chức này không chỉ cung cấp thông tin mà còn tham gia hỗ trợ trong việc tổ chức các buổi sinh hoạt, hội thảo, giúp cho việc giáo dục pháp luật đạt được hiệu quả cao.



Hình 3.7. Tiêu chí thực hiện các buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Nguyên nhân khách quan:

Điều kiện địa lý thuận lợi: Mặc dù địa lý Tây Bắc có sự phân tán dân cư và khó khăn trong giao thông, nhưng ở một số khu vực biên giới, sự gần gũi với các lực lượng biên phòng và các tổ chức tuyên truyền giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin pháp luật. Việc tổ chức các buổi tuyên truyền trực tiếp tại các thôn bản hay sử dụng đài truyền thanh xã cũng giúp nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật.

Hệ thống truyền thông địa phương hiệu quả: Sự phát triển của các phương tiện truyền thông địa phương, như đài phát thanh, truyền hình cộng đồng, đã giúp truyền tải thông tin pháp luật đến đông đảo người dân, ngay cả những người sống ở vùng sâu, vùng xa. Hệ thống truyền thông này không chỉ giúp phổ biến thông tin nhanh chóng mà còn dễ dàng điều chỉnh theo đặc điểm văn hóa và ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số.

Chính sách của Đảng và Nhà nước: Chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam, đặc biệt trong việc bảo vệ quyền lợi và thúc đẩy phát triển bền vững của các cộng đồng dân tộc thiểu số, tạo ra một nền tảng pháp lý vững chắc cho việc triển khai các chương trình giáo dục pháp luật. Những chính sách này không chỉ hỗ trợ về mặt tài chính mà còn đảm bảo rằng các chương trình giáo dục pháp luật được thực hiện đúng đắn và có hiệu quả.

Các ưu điểm của công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc có thể được giải thích thông qua các nguyên nhân chủ quan như sự am hiểu của đội ngũ tuyên truyền viên về văn hóa địa phương và sự tham gia tích cực của bộ đội biên phòng, cũng như các nguyên nhân khách quan như điều kiện địa lý thuận lợi và sự hỗ trợ từ chính sách của Nhà nước. Những yếu tố này tạo nên một môi trường thuận lợi, giúp nâng cao nhận thức pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực Tây Bắc, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực.

3.2.2. Những hạn chế bất cập và nguyên nhân

Có thể khẳng định rằng những kết quả đạt được trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc là nhờ vào nhiều yếu tố phối hợp. Trước hết là sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đối với hoạt động này (chiếm 31,3%). Bên cạnh đó, các cơ quan chức năng đã triển khai chỉ đạo sát sao, cụ thể trong việc tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền pháp luật cho đồng bào vùng biên (14,3%). Đóng góp không nhỏ là đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao, luôn tích cực trong công việc (28,6%). Ngoài ra, bản thân người dân cũng ngày càng nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của kiến thức pháp luật nên chủ động tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật (23,2%). Còn lại là các nguyên nhân khác chiếm tỷ lệ nhỏ hơn (2,7%).

Tuy nhiên, trong thực tế, vẫn còn tồn tại một số bất cập và hạn chế, đó là

3.2.2.1. Hạn chế bất cập

Phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân nói chung và cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc nói riêng là rất cần thiết do đồng bào dân tộc thiểu số có những đặc thù riêng như: Đồng bào DTTS còn chịu ảnh hưởng và chủ yếu ứng xử, giải quyết các quan hệ theo truyền thống văn hóa, phong tục tập quán của từng dân tộc, từng vùng, miền; Chưa chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật; khả năng nhận thức và hiểu biết pháp luật không đồng đều; Thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, lũ lụt, sự khắc nghiệt của thiên nhiên, biến đổi khí hậu; lối sống chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của nền kinh tế tiểu nông và những điều kiện sinh hoạt trong nông nghiệp, nông thôn, canh tác phụ thuộc vào mùa vụ. Tính đoàn kết cộng đồng cao, lao động cần cù và lạc quan trong cuộc sống. Lối sống coi trọng con người, trọng tình cảm, trọng đạo đức, trọng danh dự, trọng danh tiếng, trọng người cao tuổi.

Thực tế hoạt động GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số những năm qua đang gặp nhiều khó khăn, vướng mắc và bộc lộ một số hạn chế, cụ thể là:

Một bộ phận cấp ủy, chính quyền tại địa phương vẫn còn thiếu tính chủ động trong việc lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Ở một số nơi, hoạt động này chưa được quan tâm đúng mức, chưa phản ánh đầy đủ mong muốn và nhu cầu thực tế của người dân.

Nội dung giáo dục pháp luật dành cho người dân sinh sống ở khu vực biên giới vẫn còn mang tính khái quát, thiếu tính cụ thể và khó tiếp cận. Phần lớn các thông tin được truyền tải dựa trên nguồn tài liệu sẵn có của đơn vị tổ chức mà chưa thực sự tập trung vào các quy định pháp luật gắn liền với nhu cầu thực tiễn của người dân. Việc hướng dẫn kỹ năng tìm hiểu, tiếp cận pháp luật và áp dụng vào cuộc sống hàng ngày vẫn chưa được chú trọng đúng mức.

Về nhân lực thực hiện công tác phổ biến pháp luật tại các khu vực miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cả số lượng lẫn chất lượng đều chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Đặc biệt, đội ngũ báo cáo viên pháp luật sử dụng được ngôn ngữ dân tộc thiểu số còn rất hạn chế; bên cạnh đó, số người có kỹ năng sư phạm, am hiểu văn hóa, phong tục tập quán địa phương và có khả năng truyền đạt hiệu quả còn khá ít.

Nguồn lực phục vụ cho tổ chức triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án liên quan đến GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số còn khiêm tốn. Chưa cập nhật tin, bài, tiểu phẩm tuyên truyền, vận động, câu chuyện pháp luật, bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số hỗ trợ các báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật là người dân tộc thiểu số, biết tiếng dân tộc thiểu số. Đây lại là hoạt động đảm bảo người dân dễ tiếp cận, thu hút được sự quan tâm của đông đảo người dân, phát huy được ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số nên dễ hiểu, dễ nhớ, vận dụng sáng tạo, lồng ghép việc GDPL phù hợp với bản sắc văn hoá, tập quán của từng dân tộc, vùng miền. Lực lượng thực hiện công tác giáo dục pháp luật hiện nay phần lớn không chuyên, số lượng đội ngũ chuyên trách còn hạn chế. Nhiều người tham gia chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng sư phạm cần thiết để thực hiện nhiệm vụ hiệu quả. Các cơ quan chủ trì phổ biến pháp luật cũng thiếu đội ngũ chuyên gia pháp lý chuyên sâu, trong khi năng lực chuyên môn của

các báo cáo viên và tuyên truyền viên pháp luật vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn công tác.

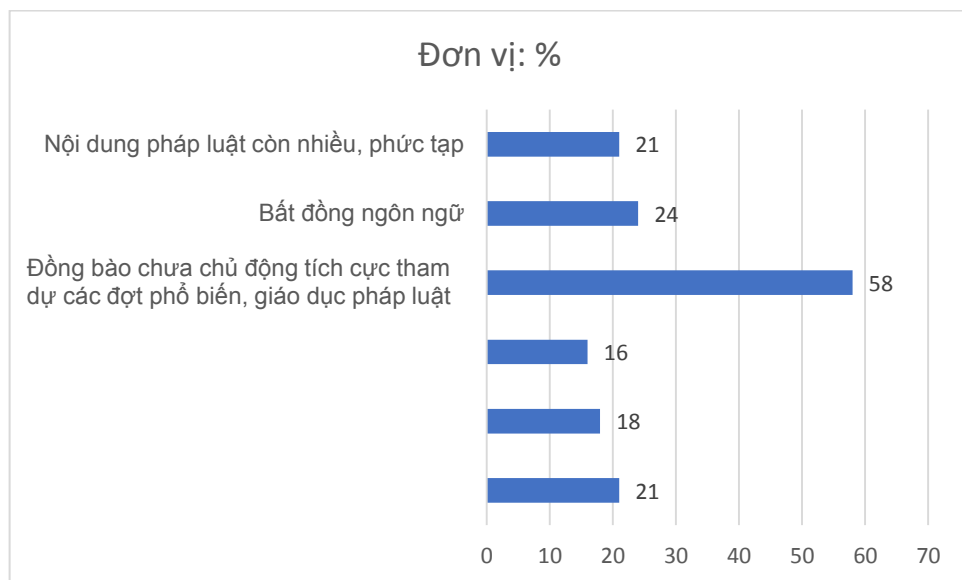
Một số nơi, nội dung GDPL chưa sát với nhu cầu của đồng bào dân tộc thiểu số; hình thức GDPL chưa phong phú, đa dạng; chưa nhân rộng được hình thức GDPL có hiệu ứng lan tỏa mạnh để phát huy vai trò chủ động tìm hiểu pháp luật của Nhân dân. Mục đích cụ thể của GDPL nói chung, GDPL cho người dân khu vực biên giới ở Tây Bắc chưa được đặt ra và định hướng một cách rõ ràng, nghiêm túc, hoặc nếu có đặt ra thì còn chung chung.

Các hội thi tìm hiểu pháp luật bằng hình thức sân khấu hóa và tổ chức truyền hình trực tiếp trên đài phát thanh - truyền hình còn rất khiêm tốn.

Đối tượng của GDPL là người dân khu vực biên giới gồm nhiều nhóm người, trình độ học vấn chênh lệch, một bộ phận là đồng bào dân tộc thiểu số không nói được tiếng phổ thông, không biết chữ, cư trú vùng núi cao hiểm trở gây ra nhiều khó khăn cho công tác GDPL.

3.2.2.2. Nguyên nhân

Nguyên nhân chủ quan



Hình 3.8. Nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ khảo sát

Nguyên nhân “Đồng bào chưa chủ động, tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật” được xác định là yếu tố chiếm tỷ lệ lớn nhất (58%) trong các nguyên nhân dẫn đến hạn chế của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại khu vực biên giới Tây Bắc. Điều này phản ánh một thực trạng cần phân tích từ nhiều chiều cạnh như sau:

Thực tế ở đây, đồng bào dân tộc thiểu số có trình độ dân trí không đồng đều, số lượng người không biết chữ hoặc không sử dụng thành thạo tiếng phổ thông vẫn chiếm phần đa. Điều này khiến việc tiếp cận thông tin pháp luật gặp khó khăn. Ngoài ra, do chịu ảnh hưởng nặng của luật tục, thói quen “giải quyết theo làng, theo bản”, nhiều người dân chưa thực sự nhận thức đầy đủ về vai trò và sự cần thiết của việc học tập, tiếp cận pháp luật trong đời sống hàng ngày.

Kinh tế hộ gia đình ở vùng biên giới Tây Bắc chủ yếu là sản xuất nông nghiệp tự cung, tự cấp, đời sống còn nhiều thiếu thốn. Người dân thường dành phần lớn thời gian cho việc mưu sinh, canh tác nương rẫy, chăn nuôi, khiến họ không mặn mà hoặc không có thời gian tham gia các lớp tập huấn, tuyên truyền giáo dục pháp luật. Trong tâm lý chung, pháp luật là “chuyện của nhà nước” chứ chưa phải nhu cầu thiết thân với người dân.

Một số hình thức tuyên truyền còn cứng nhắc, mang nặng tính hình thức, chưa được đổi mới để phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa, thói quen đồng bào. Ví dụ, sử dụng hoàn toàn tiếng phổ thông, không lồng ghép hoạt động văn nghệ - văn hóa truyền thống; hoặc tổ chức tuyên truyền vào thời điểm không thuận tiện (mùa vụ, thời gian lao động)... khiến việc tiếp cận bị hạn chế và gây tâm lý ngại tham gia.

Khu vực biên giới thường có địa hình hiểm trở, giao thông đi lại khó khăn, một số bản làng cách xa trung tâm xã, mùa mưa lũ hoặc rét đậm khiến việc tổ chức các buổi GDPL gặp nhiều trở ngại. Việc người dân không đến được

điểm tập trung hoặc không được cung cấp thông tin đầy đủ cũng góp phần khiến tỷ lệ tham gia thấp.

Tóm lại, nguyên nhân "đồng bào chưa chủ động, tích cực tham gia" không chỉ đến từ ý thức chủ quan, mà còn là hệ quả của một loạt yếu tố khách quan như điều kiện kinh tế, trình độ dân trí, cách thức tổ chức GDPL chưa phù hợp. Để khắc phục, cần có các giải pháp đồng bộ từ nâng cao năng lực truyền thông pháp luật, đổi mới hình thức tuyên truyền, đến cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin cho đồng bào.

Nhận thức của một số cấp ủy Đảng, bộ, ngành và chính quyền địa phương tại các tỉnh biên giới Tây Bắc về công tác GDPL vẫn chưa đầy đủ, chưa phản ánh đúng tầm quan trọng và vai trò của công tác này trong khu vực. Điều này dẫn đến quan điểm sai lệch khi cho rằng GDPL chỉ là trách nhiệm riêng của cơ quan Tư pháp, thay vì là nhiệm vụ chung cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều cơ quan, tổ chức và toàn xã hội. Ngoài ra, nhóm cán bộ làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật có trình độ chưa đồng đều. Chất lượng đội ngũ cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền viên vẫn còn hạn chế, đặc biệt là ở cấp cơ sở. Hiện nay, chưa có một cơ chế đào tạo, bồi dưỡng bài bản và quy hoạch lâu dài để phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công tác này. Bên cạnh đó, một số bộ, ngành, địa phương chưa chú trọng đúng mức đến việc tổ chức các chương trình tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật cũng như nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, dẫn đến hiệu quả tuyên truyền chưa cao.

Nguyên nhân khách quan

Một trong những yếu tố cốt lõi dẫn đến những khó khăn và hạn chế trong quá trình triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật là do trước đây lĩnh vực này chưa có hệ thống pháp lý đầy đủ và thống nhất. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan còn phân tán, thiếu tính kết nối và chưa có một văn bản pháp lý mang tính nền tảng như luật hoặc nghị quyết của Quốc hội làm cơ sở vững

chắc để tổ chức thực hiện. Sự thiếu hoàn chỉnh này gây khó khăn trong việc phân định trách nhiệm cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan ở trung ương và địa phương. Trước thực trạng đó, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật phổ biến, giáo dục pháp luật tại kỳ họp thứ ba, nhằm thiết lập một khuôn khổ pháp lý thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả triển khai hoạt động này trên toàn quốc.

Việc tham mưu cho cơ quan tư pháp và các đơn vị chuyên trách của cấp ủy, chính quyền trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật vẫn còn hạn chế về tính chủ động, chưa được tiến hành đều đặn và đúng thời điểm. Đồng thời, công tác củng cố bộ máy phụ trách lĩnh vực này cũng như cải tiến cơ chế phối hợp giữa các bên liên quan còn diễn ra chậm chạp, chưa theo kịp yêu cầu và diễn biến của thực tiễn.

Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở các cấp chủ yếu vận hành theo cơ chế phối hợp liên ngành, trong đó các thành viên thường kiêm nhiệm nhiều chức trách khác nhau. Vì vậy, họ gặp khó khăn trong việc dành thời gian và nguồn lực thỏa đáng cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Phần lớn thành viên đều đang đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các cơ quan trung ương hoặc địa phương, đồng thời gánh vác nhiều nhiệm vụ khác, dẫn đến việc tổ chức chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn chưa được triển khai một cách nhất quán, làm giảm hiệu quả thực thi nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, việc đồng thời triển khai nhiều chương trình, kế hoạch và ban hành hàng loạt văn bản quy phạm pháp luật trong thời gian ngắn đã tạo ra áp lực lớn cho công tác thực thi, trong khi nguồn lực con người vẫn còn hạn chế. Hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn thiếu tính đồng bộ, một số quy định chưa thật sự khả thi, dẫn đến những vướng mắc trong quá trình triển khai trên thực tế. Thêm vào đó, nhiều văn bản pháp luật được ban hành liên tục, thường xuyên có sự điều chỉnh, sửa đổi khiến cho công tác cập nhật, phổ biến và áp dụng vào thực

tiền gặp nhiều khó khăn. Những yếu tố này đã phần nào làm giảm hiệu quả của hoạt động giáo dục pháp luật.

Bên cạnh đó, một số cá nhân đã lợi dụng những kẽ hở trong hệ thống pháp luật để trục lợi, gây ra những tác động tiêu cực đến trật tự xã hội. Đặc biệt, việc xử lý một số vụ vi phạm pháp luật, nhất là những vụ việc liên quan đến cán bộ, đảng viên, đôi khi còn thiếu nghiêm minh, chưa đảm bảo tính công bằng, minh bạch. Điều này không chỉ làm giảm hiệu lực, hiệu quả của pháp luật mà còn ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân vào hệ thống pháp lý và công tác GDPL của Nhà nước.

Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc dành cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa hoặc những địa bàn khó khăn như khu vực các tỉnh biên giới Tây Bắc - nơi cư trú của rất nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Chế độ, chính sách cho báo cáo viên, tuyên truyền viên còn thiếu, chưa thực sự khuyến khích và phát huy được tiềm năng của đội ngũ làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Do chưa có cơ sở pháp lý rõ ràng và đủ mạnh nên địa phương nào quan tâm đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật thì dự trù hoặc cấp kinh phí phù hợp cho công tác này và ngược lại.

Tiểu kết chương 3

Công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc đã đạt được những ưu điểm đáng ghi nhận, góp phần nâng cao nhận thức pháp lý và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân. Những ưu điểm này bao gồm sự tham gia tích cực của các chủ thể như bộ đội biên phòng, báo cáo viên, và tuyên truyền viên, nhờ vào sự am hiểu văn hóa địa phương và mối quan hệ mật thiết với cộng đồng. Nội dung giáo dục pháp luật được thiết kế phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ và phong tục tập quán của các dân tộc thiểu số, giúp người dân dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của mình. Hình thức tuyên truyền thông qua các buổi họp cộng đồng, sử dụng phương tiện truyền

thông địa phương như đài phát thanh, truyền hình xã, đã góp phần nâng cao hiệu quả truyền tải thông tin pháp lý.

Tuy nhiên, công tác giáo dục pháp luật ở khu vực Tây Bắc cũng vẫn còn tồn tại một số nhược điểm. Một trong những khó khăn lớn là thiếu hụt đội ngũ tuyên truyền viên có đủ năng lực và số lượng, đặc biệt là ở các vùng sâu, vùng xa. Hơn nữa, sự phân tán địa lý của cộng đồng dân tộc thiểu số gây khó khăn trong việc tổ chức các buổi tuyên truyền, hội thảo và lớp học pháp luật. Mặc dù có sự hỗ trợ từ các cơ quan chức năng, nhưng việc phối hợp giữa các chủ thể trong công tác giáo dục pháp luật đôi khi vẫn chưa đạt được sự đồng bộ và hiệu quả tối đa. Bên cạnh đó, sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa cũng tạo ra những rào cản trong việc truyền đạt thông tin pháp lý, làm giảm tính hiệu quả của các hoạt động giáo dục.

Tóm lại, công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực Tây Bắc đã có những thành tựu đáng kể nhưng vẫn cần khắc phục một số yếu tố hạn chế để nâng cao hiệu quả hơn nữa, đặc biệt là trong việc đào tạo đội ngũ tuyên truyền viên, cải thiện cơ sở vật chất và phương pháp truyền thông phù hợp với đặc điểm của từng cộng đồng dân tộc thiểu số.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM

4.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG BỐI CẢNH MỚI

Bối cảnh trong nước và quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra quan điểm và giải pháp bảo đảm giáo dục pháp luật (GDPL) cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam. Trên phạm vi quốc tế, nhiều quốc gia có chính sách và mô hình GDPL hiệu quả cho các nhóm dân tộc thiểu số và cư dân biên giới, giúp nâng cao nhận thức pháp luật, tăng cường sự tuân thủ và bảo vệ quyền lợi của họ. Việc nghiên cứu, so sánh các kinh nghiệm quốc tế giúp rút ra bài học phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Trong khi đó, Tây Bắc là khu vực có đặc thù về kinh tế, xã hội, văn hóa, dân tộc và địa lý, đòi hỏi GDPL phải được triển khai theo những cách thức phù hợp với trình độ dân trí, ngôn ngữ, phong tục tập quán của đồng bào. Bên cạnh đó, những thách thức như tình trạng vi phạm pháp luật, buôn lậu, tội phạm ma túy và di cư tự do đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc đổi mới và nâng cao hiệu quả GDPL.

Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội mới, đòi hỏi sự đổi mới toàn diện trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đã được ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Hiện nay, Việt Nam đang chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa vào tài nguyên và lao động giá rẻ sang mô hình dựa vào đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ và chuyển đổi số. Cùng với đó, Việt Nam tích cực tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đòi hỏi hệ thống pháp luật phải phù hợp với chuẩn mực quốc tế, tạo môi trường pháp lý minh bạch, ổn định cho doanh

nghiệp và nhà đầu tư. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đòi hỏi hệ thống pháp luật phải đồng bộ, thống nhất, khả thi và hiệu quả, đảm bảo quyền con người, quyền công dân và quản lý xã hội bằng pháp luật. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn... đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện khung pháp lý để quản lý hiệu quả các lĩnh vực mới.

Nghị quyết 66-NQ/TW nhấn mạnh việc đổi mới tư duy xây dựng và thi hành pháp luật, chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Pháp luật phải tạo điều kiện thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, nghị quyết yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, minh bạch, dễ tiếp cận; khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập trong hệ thống pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, Nghị quyết cũng đề cập đến việc nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tăng cường công tác tổ chức thi hành pháp luật, đảm bảo pháp luật được thực hiện nghiêm minh, hiệu quả; nâng cao vai trò của các cơ quan thực thi pháp luật, trách nhiệm của người đứng đầu. Đặc biệt, nghị quyết nhấn mạnh việc tập trung xây dựng văn hóa thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội.

Bên cạnh Nghị quyết 66-NQ/TW, Bộ Chính trị cũng đã ban hành Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 10/4/2025 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thành pháp luật của Nhà nước. Chỉ thị này yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Việt Nam có đường biên giới chung với Trung Quốc, Lào và Campuchia. Trong bối cảnh mới, việc xây dựng và thi hành pháp luật không chỉ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong nước mà còn góp phần củng cố quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng.

Cụ thể, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến quản lý biên giới, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên nước... sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác, phối hợp với các nước có chung đường biên giới trong việc giải quyết các vấn đề chung. Đồng thời, việc nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật cũng góp phần đảm bảo an ninh, trật tự khu vực biên giới, tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội.

Như vậy, Nghị quyết 66-NQ/TW không chỉ là kim chỉ nam cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật trong nước mà còn là cơ sở để Việt Nam tăng cường hợp tác pháp lý với các nước láng giềng, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Dự báo tình hình giáo dục pháp luật trong bối cảnh mới

Trong bối cảnh hiện nay và thời gian tới, công tác giáo dục pháp luật (GDPL) sẽ đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức mới, đòi hỏi phải có những dự báo và định hướng phù hợp để nâng cao hiệu quả.

Trước hết, bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ, sự phát triển của công nghệ thông tin và mạng xã hội mở ra những cơ hội lớn cho việc đa dạng hóa hình thức và phương pháp GDPL. Việc ứng dụng nền tảng số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn sẽ giúp tiếp cận người học một cách linh hoạt, cá nhân hóa và tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên, đi kèm là nguy cơ lan truyền thông tin pháp luật sai lệch, khó kiểm soát nguồn tin và sự phân hóa trong khả năng tiếp cận công nghệ của các nhóm đối tượng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số và người dân ở vùng sâu, vùng xa.

Thứ hai, quá trình hội nhập quốc tế và yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng cao, đặt ra nhiệm vụ GDPL phải sâu rộng, thực chất, phù hợp với từng đối tượng. Việc nâng cao ý thức pháp luật cho công dân không chỉ phục vụ tuân thủ pháp luật trong nước mà còn góp phần xây dựng hình ảnh công dân Việt Nam văn minh, có trách nhiệm trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Điều này đòi hỏi nội dung GDPL phải được cập nhật thường

xuyên, gắn với thực tiễn, phản ánh các vấn đề pháp lý mới như bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, quyền số...

Bên cạnh những xu thế đã nêu, sự phân hóa xã hội, biến động dân cư và những vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, di cư... cũng đang đặt ra yêu cầu GDPL phải đổi mới mạnh mẽ về tư duy tiếp cận. Việc giáo dục pháp luật không thể dừng lại ở việc truyền đạt văn bản quy phạm mà cần nâng cao khả năng ứng xử pháp lý, giúp người dân - đặc biệt là nhóm yếu thế như đồng bào dân tộc thiểu số - biết cách hành động phù hợp với pháp luật trong những tình huống phức tạp, chưa có tiền lệ rõ ràng.

Thêm vào đó, xu thế dân chủ hóa, đề cao quyền con người và quản trị tốt đang dần được đẩy mạnh, nhất là khi Việt Nam cam kết thực hiện các công ước quốc tế về quyền con người. Do đó, GDPL trong tương lai sẽ phải tiếp cận theo hướng quyền - lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm họ không chỉ hiểu luật để tuân thủ mà còn biết cách sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, tham gia vào quản lý xã hội một cách chủ động và có trách nhiệm.

Cuối cùng, yêu cầu xây dựng xã hội số, công dân số trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi GDPL không chỉ dừng lại ở việc phổ biến nội dung luật mà phải gắn chặt với kỹ năng sử dụng công cụ số, khả năng đánh giá thông tin pháp lý trên mạng và năng lực phản biện, tự học, học suốt đời. Điều này đặt ra trách nhiệm lớn đối với Nhà nước trong việc đầu tư hệ thống GDPL linh hoạt, tiếp cận đa nền tảng, phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường pháp lý và đời sống xã hội.

Tóm lại, GDPL trong bối cảnh mới cần được nhìn nhận như một nhiệm vụ chiến lược lâu dài, gắn với phát triển con người, nâng cao năng lực pháp lý của công dân. Việc đầu tư cho đội ngũ thực hiện, nội dung chương trình, phương thức triển khai và cơ chế phối hợp sẽ là những yếu tố then chốt để công tác GDPL thích ứng linh hoạt, hiệu quả với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện đại.

4.2. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC

4.2.1. Quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tăng cường giáo dục pháp luật và giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc

Trong những năm qua, phổ biến giáo dục pháp luật ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) nói chung, đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc nói riêng, đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của của Đảng, Nhà nước. Các chủ trương, chính sách đối với đồng bào vùng dân tộc thiểu số được thể chế hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, đáp ứng yêu cầu phát triển, nhu cầu tìm hiểu và phổ biến pháp luật, được nhân dân đồng tình, ủng hộ.

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác dân tộc, trong những năm qua, sự nghiệp GD&ĐT vùng đồng bào DTTS&MN đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của của Đảng, Nhà nước thông qua các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, các nghị định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ như: Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS&MN giai đoạn 2019 - 2025; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện GD&ĐT; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào DTTS, MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030...

Trước hết, quan điểm trong việc tổ chức thực hiện văn bản, nghị quyết của Đảng mà khâu đầu tiên là quán triệt, phổ biến có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng, là bảo đảm để Cương lĩnh, quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng được thể hiện trong văn bản, nghị quyết đi vào cuộc sống, trở thành hành vi thực tế của các chủ thể, qua đó xác lập, hiện thực hóa sự lãnh đạo và cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội; tạo sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, qua đó, giúp nhận thức sâu sắc, đúng đắn ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc. Thực hiện hiệu quả công tác này còn giúp mỗi cấp ủy, tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên nắm vững nền tảng tư tưởng của Đảng, biết vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng trong điều kiện thực tiễn công tác tại từng địa bàn cụ thể, nhất là đối với các địa bàn đặc thù như vùng biên giới các tỉnh Tây Bắc. Từ đó, kiên định nền tảng tư tưởng, mục tiêu, lý tưởng và đường lối đổi mới, giữ vững bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng; xác lập, củng cố, bồi đắp niềm tin, mối quan hệ gắn bó đối với Đảng; người đồng bào dân tộc thiểu số tích cực tham gia xây dựng đảng và hệ thống chính trị, quản lý nhà nước và xã hội; tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, quần chúng tuân thủ, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện, củng cố mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa người dân nói chung, đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng với Đảng và với chế độ. Qua việc thực hiện tốt các văn bản, nghị quyết còn giúp mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, trách nhiệm được giao theo Điều lệ và Quy định của Đảng để đi đúng đường lối chính trị, không phạm phải sai lầm, khuyết điểm về chính trị và về đường lối, phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất sai sót, vi phạm hoặc hành vi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ dẫn đến phải bị xử lý, thi hành kỷ luật, góp phần giữ vững kỷ cương, kỷ luật Đảng.

4.2.2. Giáo dục pháp luật phải được lồng ghép trong trong tổng thể các giải pháp nâng cao dân trí đồng thời đẩy mạnh đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp và cách thức giáo dục, phổ biến, tuyên truyền pháp luật cho đồng bào dân tộc nói chung và vùng biên giới Tây Bắc nói riêng

Trong bối cảnh một thế giới đang có nhiều đổi thay mạnh mẽ như hiện nay, việc nâng cao dân trí cho Nhân dân không chỉ là điều kiện để đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mỗi người dân và xã hội mà hơn thế nữa, nó còn mang ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển bền vững và tiến bộ của đất nước. Việc lồng ghép giáo dục pháp luật trong đó giúp nâng cao dân trí, người dân có thể hiểu đúng và hiểu đủ về quyền và nghĩa vụ của bản thân trong tổng thể đất nước; sống và làm việc trong Hiến pháp, pháp luật.

Tính đến thời điểm hiện tại, Đại hội XIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh đất nước đã đạt được nhiều thành tựu có tính chất lịch sử sau hơn ba thập niên thực hiện đường lối đổi mới toàn diện. Tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đã giúp nâng cao vị thế, năng lực của quốc gia trên nhiều phương diện. Tuy vậy, trong điều kiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang lan tỏa mạnh mẽ trên toàn cầu, kéo theo sự chuyển dịch nhanh sang nền kinh tế tri thức và kinh tế số tại nhiều quốc gia, thì yêu cầu cấp thiết đặt ra là cần ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng khẳng định tầm quan trọng của nhiệm vụ này, nhấn mạnh việc “đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao” [15]. Đồng thời, giáo dục và đào tạo cần chú trọng bồi dưỡng thế hệ công dân tương lai không chỉ vững vàng về phẩm chất đạo đức, tinh thần kỷ luật và trách nhiệm xã hội mà còn phải có năng lực thích ứng với thời đại số, thành thạo kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và có tư duy sáng tạo, hội nhập quốc tế - những yêu cầu cốt lõi của một “công dân toàn cầu”.

Theo cách hiểu phổ thông, ý thức pháp luật được xem là tổng hòa các tri thức, tư tưởng, học thuyết pháp lý mà con người (dù là cá nhân, tổ chức hay

cộng đồng xã hội) hình thành và thể hiện thông qua nhận thức, thái độ, niềm tin, đánh giá và ý chí đối với vai trò, giá trị và tính công bằng của pháp luật. Ý thức này không chỉ phản ánh sự nhìn nhận về các quy định pháp luật hiện tại và trong quá khứ, mà còn thể hiện quan điểm về những chuẩn mực pháp luật cần được xây dựng trong tương lai, cũng như mối liên hệ giữa pháp luật và hành vi của các chủ thể trong quan hệ xã hội (theo Nguyễn Minh Đoan, 2014) [18].

Ý thức pháp luật là sự biểu hiện tổng hợp về mức độ hiểu biết pháp lý, thái độ của cá nhân đối với pháp luật cũng như phản ứng của họ trước các hành vi vi phạm pháp luật trong xã hội. Thành phần cấu thành của ý thức pháp luật bao gồm hai bộ phận chủ yếu: tư tưởng pháp luật và tâm lý pháp luật. Cụ thể, tư tưởng pháp luật phản ánh nhận thức, quan điểm và cách đánh giá của con người về các hiện tượng pháp lý, trong khi đó tâm lý pháp luật thể hiện cảm xúc, trạng thái tinh thần và thái độ khi con người tiếp xúc hoặc chịu tác động từ các quy định pháp luật cũng như thực tiễn pháp lý (Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Văn Năm, 2020) [19].

Để Nhà nước tổ chức và hoạt động, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật (khoản 1, Điều 8, Hiến pháp năm 2013), ngoài yêu cầu phải có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hội đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, phục vụ nhân dân vì sự phát triển bền vững của đất nước, thì việc phát huy trách nhiệm của người dân trong việc tìm hiểu, tuân thủ và chấp hành Hiến pháp, pháp luật là vô cùng quan trọng; tôn trọng pháp luật, có tình cảm và thái độ đúng đắn đối với pháp luật, tự giác và nghiêm túc chấp hành, tuân thủ, bảo vệ pháp luật, có tinh thần đấu tranh chống lại các hành vi coi thường và vi phạm pháp luật, thể hiện tâm lý pháp luật tích cực. Ngược lại, nếu người dân không có niềm tin, không đồng tình với pháp luật hoặc không ủng hộ giải quyết vấn đề theo pháp luật thì sẽ phản ứng tiêu cực bằng cách không hành động hoặc phản đối, không tôn trọng pháp luật, người đại diện có thẩm quyền thực thi pháp luật. Nếu thiếu kiến thức pháp luật thì người dân khó có thể bảo vệ quyền và lợi ích của mình, cũng như dễ bị các đối tượng xấu lợi

dụng cho mục tiêu chống phá Đảng và Nhà nước, ảnh hưởng tới cuộc sống yên bình của người dân.

4.2.3. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới ở Tây Bắc phải gắn với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội, văn hoá và lịch sử địa phương

Luật Phổ biến, Giáo dục pháp luật năm 2012, quy định tại Điều 17, Mục 2 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với người dân sinh sống tại khu vực dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, ven biển, hải đảo và những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cũng như đối với ngư dân, cần được triển khai phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng. Nội dung tuyên truyền pháp luật cần tập trung vào các vấn đề thiết thực, gắn liền với đời sống của họ, bao gồm các quy định về dân tộc, tôn giáo, nghĩa vụ bảo vệ an ninh, quốc phòng, chủ quyền biên giới, biển đảo, cũng như các chính sách liên quan đến tài nguyên, khoáng sản và các lĩnh vực pháp luật khác có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, sinh kế của người dân.

Để có thể đưa pháp luật vào đời sống, thì Đảng và nhà nước chú trọng việc giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới ở Tây Bắc phải đặt trong mối quan hệ hài hòa với điều kiện tự nhiên, xã hội, từ đó có những chính sách hỗ trợ như về mặt tài chính hoặc hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật. Ngoài ra, do đối tượng ở đây là đồng bào các dân tộc thiểu số, nên có sự khác biệt trong ngôn ngữ giữa các dân tộc, người làm tuyên truyền viên là người tại dân tộc, hoặc là người phải am hiểu ngôn ngữ để người dân có thể hiểu nội dung mà họ được giáo dục.

Như đã nói ở trên, ngoài sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, thì người đồng bào dân tộc thiểu số còn sống trong xã hội làng bản của họ, xã hội có những nét đặc sắc trong văn hóa, có luật tục, lệ làng riêng, việc phổ biến giáo dục pháp luật để pháp luật đi vào đời sống của họ thì cần gắn với giáo dục các giá trị tích cực của phong tục, luật tục của người dân, qua đó họ có thể đón nhận các bài học, các điều luật một cách tự nhiên và áp dụng thuần thục.

4.2.4. Giáo dục pháp luật cho đồng bào thiểu số vùng Tây Bắc có trọng tâm, trọng điểm, thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của cộng đồng, huy động mọi tiềm năng, nguồn lực xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững

Để đổi mới toàn diện công tác phổ biến giáo dục pháp luật, ngày 20/6/2020, Ban Bí thư đã ký ban hành Kết luận số 80-KL/TW về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Kết luận đã xác định rõ: “Nội dung phổ biến giáo dục pháp luật cần bám sát thực tiễn cuộc sống và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, quản lý xã hội trong từng giai đoạn, địa bàn, đối tượng cụ thể. Kịp thời thông tin đầy đủ ngay từ khi soạn thảo các vấn đề có tác động lớn đến xã hội, các vấn đề được xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội để tạo sự đồng thuận cao trong thực thi chính sách, pháp luật”. Cùng với đó, Kết luận nhấn mạnh cần tổ chức triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật toàn diện, rộng khắp đến các đối tượng, địa bàn trong phạm vi cả nước, có trọng tâm, trọng điểm.

Tại điều 5 Luật Phổ biến giáo dục pháp luật (2012), một trong các nguyên tắc phổ biến, giáo dục pháp luật đó là: “Kịp thời, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm”. Việc xác định các nội dung giáo dục pháp luật có trọng tâm trọng điểm giúp nội dung các buổi tuyên truyền không bị lan mang, mất phương hướng. Trọng tâm trọng điểm được nêu ngắn gọn, dễ dàng đi vào đời sống của nhân dân. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ dân trí chưa cao và không đồng đều, nếu các nội dung của việc phổ biến giáo dục pháp luật không đi đúng trọng tâm sẽ dễ dàng khiến cho người dân không hiểu về mục đích của việc giáo dục ở đây, làm người dân cảm thấy hoang mang và không còn hứng thú với những buổi tuyên truyền giáo dục pháp luật. Ngược lại, khi các nội dung tuyên truyền đi đúng trọng tâm, trọng điểm giúp tiết kiệm thời gian của bà con, cũng giúp đồng bào dễ hiểu, học nhanh và áp dụng đúng đắn trong cuộc sống.

Xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thể hiện qua quan điểm của Nhà nước trong việc thực hiện và ban hành chính sách hỗ trợ, cùng

với đó là việc tạo môi trường thuận lợi đối với đối tượng tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, ở đây là các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; Xã hội hóa còn thông qua việc tìm kiếm và huy động các nguồn lực xã hội đóng góp cho công tác giáo dục pháp luật.

Xã hội hóa công tác giáo dục pháp luật là một xu thế khách quan, phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội và đã được Luật phổ biến, giáo dục pháp luật ghi nhận. Vấn đề này được cụ thể hóa tại Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật. Tuy nhiên, qua thời gian thời gian triển khai thực hiện đến nay, dấu ấn về công tác này có thể nói vẫn chưa rõ nét. Để thật sự “mở đường” cho xã hội hóa phổ biến, giáo dục pháp luật tiến xa hơn nữa, các cơ quan Nhà nước cần thêm cơ chế và những giải pháp thực hiện mang tính quyết liệt hơn.

4.2.5. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới cần đổi mới tư duy, phương thức, cách thức và tiếp cận dựa trên quyền con người

Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới cần đổi mới tư duy, phương thức, cách thức và tiếp cận dựa trên quyền con người, lấy con người là trung tâm của mọi chủ trương, đường lối, chính sách; xem các chủ thể giáo dục là chủ thể chịu trách nhiệm pháp lý trong tổ chức thực hiện GDPL, trách nhiệm giải trình, minh bạch và nghĩa vụ đáp ứng các quyền con người nói chung và quyền được giáo dục pháp luật nói riêng; đồng thời chủ thể được giáo dục (chủ thể quyền con người/ the rights-bearers) có quyền được phổ biến, tuyên truyền, giáo dục về pháp luật nhằm tăng cường trao quyền, thu hưởng quyền thực chất, đầy đủ và ý nghĩa, không ai bị bỏ lại phía sau trong việc tiếp cận quyền giáo dục nói chung và GDPL nói riêng. Tiếp cận dựa trên quyền con người (Human Rights-Based Approach) đòi hỏi sự quan tâm, chú trọng đặc biệt đến các nhóm dễ bị tổn thương, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ, trẻ em, người già, người có thu nhập thấp, người sống ở vùng cao, biên giới,...

Cùng với đó là cơ chế giám sát thực thi hiệu quả với sự tham gia trực tiếp và thông qua đại diện (Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên) trong việc thực hiện GDPL,...

4.3. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC CÁC TỈNH BIÊN GIỚI TÂY BẮC

4.3.1. Giải pháp chung cho giáo dục pháp luật các tỉnh biên giới

Để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới, cần triển khai một số giải pháp đồng bộ. Việc tuyên truyền phải được diễn ra một cách thường xuyên, kiểu “mưa dầm thấm sâu”, cùng với đó là nâng cao trình độ dân trí ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trước hết, việc tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng là rất quan trọng. Các cấp chính quyền, bộ đội biên phòng, các tổ chức xã hội và cộng đồng địa phương cần thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả trong việc triển khai các chương trình giáo dục pháp luật. Việc chia sẻ thông tin, nguồn lực, kinh nghiệm giữa các cơ quan chức năng sẽ giúp tạo ra một mạng lưới hỗ trợ vững chắc, giúp công tác giáo dục pháp luật đạt hiệu quả cao hơn.

Bên cạnh đó, một giải pháp quan trọng là đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên. Các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho đội ngũ này về kiến thức pháp lý, kỹ năng giao tiếp và cách thức truyền đạt thông tin cho đồng bào dân tộc thiểu số sẽ giúp nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền. Đội ngũ tuyên truyền cần phải lồng ghép thêm tiếng dân tộc của địa phương để giải thích thêm về nội dung giáo dục pháp luật. Các cấp cần thường xuyên quan tâm hơn nữa về công tác tuyên truyền miệng, bằng nhiều tiếng dân tộc, nêu cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục, pháp luật, kinh nghiệm truyền đạt, phổ biến phù hợp từng đối tượng tham gia các buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa. Đội ngũ tuyên truyền viên và báo cáo viên sẽ trở thành

cầu nói quan trọng giúp người dân dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Ngoài ra, việc phát triển các tài liệu tuyên truyền pháp luật phù hợp với đặc thù văn hóa, ngôn ngữ địa phương là một giải pháp không thể thiếu. Nội dung tuyên truyền cần phù hợp với đời sống người dân vùng biên giới. Biên soạn nội dung tuyên truyền phù hợp với thực tiễn, nội dung xúc tích, ngắn gọn dễ hiểu, không nói dài dòng và sử dụng một số từ ngữ trau tượng. Các tài liệu như sách, tờ rơi, video và chương trình phát thanh phải được thiết kế sao cho phù hợp với ngôn ngữ và phong tục của các dân tộc thiểu số tại các tỉnh biên giới. Điều này sẽ giúp người dân dễ dàng tiếp nhận thông tin pháp luật, từ đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong cộng đồng.

Việc sử dụng công nghệ thông tin trong công tác giáo dục pháp luật cũng là một giải pháp cần được chú trọng. Các ứng dụng di động, mạng xã hội, phương tiện truyền thông điện tử có thể giúp cung cấp thông tin pháp lý cho người dân ở các khu vực khó khăn, hẻo lánh. Nhờ vào công nghệ, thông tin pháp luật có thể được lan tỏa nhanh chóng và hiệu quả, đặc biệt ở những nơi mà phương tiện truyền thông truyền thống khó tiếp cận.

Một giải pháp khác là tổ chức các buổi tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng. Các buổi sinh hoạt cộng đồng, hội thảo và lớp học về pháp luật sẽ tạo cơ hội cho người dân giao lưu, trao đổi trực tiếp với các báo cáo viên và tuyên truyền viên. Các hoạt động này giúp người dân hiểu rõ hơn về các vấn đề pháp lý trong cuộc sống hàng ngày và khuyến khích họ tham gia tích cực vào công tác tuyên truyền pháp luật cho cộng đồng.

Cải thiện cơ sở hạ tầng và điều kiện vật chất cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật. Việc đầu tư vào giao thông, điện, cơ sở vật chất cho các khu vực biên giới sẽ giúp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, đào tạo và giáo dục pháp luật được thuận tiện hơn. Đặc biệt, cải thiện cơ sở hạ tầng sẽ giảm thiểu khó khăn về mặt địa lý và vật chất trong việc tiếp cận các thông tin pháp lý.

Ngoài ra, cần quan tâm chế độ chính sách cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật cả về chế độ bồi dưỡng và chế độ tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật; quan tâm đầu tư kinh phí cụ thể cho từng Dự án, Chương trình, kế hoạch đã phê duyệt, tránh hình thức xây dựng nhiều Dự án, Chương trình, kế hoạch nhưng không thực hiện được do nguồn lực không đảm bảo.

Cuối cùng, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả của các chương trình giáo dục pháp luật. Việc này giúp theo dõi tiến độ và kết quả của các hoạt động tuyên truyền, từ đó điều chỉnh và cải thiện các phương pháp giáo dục pháp luật nếu cần thiết. Đánh giá hiệu quả công tác giáo dục pháp luật sẽ giúp xác định những yếu kém và tìm ra giải pháp khắc phục kịp thời.

Tóm lại, để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các tỉnh biên giới, cần có một chiến lược toàn diện và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, cộng đồng và các tổ chức xã hội. Các giải pháp về tổ chức, nguồn lực, phương pháp truyền thông và sự tham gia tích cực của cộng đồng sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức pháp lý của người dân, bảo vệ quyền lợi hợp pháp và đảm bảo sự phát triển bền vững của khu vực biên giới.

4.3.2. Nhóm giải pháp cụ thể bảo đảm giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc, Việt Nam

4.3.2.1. Triển khai sâu rộng, hiệu quả và hiệu lực các chương trình và kế hoạch thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn các tỉnh Tây Bắc

Thực tế cho thấy, khi các cấp ủy, chính quyền quan tâm chỉ đạo triển khai phổ biến giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới thì công tác này sẽ được tổ chức một cách thường xuyên, có kế hoạch, đồng bộ, thống nhất, từ việc xác định nội dung, hình thức phổ biến giáo dục pháp luật, phân công trách nhiệm thực hiện cho đến việc xây dựng, bố trí, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất cho công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc. Do vậy, việc

tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành tại các tỉnh biên giới Tây Bắc là giải pháp có ý nghĩa quan trọng, mang tính tiên đề để triển khai các giải pháp tiếp theo. Mỗi cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở từng địa phương phải nỗ lực, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, có sự quan tâm và chỉ đạo tích cực, sâu sát hơn từ việc xây dựng kế hoạch, chương trình hành động phổ biến giáo dục pháp luật trong từng giai đoạn của ngành mình, cấp mình cho đến những giải pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả, tránh hiện tượng nêu to khẩu hiệu rồi phó mặc cho cán bộ chuyên môn hoặc các ngành đoàn thể tự triển khai.

Do đó, tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành cho thấy vai trò quan trọng và ý nghĩa của công tác phổ biến giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN thời kỳ mới nói chung, bảo đảm quyền con người, quyền công dân cho những đối tượng đặc thù, đối tượng yếu thế xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN; coi công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số mà cụ thể là đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc là một bộ phận không thể tách rời của công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho người dân nơi đây, là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, góp phần đưa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực sự đi vào cuộc sống trở thành ý thức, hành động của từng cá nhân, tổ chức trong xã hội.

Để tăng cường hơn nữa việc triển khai thực hiện nghiêm túc Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành tại các tỉnh biên giới Tây Bắc cho người dân nói chung và đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng, cần quán triệt toàn diện và sâu sắc hơn nữa Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Đồng thời quán triệt sâu rộng về chủ trương, chính sách, kế hoạch của công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong Luật phổ biến giáo dục pháp luật

năm 2012 để tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức từ đó dẫn đến sự chuyển biến tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác này, trong đó phải nhấn mạnh vai trò tiên phong, gương mẫu của người đứng đầu.

4.3.2.2. Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục pháp luật, hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục pháp luật

Một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, minh bạch, ít lỗ hổng, không chồng chéo, không có mâu thuẫn sẽ tự mình có sức mạnh để đi vào cuộc sống, được xã hội chấp nhận, thừa nhận và tuân thủ.

Sau hơn 35 năm đổi mới, chúng ta đã có một hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ, điều chỉnh hầu hết các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội. Nếu so với thời gian 40 năm trước đó (1945-1985), thì trong thời gian qua, số văn bản luật và pháp lệnh lớn hơn 40 năm cộng lại. Pháp luật đã không ngừng được phát triển và hoàn thiện, thể chế hoá kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần vào việc ổn định xã hội, tăng trưởng kinh tế và quan trọng nhất là tạo tiền đề cho việc xây dựng nhà nước quản lý bằng pháp luật. Tuy vậy, hệ thống pháp luật hiện hành còn nhiều hạn chế và chính sự hạn chế này làm giảm hiệu lực của pháp luật trong cuộc sống, ảnh hưởng đến khâu thực thi pháp luật, trong đó có hệ thống pháp luật về giáo dục pháp luật. Các văn bản pháp luật về giáo dục pháp luật đều có khiếm khuyết chung với các văn bản pháp luật khác như: Thiếu cụ thể, rõ ràng; trùng lặp chồng chéo, thậm chí mâu thuẫn nhau; nhiều văn bản thiếu tính khả thi; tính ổn định của hệ thống quy phạm còn yếu. Đã vậy, trong một thời gian dài, công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật chưa được chú trọng, do đó, trong thực tế có tình trạng khó phân biệt văn bản nào còn hiệu lực, văn bản nào hết hiệu lực. Hệ thống pháp luật như vậy làm cho ngay cả những cán bộ, công chức có trách nhiệm thực thi pháp luật cũng gặp khó khăn. Do đó, muốn giáo dục pháp luật đi sâu vào đời sống người dân, nhất là người dân đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới, thì hệ thống pháp luật về giáo dục pháp luật muốn phát huy tác dụng tốt trong cuộc sống, thì

phải đảm bảo các yếu tố đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch theo đúng tinh thần của chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Đổi mới quản lý nhà nước về GDPL, hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục pháp luật là một trong những giải pháp then chốt nhằm nâng cao hiệu quả phổ biến, (GDPL) cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới Tây Bắc. Trước hết, cần đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về GDPL theo hướng tăng cường trách nhiệm của các cơ quan chức năng, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ sở giáo dục và đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật. Việc phân định rõ ràng trách nhiệm giữa các bên, đồng thời trao quyền chủ động hơn cho địa phương trong triển khai GDPL sẽ giúp công tác này trở nên linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của từng khu vực, đặc biệt là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về GDPL cần được thực hiện theo hướng đảm bảo tính đồng bộ, minh bạch, dễ tiếp cận và phù hợp với thực tiễn. Các chính sách về GDPL cần cụ thể hóa quyền và nghĩa vụ của người dân trong việc tiếp cận kiến thức pháp luật, đồng thời có cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả thực thi. Đặc biệt, cần xây dựng các quy định ưu tiên cho đồng bào dân tộc thiểu số, như chính sách hỗ trợ tài liệu pháp luật bằng ngôn ngữ dân tộc, tăng cường đội ngũ tuyên truyền viên là người địa phương, ứng dụng công nghệ số để phổ biến pháp luật linh hoạt. Khi hệ thống pháp luật về GDPL được hoàn thiện, rõ ràng, dễ thực thi, nó không chỉ tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác GDPL mà còn giúp nâng cao nhận thức, ý thức tuân thủ pháp luật của người dân, góp phần xây dựng một xã hội thượng tôn pháp luật, phát triển bền vững.

4.3.2.3. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp và phương thức giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc

Để làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cần có sự tìm hiểu về thái độ của người dân đối với pháp luật, họ hiểu pháp luật như thế nào? Pháp luật có vai trò gì trong cuộc sống của họ?... Có thể nói, phần lớn

người dân thường cho rằng “pháp luật” là những mệnh lệnh mà người ta cần phải tuân thủ, là hình phạt, là trừng trị... người khác thì cho rằng, pháp luật chỉ là để giải quyết các tranh chấp. Người dân thường chỉ quan tâm tới pháp luật khi bản thân họ phải rơi vào tình thế sự việc miễn cưỡng, lợi ích bị xâm hại... dính líu tới pháp luật (kiện cáo, tranh chấp, bị phạt, bị cưỡng chế...).

Bởi vậy, khi tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, ngoài việc cần giải thích, phân tích cho người dân hiểu được rằng pháp luật không chỉ bao gồm các quy định cưỡng chế, thực thi pháp luật, biện pháp giải quyết tranh chấp, thì cũng cần đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới. Qua việc đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp tuyên truyền để đồng bào hiểu rằng, pháp luật còn bao gồm các quy định bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, khuyến khích sự giao dịch lành mạnh giữa các thành viên trong xã hội vì sự phát triển và bảo đảm trật tự ổn định. Pháp luật là một môi trường thuận lợi tạo điều kiện cho con người giao dịch với nhau trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, đảm bảo cho các thành viên trong xã hội phụ thuộc và gắn bó với nhau một cách hợp lý. Pháp luật hôn nhân đảm bảo cho quan hệ vợ - chồng về tài sản, con cái,... rõ ràng và ổn định; pháp luật về sở hữu là sự thừa nhận của xã hội đối với những quyền cơ bản của mỗi con người về quyền sở hữu;... pháp luật về kinh doanh là một môi trường pháp lý phát huy sự sáng tạo và bản lĩnh làm giàu chính đáng của các nhà doanh nghiệp, thúc đẩy sự phát triển của cá nhân làm giàu cho mình và cho đất nước.

Kết hợp với quan điểm “Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới ở Tây Bắc phải đặt trong mối quan hệ hài hòa với điều kiện tự nhiên, xã hội, ngôn ngữ, văn hóa, gắn với giáo dục các giá trị tích cực của phong tục, luật tục của họ”, việc đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật giúp cho pháp luật dễ dàng tiếp cận với người dân, dễ dàng đi vào đời sống và trở thành một phần tất yếu của cuộc sống.

Chuyển đổi số trong giáo dục pháp luật (GDPL) là giải pháp quan trọng giúp nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các tỉnh biên giới Tây Bắc. Việc ứng dụng công nghệ số như nền tảng học trực tuyến, ứng dụng di động, hệ thống phát thanh không dây, chương trình phát thanh bằng tiếng dân tộc và mạng xã hội giúp nội dung GDPL trở nên trực quan, sinh động và dễ tiếp cận hơn đối với người dân, đặc biệt là những người không có điều kiện tham gia các lớp học truyền thống. Bên cạnh đó, việc xây dựng các kho dữ liệu số về pháp luật bằng nhiều ngôn ngữ dân tộc giúp đồng bào tiếp cận thông tin một cách thuận lợi, vượt qua rào cản về ngôn ngữ và khoảng cách địa lý.

Ngoài ra, các cơ quan chức năng có thể tận dụng các nền tảng số để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác GDPL. Việc thiết lập các cổng thông tin pháp luật trực tuyến, chatbot tư vấn pháp luật, hệ thống cảnh báo pháp lý qua tin nhắn hoặc ứng dụng di động giúp người dân dễ dàng tìm hiểu và cập nhật thông tin pháp luật mới. Đồng thời, thông qua hội thảo trực tuyến, diễn đàn pháp luật số và các chương trình phát sóng trên mạng xã hội, chính quyền có thể tương tác trực tiếp với đồng bào, giải đáp thắc mắc và nâng cao nhận thức pháp luật một cách nhanh chóng. Nhờ đó, chuyển đổi số không chỉ giúp GDPL trở nên linh hoạt, tiết kiệm chi phí mà còn góp phần xây dựng một xã hội pháp quyền bền vững, nơi người dân có thể tiếp cận và thực thi pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

Việc đổi mới và phong phú hóa các phương thức truyền thông chính sách về giáo dục pháp luật dành cho đồng bào dân tộc thiểu số đóng vai trò thiết yếu trong việc nâng cao hiệu quả truyền đạt pháp luật tại các tỉnh biên giới Tây Bắc. Do đặc điểm của cộng đồng dân tộc thiểu số có sự khác biệt về ngôn ngữ, mức độ hiểu biết, phong tục cũng như khả năng tiếp cận thông tin, nên yêu cầu đặt ra là cần lựa chọn các hình thức truyền thông phù hợp, dễ tiếp nhận và gần gũi với đời sống thường nhật. Những cách tiếp cận hiệu quả bao gồm: phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có ảnh hưởng trong cộng đồng; xây dựng tài liệu

pháp luật bằng ngôn ngữ bản địa; tổ chức các hoạt động phổ biến pháp luật gắn với lễ hội truyền thống, chợ phiên vùng cao; hoặc sử dụng các hình thức sáng tạo như sân khấu hóa, phim ngắn, câu chuyện pháp lý bằng tiếng dân tộc nhằm tăng khả năng ghi nhớ và tiếp thu.

Bên cạnh đó, cần ứng dụng công nghệ số trong truyền thông GDPL để mở rộng phạm vi tiếp cận và nâng cao hiệu quả tuyên truyền. Việc phát triển các bản tin pháp luật trên đài phát thanh địa phương bằng tiếng dân tộc, xây dựng các video ngắn phổ biến pháp luật trên nền tảng mạng xã hội như Facebook, TikTok, Zalo, YouTube sẽ giúp đồng bào tiếp cận thông tin nhanh chóng, thuận tiện. Ngoài ra, các ứng dụng di động hỗ trợ tra cứu pháp luật, chatbot tư vấn pháp lý, tin nhắn SMS cập nhật chính sách mới cũng là những công cụ hiệu quả, đặc biệt với người dân sinh sống ở vùng sâu, vùng xa. Khi kết hợp các hình thức truyền thông truyền thống và hiện đại một cách linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của từng nhóm đối tượng, GDPL sẽ trở nên gần gũi, dễ tiếp cận hơn, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của đồng bào dân tộc thiểu số.

4.3.2.4. Nâng cao năng lực, trình độ và kỹ năng giáo dục pháp luật của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên trên địa bàn biên giới Tây Bắc

Đội ngũ tuyên truyền viên là người tiếp xúc trực tiếp với người dân ở các buổi tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật. Việc nâng cao năng lực, phẩm chất cho đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ giáo dục pháp luật là vô cùng quan trọng. Do đặc thù đối tượng nghiên cứu ở đây là đồng bào các dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc, trình độ dân trí chưa cao, nên cần những tuyên truyền viên yêu nghề, tận tụy với nghề có đầy đủ kiến thức để truyền tải, có đầy đủ phẩm chất để giáo dục pháp luật, mà quan trọng là sự nhiệt tình và kiên nhẫn trong việc truyền tải kiến thức và giải đáp thắc mắc cho bà con ở nơi đây.

Để thực hiện việc hoàn thiện công tác tổ chức, nâng cao năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ giáo dục pháp luật, thì cần liên tục rà soát, củng cố, kiện toàn nâng cao năng lực, bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức pháp luật chuyên sâu cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trên

địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò, tinh thần trách nhiệm tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật của đội ngũ báo cáo viên pháp luật trong tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ phổ biến giáo dục pháp luật tại cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với lĩnh vực hoạt động chuyên sâu được phân công.

Phải biết rằng, trong các hoạt động, các quyết định thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình, các cơ quan nhà nước mà trực tiếp là các cán bộ, công chức nhà nước là người tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, xử lý vi phạm pháp luật đồng thời, thông qua thực thi công vụ kết hợp phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm giúp cho đối tượng được áp dụng pháp luật hiểu rõ nội dung, ý nghĩa của các quy định pháp luật được áp dụng hoặc các quy định có liên quan, hiểu và ý thức được về quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình, từ đó tự nguyện chấp hành nghiêm túc các quyết định áp dụng pháp luật nói riêng và chấp hành pháp luật nói chung, hình thành niềm tin pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Công tác nâng cao năng lực, trình độ và kỹ năng GDPL của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn biên giới Tây Bắc là giải pháp trọng tâm quan trọng nhằm đảm bảo hiệu quả GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đội ngũ này đóng vai trò cầu nối giữa chính sách pháp luật của Nhà nước và người dân, do đó cần được đào tạo bài bản về kiến thức pháp luật, phương pháp sư phạm, kỹ năng truyền đạt, cũng như am hiểu phong tục, tập quán, ngôn ngữ của đồng bào. Thực hiện các khóa tập huấn cần được tổ chức thường xuyên với nội dung gắn với thực tiễn, từ đó giúp báo cáo viên, tuyên truyền viên vừa nắm vững quy định pháp luật, vừa biết cách truyền đạt dễ hiểu, phù hợp với đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số. Đặc biệt, việc bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ tuyên truyền viên là đồng bào dân tộc thiểu số sẽ giúp nâng cao tính thuyết phục và khả năng tiếp cận thông tin của người dân địa phương.

Bên cạnh việc nâng cao trình độ chuyên môn, cần trang bị kỹ năng ứng dụng công nghệ số cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên nhằm đổi mới phương pháp GDPL. Việc sử dụng các nền tảng trực tuyến, mạng xã hội, công

cụ truyền thông đa phương tiện sẽ giúp nội dung pháp luật đến gần hơn với người dân, nhất là trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ. Ngoài ra, cần có cơ chế động viên, hỗ trợ tài chính và điều kiện làm việc cho đội ngũ này, khuyến khích họ gắn bó lâu dài với công tác tuyên truyền pháp luật ở vùng biên giới. Khi đội ngũ tuyên truyền viên được nâng cao năng lực, được hỗ trợ đầy đủ về chuyên môn và điều kiện làm việc, chất lượng GDPL tại khu vực Tây Bắc sẽ được cải thiện rõ rệt, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật và đảm bảo an ninh, trật tự xã hội tại khu vực biên giới.

4.3.2.5. Tăng cường đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tuyên truyền viên giáo dục pháp luật ở thôn, bản, tăng cường các điều kiện về vật chất đảm bảo cho công tác giáo dục pháp luật cho người dân tộc tại các tỉnh biên giới Tây Bắc

Do là địa bàn đặc thù, nên trình độ dân trí của đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc còn chưa cao. Nên việc nâng cao trình độ học vấn cho người dân là vô cùng quan trọng. Khi đó, công tác giáo dục pháp luật sẽ diễn ra dễ dàng hơn khi người dân có thể tiếp cận, tìm hiểu pháp luật qua kênh nghe nhìn, thì còn có thể tiếp cận qua kênh đọc (qua sách, báo, tạp chí).

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật là một nội dung của quản lý Nhà nước, được thực hiện theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước mà không chịu tác động bởi thị trường. Tuy nhiên, để hoạt động này có hiệu quả trong thực tiễn, đặc biệt trong xu hướng xã hội hóa các dịch vụ công như hiện nay, công tác phổ biến giáo dục pháp luật đòi hỏi sự hỗ trợ rất lớn từ các hoạt động có tính chất nghề nghiệp của các luật gia, Luật sư, những người am hiểu về pháp luật và cung cấp các dịch vụ thông tin, tư vấn pháp luật (gọi chung là tư vấn pháp luật). Trong bối cảnh Việt Nam lựa chọn mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các hoạt động này theo đó chịu sự chi phối của các quy luật về cạnh tranh.

Việc khắc phục những “khuyết tật” thị trường nói chung và trong hoạt động tư vấn pháp luật nói riêng buộc phải có sự tham gia quản lý, điều tiết của

Nhà nước. Nhà nước còn có trách nhiệm trong việc hạn chế và khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của toàn thể người dân, đặc biệt là những đối tượng đặc thù như người dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Qua đó tăng cường các điều kiện về vật chất đảm bảo cho công tác giáo dục pháp luật cho người dân tộc tại các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Khi trình độ của người dân được nâng cao, để tăng chất lượng của các buổi tuyên truyền giáo dục pháp luật, có thể xét tới việc tăng cường hơn nữa quyền tham gia đóng góp ý kiến của nhân dân vào các dự án luật. Việc tham gia đóng góp ý kiến của nhân dân vào dự án luật có tác dụng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật rất lớn và có hiệu quả. Cùng với đó, ý kiến của người dân tộc tại các tỉnh biên giới thể hiện góc nhìn từ các địa phương đặc biệt, từ đó có thể làm cho dự án luật được triển khai sâu rộng, không bỏ sót một đối tượng nào trong xã hội.

Thông qua lấy ý kiến vào quá trình xây dựng, ban hành và thực thi pháp luật có tác dụng tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, bồi dưỡng tình cảm, ý thức về trách nhiệm pháp lý và khả năng tiến hành các hành vi pháp lý đúng đắn, chính xác. Đồng thời, qua hoạt động này, sẽ giúp cho nhân dân nâng cao ý thức pháp luật. Như vậy, mọi người sẽ hiểu được về giá trị xã hội và pháp luật. Có thể nói, thái độ chấp hành hay không chấp hành của người dân đối với pháp luật là kết quả của sự am hiểu pháp luật. Mặt khác cũng thấy rằng con người chấp hành pháp luật một cách tự giác, nghiêm chỉnh một khi họ có thái độ đúng đắn đối với pháp luật.

4.3.3. Một số kiến nghị

Đối với Ban Bí thư

Xem xét ban hành văn bản mới thay thế Chỉ thị số 32-CT/TW nhằm tăng cường, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác GDPL đáp ứng tình hình mới hiện nay, bảo đảm phù hợp, linh hoạt, hiệu lực, hiệu quả; định hướng các giải pháp đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo yêu cầu phát triển

kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế nhằm tăng cường công tác tổ chức thực hiện pháp luật; phát huy vai trò chủ động, tích cực, tính tự giác và trách nhiệm nêu gương của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức trong học tập, nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật, đặc biệt là trong tuân thủ và chấp hành pháp luật.

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền trong cả nước đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, xem đây là một phần quan trọng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Đảng và là nhiệm vụ chung của toàn hệ thống chính trị.

Đối với Quốc hội, Chính phủ

Tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn thiện chính sách, thể chế về công tác GDPL theo chỉ đạo của Ban Bí thư sau khi tổng kết thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW; nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Luật GDPL bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, linh hoạt, khả thi, phù hợp với yêu cầu công tác GDPL trong giai đoạn mới.

Có chế độ, chính sách bảo đảm tính tổng thể, đồng thời xác định trách nhiệm cụ thể, khả thi cho từng ngành, từng cấp trong công tác GDPL nhất là đối với các tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các tỉnh chưa tự cân đối được ngân sách. Hàng năm cần phân bổ một nguồn ngân sách dành riêng cho công tác GDPL đảm bảo tương xứng với nhiệm vụ GDPL từ nguồn kinh phí trung ương hỗ trợ cho địa phương.

Chỉ đạo các bộ, ngành, đoàn thể trung ương, địa phương

- Quán triệt đầy đủ, triển khai thực hiện nghiêm túc trách nhiệm được giao theo Luật GDPL; bảo đảm các nguồn lực cần thiết để triển khai công tác GDPL; tập trung tuyên truyền, phổ biến các luật, pháp lệnh, văn bản, chính sách mới trong phạm vi quản lý; đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDPL gắn với triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác GDPL; kịp thời khen thưởng, động viên, nhân rộng các tấm gương điển hình, có thành tích nổi bật; chủ động, linh hoạt xử lý hoặc kịp thời kiến nghị cấp có

thẩm quyền xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn triển khai công tác GDPL;

- Hỗ trợ và có cơ chế phù hợp để phát huy vai trò Hội đồng phối hợp GDPL ở cơ quan, đơn vị; quản lý, thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật;

- Chủ động rà soát, xây dựng giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác GDPL đối với đối tượng đặc thù, nhóm yếu thế trong xã hội theo phạm vi lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý, coi đây là nội dung trọng tâm, thường xuyên của công tác GDPL;

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch, đề án GDPL phải bám sát nhu cầu thực tiễn xã hội và tập trung giải quyết những vấn đề nóng thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý;

- Đối với các tỉnh biên giới, đề nghị phối hợp chặt chẽ hơn nữa với các bộ, ngành có liên quan trong xây dựng, triển khai các chính sách, giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm tăng cường công tác GDPL cho đồng bào vùng giáp biên, bảo đảm an ninh biên giới, chủ quyền lãnh thổ quốc gia, chủ quyền biển đảo...;

- Bộ Tài chính phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp và các cơ quan hữu quan khẩn trương rà soát các quy định về ngân sách dành cho công tác GDPL để từ đó có các giải pháp, hướng dẫn cụ thể về bố trí kinh phí đảm bảo chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL trên toàn quốc.

Tiểu kết chương 4

Qua quá trình nghiên cứu, luận án đã phân tích sâu sắc những cơ sở lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật (GDPL) cho đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc. Đồng thời, ở chương 4 đã dự báo tình hình GDPL trong thời gian tới, trong bối cảnh đất nước đang bước vào thời kỳ chuyển đổi số mạnh mẽ, hội nhập quốc tế sâu rộng và xuất hiện những vấn đề mới về kinh tế - xã hội, an ninh biên giới. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng GDPL tại vùng đồng bào DTTS vẫn còn những hạn chế về phương thức, nội dung và

điều kiện bảo đảm, đòi hỏi phải có các quan điểm chỉ đạo đúng đắn và các giải pháp đồng bộ, thiết thực để đáp ứng yêu cầu mới.

Trên cơ sở kết quả dự báo, luận án đã xác định các quan điểm chỉ đạo quan trọng cho công tác bảo đảm GDPL cho đồng bào DTTS khu vực biên giới Tây Bắc. Trước hết, phải Quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật Nhà nước về tăng cường giáo dục pháp luật và giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc. Tiếp đó, giáo dục pháp luật phải được lồng ghép trong tổng thể các giar pháp nâng cao dân trí. Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số phải gắn với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội, văn hoá và lịch sử địa phương. Giáo dục pháp luật phải có trọng tâm, trọng điểm, thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của cộng đồng, huy động mọi tiềm năng, nguồn lực xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển quốc gia. Quan điểm xuyên suốt là Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới cần đổi mới tư duy, phương thức, cách thức và tiếp cận dựa trên quyền con người.

Dựa trên các quan điểm nêu trên, luận án đã đề xuất một hệ thống giải pháp đồng bộ để bảo đảm hiệu quả GDPL cho đồng bào DTTS vùng biên giới Tây Bắc trong thời gian tới. Các giải pháp bao gồm nhóm giải pháp cung và các giải pháp cụ thể về nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc.

Những nội dung nghiên cứu, dự báo và các giải pháp được đưa ra trong luận án không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của đồng bào dân tộc thiểu số, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và bảo vệ vững chắc an ninh biên giới quốc gia. Đặc biệt, việc làm rõ dự báo tình hình GDPL trong bối cảnh mới đã cung cấp cơ sở quan trọng cho việc hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện các chương trình GDPL trong những năm tới. Qua đó, luận án góp phần khẳng định tầm quan trọng của GDPL như một công cụ không thể thiếu trong phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới Tây Bắc.

KẾT LUẬN

Để tăng cường hoạt động GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc ở Việt Nam cần quán triệt các quan điểm của Đảng, thực hiện nghiêm các quy định của pháp, đổi mới hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp các yếu tố ảnh hưởng công tác giáo dục pháp luật đồng bào dân tộc thiểu số của khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc; phát huy nguồn lực trong văn hóa và vai trò của đội ngũ tuyên truyền viên trong việc phối hợp các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tham gia giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Để hoạt động GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc đạt hiệu quả cao, khắc phục được những hạn chế, vượt lên những khó khăn đã và đang diễn ra, các cấp ủy, chính quyền trong vùng, nhất là Ủy ban nhân cấp tỉnh cần tranh thủ sự lãnh đạo của trung ương, tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác GDPL nói chung, GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng; hoàn thiện nội dung, chương trình GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số hiện có; thực hiện xây dựng khung chương trình GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới phù hợp tình hình thực tế tại khu vực Tây Bắc.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả các điều kiện đảm bảo GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số, chuyển dần từ mô hình “đẩy” sang mô hình “kéo” trong GDPL cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc hiện nay.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Quách Thị Hồng Ngân (2024), “Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân khu vực biên giới tỉnh Lai Châu”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN 2354-0761.
2. Quách Thị Hồng Ngân (2025), “Yên Bái đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, ISSN 2354-0761.
3. Quách Thị Hồng Ngân (2025), “Công tác trợ giúp pháp lý cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới tỉnh Lào Cai”, tại trang <https://www.tapchicongsan.org.vn/>, ISSN 2734-9071.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Bùi Văn An (2023). Thực hiện chính sách phổ biến, giáo dục pháp luật cho công nhân tại các khu công nghiệp. *Quản lý nhà nước*, (332), 60-64.
2. Lê Minh Anh (2023), *Mạng lưới xã hội của một số tộc người trong phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Sách chuyên khảo. NXB Khoa học Xã hội.
3. Nguyễn Thị Việt Anh (2015), *Truyền hình Hải Phòng với vấn đề truyền thông giáo dục pháp luật* (Doctoral dissertation, H.: Học viện Báo chí và Tuyên truyền).
4. Phạm Ngọc Lan Anh, Trần Thị Mỹ Duyên (2023), “Ứng dụng mô hình giáo dục pháp luật thực hành trong đổi mới giáo dục đại học”, *TNU Journal of Science and Technology*, 228(12), 376-381.
5. Ban Chấp hành Trung ương (1997), *Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 18/6/1997 của Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Hà Nội.
6. Báo Nhân dân (14/10/2023), *Đưa kiến thức pháp luật đến đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao, biên giới*. [Truy cập ngày 1/11/2024]
7. Lê Kim Bình (2019), *Văn hóa dân tộc vùng cao với chủ quyền và an ninh biên giới quốc gia Việt Nam trong thế giới toàn cầu hóa*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Thanh Bình và Vương Xuân Tình (2023), *Ý thức quốc gia - dân tộc ở các tộc người vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc*, Sách chuyên khảo.
9. Bộ Tư pháp (2022), *Báo cáo số 45/BC-BTP về tổng kết thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.

10. Báo cáo “Legal Empowerment for Ethnic Minorities in China” (Asia Foundation, 2019) Link (tiếng Anh): <https://asiafoundation.org/publication/legal-empowerment-for-ethnic-minorities-in-china/> [Truy cập ngày 1/10/2024]
11. Báo cáo Học viện Khoa học Xã hội Trung Quốc (CASS) 《中国民族法治建设报告 (2018)》 Báo cáo Phát triển Pháp trị cho Khu vực Dân tộc thiểu số Trung Quốc: <https://book.douban.com/subject/30392673/> [Truy cập ngày 1/10/2024]
12. Báo cáo của UNDP Indonesia - Access to Justice Programme <https://www.undp.org/indonesia/publications/access-justice-programme-report> [Truy cập ngày 1/10/2024]
13. Báo cáo United Nations Human Rights Council - Report on Japan. <https://documents-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/G17/195/77/PDF/G1719577.pdf?OpenElement> [Truy cập ngày 1/10/2024]
14. Lục Việt Dũng (2023), *Nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật về quyền con người của chính quyền địa phương các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
16. Dương Văn Đại (2014). Vai trò giáo dục pháp luật đối với phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam thuộc Bộ Công an (Nghiên cứu trường hợp trại giam Nam Hà). Luận án TS. Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Nguyễn Xuân Đạt (2020), *Giáo dục pháp luật cho công chức quản lý thị trường qua thực tiễn tỉnh Quảng Bình*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

18. Nguyễn Minh Đoan (2014), *Hướng dẫn môn học Lý luận nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
19. Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Văn Năm (chủ biên) (2020), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
20. Nguyễn Thu Hà (2020), *Giáo dục pháp luật trên kênh Truyền hình an ninh (ANTV)*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Phạm Thị Hoàng Hà (2021), *Đồng bào dân tộc thiểu số các tỉnh biên giới Tây Bắc với việc giữ vững chủ quyền an ninh quốc gia*. NXB Quân đội nhân dân.
22. Phan Thị Thu Hà (2018), *Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh - quốc phòng vùng dân tộc thiểu số khu vực biên giới của Việt Nam*.
23. Lý Nam Hải (2020), “Thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả phổ biến giáo dục pháp luật cho ngư dân biển ở Việt Nam”, Tạp chí Pháp luật và thực tiễn, (45).
24. Bùi Hiền, 2002. Từ điển giáo dục học. Nhà xuất bản Thời đại, Bách Khoa. Hà Nội, 650 trang.
25. Dương Thị Thu Hiền (2013) nghiên cứu Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình Thực trạng và giải pháp. Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
26. Hiến pháp 2013, Link <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx> [truy cập ngày 4/5/2024]
27. Phạm Văn Hiểu (Chủ nhiệm) (2002), *Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ở tỉnh Cần Thơ: thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp Tỉnh, Sở Tư pháp, UBND TP. Cần Thơ.
28. Ngô Quỳnh Hoa (2020), *Giáo dục pháp luật cho người lao động-Những vấn đề đặt ra trong thời gian tới*, Legal education for employees: Some requirements in the coming time.

29. <http://www.scio.gov.cn/ztk/wh/slxxy/31213/Document/1448219/1448> [Truy cập ngày 1/11/2024]
30. <https://www.kemenkumham.go.id/berita/menkumham-launching-program-kesadaran-hukum-nasional> [Truy cập ngày 1/10/2024]
31. <https://laocaitourism.vn/vi/introduction> [Truy cập ngày 12/10/2024]
32. <https://ncvh.utb.edu.vn/index.php/190-gioi-thieu-so-luoc-lich-su-cac-dan-toc-o-tay-bac-viet-nam> [Truy cập ngày 21/10/2024]
33. <https://nsti.vista.gov.vn/publication/download/hE/qFIDCjZhCjqF.html> [Truy cập ngày 1/11/2024]
34. <https://pbgdpl.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=6993&l=hoatdongpbgdplodiap&utmm> [Truy cập ngày 16/10/2024]
35. <https://tcnn.vn/news/detail/54606/Phat-trien-nguon-nhan-luc-nguoi-dan-toc-thieu-so-tai-vung-Tay-Bac.html> [Truy cập ngày 16/10/2024]
36. <https://thuvienphapluat.vn/hoi-dap-phap-luat/839E81E-hd-ban-sac-van-hoa-dan-toc-la-gi-tai-sao-can-phai-giu-gin-va-phat-huy-ban-sac-van-hoa-dan-toc.html> [Truy cập ngày 12/8/2024]
37. <https://vietnam.opendevelopmentmekong.net/vi/topics/ethnic-minorities-and-indigenous-people/> [truy cập ngày 17/11/2024]
38. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/10/thong-cao-bao-chi-ket-qua-so-bo-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/> [Truy cập ngày 12/12/2024]
39. https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2020/07/02-Bao-cao-53-dan-toc-thieu-so-2019_ban-in.pdfm [Truy cập ngày 18/10/2024]
40. https://www.tapchiconsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/cham-lo-xay-dung-doi-ngu-nguoi-co-uy-tin-trong-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-gop-phan-thuc-hien-tot-chinh-sach-dan-toc [truy cập ngày 3/9/2024]

41. Đoàn Thị Thanh Huyền (2014), *Giáo dục pháp luật cho con cái trong gia đình hiện nay (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Quảng Ninh)*, Luận án tiến sĩ Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
42. Bùi Trung Hưng (Chủ nhiệm), Lê Duy An (2020), *Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2010-2020*, Đề tài khoa học, Trường Cao Đẳng Sư Phạm Đà Lạt, UBND Tỉnh Lâm Đồng.
43. Nguyễn Thị Hoàng Lan, Nguyễn Mai Anh (2021), “Định hướng đổi mới dạy học giáo dục pháp luật theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở trường trung học phổ thông”, *TNU Journal of Science and Technology*, 226(08), 259-265.
44. Trịnh Thu Lan (2022), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức cấp tỉnh qua thực tiễn tỉnh Bắc Ninh*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
45. Trần Ngọc Lâm (Chủ nhiệm), *Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng - Thực trạng và giải pháp (2005-2010)*, Đề tài khoa học cấp Tỉnh, Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng, UBND Tỉnh Sóc Trăng.
46. Nguyễn Lâm (2002), *Từ điển từ và ngữ Hán Việt*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội,
47. Nguyễn Đình Liêm (2019), *Sách Phát triển bền vững khu vực biên giới Vân Nam (Trung Quốc) - Lào Cai (Việt Nam) trong bối cảnh mới*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
48. Trần Thùy Linh (2021), “Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật ở cơ sở vùng đồng bào dân tộc, miền núi”, *Lý luận Chính trị*, no.12 - tr.84-89, ISSN.2525 - 2585.

49. *Luật biên giới quốc gia* (2003). Link truy cập <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=93588> [truy cập ngày 12/12/2024]
50. *Luật dân sự* (2015). Link: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Bo-luat-dan-su-2015-296215.aspx> [truy cập ngày 29/11/2024]
51. *Luật trẻ em* (2016). Link <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Luat-tre-em-2016-303313.aspx> [truy cập ngày 1/12/2024]
52. Trần Viết Lưu (2012), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
53. Luật Phổ Biến Pháp Luật của Trung Quốc (《中华人民共和国普法工作条例》 2021) Link tham khảo [http://www.gov.cn/zhengce/content/2022-01/06/content_5666692.htm] [Truy cập ngày 1/10/2024]
54. Luật Indian Civil Rights Act of 1968 (ICRA). <https://www.law.cornell.edu/uscode/text/25/1301> [Truy cập ngày 1/10/2024]
55. Luật Indian Arts and Crafts Act (1990). Luật bảo vệ quyền văn hóa và sản phẩm nghệ thuật của người bản địa. <https://www.doi.gov/iacb/act> [Truy cập ngày 1/10/2024]
56. Luật Ainu Policy Promotion Act (アイヌ施策推進法), 2019. <https://www.japaneselawtranslation.go.jp/laws/view/3969> [Truy cập ngày 1/10/2024]
57. Dương Thị Thanh Mai (1996). Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam (Bằng thực tiễn của Tòa án và Luật sư). Luận án Tiến sĩ, Đại học Luật Hà Nội
58. Nguyễn Thị Hồng Mây & Trần Thu Trang (2021), “Giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Thái Nguyên”, *TNU Journal of Science and Technology*, 226(18), 238-243.

59. Cao Thị Hồng Minh (2022). Các hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi= Forms of propaganda and education about law to ethnic minorities and mountainous residents.
60. Tô Xuân Minh (2021), *Bộ đội Biên phòng các tỉnh Tây Bắc phòng ngừa bạo loạn ở khu vực biên gia*. Luận án tiến sĩ quân sự.
61. Lê Văn Nam (2020), “Phát triển kinh tế-xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở một số tỉnh biên giới phía Bắc”, *Quân đội nhân dân*.
62. Vũ Quốc Nam, Nguyễn Tuấn Phong (2021), *Hoạt động đảm bảo an ninh, trật tự của bộ đội biên phòng ở khu vực biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
63. Lê Thị Phương Nga (2018), *Giáo dục pháp luật cho trẻ em ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
64. Nguyễn Thị Thanh Nga (2021), *Một số vấn đề cơ bản của các dân tộc vùng Tây Bắc. Trang điện tử Biên phòng Việt Nam*, <http://bienphongvietnam.gov.vn/mot-so-van-de-co-ban-cua-cac-dan-toc-vung-tay-bac.html>, [truy cập ngày 29/11/2024]
65. Phạm Đình Nghiệp (2004), *Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên hiện nay*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
66. Nguyễn Thị Kim Nhung (2014), *Phòng, chống tham nhũng từ phương diện giáo dục pháp luật đối với cán bộ, công chức bộ máy hành chính nhà nước*. Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
67. Trần Sỹ Phán (1999), *Giáo dục đạo đức đối với sự hình thành và phát triển nhân cách sinh viên Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ triết học. Hà Nội.
68. Nguyễn Tiến Phụng (2022), *Quản lý quá trình giáo dục pháp luật cho học viên ở các trường sĩ quan quân đội trong bối cảnh hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

69. Quách Thị Quế (2022). *Vấn đề giáo dục pháp luật trên kênh Truyền hình Công an nhân dân*, Doctoral dissertation, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
70. Lê Minh Sang, Lê Hoài Nam (2021), *Mô hình tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho cộng đồng thông qua chương trình giáo dục pháp luật thực hành - thực tiễn tại một số cơ sở đào tạo luật khu vực phía Nam*, Phát triển Khoa học & Công nghệ: Khoa học - Kinh tế - Luật và Khoa học Quản lý (ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)
71. Trần Thị Sáu (2012), *Giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Chuyên ngành Lý luận lịch sử Nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
72. Sách trắng “Progress in China’s Human Rights in 2014” (关于中国人权事业进展的白皮书 2014) Link tham khảo [http://www.china.org.cn/government/whitepaper/node_7230221.htm] [Truy cập ngày 1/10/2024]
73. Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị, *Nghiên cứu đề xuất giải pháp đặc thù nhằm nâng cao hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Trị*, Đề tài khoa học, UBND Tỉnh Quảng Trị.
74. Phan Xuân Sơn, Nguyễn Thị Thanh Dung (2020), *Quản lý xung đột xã hội vùng tộc người thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
75. Nguyễn Quốc Sửu (2010), *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
76. Tạp chí Tổ chức nhà nước là và lao động và lao động (2017). *Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa pháp quyền*. <https://tcnn.vn/news/detail/37749/Tu-tuong-Ho-Chi-Minh-ve-van-hoa-phap-quyenall.html> [truy cập 8/12/2024]

77. Tạp chí Thanh tra Việt Nam (2023), *Các yếu tố tác động đến hiệu quả công tác truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật tại Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*
78. Nguyễn Thị Tĩnh (2016), *Giáo dục pháp luật cho người dân ở tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Quốc gia, Hà Nội.
79. Tổng cục thống kê (2019), *Thông cáo báo chí kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*. Link <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2019/10/thong-cao-bao-chi-ket-qua-so-bo-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019/> [truy cập ngày 22/12/2024]
80. Tổng cục thống kê (2024), *Tổng quan dự báo tình hình kinh tế thế giới Quý I và cả năm 2024* (General Statistics Office of Vietnam - www.gso.gov.vn, đăng ngày 29/03/2024)
81. Trương Thông Tuần (Chủ nhiệm), Hoàng Thị Thúy, Trần Thị Thắm, Vũ Hoàng Cúc, Nguyễn Minh Hải (2021), *Phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào thiểu số trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*, Đề tài khoa học, Trường Đại học Tây Nguyên, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
82. Lò Châu Thỏa (2020), *Nghiên cứu phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Thái ở Tây Bắc Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Đại học Luật Hà Nội.
83. Nguyễn Anh Thu (2021), *Khu kinh tế qua biên giới: Điều kiện hình thành và phát triển*, Sách chuyên khảo, Đại học Quốc gia Hà Nội.
84. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 1163/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược "Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*. Link <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=203611> [truy cập ngày 15/11/2024]
85. Đèo Thị Thủy (2024), “Giải pháp tăng cường công tác giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho sinh viên trường đại học Tây Bắc”, *TNU Journal of Science and Technology*, 229(12), 29-35.

86. Vũ Thị Thu Thủy (2013), *Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông ở nước ta hiện nay*.
87. Tạ Thị Minh Thư (2021). *Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*.
88. Vũ Thị Hoài Thương (2008), *Giáo dục pháp luật trong các doanh nghiệp Nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Chuyên ngành Lý luận lịch sử Nhà nước và pháp luật, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
89. Trang thông tin về Phổ biến giáo dục pháp luật của Bộ Tư pháp (5/8/2022), *Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nhằm góp phần thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*
90. Ngô Văn Trù (2013), *Giáo dục pháp luật cho phạm nhân trong các trại giam ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
91. Dương Thành Trung (Chủ nhiệm) (2012), *Tăng cường giáo dục pháp luật cho đồng bào Khmer trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu*, Đề tài khoa học cấp Tỉnh, Thành ủy Bạc Liêu, UBND Tỉnh Bạc Liêu.
92. Dương Thành Trung (2016), *Giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
93. UBND tỉnh Lai Châu (2022), *Số: 302/BC-UBND, ngày 24/8/2022, Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*
94. Nguyễn Tuấn Việt (2015), *Tuyên truyền giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên trên kênh VTV6* (Doctoral dissertation, H.: Học viện Báo chí và Tuyên truyền).
95. Phạm Viết Vượng (1996), *Giáo dục học Đại cương*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội. Hà Nội.

*** Tài liệu nước ngoài**

96. Alberto Alemanno, Lamin Khadar (2018) (*Reinventing Legal Education How Clinical Education Is Reforming the Teaching and Practice of Law in Europe*. Cambrige University Press.
97. Allen, R. N., Jackson, A., & Harris, D. (2018). The Pink Ghetto Pipeline: Challenges and Opportunities for Women in Legal Education. U. Det. Mercy L. Rev., 96, 525.
98. Bedner, A., & Vel, J. (2021). Legal education in Indonesia. The Indonesian Journal of Socio-Legal Studies, 1(1), 6.
99. Chris Ashford, Paul McKeown (2021). Social Justice and Legal Education. Cambridge Scholars Publishers
100. Edward Rubin (2012), "*Legal Education in the Digital Age - Giáo dục pháp luật trong thời đại kỹ thuật số*", NXB Đại học Cambridge, New York.
101. González, C. G. (2014). Women of color in legal education: Challenging the presumption of incompetence.
102. Greenbaum, L. (2012). Current issues in legal education: a comparative review. Stellenbosch Law Review, 23(1), 16-39.
103. Guth, J., & Ashford, C. (2014). The Legal Education and Training Review: regulating socio-legal and liberal legal education?. The Law Teacher, 48(1), 5-19.
104. Jane Kotzmann (2018), The Human Rights-Based Why Human Rights Norms Should Guide Higher Education Law and Policy, Oxford University Press, p.1
105. Jones, E. (2018). Transforming legal education through emotions. Legal Studies, 38(3), 450-479.
106. Quinot, G. (2012). Transformative legal education. South African Law Journal, 129(3), 411-433.

107. Sampford, C. (2016). 'Theoretical dimensions' of legal education. In Law, Lawyering and Legal Education (pp. 65-89). Routledge.
108. Steele, S., & Taylor, K. (2010). Legal education in Asia. New York: Routledge.
109. Strevens, C., Grimes, R., & Phillips, E. (Eds.). (2016). Legal education: Simulation in theory and practice. Routledge.
110. Thornton, M. (2014). Legal education in the corporate university. *Annual Review of Law and Social Science*, 10, 19-35.
111. Williams, D. (2013). Do racial preferences affect minority learning in law schools? *Journal of Empirical Legal Studies*, 10(2), 171-195.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

PHIẾU HỎI CHUYÊN SÂU VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM

Kính gửi Ông, bà!

Để phục vụ cho việc đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam, chúng tôi rất mong ông/bà cho biết ý kiến của bản thân về thực trạng này bằng cách trả lời vào phiếu hỏi dưới đây. Những thông tin của ông/bà cung cấp chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học. Trong bất cứ bài báo cáo hoặc công trình xuất bản nào liên quan đến nghiên cứu này, dữ liệu chỉ mang tính tổng kết, tóm tắt.

Xin chân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!

MỤC 1: THÔNG TIN CHUNG

(Ông/bà vui lòng đánh dấu “X” vào các ô trống theo từng câu dưới đây)

1.1 Giới tính

☐ Nam

☐ Nữ

1.2 Dân tộc (Ghi rõ):.....

1.3 Nơi cư trú, làm việc hiện nay

☐ Lào Cai

☐ Điện Biên

☐ Lai Châu

☐ Sơn La

MỤC 2: CÂU HỎI VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT Ở ĐỊA PHƯƠNG

2.1 Ông/bà hãy mô tả qua về giáo dục pháp luật ở địa phương của ông bà (Nội dung, phương pháp, hình thức, đặc thù)

.....

.....

.....

.....

.....

2.2 Ông/bà cho biết về sự tham gia của người dân tại địa phương ở các buổi giáo dục pháp luật ở địa phương ông/bà?

.....

.....

.....

.....

.....

2.3 Ông/ bà cho biết các đồng bào dân tộc thiểu số tham gia các buổi giáo dục pháp luật ở địa phương là các dân tộc nào?

.....

.....

.....

.....

.....

2.4 Ông/bà cho biết các đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương có khó khăn gì trong công tác tham gia học tập GDPL ở địa phương? Khó khăn gì trong việc áp dụng kiến thức pháp luật trong cuộc sống?

.....

.....

.....

.....

.....

2.5 Khó khăn trong công tác giáo dục pháp luật ở địa phương ông/bà?

.....

.....

.....

.....

.....

2.6 Theo ông/bà, đâu là nguyên nhân của các khó khăn trên?

.....

.....

.....

.....

.....

2.7 Ông/bà có đề xuất khuyến nghị, giải pháp gì để khắc phục các khó khăn trong công tác giáo dục pháp luật ở địa phương?

.....

.....

.....

.....

.....

Xin cảm ơn!

Phụ lục 2

PHIẾU KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN BÁO CÁO VIÊN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM

Kính gửi Ông, bà!

Để phục vụ cho việc đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam, chúng tôi rất mong ông/bà cho biết đánh giá của bản thân về thực trạng này bằng cách trả lời và điền vào phiếu khảo sát dưới đây. Những thông tin của ông/bà cung cấp chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học. Trong bất cứ bài báo cáo hoặc công trình xuất bản nào liên quan đến nghiên cứu này, dữ liệu chỉ mang tính tổng kết, tóm tắt.

Xin chân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!

MỤC 1: THÔNG TIN CHUNG

(Ông/bà vui lòng đánh dấu “X” vào các ô trống theo từng câu dưới đây)

1.1 Giới tính

☐ Nam

☐ Nữ

1.3 Dân tộc (Ghi rõ):

1.3 Nơi cư trú, làm việc hiện nay

☐ Lào Cai

☐ Điện Biên

☐ Lai Châu

☐ Sơn La

1.4 Trình độ học vấn:

☐ Tiểu học

☐ Đại học

☐ Trung học cơ sở

☐ Trên đại học

☐ Trung học phổ thông

☐ Khác (ghi rõ)

1.5 Thu nhập bình quân từ hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật của ông/bà trên một tháng:

☐ Dưới 5 triệu đồng

☐ Từ 5 triệu đến dưới 10 triệu

☐ Từ 10 triệu đến dưới 15 triệu

☐ Từ 15 triệu đến dưới 20 triệu

☐ Từ 20 triệu trở lên

MỤC 2: ĐÁNH GIÁ VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM

2.1 Ông/bà cho biết, sự quan tâm của lãnh đạo, cán bộ địa phương, cán bộ các cấp đối với chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất quan tâm
- ☐ Quan tâm
- ☐ Bình thường
- ☐ Ít quan tâm
- ☐ Không quan tâm

2.2 Ông/bà cho biết, giáo dục pháp luật cho người dân khu vực các tỉnh biên giới có ý nghĩa và tầm quan trọng như thế nào đối với sự phát triển và sức mạnh bảo vệ tổ quốc? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất quan trọng
- ☐ Quan trọng
- ☐ Bình thường
- ☐ Ít quan trọng
- ☐ Không quan trọng

2.3 Theo Ông/bà, nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Đa dạng, rất phù hợp với nhận thức của người dân
- ☐ Phù hợp với nhận thức của người dân
- ☐ Bình thường
- ☐ Nghèo nàn, có nội dung chưa phù hợp với nhận thức của người dân
- ☐ Không phù hợp

2.4 Ông/bà cho biết việc đổi mới hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương của ông/bà hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Đa dạng, phong phú và phù hợp với nhận thức của người dân
- ☐ Có sự đổi mới về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật
- ☐ Bình thường
- ☐ Đơn điệu và không phù hợp với nhận thức, nội dung giáo dục pháp luật của người dân
- ☐ Không đổi mới

2.5 Ông/bà đánh giá về mức độ nhận thức của người dân địa phương đối với pháp luật Nhà nước như thế nào? (chọn 01 phương án)

Rất tốt

- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Kém

2.6 Ông/bà cho biết thái độ, tình cảm, niềm tin pháp luật của người dân tại địa phương ông/bà hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Kém

2.7 Ông/bà nhận định về thói quen và hành vi chấp hành pháp luật Nhà nước ở địa phương như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Kém

2.8 Theo ông/bà, việc nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương hiện nay có cần thiết không? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Trung bình
- ☐ Ít cần thiết
- ☐ Không cần thiết

2.9 Ông/bà đánh giá như thế nào về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục phục vụ công tác giáo dục pháp luật hiện nay ở địa phương? (chọn 01 phương án)

- ☐ Bảo đảm tốt yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật
- ☐ Đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật
- ☐ Chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật

2.10 Theo ông/bà, những nguyên nhân nào dẫn đến hạn chế về chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương ông/bà hiện nay? (chọn 01 hoặc nhiều phương án)

- ☐ Lãnh đạo, cán bộ địa phương chưa có đủ nhận thức về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho người dân nên có thời điểm chưa được quan tâm sát sao và coi trọng đúng mức
- ☐ Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có thời điểm chưa bảo đảm, có hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ
- ☐ Các cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời điều chỉnh nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho phù hợp
- ☐ Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho người dân còn đơn điệu, chậm được đổi mới
- ☐ Nhận thức, thái độ, trách nhiệm của người dân trong quá trình học tập nội dung Nhà nước và pháp luật chưa tốt
- ☐ Cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật ở địa phương còn chưa được bảo đảm kịp thời
- ☐ Do đặc thù về văn hóa các dân tộc
- ☐ Nguyên nhân khác (ghi rõ)

2.11 Theo ông/bà, để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương hiện nay, cần thực hiện những giải pháp cơ bản nào sau đây? (chọn một hoặc nhiều phương án)

- ☐ Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý, phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức đối với công tác giáo dục pháp luật cho người dân tại địa phương
- ☐ Đẩy mạnh việc kiện toàn về bộ máy và con người thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho người dân tại địa phương
- ☐ Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho người dân, sao cho phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn cụ thể
- ☐ Thường xuyên đổi mới và đa dạng hoá các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật, kết hợp giáo dục pháp luật với tuyên truyền văn hóa, chính sách của Đảng và Nhà nước tới các địa phương, đặc biệt là các địa phương có đa dạng cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống
- ☐ Tăng cường bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho người dân
- ☐ Thường xuyên tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời khen thưởng, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho người dân tại địa phương
- ☐ Các phương pháp khác (ghi rõ).....

MỤC 3: CÂU HỎI SÂU

3.1 Ông/bà hãy mô tả qua về phương pháp giáo dục pháp luật của ông/bà (Nội dung, phương pháp, hình thức, đặc thù)

.....

.....

.....

.....

3.2 Ông/ bà cho biết các đồng bào dân tộc thiểu số tham gia các buổi giáo dục pháp luật ở địa phương là các dân tộc nào?

.....

.....

.....

.....

3.3 Ông/bà cho biết các đồng bào dân tộc thiểu số ở địa phương có khó khăn gì trong công tác tham gia học tập GDPL ở địa phương? Khó khăn gì trong việc áp dụng kiến thức pháp luật trong cuộc sống?

.....

.....

.....

.....

Xin cảm ơn!

Phụ lục 3

PHIẾU KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM

Kính gửi Ông, bà!

Để phục vụ cho việc đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc, Việt Nam, chúng tôi rất mong ông/bà cho biết đánh giá của bản thân về thực trạng này bằng cách trả lời và điền vào phiếu khảo sát dưới đây. Những thông tin của ông/bà cung cấp chỉ sử dụng vào mục đích nghiên cứu khoa học. Trong bất cứ bài báo cáo hoặc công trình xuất bản nào liên quan đến nghiên cứu này, dữ liệu chỉ mang tính tổng kết, tóm tắt.

Xin chân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông/bà!

MỤC 1: THÔNG TIN CHUNG

(Ông/bà vui lòng đánh dấu “X” vào các ô trống theo từng câu dưới đây)

1.1 Giới tính

☐ Nam

☐ Nữ

1.4 Dân tộc (Ghi rõ):.....

1.3 Nơi cư trú, làm việc hiện nay

☐ Lào Cai

☐ Điện Biên

☐ Lai Châu

☐ Sơn La

1.4 Trình độ học vấn:

☐ Tiểu học

☐ Đại học

☐ Trung học cơ sở

☐ Trên đại học

☐ Trung học phổ thông

☐ Khác (ghi rõ)

1.5 Thu nhập bình quân trên một tháng:

☐ Dưới 5 triệu đồng

☐ Từ 5 triệu đến dưới 10 triệu

☐ Từ 10 triệu đến dưới 15 triệu

☐ Từ 15 triệu đến dưới 20 triệu

☐ Từ 20 triệu trở lên

1.6 Nghề nghiệp

☐ Nông dân

☐ Công nhân

☐ Lao động tự do

- ☐ Học sinh/Sinh viên
☐ Công chức/Viên chức
☐ Khác (Ghi rõ).....

MỤC 2: ĐÁNH GIÁ VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM

2.1 Ông/bà cho biết, sự quan tâm của lãnh đạo, cán bộ địa phương, cán bộ các cấp đối với chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất quan tâm
☐ Quan tâm
☐ Bình thường
☐ Ít quan tâm
☐ Không quan tâm

2.2 Ông/bà cho biết, giáo dục pháp luật cho người dân khu vực các tỉnh biên giới có ý nghĩa và tầm quan trọng như thế nào đối với sự phát triển và sức mạnh bảo vệ tổ quốc? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất quan trọng
☐ Quan trọng
☐ Bình thường
☐ Ít quan trọng
☐ Không quan trọng

2.3 Theo Ông/bà, nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Đa dạng, rất phù hợp với nhận thức của người dân
☐ Phù hợp với nhận thức của người dân
☐ Bình thường
☐ Nghèo nàn, có nội dung chưa phù hợp với nhận thức của người dân
☐ Không phù hợp

2.4 Ông/bà cho biết việc đổi mới hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương của ông/bà hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Đa dạng, phong phú và phù hợp với nhận thức của người dân
☐ Có sự đổi mới về hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật
☐ Bình thường
☐ Đơn điệu và không phù hợp với nhận thức, nội dung giáo dục pháp luật của người dân
☐ Không đổi mới

2.5 Ông/bà đánh giá về kinh nghiệm, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, giảng viên thực hiện công tác giáo dục pháp luật ở nhà địa phương? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Khá
- ☐ Trung bình
- ☐ Yếu

2.6 Ông/bà đánh giá về mức độ nhận thức của người dân địa phương đối với pháp luật Nhà nước như thế nào? (chọn 01 phương án)

Rất tốt

- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Kém

2.7 Ông/bà cho biết thái độ, tình cảm, niềm tin pháp luật của người dân tại địa phương ông/bà hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Kém

2.8 Ông/bà nhận định về thói quen và hành vi chấp hành pháp luật Nhà nước ở địa phương như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Kém

2.9 Ông/bà cho biết mức độ hài lòng của mình đối với lãnh đạo, cán bộ thực hiện công tác giáo dục pháp luật trong tổ chức thực hiện công tác giáo dục pháp luật ở địa phương? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất hài lòng
- ☐ Hài lòng
- ☐ Bình thường
- ☐ Không hài lòng
- ☐ Rất không hài lòng

2.10 Ông/bà cho biết, chất lượng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật ở địa phương hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Khá
- ☐ Trung bình
- ☐ Yếu

2.11 Ông/bà đánh giá về chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương hiện nay như thế nào? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Kém

2.12 Theo ông/bà, việc nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương hiện nay có cần thiết không? (chọn 01 phương án)

- ☐ Rất cần thiết
- ☐ Cần thiết
- ☐ Trung bình
- ☐ Ít cần thiết
- ☐ Không cần thiết

2.13 Ông/bà đánh giá như thế nào về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục phục vụ công tác giáo dục pháp luật hiện nay ở địa phương? (chọn 01 phương án)

- ☐ Bảo đảm tốt yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật
- ☐ Đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật
- ☐ Chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác giáo dục pháp luật

2.14 Theo ông/bà, những nguyên nhân nào dẫn đến hạn chế về chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương ông/bà hiện nay? (chọn 01 hoặc nhiều phương án)

- ☐ Lãnh đạo, cán bộ địa phương chưa có đủ nhận thức về vị trí, vai trò của công tác giáo dục pháp luật cho người dân nên có thời điểm chưa được quan tâm sát sao và coi trọng đúng mức
- ☐ Chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật có thời điểm chưa bảo đảm, có hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ

- ☐ Các cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời điều chỉnh nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho phù hợp
- ☐ Hình thức và phương pháp giáo dục pháp luật cho người dân còn đơn điệu, chậm được đổi mới
- ☐ Nhận thức, thái độ, trách nhiệm của người dân trong quá trình học tập nội dung Nhà nước và pháp luật chưa tốt
- ☐ Cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ cho công tác giáo dục pháp luật ở địa phương còn chưa được bảo đảm kịp thời
- ☐ Do đặc thù về văn hóa các dân tộc
- ☐ Nguyên nhân khác (ghi rõ)

2.15 Theo ông/bà, để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho người dân ở địa phương hiện nay, cần thực hiện những giải pháp cơ bản nào sau đây? (chọn một hoặc nhiều phương án)

- ☐ Tăng cường sự lãnh đạo, quản lý, phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức đối với công tác giáo dục pháp luật cho người dân tại địa phương
- ☐ Đẩy mạnh việc kiện toàn về bộ máy và con người thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho người dân tại địa phương
- ☐ Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình giáo dục pháp luật cho người dân, sao cho phù hợp với từng đối tượng, từng địa bàn cụ thể
- ☐ Thường xuyên đổi mới và đa dạng hoá các hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật, kết hợp giáo dục pháp luật với tuyên truyền văn hóa, chính sách của Đảng và Nhà nước tới các địa phương, đặc biệt là các địa phương có đa dạng cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống
- ☐ Tăng cường bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất, hệ thống giáo trình, tài liệu phục vụ công tác giáo dục pháp luật cho người dân
- ☐ Thường xuyên tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời khen thưởng, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện công tác giáo dục pháp luật cho người dân tại địa phương
- ☐ Các phương pháp khác (ghi rõ)

Xin cảm ơn!

Phụ lục 4

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

Mẫu phiếu: KS-01
Mã số phiếu:.....**KẾT QUẢ XỬ LÝ THÔNG TIN****(Dành cho người dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc)****ĐỀ TÀI: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ
KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM****PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG****Câu 1: Giới tính?**

Giới tính	Số lượng	%
Nam	256	57,1
Nữ	192	42,9
Tổng	448	100

Câu 2: Nhóm tuổi:

Nhóm tuổi	Số lượng	%
Dưới 20 tuổi	40	9,0
Từ 20-35 tuổi	216	48,2
Từ 35 - 50 tuổi	156	34,8
Trên 50 tuổi	36	8,0
Tổng	448	100

Câu 3: Dân tộc?

Dân tộc	Số lượng	%
1. Thái	16	3.6
2. Mường	36	8.0
3. H'Mông	240	53.6
4. Thái	28	6.3
5. Tày	24	5.4
6. Dao	20	4.5
7. Khơ Mú	8	1.7
8. Xinh -mun	76	16.9
Tổng	448	100

Câu 4: Tôn giáo?

Tôn giáo	Số lượng	%
1. Không theo tôn giáo	448	100

Câu 5: Tình trạng hôn nhân?

Tình trạng hôn nhân	Số lượng	%
Chưa có vợ/ chồng	64	14.3
Đang có vợ/ chồng	352	78.6
Ly hôn/ ly thân/ góa	32	7.1
Tổng	448	100

Câu 6: Trình độ học vấn?

Trình độ học vấn	Số lượng	%
1. Tiểu học/THCS	204	45.5
2. Phổ thông trung học	140	31.3
3. Cao đẳng/Trung cấp	48	10.7
4. Đại học	48	10.7
5. khác	8	1.8
Tổng	448	100

Câu 7: Nghề nghiệp hiện tại?

Nghề nghiệp	Số lượng	%
1. Nông nghiệp thuần túy	224	50
2. Nông nghiệp kiêm tiểu thủ công nghiệp/kinh doanh, buôn bán	60	13,4
3. Tiểu thủ công nghiệp	16	3,6
4. Kinh doanh buôn bán	48	10.7
5. Lao động tự do	80	17,8
6. Khác	20	4.5
Tổng	448	100

PHẦN B: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Câu B8: Trong cuộc sống, công việc hàng ngày ông/bà việc có thường xuyên gặp các vấn đề đòi hỏi phải có kiến thức hiểu biết về pháp luật mới giải quyết được không?

Nội dung	Số lượng	%
Thường xuyên gặp	204	45.5
Thỉnh thoảng	176	39.3
Hiếm khi gặp	48	10.7
Không gặp	20	4.5
Tổng	448	100

Câu B9: Khi gặp sự việc của cá nhân hoặc gia đình mình đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật người dân tộc thiểu số vùng biên giới, ông/bà thường chọn cách giải quyết nào dưới đây? (chọn 1 phương án)

Nội dung	Số lượng	%
Tự giải quyết theo kinh nghiệm, hiểu biết pháp luật của bản thân	44	9.8
Nhờ người thân có kiến thức, hiểu biết pháp luật giải quyết	92	20.5
Đề nghị cán bộ công chức UBND cấp xã đứng ra giải quyết	220	49.1
Đề nghị các cơ quan chức năng đứng ra giải quyết	68	15.2
Nhờ luật sư	0	0.0
Nhờ các tổ chức tôn giáo đứng ra can thiệp và giải quyết	0	0.0
Khác	24	4.4
Tổng	448	100

B10. Những sự kiện pháp lý nào ông/bà đã từng gặp và giải quyết liên quan đến nội dung nào dưới đây?

Nội dung	Số lượng	%
Mâu thuẫn trong gia đình	112	25
Mâu thuẫn trong cộng đồng	108	24,1
Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh tế	152	33,9
Tranh chấp quyền sử dụng đất đai, nhà ở	164	36,6
Khiếu nại về cách giải quyết chưa thỏa đáng của các cấp chính quyền địa phương	12	2,7
Tổ cáo các hành vi tiêu cực, tham nhũng	4	0,9

Hành vi vi phạm pháp luật của bản thân hoặc người khác	24	5,4
Vấn đề liên quan đến giải quyết, xử lý các vấn đề biên giới lãnh thổ	8	1,8

Câu B11: Theo ông/bà vai trò cần thiết của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với cuộc sống, công việc của mình và gia đình ?

Nội dung	Số lượng	%
Rất cần thiết	280	62.5
Cần thiết	100	22.3
Không cần thiết lắm	36	8.0
Không cần thiết	20	4.5
Rất không cần thiết	12	2.7
Tổng	448	100

Câu B12: Ông/bà tự nhận định, đánh giá về trình độ hiểu biết về kiến thức, pháp luật của bản thân mình ?

Nội dung	Số lượng	%
Hiểu biết tương đối đầy đủ hệ thống pháp luật hiện hành	28	6.3
Hiểu biết một số lĩnh vực chính như đất đai, lao động, hôn nhân gia đình....	200	44.6
Chỉ biết 1 số quy định có liên quan đến trực tiếp cuộc sống hàng ngày	188	42.0
Hầu hết không biết các quy định	32	7.2
Tổng	448	100

Câu B13: Ông/bà đã từng tham dự trực tiếp các buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc?

1. Có 85,7%
2. Không 14,3%

Câu B14: Ông/bà CHƯA TỪNG tham dự trực tiếp các buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc vui lòng cho biết lý do vì sao?

Nội dung	Số lượng	%
Không biết có các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật	10	2,6
Không có thời gian tham gia các buổi phổ biến, giáo dục pháp luật	176	39,3
Không quan tâm đến nội dung các quy định pháp luật	16	3,6
Đã biết rõ các quy định pháp luật	80	17,9
Khác	4	0,9
Tổng	448	100

Câu B15: Theo quan sát của Ông/bà các buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc thực hiện theo tiêu chí như nào?

Nội dung	Số lượng	%
Tổ chức định kỳ (6 tháng/lần hoặc 1 năm/lần...)	360	80,4
Chỉ tổ chức khi có văn bản pháp luật mới được ban hành	48	10,6
Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của đồng bào	24	5,4
Khác	16	3,6
Tổng	448	100

Câu B16: Ông/bà cho biết các buổi tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc do ông/bà tham gia do cơ quan nào tổ chức thực hiện?

Nội dung	Số lượng	%
Sở tư pháp tỉnh hoặc sở/ban ngành có liên quan	20	4,5
Phòng tư pháp huyện hoặc các phòng tương đương có liên quan	36	8,0
Ủy ban nhân dân cấp xã	324	72,3
Tổ chức chính trị - xã hội các cấp	96	21,4
Bộ đội biên phòng	20	4,5
Khác	4	0,9
Tổng	448	100

B17. Ông/bà cho biết ai là người trực tiếp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc?

Nội dung	Số lượng	%
Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	32	7.1
Báo cáo viên pháp luật cấp huyện	172	38.4
Tuyên truyền viên pháp luật	224	50.0
Bộ đội biên phòng	8	1.8
Khác	12	2,7
Tổng	448	100

B18. Theo Ông/bà ghi nhận, đối tượng tham dự các lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc là những đối tượng nào dưới đây? (chọn 1 phương án)

Nội dung	Số lượng	%
Tất cả những người dân có nhu cầu	348	77.7
Đại diện cho hộ gia đình	68	15.2
Cán bộ, công chức xã, trưởng thôn, cán bộ tổ chức đoàn thể	20	4.5
Khác	12	2,6
Tổng	448	100

Câu B19: Theo ông/bà biết, NỘI DUNG pháp luật nào cần phổ biến cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc là lĩnh vực pháp luật nào? (chọn nhiều phương án)

Nội dung	Số lượng	%
Luật đất đai	312	69,6
Luật hôn nhân và gia đình	296	66,1
Luật lao động	240	53,6
Luật dân sự	216	48,2
Pháp luật thực hiện dân chủ cơ sở ở cấp xã	184	41,1
Luật hành chính	164	36,6
Các văn bản pháp quy của tỉnh/huyện	152	33,9
Luật Biên giới quốc gia	224	50
Luật bình đẳng giới	240	53,6
Luật phòng chống bạo lực gia đình	244	54,5
Luật giao thông đường bộ	252	56,3
Luật căn cước công dân	244	54,5
Luật phòng chống ma túy	224	50

Câu B20: Theo ông/bà biết, PHƯƠNG PHÁP phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc nên sử dụng phương pháp nào thì phù hợp? (chọn nhiều phương án)

Nội dung	Số lượng	%
Thuyết giảng 1 chiều (chủ thể thuyết trình → bà con nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)	204	45,5
Thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật cần phổ biến	164	36,6
Phương pháp nêu tình huống (giới thiệu nội dung → nêu tình huống → tạo tranh luận → báo cáo viên điều khiển)	236	52,7
Tổng	448	100

Câu B21: Theo ông/bà biết, HÌNH THỨC phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc sử dụng phương pháp có tính phù hợp cao? (chọn 1 phương án)

Hình thức thực hiện	Mức độ hiệu quả (%)		
	Hiệu quả	Hiệu quả 1 phần	Không hiệu quả
Mở các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật đại trà cho số đông bà con tham gia	46,4	42,9	10,7
Phổ biến pháp luật trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo chí, đài phát thanh, Tivi...)	61,6	26,8	10,6
Biên soạn in sách, tài liệu pháp luật bằng giấy dành riêng cho đồng bào phát miễn phí	33,0	48,2	18,8
Xây dựng tủ sách pháp luật tại Ủy ban xã, nhà văn hóa thôn/ấp/bản...	28,6	48,2	23,3
Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo các chủ đề	44,6	42,9	12,5
Tập huấn chuyên sâu theo các chủ đề có tính đặc thù tại vùng biên giới cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, người có uy tín	51,8	30,4	17,8

Câu B22: Theo ông/bà biết, các **HÌNH THỨC** phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc ông bà đã tham dự đã đáp ứng như thế nào so với yêu cầu thực tiễn giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn của cá nhân và gia đình? (chọn 1 phương án)

Nội dung	Số lượng	%
Đáp ứng tốt	92	20.5
Đáp ứng ở mức độ khá	212	47.3
Đáp ứng ở mức độ trung bình	128	28.6
Chưa đáp ứng yêu cầu	16	3.6
Tổng	448	100

B23: Theo ông/bà **NGUYÊN NHÂN** nào dẫn đến kết quả **ĐẠT ĐƯỢC** trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc?

Nội dung	Số lượng	%
Cấp ủy đảng chính quyền các cấp quan tâm đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	140	31.3
Cấp ủy chính quyền, các cơ quan chức năng chỉ đạo sâu sát đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	64	14.3
Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tích cực, chuyên môn tốt trong thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	128	28.6
Đồng bào hiểu được vai trò của kiến thức pháp luật nên chủ động tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật	104	23.2
Khác	12	2,7
Tổng	448	100

B24: Theo ông/bà NGUYỄN NHÂN nào dẫn đến HẠN CHẾ trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc?

Nội dung	Số lượng	%
Cấp ủy đảng chính quyền các cấp chưa quan tâm đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	92	20,5
Cấp ủy chính quyền, các cơ quan chức năng chưa chỉ đạo sâu sát đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	80	17,9
Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên chưa tích cực, chuyên môn chưa tốt trong thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	72	16,1
Đồng bào chưa chủ động tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật	260	58,0
Bất đồng ngôn ngữ	104	23,2
Nội dung pháp luật còn nhiều, phức tạp	92	20,5
Tổng	448	100

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông/bà?

Phụ lục 5

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

Mẫu phiếu: KS-01

Mã số phiếu:.....

KẾT QUẢ XỬ LÝ THÔNG TIN**(Dành cho báo cáo viên)****ĐỀ TÀI: GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ
KHU VỰC BIÊN GIỚI CÁC TỈNH TÂY BẮC, VIỆT NAM****PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG****Câu 1: Giới tính?**

Giới tính	Số lượng	%
Nam	120	60
Nữ	80	40
Tổng	200	100

Câu 2: Nhóm tuổi:

Nhóm tuổi	Số lượng	%
Từ 20-35 tuổi	16	8
Từ 35 - 50 tuổi	120	60
Trên 50 tuổi	64	32
Tổng	200	100

Câu 3: Dân tộc?

Dân tộc	Số lượng	%
1. Kinh	58	29
2. Dao	26	13
3. H'Mông	46	23
4. Nùng	20	10
5. Phù Lá	16	8
6. Thái	20	10
7. Khác	14	7
Tổng	200	100

Câu 4: Tôn giáo?

Tôn giáo	Số lượng	%
1. Không theo tôn giáo	200	100

Câu 5: Trình độ học vấn?

Trình độ học vấn	Số lượng	%
1. Phổ thông trung học	14	7
2. Cao đẳng/Trung cấp	40	20
3. Đại học	112	56
4. sau đại học	34	17
Tổng	200	100

Câu 6: chuyên ngành đào tạo

Nghề nghiệp	Số lượng	%
Quản lý nhà nước	40	20
Luật	68	34
Kinh tế	24	12
Khác (sư phạm, quản lý văn hóa, KHXHNV...)	68	34
Tổng	200	100

Câu 7: Trình độ lý luận chính trị

Nghề nghiệp	Số lượng	%
Trung cấp LLCT	112	56
Cao cấp LLCT	32	16
Sơ cấp	20	10
Chưa qua đào tạo	36	18
Tổng	200	100

Câu 8: Trình độ quản lý hành chính nhà nước

Nghề nghiệp	Số lượng	%
Chuyên viên	84	44,9
Chuyên viên chính	32	16,3
Chuyên viên cao cấp	4	2
Chưa qua bồi dưỡng		
Tổng	200	100

Câu 9: Thâm niên công tác

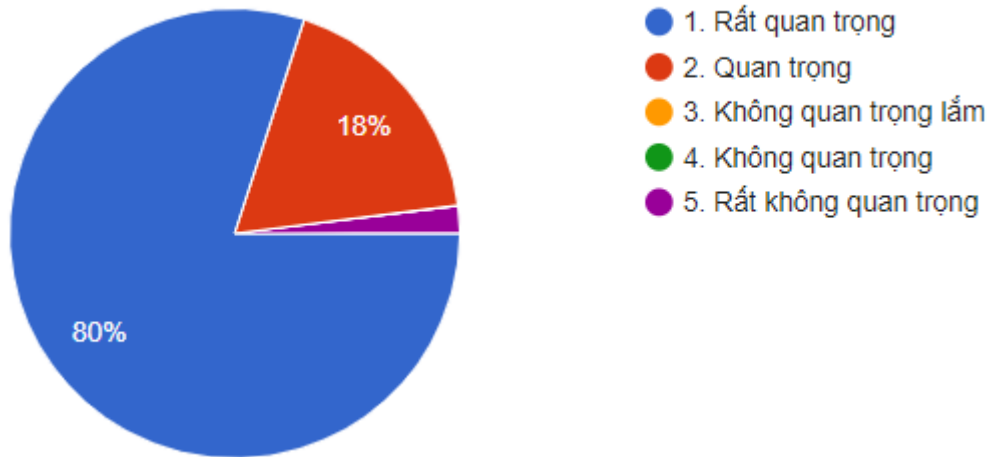
Nghề nghiệp	Số lượng	%
Dưới 5 năm	16	8
Từ 5-10 năm	52	26
Từ 11-20 năm	100	50
Từ 21-30 năm	24	12
Trên 30 năm	4	2
Tổng	200	100

Câu 10: cơ quan công tác

Nghề nghiệp	Số lượng	%
Dưới 5 năm	16	8
Từ 5-10 năm	52	26
Từ 11-20 năm	100	50
Từ 21-30 năm	24	12
Trên 30 năm	4	2
Tổng	200	100

PHẦN B: NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Câu B14: Theo ông/bà việc đánh giá về tầm quan trọng của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân tộc thiểu số khu vực biên giới các tỉnh Tây Bắc hiện nay?



Câu B15: Khi gặp sự việc của cá nhân hoặc gia đình mình đòi hỏi phải có kiến thức, hiểu biết pháp luật người dân tộc thiểu số vùng biên giới, ông/bà thường chọn cách giải quyết nào dưới đây? (chọn 1 phương án)

Nội dung	Số lượng	%
Tự giải quyết theo kinh nghiệm, hiểu biết pháp luật của bản thân	56	28
Nhờ người thân có kiến thức, hiểu biết pháp luật giải quyết	32	16
Đề nghị cán bộ công chức UBND cấp xã đứng ra giải quyết	60	30
Đề nghị các cơ quan chức năng đứng ra giải quyết	44	22
Nhờ luật sư	4	2
Nhờ các tổ chức tôn giáo đứng ra can thiệp và giải quyết	4	2
Tổng	200	100

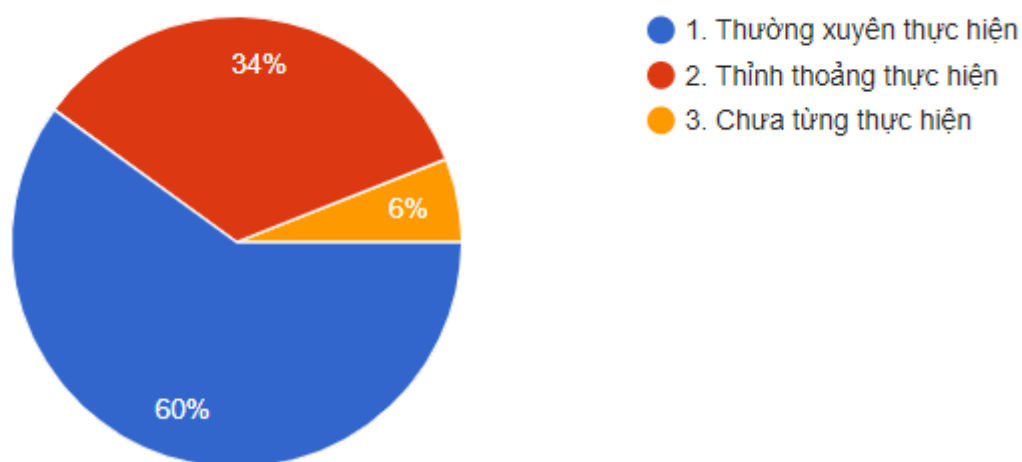
B16. Những sự kiện pháp lý nào ông/bà đã từng gặp và giải quyết liên quan đến nội dung nào dưới đây?

Nội dung	Tỉ lệ %
Mâu thuẫn trong gia đình	48
Mâu thuẫn trong cộng đồng	36
Khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh tế	32
Tranh chấp quyền sử dụng đất đai, nhà ở	50
Khiếu nại về cách giải quyết chưa thỏa đáng của các cấp chính quyền địa phương	14
Tổ cáo các hành vi tiêu cực, tham nhũng	16
Hành vi vi phạm pháp luật của bản thân hoặc người khác	24
Vấn đề liên quan đến giải quyết, xử lý các vấn đề biên giới lãnh thổ	14
Khác	2

Câu B17: Theo ông/bà vai trò cần thiết của kiến thức, hiểu biết pháp luật đối với cuộc sống, công việc của mình và gia đình ?

Nội dung	Số lượng	%
Rất cần thiết	176	88
Cần thiết	24	12
Không cần thiết lắm	0	0
Không cần thiết	0	0
Rất không cần thiết	0	0
Tổng	200	100

B18. Ông/bà đã từng trực tiếp làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc?



Câu B19: Ông/bà cho biết tiêu chí thực hiện các buổi tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc?

Nội dung	Số lượng	%
Tổ chức định kỳ (6 tháng/lần hoặc 1 năm/lần...)	124	62
Chỉ tổ chức khi có văn bản pháp luật mới được ban hành	68	34
Tổ chức theo yêu cầu, đề nghị của đồng bào	36	18
Khác	24	12
Tổng	200	100

Câu B20: Ông/bà cho biết các buổi tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc do ông/bà tham gia do cơ quan nào tổ chức thực hiện?

Nội dung	Số lượng	%
Sở tư pháp tỉnh hoặc sở/ban ngành có liên quan	92	46
Phòng tư pháp huyện hoặc các phòng tương đương có liên quan	72	36
Ủy ban nhân dân cấp xã	112	56
Tổ chức chính trị - xã hội các cấp	76	38
Bộ đội biên phòng	68	34
Khác	28	14
Tổng	200	100

B21. Ông/bà cho biết ai là người trực tiếp thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc?

Nội dung	Số lượng	%
Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh	76	38
Báo cáo viên pháp luật cấp huyện	80	40
Tuyên truyền viên pháp luật	156	78
Bộ đội biên phòng	88	44
Khác	24	12
Tổng	200	100

B22. Theo Ông/bà ghi nhận, đối tượng tham dự các lớp tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc là những đối tượng nào dưới đây? (chọn 1 phương án)

Nội dung	Số lượng	%
Tất cả những người dân có nhu cầu	108	54
Đại diện cho hộ gia đình	24	12
Cán bộ, công chức xã, trưởng thôn, cán bộ tổ chức đoàn thể	56	28
Khác	12	6
Tổng	200	100

Câu B23: Theo ông/bà biết, NỘI DUNG pháp luật nào cần phổ biến cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc là lĩnh vực pháp luật nào? (chọn nhiều phương án)

Nội dung	Số lượng	%
Luật đất đai	160	80
Luật hôn nhân và gia đình	184	92
Luật lao động	124	62
Luật dân sự	124	62
Pháp luật thực hiện dân chủ cơ sở ở cấp xã	128	64
Luật hành chính	80	40
Các văn bản pháp quy của tỉnh/huyện	76	38
Luật Biên giới quốc gia	128	64
Luật bình đẳng giới	144	72
Luật phòng chống bạo lực gia đình	156	78
Luật giao thông đường bộ	148	74
Luật căn cước công dân	124	62
Luật phòng chống ma túy	148	74
khác	16	8

Câu B24: Theo ông/bà biết, PHƯƠNG PHÁP phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc nên sử dụng phương pháp nào thì phù hợp? (chọn nhiều phương án)

Nội dung	Số lượng	%
Thuyết giảng 1 chiều (chủ thể thuyết trình → bà con nghe → tự hiểu → tự ghi chép nếu cần)	76	38
Thảo luận nhóm theo chủ đề pháp luật cần phổ biến	132	66

Phương pháp nêu tình huống (giới thiệu nội dung → nêu tình huống → tạo tranh luận → báo cáo viên điều khiển)	132	66
Khác	20	10
Tổng	200	100

Câu B25: Theo ông/bà biết, HÌNH THỨC phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc sử dụng phương pháp có tính phù hợp cao? (chọn 1 phương án)

Hình thức thực hiện	Mức độ hiệu quả (%)		
	Hiệu quả	Hiệu quả 1 phần	Không hiệu quả
Mở các lớp phổ biến, giáo dục pháp luật đại trà cho số đông bà con tham gia	46	48	6
Phổ biến pháp luật trên các phương tiện truyền thông đại chúng (báo chí, đài phát thanh, Tivi...)	44	48	8
Biên soạn in sách, tài liệu pháp luật bằng giấy dành riêng cho đồng bào phát miễn phí	34	42	24
Xây dựng tủ sách pháp luật tại Ủy ban xã, nhà văn hóa thôn/ấp/bản...	32	44	24
Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo các chủ đề	48	42	10
Tập huấn chuyên sâu theo các chủ đề có tính đặc thù tại vùng biên giới cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, người có uy tín	64	32	2

Câu B22: Theo ông/bà biết, các **HÌNH THỨC** phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc ông bà đã tham dự đã đáp ứng như thế nào so với yêu cầu thực tiễn giải quyết các vấn đề pháp luật trong thực tiễn của cá nhân và gia đình? (chọn 1 phương án)



B23: Theo ông/bà **NGUYÊN NHÂN** nào dẫn đến kết quả **ĐẠT ĐƯỢC** trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc?

Nội dung	Số lượng	%
Cấp ủy đảng chính quyền các cấp quan tâm đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	60	30
Cấp ủy chính quyền, các cơ quan chức năng chỉ đạo sâu sát đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	64	32
Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên tích cực, chuyên môn tốt trong thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	76	38
Đồng bào hiểu được vai trò của kiến thức pháp luật nên chủ động tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật	144	72
Bất đồng ngôn ngữ	112	56
Nội dung pháp luật còn nhiều, phức tạp	92	46
Khác	12	6
Tổng	200	100

B24: Theo ông/bà NGUYỄN NHÂN nào dẫn đến HẠN CHẾ trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc?

Nội dung	Số lượng	%
Cấp ủy đảng chính quyền các cấp chưa quan tâm đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	42	21
Cấp ủy chính quyền, các cơ quan chức năng chưa chỉ đạo sâu sát đến công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	36	18
Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên chưa tích cực, chuyên môn chưa tốt trong thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới Tây Bắc	32	16
Đồng bào chưa chủ động tích cực tham dự các đợt phổ biến, giáo dục pháp luật	116	58
Bất đồng ngôn ngữ	48	24
Nội dung pháp luật còn nhiều, phức tạp	42	21
Tổng	200	100

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của ông/bà?